

CHUYỆN MỘT NGƯỜI LÍNH KHỐ ĐỎ

Tự truyện của Phạm Khải Tri



Phạm Khải Tri

Tiếng ho khục khặc của mẹ tôi làm tôi thức giấc. Cứ mỗi buổi sáng vào khoảng 4 giờ là mẹ tôi lại nổi cơn ho. Nghe mẹ ho, tôi có cảm tưởng đau thắt lên ngực như chính tôi ho nhưng không biết làm sao cho mẹ bớt được. Những lúc này tôi càng giận bố tôi không săn sóc thuốc men chu đáo cho mẹ mặc dầu ông là thầy dạy chữ nho kiêm thầy thuốc nam thường chữa bệnh cho người trong làng. Đã thế, việc nhà ông không bao giờ ngó tới. Tuy vậy, mẹ chưa hề một lần nặng lời với bố tôi.

Bố mẹ tôi sinh được 6 người con (ba trai, ba gái). Tôi là con trai út trong nhà. Chị cả tên Phạm Thị Cả, anh hai tên Phạm Khải Phương, chị ba tên Phạm thị Ngọc, anh tư tên Phạm Khải Đăng, chị năm tên Phạm Thị Kiều. Chị cả, anh hai và chị ba đã có gia đình. Còn anh Đăng, chị Kiều thì chưa.

Anh Phương làm Đội Khố Xanh vốn tính sợ vợ. Đối với bố mẹ và gia đình chồng, chị Phương chẳng coi ai ra gì. Chị là con gái một nhà giàu trong làng. Mẹ tôi nói, chẳng biết tại sao anh Phương lại yêu chị và từ ngày đặt lễ hỏi đến khi cưới phải mất những 7 năm vì gia đình bên ấy đòi hỏi tốn kém quá trong khi gia đình tôi rất nghèo. Mãi đến lúc anh tôi đi lính Khố Xanh rồi làm đến chức trung sĩ thì gia đình bên chị mới chịu gả. Do người vợ dữ dằn quản lý tiền bạc nên anh ấy hằng tháng chu cấp cho bố mẹ chẳng được bao nhiêu.

Anh Đăng cũng vì buồn gia đình nên mới học đến lớp nhì thì nghỉ học và đi vào mỏ than Hồng Gai (Quảng Ninh) tìm việc làm. Chị Cả và chị Ngọc lấy chồng là người trong làng nhưng đều nghèo khó nên chỉ thỉnh thoảng về thăm bố mẹ với ít củ sắn, củ khoai. Chị Kiều hơn tôi hai tuổi nhưng chẳng biết làm ăn gì cả. Thích thì chị đi mót khoai, bắt ốc, còn không thích thì thôi nên chẳng kiếm được bao nhiêu để phụ giúp gia đình.

Mẹ tôi vì bệnh ho nên thân hình gầy còm. Thế mà khi dứt cơn ho, mẹ lại quảy quang gánh xuống bãi biển Vạn Ninh để mua cá về bán tại chợ Móng Cái. Từ nhà tôi đến Vạn Ninh khoảng 15 cây số và từ nhà đến chợ hơn 3 cây số. Như vậy, mỗi ngày cả đi lẫn về, mẹ tôi phải đi bộ gần 40 cây số với hai thúng cá trên vai. Năm 1943, tôi mới 16 tuổi, đã học hết lớp nhì năm thứ hai (Moyen, 2^eme année). Vào dịp hè, tôi quyết định nghỉ học luôn để về phụ gánh cá cho mẹ. Mẹ tôi rất buồn nhưng chẳng biết làm sao. Thoạt đầu tôi chưa quen việc gánh cá và chỉ gánh một vai, đến khi đau vai quá mẹ tôi lại phải gánh tiếp. Được một thời gian, nhận thấy cứ lều đẹo theo mẹ gánh cá ra chợ thì xấu hổ nên tôi không đi nữa. Sau đó, tôi theo những người đi biển cào tôm, câu cá nhưng mỗi chuyến cũng chẳng được là bao. Cuối cùng tôi đi làm phụ lò gạch với đứa cháu tên Duyên, con chị Cả, kém tôi 1 tuổi. Chúng tôi xếp gạch sống vào lò đến khi chín lại bóc ra. Tuy công việc không nặng lắm nhưng cứ phải lom khom, bê gạch suốt ngày nên cũng khá mệt. Tôi từ nhỏ chưa làm việc này nên bàn tay rất đau và rát nhưng cố chịu ít ngày rồi cũng quen. Thời ấy chưa ai đeo găng tay làm việc như bây giờ. Mẹ tôi lúc này khá yếu nên không đi bán cá nữa mà bày ra bán lật vật kẹo bánh, mía chặt khúc trước hiên nhà để kiếm chút ít mắm muối qua ngày.

Thời gian cứ thế trôi qua. Năm 1944, tôi đã 18 tuổi và được biết xã thông báo quân đội Pháp đang tuyển một số lính Khố Đỏ. Thời ấy thanh niên trong làng quan niệm rằng lính Khố Đỏ giá trị hơn lính Khố Xanh. Tôi thấy anh tôi là Đội Khố Xanh trông oai vệ nhưng mỗi khi anh về thăm mẹ, tôi cũng không ưa gì vì anh ấy rất sợ vợ. Phen này, nếu trúng tuyển vào đội quân Khố Đỏ, tôi sẽ hơn anh. Thế là tôi làm đơn tình nguyện theo hướng dẫn của lý trưởng. Kỳ tuyển lựa năm ấy trong làng có 12 thanh niên tham gia nhưng chỉ có anh Nguyễn Văn Dương và tôi trúng tuyển. Tổng cộng số được tuyển mộ là 30 người đến từ những xã của tỉnh Hải Ninh như Đàm Hà, Hà Cối, Vạn Ninh... Chúng tôi chính thức gia nhập đội lính Khố Đỏ kể từ ngày 18 tháng 8 năm 1944. Qua ba tháng thụ huấn thì được nhập vào tiểu đội 2, trung đội 3, đại đội 7, tiểu đoàn 10, sư đoàn 19 Bộ Binh. Tôi vui mừng và hãnh diện với bà con, hàng xóm, bạn bè biết nhường nào. Mỗi chủ nhật, tôi và Dương được phép về thăm nhà từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Khi chúng tôi về, thấy những ánh mắt, nụ cười của người trong làng thật vui vẻ và có phần cảm phục. Mẹ tôi vui mừng lắm khi một tuần được gặp tôi một lần. Thấm thoát đã hơn 4 tháng. Tôi đã lãnh lương 4 lần, mỗi lần được 2 đồng 20 xu. Mỗi tháng tôi chỉ giữ lại 20 xu tiêu vặt, còn bao nhiêu tôi đưa hết cho mẹ. Nhận được tiền của con trai út, mặt mẹ nửa như mừng rỡ, nửa như dăm chiêu suy nghĩ một điều gì. Có lẽ mẹ nhớ tôi trong những ngày tôi vắng nhà. Hơn nữa, tôi lại là con út nên mẹ dành cho tôi nhiều tình thương hơn.

Tháng giêng năm 1945, tình hình không yên ổn. Tiểu đoàn chúng tôi hay đi tập trận ở Hà Cối. Những ngày này tôi nhớ mẹ quá, nhất là về đêm. Dù ban ngày tập trận rất mệt mỏi nhưng về đêm tôi cứ trằn trọc khó ngủ vì nhớ mẹ. Sáng ngày 8 tháng 3 năm 1945, tiểu đoàn tôi được lệnh di chuyển đến Hà Cối cách Móng Cái chừng 30 cây số về hướng tây vì có tin quân Nhật sẽ tấn công thành Móng Cái nên tiểu đoàn phải lên chặn quân Nhật. Lúc đó tôi rất hoang mang. Nhất là nghĩ đến mẹ, bà mà biết tin này thì lo lắng lắm. Tuân lệnh cấp trên và sợ quân Nhật sát hại nên tôi phải ra đi.

Lúc 9 giờ sáng, tiểu đoàn chúng tôi đến đồi trọc cách Hà Cối chừng 5 cây số thì tôi thấy quân Nhật lờ mờ ở ngọn đồi phía trước nhưng không biết ít hay nhiều. Nghe tiếng súng của chúng, tôi cũng sợ quá vì chưa hề đánh trận lần nào. Có lẽ cả đại đội của tôi cũng thế nên khi thấp thoáng thấy bóng quân Nhật thì liền ùn ùn bỏ chạy về phía biên giới Trung Quốc.

Trong khi bỏ chạy, chúng tôi được tin viên trung tá người Pháp, chỉ huy trưởng tiểu đoàn đã bị quân Nhật bắn chết và thi hài đã được chuyển về đồn Tấn Mai. Chúng tôi chạy đến đồn Tấn Mai khoảng 4 giờ chiều thì được biết thi hài trung tá tiểu đoàn trưởng đã được chôn dưới chân đồi. Chúng tôi được lệnh nấu cơm rồi ăn vội vã để vượt qua sông, chạy sang Trung Quốc. Đoàn quân thất thủ, lục đục lội qua thác. Vừa đến Nà Xố khoảng 9 giờ tối thì được lệnh chạy về Phòng Thành thuộc tỉnh Quảng Đông vì được dân chúng báo cho biết quân Nhật đã thấy xuất hiện ở vùng Nà Xố.

Trong hai ngày đêm chạy trốn quân Nhật, tôi quá mệt mỏi và khi dừng chân ở một địa điểm nào là tôi nằm vật xuống ngủ thiếp đi. Rồi khi có lệnh đi, tôi được đồng đội đánh thức và thế là lại lồm cồm đứng dậy uể oải đi theo họ. Thảm hại thay, đoàn quân chiến bại trông xơ xác như một lũ ma trôi vật vờ. Bọn tôi đã khốn khổ lại còn bị đại úy Claude, đại đội trưởng, hành hạ toi bời. Y ngồi trên ngựa chạy ngược chạy xuôi, hề thấy người lính nào có vẻ uể oải thì lập tức y quát roi gân bò vào đầu, vào lưng túi bụi, miệng hò hét những câu tục tĩu. Trong số người bị đánh, tôi cũng bị y đánh hai lần nhưng nhờ có chiếc ba lô trên lưng và đội mũ chào mào bằng da nên không đau lắm. Trong số người Việt lúc ấy có trung sĩ Phạm Văn Đồng là được đại úy Claude nể nang, còn một số đội, cai người Việt khác, đại úy Claude chẳng coi họ ra gì. Vì lẽ thế, bọn lính chúng tôi cũng phải nể nang trung sĩ Đồng. Ông nói gì chúng tôi cũng nghe và coi ông ta như ông thầy của mình. Quả thật hồi ấy tôi chẳng hiểu chính trị là gì và luôn luôn tôn trọng

người Pháp, hơn nữa bản thân tôi lại học trường Pháp từ lúc nhỏ lại càng làm tư tưởng của tôi tôn trọng nước Pháp như nước mẹ của mình!

Trong thời gian đóng quân ở Phòng Thành, chúng tôi thường ra phố chơi. Dân ở đây lúc ấy nghèo khổ lắm nên chúng tôi đến đâu là họ bu lại đề xin xỏ nhưng chúng tôi đâu có gì ngoài bộ quân phục đang mặc! Có nhiều trường hợp họ trắng trợn móc túi chúng tôi, thậm chí có người hỏi xin đạn và súng. Thấy cảnh đạo chơi mà thường bị quấy rầy nên chúng tôi cũng bớt đi nhiều. Thời gian đóng quân ở Phòng Thành thiếu thốn đủ thứ, nhất là xà phòng, do đó chúng tôi bị lũ rận hành hạ ghê gớm. Tôi mặc cái áo bằng len dệt, bọn rận chui vào những kẽ len làm tổ và sinh sôi nảy nở tràn lan. Mỗi lần cởi áo ra phơi nắng thấy rận lúc nhúc như dòi, muốn vứt cái áo đi nhưng vứt rồi lấy gì mà mặc vì lúc ấy tháng ba trời còn lạnh.

Thỉnh thoảng, tôi lên ngọn đồi gần bờ sông để ngắm cảnh và nhìn về hướng quê nhà Móng Cái, lòng buồn tê tái nghĩ đến mẹ tôi. Lúc này bà đang làm gì, có được khoẻ mạnh không, chắc mẹ nhớ tôi lắm và bệnh ho của mẹ chắc ngày càng nặng thêm. Nghĩ đến đó lòng tôi đau như cắt, biết bao giờ mới được về để săn sóc mẹ? Tôi lại nghĩ đến anh Phương, anh Đăng bên ngành Khố Xanh. Sau khi quân Pháp chạy sang Trung quốc, các anh có đi theo không mà đến nay tôi chẳng thấy hai anh ở vùng tôi đóng quân, hay hai anh đã theo đoàn quân nào đi đường khác rồi. Tôi lại nghĩ đến các chị, các cháu ở quê nhà, không biết họ ra sao. Một nỗi buồn vô xé tâm can tôi.

Đại đội tôi đóng quân trên một ngọn đồi trọc, hàng ngày cứ quanh quẩn trong phạm vi doanh trại. Nói là doanh trại chứ thật ra là những lều bạt căng trên đồi chẳng khác nào quân du mục Mông Cổ và hàm hồ đào ngoằn ngoèo để đề phòng máy bay Nhật oanh kích. Tóc chúng tôi người nào cũng mọc khá dài. Tôi được thằng bạn tên Đăng văn Đăng, người Đàm Hà, mách kế là đập mảnh chai vỡ ra rồi lấy cạnh bén cạo trọc đầu. Tôi nghe có lý và cũng vì tiếc tiền nên theo Đăng xuống bờ sông. Chúng tôi tìm mãi mới thấy một cái lọ thuỷ tinh sứ miệng nằm trên mép nước. Thế là chúng tôi có đủ dụng cụ để cạo đầu. Đàng rửa sạch chai, đập vỡ ra, cầm một mảnh có cạnh sắc và bảo tôi nhúng đầu xuống nước cho ướt. Ban đầu tôi còn ngần ngại nhưng một phút quyết định, tôi nhúng đầu xuống nước cho ướt rồi cúi xuống cho nó cạo. Tôi cảm thấy cạnh sắc của mảnh chai lướt trên da đầu ngọt sớt không đau đớn gì cả. Chỉ chừng 5 phút sau, nó đã cạo sạch tóc tôi. Sau đó, tôi cởi quần dài nhảy ùm xuống nước. Chao ôi! lúc này tôi mới cảm thấy da đầu sao đau rát quá. Tôi lấy tay chà lên đầu thật mạnh thì thấy đỡ rất và chỉ một lúc sau, tôi thấy dễ chịu. Tôi lội lên bờ và bảo Đăng nhúng đầu xuống nước cho ướt rồi bắt chước nó lấy cạnh bén của mảnh chai và cạo cho nó. Nó cúi đầu một cách bạo dạn không như tôi rụt rè lúc trước. Tôi cảm mảnh chai có cạnh bén, run run tay khẽ cạo sớt trên đầu nó, mấy sợi tóc con rơi lá tả.

Nó nói :

-Mày đừng sợ cứ cạo mạnh lên.

Nghe vậy, tôi bình tĩnh và vững tay cạo một đường thẳng từ đỉnh đầu đến chân tóc, đường cạo ngọt sớt. Thế là chỉ chừng 5 phút, tôi cũng đã cạo sạch tóc cho nó. Sau đó nó cũng nhảy xuống nước rồi trôi đầu lên lấy tay xoa xoa lên đầu. Tôi biết nó cũng rất như tôi. Thấy mặt nó nhăn như mặt khi, tôi buồn cười hỏi :

-Có rất không ?

Nó gật đầu nói :

-Rất bỏ mẹ!

Khi về đến doanh trại, Đăng lấy cái gương nhỏ ra soi. Tôi cũng nhìn vào, thấy mình chẳng khác nào một chú tiều. Ngay ngày hôm sau, bọn lính người Việt bắt chước cạo đầu bằng mảnh chai. Một số cai đội và mấy người Pháp thì ra thị trấn Phòng Thành hớt tóc.

Trong thời gian ở Phòng Thành cũng có nhiều chuyện buồn cười. Đại đội tôi có trung sĩ Pháp Hurbert, ông này nghiện rượu và thuốc lá nặng, lúc nào mặt cũng đỏ gay và miệng ngậm ống pipe. Hurbert bị đại đội trưởng Claude ghét lắm. Một hôm uống rượu quá say, bỏ bê công việc, khi tỉnh lại bị đại đội trưởng bắt chống tay hít đất 50 lần và vác bao cát nặng 20 kg chạy 20 vòng xung quanh sân cột cờ trong doanh trại. Ông ta chỉ chạy được 6 vòng thì lết hết nổi và nằm vật xuống đất thở phì phò. Vậy mà đại đội trưởng vẫn không tha, bắt ông trung sĩ này vừa ôm bao cát vừa bò đến gần 11 giờ trưa thì mới đủ 20 vòng. Chiều hôm ấy hẳn bỏ ăn và ngủ mãi đến gần tối mới dậy nổi. Kể từ đây viên đội này không dám say xin nữa !

Một buổi sáng lúc 4 giờ, đại đội chúng tôi được lệnh rút quân lên dãy đồi phía đông bắc Phòng Thành chừng 10 cây số để tránh né quân Nhật vì được tin quân Nhật từ vùng Tứ Xuyên tràn xuống Quảng Đông, có thể đi qua Phòng Thành. Chúng tôi còn cách dãy đồi chừng 2 cây số thì thấy thấp thoáng một số quân Nhật ở phía đồi đằng trước, đại đội vội vàng chạy lên dãy đồi phía phải. Ngay lập tức, tiếng rít của 4 quả đạn pháo bay ngang qua đầu và nổ trên ngọn đồi. Tôi hốt hoảng nằm lẩn xuống đất. May thay, chỗ tôi nằm là một mô đất nhỏ. Ngay lúc ấy, chuẩn úy Campagnola, trung đội trưởng, cũng nằm lẩn xuống chỗ tôi. Chờ một lúc không nghe tiếng nổ nữa, tôi lồm cồm ngồi dậy thì thấy chuẩn úy Campagnola cũng lóp ngóp ngồi dậy, mặt mũi lão dính đầy đất đỏ. Hóa ra lão chuẩn úy này cũng nhát như tôi ! Thế là chúng tôi mạnh ai nấy chạy về hướng tây nam chừng 4 cây số thì trụ lại dưới chân một ngọn núi trọc. Trận tháo chạy này, tôi đã bỏ mất một túi vải đựng 3 kg gạo, về sau bị trừ vào tiền lương. Đại đội đóng dưới chân núi một ngày rồi được lệnh di chuyển về hướng Tứ Xuyên, đường đi phải qua dãy Thập Vạn Đại Sơn. Chao ơi ! Thập Vạn Đại Sơn thật là khủng khiếp, và tôi còn nhớ 2 câu thơ của ai đó : “Than ôi, đường lên núi khó hơn đường lên trời, quay đầu về tây mà ngậm ngùi...”.

Lúc này tôi bị sốt rét hành hạ. Cứ mỗi chiều vào khoảng 4 giờ thì tôi lên cơn sốt và dứt cơn sốt lại rét kinh khủng. Có hai bộ quần phục để thay đổi tôi đều mặc hết vào người nhưng rét vẫn rét, rét như từ xương rét ra. Thật là cả một sự chịu đựng cực khổ. Cơn sốt đúng cỡ nó hành hạ tôi một tuần lễ, thân hình rời rã, nước da vàng vọt trông thật thảm hại. Trong trung đội có anh Nguyễn Văn Viễn làm cận vệ cho chuẩn úy Campagnola thấy tôi quá bị đát nên chạnh lòng thương, lấy bớt 4 viên quinine vàng dặn tôi uống ngày một viên trước cơn sốt nửa giờ. Thật may mắn, tôi uống hết 4 viên thuốc ấy thì bệnh thuyên giảm. Có lẽ từ nhỏ tôi chưa uống thuốc bao giờ nên mới hiệu nghiệm như vậy. Hồi phục sức khỏe trong 2 tuần lễ, tôi thâm cảm ơn anh Viễn và coi anh như một ân nhân.

Nói về leo núi dãy Thập Vạn Đại Sơn, tôi không thể nào biết nổi có bao nhiêu ngọn núi. Đại đội tôi cứ leo mãi, leo mãi, ròng rã suốt hai ngày. Cứ nghĩ sẽ leo lên ngọn núi phía trước là hết nhưng không ngờ cứ leo lên đỉnh núi phía trước thì phía trước nữa lại có ngọn núi khác sừng sững trước mặt. Cuối cùng, chúng tôi cũng đến một ngọn đồi. Đồi này thoải thoải, có diện tích chừng nửa cây số vuông, dưới chân đồi là suối nước trong vắt chảy ngoằn ngoèo về phía đông nam. Đại đội trưởng cho đóng quân ở đây. Tôi mừng thầm, nghĩ rằng sẽ được nghỉ ngơi ít ngày nhưng chỉ được chừng nửa ngày, chúng tôi được lệnh đi chặt tre, lá, mây, cây rừng về làm doanh trại. Chúng tôi được chia làm 3 tốp : tốp làm nhà, tốp làm công sự chiến đấu, tốp chặt tre, mây, cây rừng. Tôi ở tốp chặt cây nên có phần nặng hơn vì phải vác cây treo ngược lên núi. Theo lời trung sĩ Đồng nói cho biết, đại đội đóng ở đây để chờ quân đồng minh giải giới quân Nhật thì sẽ trở về Việt Nam. Được tin này mọi người náo nức vui mừng và không nề gian khổ, cứ quần quật không biết mệt mỏi để chờ đợi ngày về. Tôi cũng vui mừng lắm. Nghĩ đến ngày về sẽ được gặp lại mẹ tôi và các người thân trong gia đình thì hạnh phúc biết chừng nào. Tóc tôi lúc này đã mọc hơi dài nếu mẹ tôi thấy chắc là thích lắm. Nhiều suy nghĩ vẫn vơ làm tôi khó ngủ nhiều đêm.

Sau khi công việc làm doanh trại xong, chúng tôi được rảnh rỗi thường lẩn la theo ven

suối để ngắm cảnh núi rừng. Một hôm đến làng người Mán bên bờ suối cách doanh trại chừng 3 cây số, tôi ngạc nhiên khi gặp một gia đình người Mán gồm hai vợ chồng và một đứa con gái nhỏ ở trong một căn nhà sàn làm bằng tre và cây rừng. Tôi không biết tiếng Mán nhưng người chồng biết và nói chuyện với tôi bằng tiếng Quảng Đông. Theo lời người chồng thì họ đã ở đây lâu lắm rồi, từ đời ông bà cha mẹ họ còn sống. Công việc làm ăn sinh sống của họ là bẫy thú rừng, bắt cá, lấy măng, lấy nấm rồi mỗi tháng một lần, gửi xuống chợ Nà Xô hay Phòng Thành để bán hoặc đổi lấy dầu hỏa, muối và các vật dụng khác. Họ cũng trồng được lúa và các hoa màu khác như bắp, đậu... nhưng không nhiều, chỉ đủ dùng cho gia đình. Chuyện này làm tôi suy nghĩ. Cuộc sống của họ như vậy thật đơn giản, chẳng phải lo toan gì, sau này về Việt Nam nếu có cơ hội, tôi sẽ đưa mẹ tôi lên ở một góc rừng nào đó, chẳng hạn như rừng vùng Tấn Mài đất cát bao la. Tôi và mẹ sẽ bắt chước làm ăn như vợ chồng người Mán này có lẽ tốt hơn. Hơn nữa, từ Tấn Mài về Móng Cáy chẳng bao xa, chừng 30 cây số và đường đi thuận tiện.

Do sự giới thiệu của anh Viễn, chuẩn úy Campagnola biết tôi nói được tiếng Quảng Đông nên ông lân la đến hỏi chuyện. Lần đầu tiên trực tiếp nói chuyện với người Pháp nên tôi khá ấp úng. Ông Campagnola nói :

-Anh đừng sợ, cứ thông thả mà nói.

Ông hỏi tôi về quê quán và sự học hành trước ngày gia nhập quân đội Pháp. Tôi chậm rãi trả lời. Tôi cũng cho ông biết tôi nói được tiếng Quảng Đông vì tôi là người Móng Cáy nên đã tiếp xúc nhiều với người Quảng Đông từ khi còn nhỏ. Nghe vậy ông gật gù nhìn tôi có vẻ thiện cảm. Sau bữa cơm trưa hôm ấy ông gọi tôi đến và đưa cho một khẩu súng Carbine gọn nhẹ hơn khẩu súng trường Mousqueton dài lê thê của tôi khi trước. Ông chỉ định tôi làm cận vệ và thông dịch tiếng Quảng Đông khi ông tiếp xúc với người Trung Quốc. Còn anh Viễn vẫn làm cận vệ nhưng chỉ săn sóc ông ta trong việc ăn uống và làm việc lật vật. Kể từ ngày ấy, tôi khỏi phải đeo túi vải đựng gạo, chỉ đeo ba lô đựng quần phục và đồ riêng của tôi. Tôi bị anh Viễn mắng yêu :

-Chú mày nói tiếng Pháp giỏi mà dấu không nói.

Tôi nói là tôi chỉ nói được ít tiếng Pháp thông thường chứ chưa giỏi đâu. Có lẽ anh Viễn nói tiếng Pháp theo kiểu tiếng bồi nên thấy tôi nói với ông Campagnola như vậy thì cho là giỏi ! Tuy vậy tôi vẫn kính trọng anh và nhớ ơn anh nhiều. Nếu không có anh thương tôi cho 4 viên thuốc quinine trừ sốt rét liệu tôi có qua được không ? Ôn này tôi chẳng bao giờ quên. Do đó, mỗi khi Campanola sai bảo anh làm việc như : quét dọn, mắc màn, làm giường cho ông tôi cũng đều giúp. Tình anh em giữa tôi và anh Viễn ngày càng thắm thiết vì thế Campagnola cũng tỏ ra dễ chịu với anh Viễn. Ngoài anh Viễn ra còn có anh Hàm hơn tôi 4 tuổi. Anh này có bàn tay khéo léo như : sửa giày, đèn pile, bút máy, vá quần áo...nên cũng được nhập vào toán cận vệ. Anh Hàm được giao cho một cái ba lô đựng đồ riêng của Campagnola. Đối với tôi, anh cũng có cảm tình. Từ ngày tôi được chuẩn úy Campagnola tin dùng, các bạn trong đơn vị cũng tỏ vẻ nể nang. Tuy vậy tôi rất khiêm nhường và xem các bạn như anh của mình vì tôi là người nhỏ tuổi nhất trong đơn vị. Do đó tôi chẳng bị bạn nào oán giận hay ghen ghét.

Ngày ở chân núi Thập Vạn Đại Sơn tôi thấy nhiều việc lạ mà tôi không ngờ. Những khi đi theo Campagnola vào những hang động cách đơn vị chừng 3-4 cây số, tôi thấy có nhiều lúa dự trữ trong đó. Trong những hang động gần nhà người Mán, tôi thấy có cả nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Nhà thờ làm sơ sài bằng tre mây, lợp lá và nhiều đá cục xếp thành sân nhà thờ để con chiên ngồi. Tôi có hỏi Campagnola việc này thì ông nói những thóc chứa trong hang động là do ông linh mục cho các con chiên đi mua ở những nơi khác đem về rồi cất dấu vào hang, khi nào quân Pháp tới sẽ có gạo ăn. Ông dặn tôi đừng cho ai biết. Hôm ấy tôi vào nhà thờ thì gặp ông linh mục người Pháp khoảng trên 50 tuổi, thân hình to cao, nước da tái mét, bộ râu bó cầm vàng hoe, trông có vẻ thông thái và lạnh lợi. Hai ông nói chuyện với nhau về sự sinh hoạt của nhà thờ và các con

chiên trong vùng. Tôi đứng cách hai ông một khoảng hơi xa và hai ông nói rất khẽ nên tôi nghe câu được câu không. Hôm sau, tôi lại đi theo Campagnola đến nhà thờ. Lần này đại đội cho 10 người đi theo để vác thóc rồi sau đó xuống nhà các người Mán nhờ cối giã thành gạo mới đem về. Số thóc này cất giấu trong hang đã lâu nên bị chuột ăn gần hết một nửa. Tôi chỉ thấy vậy nhưng không dám hỏi nhiều vì sợ Campagnola cho là tọc mạch.

Chúng tôi ở trên dãy Thập Vạn Đại Sơn hơn một tháng và cũng nhờ có số lúa dự trữ ấy nên đại đội tôi mới có cơm ăn. Sau này tôi mới biết những ông linh mục ở nơi đèo heo hút gió như vậy có thể là gián điệp cho Pháp mà Việt Minh tuyên truyền không phải là ngoại. Dù sao tôi cũng cảm phục các ông linh mục. Không hiểu sao họ lại kiên nhẫn như vậy, đã đến những nơi khi họ cò gáy và chung sống với người Mán rồi sau đó lại thuyết phục được họ lập nhà thờ và theo đạo làm con chiên. Quả là một quá trình gay go không tài nào hiểu nổi.

Một chiều vào trung tuần tháng 8 năm 1945, đại đội tôi được lệnh sáng hôm sau sẽ rút quân về Phòng Thành để chờ ngày về Việt Nam. Được tin này, mọi người đều vui mừng vô cùng. Đêm hôm đó, tôi cứ mơ màng trong niềm vui khó tả, mong cho chóng sáng để ngày mai xuống núi về Phòng Thành. Tôi đinh ninh về Việt Nam tất là về Móng Cáy, tôi sẽ được gặp mẹ nơi quê nhà mà trong thời gian qua bà đã mãi mòn nhớ thương tôi. Tôi ước mong khi trở về, mẹ đã hết ho để những tiếng ho của mẹ đã xé lòng tôi ngày nào nay không còn nữa. Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm lúc trời còn hơi lạnh và sương mù dày đặc, dù vậy tôi vẫn chạy ra sân tung tăng như một đứa trẻ con trong niềm vui tràn trề. Được chừng nửa giờ sau thì tiếng kèn đánh thức của đại đội vang lừng trong hơi sương. Tôi nghe âm thanh của tiếng kèn sáng hôm nay có phần vui vẻ hùng tráng hơn những ngày âm đạm xưa. Tim tôi rạo rức và tôi khua tay chân vài động tác như nhảy múa theo điệu nhạc của tiếng kèn. Chắc chắn mọi người trong đại đội cũng vui mừng háo hức như tôi nhưng tôi không trông thấy họ mà thôi. Chúng tôi được nhà bếp cho ăn cháo sớm và phát cho mỗi người một nắm cơm với ít cá khô để ăn buổi trưa. Đơn vị thu dọn lều trại xong và được lệnh của đại đội trưởng không được vứt bừa bãi rác rưởi trong doanh trại, các hầm xí phải lấp hết. Tôi thầm nghĩ quân đội Pháp có lối sống văn minh khá cao. Chúng tôi rời doanh trại vào lúc 8 giờ và thứ tự hàng một xuống dốc hướng về Phòng Thành. Đi đầu là trung đội 1, kế tiếp là 4 con lừa chở giàn đại liên và súng cối, sau đó là trung đội 2,3. Tôi ở trung đội 2, đi sau ông Campagnola và ở trong toán cận vệ. Nét mặt mọi người đều tỏ vẻ hân hoan và đoàn quân đi trông có vẻ hùng tráng lắm, không có xơ xác như ngày chạy trốn quân Nhật. Đại úy Claude ngồi trên lưng ngựa với cây roi gân bò, mắt đeo kính trắng, bộ râu bó cằm trông oai vệ như một võ tướng đời trung cổ. Từ ngày lão ta đưa đoàn quân đến trốn trên dãy Thập Vạn Đại Sơn, tính tình cũng đổi khác. Lão ít la hét như trước và không thấy đánh đập hành hạ binh sĩ dưới quyền nữa. Có lẽ lão ta đã tỉnh ngộ trong cảnh bại trận lưu lạc xứ người. Tuy vậy, tôi vẫn ghét cay ghét đắng khi nghĩ đến cái roi gân bò mà lão đã phủ phàng nện lên lưng, lên đầu các binh sĩ Việt Nam dưới quyền trong đó có tôi. Nói thật ra, tôi thù ghét lão, mong cho lão khi về Việt Nam sẽ đổi đi đơn vị khác để tôi khỏi phải nhìn thấy mặt lão nữa. Tôi so sánh, cũng là người Pháp mà Campagnola lại lịch sự và nhân từ như thế, còn lão lại có vẻ lỗ mãng, vũ phu. Tôi suy nghĩ lung tung chuyện này chuyện nọ, thỉnh thoảng quay nhìn lại doanh trại dưới chân dãy Thập Vạn Đại Sơn hùng vĩ, nơi đây đã lưu lại cho tôi rất nhiều kỷ niệm vui buồn. Thật là tuyệt vời. Thế là xong những ngày gian khổ khi trên vai nặng trĩu súng đạn, quân trang, lương thực và một tâm trạng lo lắng, bồn chồn, chẳng biết bao giờ mới được trở về. Bây giờ tôi như vừa được đổi đời với khẩu Carbine gọn nhẹ và một ba lô cũng nhẹ, thông dong xuống dốc như người đi du lịch.

Tôi đi sau chuẩn úy Campagnola. Thỉnh thoảng, ông quay lại hỏi tôi vài câu và tôi thấy ông cũng tỏ vẻ vui mừng được quay về Phòng Thành. Tôi nhận thấy càng ngày ông càng có cảm tình với tôi bằng những câu nói bông đùa. Những tiếng lóng của người Pháp hay dùng ông cũng

giải thích cho tôi biết. Nhờ vậy tiếng Pháp của tôi ngày càng khá hơn.

Sau hai ngày xuống dốc, đại đội tôi về đến Phòng Thành. Phòng Thành bây giờ có vẻ sầm uất hơn trước. Dọc hai bên đường, chúng tôi đi ngang qua nào là quán xá, chợ búa, dân chúng tụ tập mua bán vui vẻ. Họ nhìn chúng tôi với ánh mắt thiện cảm. Đại đội tôi đóng quân trong khuôn viên một ngôi chùa. Tôi và anh Viễn được nằm trên một cái phản gỗ bên cạnh cái giường vải bố của Campagnola, còn các bạn khác thì nằm rải rác dưới nền gạch. Đại úy Claude và bộ tham mưu của ông, trong đó có trung sĩ Đồng thì nằm ngang giữa chùa dưới chân các pho tượng. Tôi chỉ ngó qua thôi chứ đâu có dám nhìn lâu vì lúc nào tôi cũng sợ đại úy Claude nổi nóng lấy roi gân bò nện vào lưng thì khổ ! Ngày hôm sau, chúng tôi được lãnh lương và truy lĩnh số tiền tính từ ngày rời khỏi Móng Cáy. Lần này chúng tôi được lãnh bằng tiền quan kim của Trung Hoa Dân Quốc. Tôi vui mừng biết bao khi cầm trong tay hơn năm trăm đồng quan kim mới cáu. Nhất định không ăn xài gì để dành khi nào về đến Móng Cáy sẽ đưa hết cho mẹ tôi. Anh Viễn và các bạn khác khi lãnh lương xong rủ tôi ra phố chơi. Tôi đi theo và thấy các anh ấy mua những đồ lặt vặt như bóp đựng tiền, dao cạo râu ... Tôi đắn đo mãi mới mua được cái bút máy hiệu Pilot, một tập vở và một cái nhíp nhỏ râu bằng số tiền quan kim lẻ. Các bạn lại rủ tôi vào quán ăn phở, tôi từ chối vì thấy không đói. Hơn nữa, từ nhỏ tới giờ tôi chưa vào quán ăn uống bao giờ nên tôi thấy ngại.

Anh Ngân nhìn tôi cười và nói :

- Thăng “Mây Cáng” nó không biết ăn gì đâu, chỉ biết ăn cháo thôi!

“Mây Cáng“, tiếng Quảng Đông là nước cháo, các bạn thường trêu ghẹo tôi như thế. Nghe anh Ngân nói các bạn cười ồ, tôi cũng ngượng nhưng cũng cười theo vì chẳng biết làm sao.

Trong thời gian đóng quân ở Phòng Thành để chờ về Móng Cáy, chúng tôi được ra phố rong chơi nhưng chỉ đi được một nửa quân số, một nửa phải ở lại giữ trại. Tôi thấy phần đông các bạn đều muốn ra phố chơi và ăn uống lặt vặt. Sau đó trở về, một số còn bày ra đánh xóc đĩa. Tôi chỉ ngồi xem chứ không đánh. Tôi không hiểu tại sao các anh kia lại phung phí như thế. Trong số bạn bè có anh Ngân là hăng nhất và cũng là người hay tổ chức đánh xóc đĩa nhất. Thua hết, anh hay hỏi tôi mượn nhưng tôi nhất định không cho. Anh quay ra hỏi mượn những bạn khác nhưng cũng chẳng ai cho anh mượn cả. Thế là anh ngồi co ro rồi xúi người này, người nọ đánh chẵn đánh lẻ. Hễ ai nghe anh mà trúng được một ván thì anh xin ít tiền lẻ như là mình có công chỉ dẫn. Nhưng cuối cùng cũng nướng hết, không còn một xu. Thấy mà chán cho anh ta !

Vào một buổi chiều, chúng tôi sửa soạn ăn tối thì anh Thú báo cho biết :

- Có một ông già hỏi thăm mày còn đứng ngoài cửa.

Tôi nghĩ bụng có thể là bố tôi. Tôi vội vàng chạy ra cổng thì đúng là bố tôi đang lóng ngóng ở đấy. Tôi chạy ngay đến ôm chầm lấy bố, nước mắt tôi tự nhiên trào ra. Tôi nấc lên và hỏi :

- Bố đi có mệt không ? Bố đi từ bao giờ mà giờ này mới tới đây ?

Bố tôi nói :

- Đi từ sáng sớm, qua Đông Hưng rồi thẳng đường đến đây.

Tôi hỏi :

- Có xa không ?

Bố bảo :

- Chừng 60 cây số.

Tôi nghĩ bố tôi còn khoẻ lắm nên mới đi được như vậy. Tôi hỏi :

- Mẹ ở nhà có khoẻ không và bệnh ho hết chưa ?

Bố tôi lưỡng lự một lúc rồi nói :

- Bệnh ho của mẹ con chưa hết, bà còn yếu lắm.

Nghe vậy tôi rất buồn và thương mẹ rất nhiều. Sao cái bịnh quái ác ấy cứ hành hạ mẹ mãi ? Tôi lại hỏi :

- Sao bố biết con ở đây ?

Bố nói :

- Nghe dân chúng trong làng nói quân đội Pháp đóng quân ở Phòng Thành, bố nghĩ có thể con có ở đây, mẹ con đục bỏ phải đi ngay xem sao. Vả lại, đường từ Móng Cáy đến Phòng Thành ngày trước bố đã đi nhiều lần rồi nên không ngại gì cả.

Thấy bố có vẻ mệt mỏi, tôi vội đưa ông vào chùa và trình diện chuẩn úy Campagnola. Campagnola tỏ ra quý mến bố tôi và hỏi thăm tình hình dân chúng ở Móng Cáy ra sao. Qua sự thông ngôn của tôi, bố tôi cho biết hiện nay dân chúng ở Móng Cáy làm ăn rất khó khăn vì thường hay bị quân thổ phi quấy phá, cướp bóc nên ai cũng muốn quân đội Pháp mau trở lại để dân chúng được yên ổn làm ăn.

Campagnola hỏi :

- Thổ phi là ai ?

Bố tôi đáp :

- Chẳng biết là ai nhưng họ có nhiều súng đạn.

Bố tôi còn nói, hiện nay Vũ Kim Thành chỉ huy Quốc Dân Đảng chiếm đóng Móng Cáy, tuy vậy cũng không làm gì được bọn thổ phi vì bọn này thường xuất hiện về ban đêm ở các thôn ấp cách xa thị trấn Móng Cáy. Theo bố tôi cho biết, ông từ xã Ninh Dương lội qua thác sang Đông Hưng từ 6 giờ sáng và đi theo đường về Phòng Thành. Con đường cũng dễ đi và chẳng gặp ai quấy rầy gì cả. Lúc này tôi ngắm kỹ bố tôi thì thấy ông gầy đi nhiều, nước da đen sạm, mình mặc cái lượn dài màu đen đã vá vài chỗ ở bả vai và một cái quần màu cháo lòng- bộ đồ bố tôi thường mặc khi ông ra khỏi nhà, chân đi đất, đầu tóc bạc phơ. Nghèo đói như thế này còn ai mà quấy rầy làm gì ! Thật tình, tôi không thương bố tôi lắm vì ông đã bỏ bê mẹ con tôi từ lâu. Nhưng thấy bố lận lội đi tìm như vậy làm tôi xúc động, nên những oán trách trong lòng từ trước tôi đều bỏ qua và thương bố vô cùng.

Sau khi hỏi thăm tin tức, Campagnola bắt tay từ giã và tặng bố tôi 20 quan kim. Tôi cảm động và ngỏ lời cảm ơn ông. Kế đó, tôi đưa bố xuống bờ sông Phòng Thành tắm rửa rồi lại đưa bố về chùa. Tôi lấy phần cơm của mình và anh Viễn cũng lấy phần cơm của anh đến ăn chung với bố con tôi. Tôi nói với bố là nếu không có anh Viễn giúp đỡ cho Kinin vàng uống khi bị sốt rét ở Thập Vạn Đại Sơn thì không biết có còn sống đến bây giờ không. Bố tôi có vẻ cảm động, cảm ơn anh và nhờ anh giúp đỡ tôi sau này nữa. Anh Viễn cũng cảm động nghe bố tôi nói như thế.

Anh nói :

- Thật tình, cháu coi chú Tri như người em ruột.

Đêm hôm ấy, bố con tôi ngủ trên phản còn anh Viễn thì xuống ngủ với anh Ngân. Tôi hỏi bố về anh Phương, anh Đăng ra sao. Bố nói :

- Khi quân Nhật đến Móng Cáy thì đã bắt anh Phương đi rồi. Đến nay chẳng có tin tức gì cả. Còn anh Đăng khi Nhật đến đã trốn về Quảng Yên. Nghe nói theo Việt Minh nhưng cũng không có tin tức gì thêm từ ấy đến giờ.

Tôi hỏi bố :

- Việt Minh là gì?

Bố đáp vắn tắt :

-Bố cũng không biết, chỉ nghe người ta nói như thế.

Tôi thật hoang mang khi nghe bố nói như vậy và không biết bây giờ hai người anh của tôi ở đâu. Anh Đăng còn độc thân thì không nói làm gì, còn anh Phương thì đồng con thì các

cháu sẽ sống ra sao? Tôi hỏi việc này thì bố chỉ lắc đầu không nói gì nữa. Sáng hôm sau tôi đưa bố ra phố. Ông dẫn tôi vào một quán phở. Biết bố thèm ăn phở lắm nên tôi bảo bố muốn ăn gì thì ăn. Bố tôi kêu chủ quán làm hai bát phở. Lần đầu tiên tôi được ăn phở nấu với thịt lợn thật ngon. Sau khi ăn xong, bố con tôi đi rong chơi lần quần trong phố, xem người ta mua bán cũng vui. Bố tôi ở chơi một ngày và chiều hôm đó, bố tôi bảo sáng mai sẽ về Ninh Dương để báo tin cho mẹ tôi biết. Tôi cũng nghĩ như thế. Tôi đến báo cáo cho ông Campagnola biết. Ông liền đến bắt tay và chúc bố tôi đi đường được bình yên. Anh Viễn và các bạn trong trung đội cũng đến chào và chúc sức khoẻ bố tôi. Tôi thật cảm động trước sự lễ phép của họ. Sau đó tôi đưa bố 500 quan kim, chỉ chừa lại ít tiền lẻ, để bố cầm về cho mẹ. Sợ bố mệt, mai còn phải đi hơn 60 cây số nữa về Móng Cáy, sau khi ăn xong tôi bảo bố đi ngủ sớm. Chỉ chừng vài phút sau đã nghe tiếng ngáy của ông làm tôi hơi ngượng với các bạn nhưng cũng mừng vì biết bố còn khoẻ nhiều.

Sáng hôm sau khoảng 5 giờ, bố tôi đã dậy và đánh thức tôi trong khi tôi còn ngủ lơ mơ vì suốt đêm hôm ấy tôi suy nghĩ lan man về hoàn cảnh gia đình và cuộc hành trình quay về của bố ngày mai. Cầu mong bố trên đường về đến nhà đừng gặp gì trở ngại để số tiền tôi gửi về đến tay mẹ tôi. Do đó, tôi cứ trần trọc hoài cộng với tiếng ngáy phỉ phò của bố nằm bên cạnh lại càng làm khó ngủ thêm. Hình như tôi chỉ chợp đi một chút thì bố tôi đã đánh thức tôi dậy. Sợ làm phiền các bạn khác, tôi nói khẽ với bố :

- Sửa soạn xong bố và con đi nhẹ nhàng ra cổng.

Không ngờ khi tôi và bố ra gần cổng thì anh Viễn tắt tả chạy theo để tiễn bố tôi đi. Lúc này, tôi không cầm được nước mắt và ôm chầm lấy bố và bảo :

- Bố đi cẩn thận, về đến nhà nhớ nói cho mẹ biết.

Bố nói :

- Thôi con trở lại đi, bố sẽ liệu mà đi. Yên chí, con đường này bố đã quen rồi.

Anh Viễn nói :

- Thôi em đừng khóc nữa để bố đi cho yên trí, như vậy là tốt rồi.

Tôi cũng nghĩ như vậy nhưng bản tính tôi hay mau nước mắt. Hơn nữa, thấy bố đầu râu bạc phơ lại phải lặn lội đến đây tìm tôi và cuộc chia tay này biết bao giờ gặp lại thì làm sao tôi ngăn được ? Bố tôi từ từ đi ra đường cái. Tôi thần thờ nhìn theo bóng bố tôi xa dần, lặn vào ánh bình minh mờ mờ hơi sương. Tôi giật mình khi nghe anh Viễn nói và đập bàn tay lên vai tôi :

- Về đi em.

Tôi lúi thủi theo anh vào chùa với một nỗi buồn khó tả.

Một tuần lễ sau, đại đội tôi được lệnh chuyển đi nơi khác. Tôi hỏi Campagnola :

- Đại đội sẽ đi đâu ?

Ông nói :

- Sẽ đi ra đảo Cô Tô thuộc hải phận Việt Nam bằng thuyền.

- Tôi chẳng biết Cô Tô là đâu, có gần Móng Cáy không?

- Xa Móng Cáy lắm.

Nghe vậy tôi buồn làm sao, vì không thể gặp mẹ tôi được .

Ngày hôm sau, toàn thể đại đội lên 3 chiếc thuyền lớn. Mỗi chiếc có hai cột buồm, từ bến Phòng Thành đi dần ra biển. Ra khỏi cửa sông chừng 50 thước, cả 3 thuyền đều kéo buồm lên chạy về hướng đông nam. Lúc này gió tây nam khá mạnh nên thuyền phải chạy vạt theo hình chữ chi, lướt trên những ngọn sóng to, bập bênh trôi lên hụp xuống. Một số bạn trong đại đội không chịu được sóng đã ói mửa, riêng tôi cũng thấy chóng mặt nhưng cố gắng chịu đựng, chừng một giờ sau thì cũng quen. Chúng tôi đến đảo Cô Tô khoảng 4 giờ chiều, lục đục xuống thuyền và đi bộ về hướng núi Cô Tô cách đó chừng 4 cây số. Núi Cô Tô cao chừng 50 thước so với mặt biển, trên núi đã có thành trì và doanh trại của lính Khố Xanh cũ. Chúng tôi lên núi đồn trú ở đấy để

chờ di chuyển đi nơi khác. Những ngày ở Cô Tô các bạn tôi đều phải làm tạp dịch như quét dọn, làm cỏ, đào công sự chiến đấu. Tôi không hiểu đào công sự để làm gì vì quân Nhật đã đầu hàng rồi còn sợ gì nữa. Tôi hỏi Campagnola, ông nói quân đội là phải thế. Tôi và anh Viễn được miễn, không phải đào công sự. Đã thế, ông còn cho phép chúng tôi tự do xuống chơi ở ven biển hoặc các thôn xóm quanh chân núi. Ở đây rải rác có một số nhà ở ven biển dựa theo chân núi. Tất cả đều là người Hoa, họ sinh sống bằng nghề chài lưới và câu cá. Cũng có một số ít làm ruộng, trồng hoa màu như rau đậu, khoai củ. Ngôn ngữ thì dùng tiếng Quảng Đông. Tôi đến làm quen với họ. Ban đầu họ còn e ngại nhưng thấy tôi nói được tiếng Quảng Đông thì dần dần họ cũng mến. Có hôm họ mời tôi ăn cháo, ăn khoai lang luộc. Thì ra họ cũng ăn cháo như người Ninh Dương làng tôi. Có ngày họ cho tôi cá hồng man, cá mú, tôm cua... Tôi không dám nhận, họ cứ nài ép một cách chân tình nên buộc lòng tôi phải nhận. Khi về, tôi đưa hết cho anh Viễn. Anh lựa ra con ngon nhất nấu cho ông Campagnola ăn, còn bao nhiêu thì nấu cho tôi và các bạn trong tiểu đội cận vệ. Campagnola và các bạn có vẻ thích thú khi thấy tôi đi chơi về mà lại có cá, tôm, cua như vậy. Để trả ơn những người dân chài ấy, tôi thường để dành cho họ những gói thuốc lá và những hộp thịt bò trong phần ăn của phần tôi (lúc này đại đội tôi đã có thịt hộp do máy bay Pháp thả xuống). Họ có vẻ thích thú khi nhận quà tôi tặng, nhất là loại thuốc lá có hình con lạc đà hiệu Camel. Tôi chẳng bao giờ hút thuốc nên từ trước đến giờ, mỗi khi được phát, tôi đều cho anh Viễn hút. Sau ngày làm quen với số dân chài ở Cô Tô, phần thuốc lá của tôi anh Viễn không còn được nữa. Việc này anh Viễn cũng biết vì đã ăn cá, mực, cua rồi còn đòi gì nữa !

Trong số người dân chài có một thiếu niên khá đẹp trai, trông thật thà và hiền lành tên là Sáng, kém tôi 1 tuổi. Mỗi lần tôi đến nhà anh đều được anh và bố mẹ anh mời ăn cháo khoai hoặc cháo bắp. Do đó, dần dần tôi chơi thân với anh. Một hôm, tôi ngỏ ý muốn kết nghĩa anh em với Sáng thì được anh và bố mẹ vui mừng nhận lời ngay. Bố anh mời tôi vào chủ nhật tới sẽ tổ chức một lễ cúng tổ tiên để nhận tôi là anh em kết nghĩa với Sáng. Hôm ấy tôi về nói cho anh Viễn và ông Campagnola biết. Hai người rất vui. Chủ nhật sau đấy, tôi và anh Viễn xuống nhà Sáng. Khi đi tôi có mời Campagnola đi cho vui nhưng ông có vẻ ngại nên từ chối. Tuy vậy, ông cũng đưa cho tôi 4 gói thuốc lá Camel, 4 hộp thịt bò và một gói kẹo để tôi làm quà tặng gia đình Sáng. Anh Viễn cũng cho hai hộp thịt bò, còn thuốc lá thì không. Tất cả số quà này tôi xếp vào thùng gỗ đựng đồ hộp của quân đội rồi cùng anh Viễn luân phiên vác xuống nhà Sáng.

Khoảng 8 giờ, chúng tôi đến đã trông thấy trong nhà ló nhô khá đông người. Thì ra số người này là bà con quen thuộc lối xóm và người thân trong gia đình Sáng được bố mẹ Sáng mời đến dự lễ. Tôi nhìn bàn thờ trong nhà thì thấy một con gà luộc còn nguyên con đặt trên một cái đĩa lớn và một số đồ ăn đã nấu sẵn bày trên bàn trước bàn thờ. Khi tôi đặt thùng quà xuống và cúi đầu chào bố mẹ cùng các người có mặt trong nhà thì bố Sáng đi lại cầm tay tôi và giới thiệu với mọi người. Tôi bẽn lễn nhìn họ và cúi đầu chào. Sau đó, bố Sáng bảo tôi và Sáng đứng ra giữa bàn thờ rồi ông đốt ba cây nhang cắm lên bát nhang, chấp tay vái lên bàn thờ, miệng râm râm khấn vái nói lên lý do để tổ tiên, ông bà chứng giám và phù hộ chúng tôi được khoẻ mạnh. Khấn xong ông rót một ly rượu nhỏ đưa cho tôi và tuyên bố với mọi người:

- Kể từ hôm nay, Phạm Khải Tri là anh còn Lày A Sáng là em kết nghĩa.

Và ông cũng nói cho mọi người biết là ông coi tôi như con trong gia đình họ Lày (họ Lày tức họ Lê). Nói xong, ông bảo tôi uống nửa ly rồi đưa cho Sáng nửa ly. Tôi cầm ly rồi chậm rãi uống hết nửa ly. Chao ôi, rượu sao mà cay thế nhưng tôi cũng cố nuốt xuống cổ. Còn lại nửa ly, tôi đưa cho Sáng. Sáng cầm lấy, uống một cách ngon lành. Có lẽ Sáng đã uống rượu quen rồi. Chúng tôi uống xong, bố Sáng bảo chúng tôi vái lên bàn thờ 3 vái và thề suốt đời phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau. Kế đó ông đốt giấy vàng bạc và cho dọn đồ cúng xuống bày trên 3 bàn. Bố mẹ Sáng ngồi bàn giữa, tôi và Sáng ngồi bên cạnh. Anh Viễn ngồi đối diện với tôi cùng hai

người anh chị của Sáng. Còn hai bàn bên là người chòm xóm và bạn bè. Sau khi bố Sáng tuyên bố lý do, mọi người cầm ly uống rượu và cầm đĩa gắp đồ ăn. Họ ăn một cách thật tình chứ không mời chào như người Việt mình. Tôi chỉ ăn những món tôi thích chứ không uống rượu. Thấy vậy Sáng hỏi :

- Sao anh không uống ?

Tôi nói :

- Anh không uống được vì rượu cay quá.

Mọi người đều cười ồ khi nghe tôi nói như vậy. Bữa tiệc hôm đó, tôi thấy anh Viễn có vẻ khoái chí. Anh rót rượu liên tục và gắp đồ ăn một cách thật tình. Mặt anh đỏ bừng nhưng vẫn tỉnh táo. Tôi cũng vui khi thấy anh ăn uống được nhiều như vậy. Bữa tiệc kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Những người Hoa bạn bè chòm xóm nhà Sáng tất cả đều vui vẻ, hầu như ai cũng như say chỉ trừ một số phụ nữ. Họ nói rất lớn tiếng và chọc ghẹo nhau vui vẻ. Họ bày ra trò chơi như oẳn tù tì để uống rượu và cười ầm ĩ. Có người cầm chai rượu đến mời tôi uống với họ nhưng tôi từ chối không uống được. Sáng thấy vậy cũng nói đỡ lời cho tôi bớt ngượng. Tôi biết họ mời như vậy là tỏ lòng quý mến nên xin hẹn khi nào uống quen, tôi sẽ cùng uống với họ cho vui. Gần trưa, tiệc tàn, mọi người lần lượt ra về. Tôi và anh Viễn cũng đứng dậy xin bố mẹ cho về. Em Sáng và bố mẹ cùng anh chị tiễn chúng tôi ra cửa, dặn khi nào rảnh rồi xuống chơi.

Tôi và anh Viễn về đến trại khoảng giữa trưa. Campagnola đang ngủ trưa, chúng tôi không dám nói lớn, sợ đánh thức ông dậy. Tôi ra phía sau để rửa mặt vì khi về, trời nắng và đi qua những bãi cát nóng bỏng càng mệt thêm. Anh Viễn có lẽ mệt vì rượu nên nằm vật xuống sàn rồi một chập sau, tôi đã nghe anh ngáy khò khò.

Hai tuần lễ sau khi kết nghĩa với Sáng, đại đội tôi được lệnh sẽ di chuyển về Vạn Hoa vào lúc 8 giờ sáng. Được tin, tôi vội vàng xin phép chuẩn úy Campagnola để xuống từ già Sáng và gia đình. Đến nơi trời đã hừng sáng, tôi thấy mẹ Sáng đang dọn dẹp trong nhà bếp. Bà ngờ ngác hỏi :

- Con đi đâu mà sớm thế ?

Tôi nói, “đại đội phải di chuyển xuống Vạn Hoa”. Rồi tôi hỏi :

- Sáng và bố đâu ?

Bà nói :

- Bố và Sáng đã đi biển cách đây hơn nửa giờ.

Tôi thần thờ tiếc không được chia tay với người em kết nghĩa. Tôi cảm động ứa nước mắt. Thấy vậy bà cảm tay tôi nói :

- Con đi được bình an, mẹ sẽ nói lại cho bố và Sáng biết. Khi nào có dịp, bố và Sáng sẽ đi thăm con. Vạn Hoa bố con cũng đã đi nhiều lần và chẳng xa bao nhiêu. Nếu con ở chỗ nào mà có người ra đây thì con nhớ nhắn tin cho Sáng và bố mẹ biết.

Tôi ngơ ngẩn ngồi nhìn căn nhà tranh, nơi đây đã để lại cho tôi bao nhiêu kỷ niệm, ân tình. Sau vài phút bịn rịn luyến tiếc, tôi cúi đầu chào mẹ rồi vội vã về trại.

Về đến trại, tôi thấy các bạn trong trung đội đã sẵn sàng. Ba lô, súng đạn để trước sân chờ lệnh xuống núi. Anh Viễn đã xách ba lô của tôi để cạnh ba lô anh, còn khẩu súng lục thì tôi luôn luôn đeo theo người. Đúng 8 giờ, đại đội trưởng ra lệnh xuất phát ra bãi biển để lên thuyền. Tôi đi sau Campagnola, thỉnh thoảng ngoái về hướng nhà em Sáng, thầm nghĩ biết bao giờ lại được gặp em và gia đình. Tôi lại nghĩ đến mẹ tôi ở Ninh Dương. Bây giờ mẹ có biết tôi ra đảo Cô Tô này không ? Thật là buồn, cứ nghĩ rằng về Việt Nam là về Móng Cáy thì sẽ gặp mẹ nhưng không ngờ tôi lại bơ vơ, lạc loài như thế này. Tôi đi sau ông Campagnola, mãi mê suy nghĩ như người trong mộng. Rồi tôi chợt thấy 3 thuyền lớn đậu cách bãi biển chừng 100 thước. Cũng chính là 3 thuyền này đã đưa chúng tôi từ Phòng Thành đến đảo Cô Tô hôm trước.

Khi tất cả đại đội đã xuống thuyền xong, thuyền từ từ được thủy thủ đẩy ra xa bờ và giương hai cánh buồm lên. Lúc này gió đông nam thổi khá mạnh, thuyền chạy lướt sóng hướng về phía tây. Lại cũng cảnh thuyền hụp lên hụp xuống khi bị sóng đập vào mạn thuyền làm cho tôi nôn nao và các bạn đã có vài người ói mửa vì say sóng. Thuyền chạy được chừng hai tiếng đồng hồ thì thấy lờ mờ phía trước là dãy núi màu xám ở tận xa tít chân trời nhưng tôi không biết được bao nhiêu xa. Lúc này màu nước biển xanh đậm chứng tỏ đáy biển rất sâu và thỉnh thoảng có đàn cá heo bơi theo con thuyền. Hình như chúng cũng vui mừng đón tiếp hay tiễn đưa chúng tôi về đất liền. Cũng là cá heo, sao tôi thấy trong đàn có con màu vàng hung có con màu đen sậm? Có thể đây là biểu hiện của con đực, con cái. Thỉnh thoảng, tôi cũng thấy những đàn cá chim từ dưới biển phóng lên khỏi mặt nước và là bay xuống như một đàn chim. Những cảnh này làm tôi thấy vui vui. Campagnola cũng thích thú ngắm nhìn đàn cá như tôi. Ông nói :

-Tiếc không có máy ảnh để chụp cảnh này.

Tôi cũng đồng tình mỉm cười gật đầu. Nhân tiện, tôi hỏi :

-Dãy núi lờ mờ kia là đâu?

Ông xem bản đồ và nói :

-Đó là rặng núi vùng Ba Chẽ, Khe Tù. Ở phía tây Vạn Hoa nhưng xa lắm.

Ông chỉ cho tôi cách xem bản đồ và tìm tọa độ nhưng tôi không hiểu nhiều lắm. Ông nói :

-Rồi đây tôi sẽ chỉ rõ hơn cho anh biết cách thức xem bản đồ và tìm tọa độ.

Nghे vậy tôi cũng thấy mừng và ước mong ngày nào đó ông sẽ dạy tôi.

Thuyền đến Vạn Hoa vào khoảng 2 giờ chiều. Chúng tôi lại lục đục xuống thuyền và di chuyển lên núi. Nơi đây cũng có doanh trại của lính Khố Xanh ngày trước để lại. Trong thời gian đồn trú ở Vạn Hoa, vợ con binh sĩ được tin chồng ở đây đều lần lượt đến ở với chồng. Ngoài ra, còn có một số hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc ngành Khố Xanh đóng ở tô giới Thượng Hải và Quảng Châu Văn (Trung Quốc) cũng được điều về Vạn Hoa, sát nhập vào đại đội và chuyển thành Khố Đỏ. Doanh trại chật hẹp không đủ cho gia đình binh sĩ ở. Đại đội trưởng ra lệnh chia làm 3 tốp đi vào rừng chặt tre, mây, cây rừng như khi dưới chân Thập Vạn Đại Sơn. Lúc này tôi được đặc cách thăng cấp Caporal (hạ sĩ), một số binh sĩ khác quá tệ thì được thăng binh nhất. Anh Viễn cũng được thăng cấp Caporal, trung sĩ Phạm Văn Đồng được đặc cách thăng Aspirant (chuẩn úy), trung sĩ Đoàn Văn Quảng được thăng Sergeant chef (trung sĩ nhất) và 3 tháng sau ông mới được thăng Adjudant (thượng sĩ). Ấy là bộ quốc phòng Pháp ân thưởng cho các quân nhân đã chạy sang Trung Quốc với họ. Trong dịp này, chuẩn úy Campagnola được thăng thiếu úy. Trước kia ở Móng Cáy, ông lấy vợ là một người đàn bà Hoa. Lần này bà ta cũng theo ông ra Vạn Hoa. Lúc đó tôi quan niệm rằng những người phụ nữ người Việt hay người Hoa lấy Tây là loại hư hỏng, đi điếm nên ít khi tôi nói chuyện với bà ta.

Nói về chuyện thăng cấp của anh em trong đại đội làm tôi buồn cười. Theo truyền thống của quân đội Pháp nếu cấp Caporal (ta gọi là Cai hay Hạ sĩ) thì không phải làm tạp dịch, chỉ trông coi cho binh sĩ làm. Lần thăng cấp này đại đội tôi hầu như 2/3 được thăng cấp Caporal, như vậy lấy đâu ra binh nhất, binh nhì để làm tạp dịch? Do đó, đại đội trưởng ra lệnh từ hạ sĩ nhất trở lên mới được miễn tạp dịch, còn từ binh nhì đến hạ sĩ thì phải đi đốn cây rừng về làm nhà cho gia đình binh sĩ ở. Một số bạn được thăng cấp Caporal có vẻ tiu nghỉu. Riêng tôi và anh Viễn thì được ông Campagnola cho miễn tạp dịch. Lại đến việc xưng hô theo cấp bậc làm tôi phải sượng sùng. Nếu là Caporal lính phải gọi là Thầy Cai, Sergeant là Ngài Đội, Adjudant trở lên là Quan Lớn. Ra đường cấp dưới phải giơ tay chào cấp trên nếu không thì bị phạt. Như vậy kể từ ngày ấy, tôi được các anh binh nhất, binh nhì gọi bằng Thầy Cai và khi gặp tôi ngoài đường họ phải giơ tay chào tôi một cách nghiêm chỉnh. Tôi quá xấu hổ và phải giơ tay chào lại.

Tôi nói :

-Các anh đừng chào và gọi em bằng thầy như thế em ngượng lắm !

Anh Viễn thì có vẻ thích thú việc xưng hô và chào như vậy nên bảo :

-Ấy, không được, luật nhà binh là phải thế !

Trong những ngày ở Vạn Hoa, tôi thấy có một số người dân trong vùng buổi sáng thường gánh quà bánh, thịt cá, rau quả đến chân núi để bán cho binh sĩ và gia đình họ. Ngoài ra, tôi cũng thấy loáng thoáng vài cô gái trẻ dẫn nhau đến chơi. Một số bạn thấy gái đều có vẻ vui mừng và nói lời chọc ghẹo. Tôi có tính nhát gái nên không dám nói gì và chỉ đưa mắt nhìn khi các cô đi qua. Thật tình lúc ấy tôi chẳng nghĩ gì đến gái mà chỉ nghĩ đến mẹ tôi.

Cũng trong thời gian này, Campagnola thường tổ chức săn bắn và tôi được ông cho đi theo. Mỗi lần đi săn, ông chia ra hai tốp. Một tốp lừa con mồi, một tốp phục kích. Tốp phục kích giăng hàng ngang dưới chân núi, tốp kia đi lên gần đỉnh núi, giăng hàng ngang hò hét, đập cây gây tiếng động để thú rừng hoảng sợ chạy dồn xuống. Một hôm tôi được phục kích dưới chân núi với khẩu Mousqueton dài lê thê. Trong khi các bạn đang la hét trên núi, bỗng nghe soạt một tiếng ở bụi cây phía trước, tôi nhận ra là một con hoẵng. Tôi lính quýnh với khẩu súng dài và chỉ kịp bóp cò một phát hướng về phía đó nhưng không ngờ con vật có lẽ vì quá sợ nên nhảy vọt qua đầu tôi rồi biến mất về phía sau. Tôi cũng hoảng hốt nằm mọp xuống vừa lúc nó bay vù qua đầu. Nếu không kịp thời có thể con vật này nó săn lại tôi rồi !

Campagnola nằm cách tôi 30 thước về phía phải, nghe tiếng súng nổ ông liền chạy đến hỏi. Tôi nói lại sự việc nhưng không hiểu con hoẵng tiếng Pháp là gì. Tôi phải miêu tả nó giống như con bò con, lông vàng hoe ! Chắc chắn ông ta cũng không hiểu là con gì ! Ông cười và lắc đầu chê tôi bần đờ.

Một lần khác suýt nữa tôi gây án mạng. Một ngày vào khoảng 7 giờ sáng, mặt trời le lói chiếu ánh sáng xuyên qua phía phải theo hình vòng cung. Cách chừng hơn 30 thước, tôi thấy thấp thoáng sau bụi cây một màu đỏ sậm, hai con mắt long lanh như ánh mặt trời phản chiếu. Tưởng là con hoẵng núp ở đấy, tôi lật đặt chĩa súng hướng về hai con mắt ấy và bóp cò nổ đoàng một cái. Không ngờ đó là thằng bạn tôi tên là Thế. Hắn cũng được bố trí như tôi để bắn thú nhưng trong lúc hấp tấp tôi đã quên hướng nằm của hắn. Tiếng nổ vừa dứt thì Thế nhảy thẳng về phía tôi, miệng hét :

-Mày muốn giết tao hả Tri ?!

Tôi sửng sờ nhìn Thế và nói không được lời nào. Mãi lúc sau tôi mới nói được:

-Tôi đâu dám giết anh vì tôi cứ nghĩ anh là con hoẵng phía trước. Xin anh tha thứ cho tôi.

Thế giận dữ nói :

-Tha thứ cái con c.. Muốn giết người ta rồi xin lỗi sao !

Tôi cứng miệng, chẳng biết phải nói câu nào cho phải. Nghe tiếng súng, Campagnola và các bạn săn vội vã chạy đến. Tôi lúng búng kể lại sự việc. Ông có vẻ giận dữ và nói :

-Sao anh lại vô ý như thế? Nếu thằng Thế chết thì anh phải ở tù và tôi cũng bị khiển trách.

Tôi thật tình biết lỗi và xin lỗi ông Campagnola và anh Thế. Ông buồn bã dẫn chúng tôi về và dặn không được nói với ai vụ này. Nhưng dần dần việc này về sau cũng đến tai mọi người và trở thành một chuyện buồn cười cho các bạn tôi. Từ ngày ấy Campagnola không tổ chức đi săn nữa.

Ở ven biển xung quanh chân núi Vạn Hoa có nhiều đá lồi chồm, dưới đáy có nhiều cá mú trú ẩn trong những hốc đá. Campagnola thường đem lựu đạn xuống mép biển lựa xem chỗ nào có thể có nhiều cá trú ẩn là ông quăng lựu đạn xuống. Mỗi khi đi bắn cá, Campagnola

thường kêu tôi và anh Đáng đi theo để lặn xuống bắt cá. Đáng là người Đầm Hà, giỏi bơi lội. Còn tôi bơi lội cũng khá vì ngày trước còn đi học, hôm nào không có tiền qua đò thì tôi cởi hết quần áo đút vào cặp, đội lên đầu, bơi sang bờ bên kia. Con sông Móng Cáy bề ngang chừng 150 thước. Bơi nhiều lần tôi đã quen. Anh Tư Giếng là người chèo đò thấy vậy cũng thương tình nên nói :

-Chú cứ đi đò, đừng ngại gì cả. Không có tiền thì thôi.

Tuy vậy tôi cũng ngại, chỉ khi nào nước lũ thì tôi mới đi nhờ đò.

Nói về chuyện lặn cá, mỗi khi Campagnola ném lựu đạn xuống, tôi và anh Đáng chờ chừng 3 phút để bùn dưới đáy lắng xuống, nước trong lại là chúng tôi nhảy lặn xuống. Đến đáy thì thấy cá mú và các loại cá khác nằm ngổn ngang. Chúng tôi chỉ lựa những con cá to, mỗi tay cầm một con, miệng ngậm một con nhỏ hơn rồi nhô lên mặt nước. Có ngày gặp chỗ nhiều cá, chúng tôi phải lặn 4, 5 lần mới bắt hết con to. Mỗi khi chúng tôi nhô lên, thấy có cá mú to, Campagnola có vẻ thích thú lắm. Lúc đem cá về, ông bảo anh Viễn lựa những con to nhất đưa cho vợ ông, còn bao nhiêu cho chúng tôi và tiểu đội cận vệ nấu ăn. Thịt cá mú ăn rất ngon nên anh Viễn bảo các bạn chung tiền mua rượu để nhắm. Ai cũng đồng ý. Riêng tôi không thích rượu nên không chung tiền và mỗi khi đem ra thì tôi ăn cá và. Có lẽ ăn nhiều hơn các bạn vì họ còn bận nhâm nhi, làm sao ăn nhanh và nhiều như tôi được !

Đầu tháng 6 năm 1946, đại đội tôi được lệnh di chuyển về Tiên Yên và đồn trú trong doanh trại của lính Khố Xanh. Nơi đây doanh trại còn nguyên vẹn kể cả trại gia binh. Lúc này đơn vị của đại úy Vòng A Sáng, người Nùng, cũng đóng quân ở đây và đang tuyển mộ lính mới. Hai ngày sau trung đội tôi được lệnh di chuyển ra Sept Pagodes (Bảy Chùa) để trấn giữ cửa biển do thiếu úy Campagnola làm trung đội trưởng. Thời gian đóng quân ở đây, Campagnola cũng thường tổ chức bắn cá. Tôi và anh Đáng lại có dịp lặn bắt cá và các bạn lại được thưởng thức món cá mú.

Một hôm, anh Lâm đứng gác ngoài cổng chạy vào báo cho tôi biết có người anh của tôi đang đứng chờ ở đó. Tôi vội vàng chạy ra thì thấy một người đàn ông đầu tóc lôm xôm, da đen sạm, mặc bộ quần áo màu xám tro nhàu nát. Tôi lại gần thì nhận ra anh Phương của tôi. Tôi bàng hoàng chẳng biết tại sao anh Phương lại tả tơi như vậy. Anh ôm lấy tôi, hai hàng nước mắt trào ra và nói :

-Anh khổ lắm em ơi, may mà nhà có phúc mới còn sống gặp em ở đây.

Tôi cũng xúc động, nước mắt trào ra và vội vàng đưa anh vào trại. Tại đây anh cho biết : Sau ngày Nhật đảo chính, anh không đi theo quân Pháp sang Trung Quốc vì gia đình con đông và còn nhỏ. Khi quân Nhật đến Móng Cáy, họ đã bắt những người làm việc cho Pháp lúc trước, trong đó có anh, đưa sang Lào làm lao công đắp con đường từ Lào sang Vân Nam. Trong thời gian làm lao công ở Lào, anh đã trốn trại và đi xuôi về phía Nam, dọc theo bờ sông Mékong. Khi trốn chạy, anh thường đi xuyên rừng vào ban đêm và thường bị đói. Khi đói quá, anh cũng làm liều ra những nhà gần đấy xin ăn. Có người không biết nói tiếng Việt, anh phải làm điệu bộ hóp bụng lại rồi chỉ tay vào bụng và họ hiểu anh đói nên cho anh ăn. Có nơi lại còn cho xôi nếp và cá khô để đem theo. Nhờ những người dân tốt bụng ấy nên anh mới thoát nạn. Sau này tôi mới biết vùng anh chạy trốn có lẽ là vùng người Thái Lào, ở đây người ta thường ăn gạo nếp như ta ăn gạo tẻ vậy. Anh tôi lặn lội gần hai tháng mới về tới Ninh Bình rồi lần lần tìm hướng biển ra đến ven biển Thái Bình thì anh gặp thuyền buôn người Việt chở chén bát đồ gốm từ Móng Cáy đến vùng Thái Bình bán. Anh xin họ cho quá giang về Móng Cáy và được họ thương tình cho đi. Anh về đến Móng Cáy và gặp lại mẹ và vợ con, tất cả đều đói rách. Mẹ thì bệnh ho chưa hết nhưng được các chị săn sóc rau cháo qua ngày nên vẫn còn sống. Mẹ thường khóc vì nhớ tôi. Tôi nức lên và dàn dựa nước mắt khi nghe anh nói đến tình cảnh của mẹ. Anh Phương về ở với gia

đình được một tuần lễ thì được lệnh của Vũ Kim Thành, chỉ huy Quốc Dân Đảng ở Móng Cáy, gọi lên cho làm trung đội trưởng một trung đội quốc dân đảng. Anh làm việc được hơn hai tháng chỉ được ăn chứ không có lương. Phần vì gia đình nghèo lại đông con nên không thể kéo dài công tác nữa và có tin quân Pháp đã về Tiên Yên nên anh bỏ hàng ngũ Quốc Dân Đảng ra tìm tôi ở đây.

Anh Viễn và các bạn cũng bu lại xung quanh anh tôi để nghe chuyện. Các bạn đều tỏ ra thương cảm anh tôi. Hơn nữa, có lẽ họ vì nể anh Phương vì dù gì anh cũng là một ngài đội Khố Xanh, ngày trước cấp bậc ấy không phải là thường. Cũng đã đến giờ cơm trưa, anh Viễn và các bạn mời anh tôi ăn cùng. Có lẽ anh tôi lâu lắm rồi không được ăn uống đầy đủ nên anh ăn một cách ngon lành nhưng có vẻ hơi ngưng ngớt với mọi người. Sau khi ăn uống xong, anh Phương nằm nghỉ với tôi ở sạp. Đến 2 giờ chiều, tôi đưa anh đến chào thiếu úy Campagnola và nhờ ông giúp đỡ.

Tôi nói :

-Anh tôi là cựu trung sĩ nhất Khố Xanh đến tìm tôi và xin phép được gặp ông.

Thấy tôi nói như vậy, ông vội vàng bảo tôi đưa anh tôi vào. Khi bước vào, có lẽ vì quán tính, dù không đội mũ anh tôi vẫn giơ tay chào ông theo quân cách. Tôi buồn cười nhưng không dám cười, vội ngoảnh đi chỗ khác. Campagnola bắt tay anh tôi và mời anh ngồi xuống ghế nói chuyện. Anh Phương cũng nói khá tiếng Pháp nhưng vẫn còn pha nhiều tiếng bồi. Anh nói về thân thế và quá trình từ ngày quân Nhật đảo chính đến nay và cũng vì hoàn cảnh gia đình nghèo, anh phải bỏ hàng ngũ Quốc Dân Đảng để tìm tôi và bây giờ ước mong quân đội Pháp cho anh được phục vụ lại, mong ông vì em tôi mà giúp đỡ. Nghe anh Phương nói, ông lưỡng lự một lúc rồi nói :

-Tình trạng của anh rất khó vì anh là đội Khố Xanh mà lại không theo quân đội Pháp sang Trung quốc trong khi đối đầu với quân Nhật, như vậy là đào ngũ trước quân địch, tội rất nặng. Nhưng hiện thời quân đội Pháp đang cần người và em anh đã có công theo quân Pháp sang Trung Quốc, vậy tôi sẽ cố gắng nói với cấp trên để giúp đỡ cho anh.

Sau khi tiếp xúc, Campagnola tặng anh tôi 2 gói Camel và một gói kẹo. Anh tôi hết sức vui mừng vì được Campagnola hứa giúp đỡ và tặng quà. Chúng tôi về trại, tôi cho anh mượn chiếc quần đùi và áo lót để anh tắm và giặt bộ quần áo đang mặc. Sau khi tắm giặt xong, anh Viễn lấy dao cạo râu và lấy kéo tỉa tóc cho anh tôi. Chiều hôm ấy, tôi thấy anh Viễn đưa ra một chai rượu trắng mà anh đã mua ở Tiên Yên đem về. Anh nấu thêm thức ăn để cùng anh tôi và các bạn trong tiểu đội cận vệ nhậu chơi. Thế là chúng tôi vui vẻ bày đồ ăn dưới nền xi măng. Không có ly, rượu được rót ra bát. Có lẽ anh Phương không uống được rượu nhưng vì nể các bạn, cũng cầm bát nhưng chỉ tọp được một hớp cho vui và anh xin phép không thể uống được nữa. Các bạn cũng thông cảm và để anh tự nhiên ăn uống. Riêng tôi chỉ hớp một hớp nhỏ rồi vội vàng gấp đồ ăn cho vào miệng nhai cho mau để khỏi cay. Các bạn thấy thế tùm tùm cười. Bữa cơm chiều ấy phần đồ ăn chỉ còn dính một ít trên mặt đĩa, cơm còn khá nhiều và chai rượu chỉ còn chút ít. Anh Viễn bèn cất chai rượu vào balô. Tôi nghĩ chắc các bạn trong tiểu đội cận vệ muốn uống cho hết nhưng nể anh Viễn nên không dám. Đêm hôm đó, tôi và anh Phương ngủ chung một màn trên sạp gỗ. Sợ làm phiền các bạn, tôi và anh chỉ nói chuyện khe khẽ với nhau. Tôi sức nghĩ đến bố tôi mà từ sáng đến giờ tôi quên hỏi đến bố. Tôi nhắc lại việc bố sang Phòng Thành gặp tôi và tôi có gửi về cho mẹ 500 đồng quan kim.

Anh Phương nói :

-Mẹ có kể chuyện đó nhưng bố chỉ đưa 300 đồng. Bố càng ngày càng tệ, thường hay bỏ nhà ra đi có khi cả tuần mới về. Một lần mẹ có hỏi bố đi đâu thì bố bảo đi chữa bệnh cho người

ta ở Hà Cối, Đầm Hà. Hồi đến tiền thì bố bảo đã tiêu hết. Tuy biết ông nói dối nhưng chẳng làm được gì nên mẹ cũng mặc.

Nghe anh nói, tôi càng buồn và giận bố hơn. Nếu bố biết lo cho gia đình thì mẹ con chúng tôi đâu đến nỗi bơ vơ như thế này.

Sáng hôm sau, Thiếu úy Campagnola dẫn anh tôi đi Tiên Yên nơi đặt văn phòng của đại đội để trình diện đại úy Claude, đại đội trưởng. Tôi và anh Viễn cũng được đi theo. Trước khi tiếp xúc với đại đội trưởng, Campagnola đưa anh tôi đến chuẩn úy Phạm Văn Đồng là người thân cận nhất của đại đội trưởng. Được sự giới thiệu của ông, chuẩn úy Đồng niềm nở bắt tay anh tôi và mời ngồi. Ông hỏi qua về tình hình ở Móng Cáy ra sao. Anh tôi nói cho ông biết về việc Vũ Kim Thành cầm đầu Quốc Dân Đảng hiện đang đóng quân ở Móng Cáy và việc anh bỏ trốn lên tìm tôi ở đây. Lúc bắt đầu hỏi chuyện anh tôi, Đồng nói bằng tiếng Việt nhưng thấy Campagnola ngắt ra, ông bèn xin lỗi và nói bằng tiếng Pháp. Tôi thấy buồn cười vì hai người Việt Nam lại nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp ! Tôi nhận thấy tiếng Pháp của chuẩn úy Đồng rất chuẩn, làm tôi liên tưởng đến cô giáo Phạm Thị Hợp người lai Pháp đã dạy tôi ngày trước.

Nghe xong câu chuyện anh tôi kể, chuẩn úy Đồng liền đưa anh tôi đến gặp đại úy Claude đại đội trưởng. Tôi và anh Viễn đứng chờ ngoài hành lang. Trong khi chờ đợi, anh Viễn lấy thuốc lá Camel ra hút và đưa tôi một điếu. Tôi lắc đầu từ chối. Anh cũng lắc đầu cười và nói :

-Chú mày quê lắm !

Thật tình từ ngày ở Cô Tô về đây, phần thuốc lá của tôi đều cho anh Viễn hết. Anh có vẻ hút thuốc càng ngày càng nhiều. Mỗi lần thấy tôi đưa phần thuốc lá cho Viễn, anh Ngân khẽ nói :

-Sao mà mày ngốc thế, không biết đem đi bán để lấy tiền có tốt hơn không ?

Tôi nghĩ, biết đâu mà bán ? Vả lại, tôi có tính hay e thẹn nên không thể làm được việc này. Anh Ngân đâu hiểu tâm trạng tôi ! Đối với các bạn, tôi chỉ là một người chất phác quê mùa. Mà thật vậy, dù năm ấy tôi đã 19 tuổi nhưng có lẽ vì nghe lời dạy dỗ của mẹ tôi từ nhỏ theo lễ nghi nho giáo nên tôi chẳng biết bon chen vụ lợi gì.

Sau một giờ chờ đợi, tôi thấy thiếu úy Campagnola và chuẩn úy Đồng ở văn phòng đi ra, theo sau là anh Phương. Ba người đều có vẻ hớn hờ. Chuẩn úy Đồng nói với tôi :

-Xong rồi, anh của chú được nhập vào quân đội Pháp, cấp bậc như cũ kể từ hôm nay. Một tí nữa tôi sẽ đưa anh Phương đến kho đại đội để nhận quân trang, sau đó anh ấy viết lý lịch và quá trình hoạt động trong ngành Khố Xanh rồi đem lên văn phòng đại đội.

Tôi mừng muốn chảy nước mắt khi nghe chuẩn úy Đồng nói như vậy. Sau đó Campagnola bắt tay từ già Đồng để về Bẫy Chùa. Tôi quay lại nắm tay anh tôi trong một niềm vui tột độ. Anh tôi nhìn tôi với một vẻ mặt vui sướng và đưa tay lên vai tôi bóp nhẹ rồi nói :

-Anh sẽ viết thơ cho em biết sau việc này.

Trên đường về qua phố Tiên Yên, thiếu úy Campagnola đưa chúng tôi đến một quán phở. Ông bảo tôi nói với chủ quán làm 3 bát phở. Chủ quán hỏi :

-Phở gì ?

Tôi lúng túng chẳng biết thì anh Viễn nói :

-Phở tái chín.

Thì ra cùng là phở nhưng có khá nhiều loại mà tôi chưa hề biết. Ba bát phở được đem ra. Tôi thấy Campagnola ăn một cách ngon lành và cảm đũa chẳng thua gì chúng tôi. Có lẽ hàng ngày, ông ăn với người vợ Tày nên cảm đũa sành sỏi như vậy. Ăn xong, ông cũng uống nước trà như chúng tôi và kêu chủ quán tính tiền. Chúng tôi trở về Bẫy Chùa sau gần hai tiếng đồng hồ đi bộ với tâm trạng vui vẻ vô cùng. Tôi thầm nhớ ơn thiếu úy Campagnola và chuẩn úy Đồng, hai người này đã tận tình giúp đỡ anh tôi trong lúc hoạn nạn.

Ba ngày sau đó tôi nhận được thư của anh Phương từ Tiên Yên gửi ra do người liên lạc của đại đội đưa đến. Anh cho biết mới nhận chức vụ Quản Trại và cấp bậc trung sĩ nhất như cũ. Đại đội phát cho anh một tháng lương hơn mười ngàn tiền Đông Dương kể cả phụ cấp gia đình. Anh đã viết thư về Ninh Dương báo tin cho gia đình biết. Có lẽ mẹ, chị dâu và các cháu sẽ đến Tiên Yên một ngày gần đây. Tôi mừng biết bao khi được tin này. Tôi thấp thỏm mong chờ mẹ, chị và các cháu đến. Trong thời gian này, đêm nào tôi cũng thao thức mất ngủ nên có phần gầy đi. Thấy vậy, anh Viễn nói :

-Chú mày làm gì mà suy nghĩ nhiều như thế có hại cho sức khỏe. Khi đến là đến, nghĩ mãi cũng vậy thôi.

Nhưng bản tính tôi là như thế, những chuyện vui buồn xảy ra tôi thường suy nghĩ vẫn vơ nên hay mất ngủ nhiều đêm.

Một buổi sáng, tôi được anh gác cổng cho biết mẹ tôi đã đến và còn ở trên thuyền đợi tôi. Tôi vội vàng chạy ra mé biển trước cổng đồn thì thấy mẹ tôi ngồi trên khoang một chiếc thuyền nhỏ nhìn về phía tôi. Lúc này nước ròng, thuyền đậu cách bờ chừng vài thước, không tấp sát bờ được. Tôi để nguyên quần áo, dép da lội ra. Ôi ! Vui mừng làm sao và tự nhiên nước mắt tuôn trào, tôi ôm chầm lấy mẹ, kêu lên :

-Mẹ. Sao mẹ khổ thế này, con thật bất hiếu.

Mẹ tôi nấc lên, nói :

-Con ơi đừng khóc nữa, bây giờ được thấy con là mẹ vui mừng lắm rồi.

Nước mắt mẹ tôi dàn dụa và bà nức nỡn. Tôi sững sờ khi nghe tiếng ho của mẹ, tiếng ho mà tôi đã in sâu vào tâm khảm nay lại nghe thấy như xé nát tim tôi. Tôi dậm và vuốt nhẹ lên lưng mẹ. Lúc này tôi như quên hết mọi người xung quanh, vội vàng cởi mẹ lội nước lên bờ về trại. Các bạn và Campagnola cũng ra cổng xem, mọi người đều tỏ vẻ vui mừng khi thấy tôi đã gặp được mẹ. Khi công mẹ vào chỗ tôi nằm, mẹ bảo :

-Con đi ra mời anh Út Cú vào nghỉ một lúc.

Út Cú là người xóm tôi. Anh này có đôi mắt sắc sảo nên người ta thường gọi là cú mèo. Anh rất vui tính và hay giúp đỡ mọi người khi có việc nhờ tới anh. Khi tôi ra tới mé biển thì đã thấy thuyền ra khá xa. Tôi kêu lên :

-Anh Út ơi, trở lại lên trại với em.

Anh khoác tay, nói :

-Trở vào đi, tôi còn phải về Ninh Dương gấp.

Tôi nghĩ có thể anh giận tôi vì khi đến, tôi chẳng chào hỏi anh một lời mà chỉ xúm xít với mẹ. Tôi thật có lỗi với anh. Tôi bù ngùi trở vào trại nói cho mẹ biết. Mẹ tôi có vẻ buồn và nói :

-Thôi để anh ấy về, còn chờ chị dâu và các cháu của con lên nữa.

Tôi để mẹ nằm nghỉ và không nói chuyện gì nữa, sợ mẹ mệt. Anh Viễn vội xuống nhà bếp nấu một ấm nước sôi, pha cho mẹ tôi một bát súp bột. Anh lấy muỗng khuấy cho bớt nóng rồi mời mẹ tôi uống. Tôi nhìn mẹ uống từng ngụm mà lòng mừng khôn xiết. Lúc này tôi nhìn kỹ thì thấy mẹ thật gầy, nước da tái mét, hai cổ tay và bàn tay da nhăn nheo. Tôi nấn khẽ ống chân mẹ thì thật là tội nghiệp, chỉ còn to bằng cổ tay của tôi ! Ôi ! mẹ thật là tiều tụy vì biết bao sự sầu não và túng thiếu đã dày vò mẹ. Tôi càng suy nghĩ càng ân hận và tự trách mình là một người con vô tích sự.

Mẹ ở với tôi bốn ngày. Những ngày này, Campagnola không sai tôi làm gì cả. Thỉnh thoảng, ông cũng đến hỏi thăm và cho mẹ tôi hai gói sôcôla và một hộp kẹo để ăn cho khỏe. Nghĩa cử này làm tôi cảm kích nhiều hơn. Mẹ tôi cho biết :

-Biết con ở đây nên mẹ nhờ anh Út Cú đưa thuyền đi trước để gặp con vì mẹ nhớ con quá, không ngủ được. Còn chị dâu và các cháu của con sẽ lên Tiên Yên sau vì còn phải thu xếp việc nhà trong mấy ngày nữa.

Tôi mừng thầm, như vậy anh Út không giận như là tôi nghĩ.

Ngày hôm sau, anh Phương đến với quân phục chỉnh tề, đeo lon trung sĩ nhất, vẻ mặt hồng hào hơn khi mới đến. Anh bảo :

-Anh ra đón mẹ về Tiên Yên. Chị và các cháu đã đến đây chiều hôm qua bằng thuyền của anh Út Cú. Hiện giờ đang ở trong trại gia binh.

Sau khi ghé thăm mẹ, anh đến chào chuẩn úy Campagnola ở bên cạnh. Lúc này tôi thấy anh tôi thật oai phong. Các bạn cũng giơ tay chào nghiêm chỉnh. Tôi thật vui mừng và hãnh diện biết bao. Sau khi tiếp xúc với Campagnola xong, anh tôi quay ra để sửa soạn cho mẹ xuống thuyền. Tôi định công mẹ nhưng mẹ bảo, “để mẹ đi chậm chậm cũng được”. Đến mép nước, tôi lại công mẹ xuống thuyền vì sợ mẹ lội ướt. Lúc này, anh Út Cú từ trong khoang thuyền chui ra. Tôi bèn xin lỗi về chuyện không chào anh hôm trước. Anh Út cười và nói :

-Chú đừng quan tâm, tôi không giận chú đâu, tôi biết lắm chứ.

Sau một hồi trò chuyện và hỏi thăm bà con chòm xóm ở Ninh Dương, tôi lên bờ và anh Út Cú đẩy thuyền ra xa hướng về Tiên Yên. Tôi ngoác tay và nói lớn :

-Khi nào rảnh việc, con sẽ về Tiên Yên thăm mẹ.

Anh Phương cũng ngoác tay nói :

-Chú về đi, đã có anh chị lo cho mẹ.

Tôi bồi hồi nhìn mẹ ngồi co ro trong khoang thuyền mà lòng thương cảm vô cùng. Tôi thăm van vái cầu mong cho mẹ khỏi bệnh ho và sống lâu với con cháu.

Sau 2 tuần lễ, trung đội tôi được lệnh di chuyển về Tiên Yên. Chỗ này sẽ có một trung đội người Nùng thuộc đại đội của đại úy Vòng A Sáng ra thay. Trung đội tôi đến Tiên Yên, sau khi ổn định chỗ ở, không hiểu sao Campagnola lại cử tôi phụ trách nhà bếp của trung đội, nấu ăn cho những binh sĩ độ thân. Tôi nói :

-Tôi đâu biết nấu gì đâu.

Campagnola cười nói :

-Nào ai bắt anh nấu nướng gì. Anh chỉ có việc đi chợ mua đồ ăn về và trông coi vệ sinh cho nhà bếp mà thôi.

Tôi nói :

-Tôi không biết mua đồ ăn gì.

Ông lại cười :

-Anh chỉ cầm tiền theo 36 rồi đưa cho nó mua là được.

Campagnola thường gọi chúng tôi bằng số quân. Anh Đáng số quân 63136 còn tôi là 63129, nhưng ông chỉ kêu 2 số cuối cho dễ. Tôi nghĩ bụng chắc ông cho tôi phụ trách nhà bếp cũng vì có mẹ tôi ở đây, để có thể kiểm soát chút đỉnh về cho mẹ ? Tôi đâu có thể làm những việc hèn như vậy vì tôi là con nhà nho giáo, ông cha tôi là thầy dạy chữ Nho nên đã hấp thụ đạo lý nho giáo từ nhỏ. Ông Campagnola đâu có hiểu được tâm trạng của tôi.

Từ đây, hằng ngày tôi được Campagnola giao một số tiền mua đồ ăn cho 21 người rồi đi theo anh Đáng ra chợ Tiên Yên. Anh Đáng có vẻ thông thạo việc đi chợ lắm. Còn tôi cứ việc đưa tiền cho anh mua hết thì thôi, chẳng ăn thua gì cả ! Khi về trại, anh lại cùng hai lính mới xúm vào nấu nướng. Tôi chỉ ngó qua vẻ mặt vệ sinh và đánh keng gọi các bạn về ăn vào buổi trưa, buổi chiều. Còn buổi sáng thì các bạn tự đến nhà bếp uống một ly cà phê đen, ăn một khúc bánh mì độn thịt lợn hoặc nắm xôi bằng nắm tay mà hai lính mới bày sẵn trên bàn lúc 6 giờ sáng.

Một buổi sáng, sau khi Đàng vào chợ mua đồ ăn, tôi lơ ngơ đứng ngoài đường thì thấy bốn cô gái trẻ người Tày đang thong thả đi trên lề, hướng về chỗ tôi đứng. Trong số đó có một cô thật đẹp mặc áo lương màu đen, quần lảnh đen, đầu chít khăn mỏ quạ cũng màu đen như gái người Việt và đeo trề trước ngực là một chiếc vòng lớn bằng bạc trắng. Thấy cô nàng đẹp quá, tôi cứ nhìn chăm chăm mà không dám nói một lời. Cô này thấy tôi nhìn ngẩn ngơ như vậy, từ từ đến gần, nhoẻn miệng cười và nói rằng :

-Anh làm gì mà nhìn tôi như thế ?

Tôi lúng túng đứng lặng một lúc rồi ấp úng như có cục gì kẹt ngang trong cổ :

-Cô ở đâu xuống đây ?

Cô gái bạo dạn nói :

-Em ở Phong Dụ xuống.

Lúc này tôi đã lấy lại bình tĩnh nói :

-Phong Dụ gần đây không ?

Cô gái Tày nói :

-Cách đây chừng 10 cây số.

Tôi hỏi cho có chuyện hỏi :

-Các cô đi chợ mua gì ?

Nếu không, họ đi mất thì tiếc chết ! Vẫn cô gái này giờ trả lời :

-Chúng em đi chơi, thấy gì thích thì mua nhưng bây giờ còn đi xem.

Trong đám, cô này xinh đẹp nhất và bạo dạn nhất. Mấy cô kia thì chỉ mỉm cười thẹn thùng, sửa áo, sửa khăn hòai. Tôi thầm nghĩ, là người Tày sao cô này lại nói tiếng Việt như mình, còn nhan sắc thì đẹp hơn các cô gái làng mình ? Vừa lúc ấy, anh Đàng ra lấy thêm tiền để mua đồ ăn.

Thấy vậy, anh hỏi oang oang :

-Câu định gheo gái Tày hả ?

Tôi sượng sùng đáp :

-Đâu có gheo, chỉ hỏi thăm thôi.

Đàng lại bồi thêm :

-Nếu không gheo thì hỏi thăm làm gì ?!

Thấy vậy, các cô gái cười khúc khích rồi đưa nhau đi chỗ khác.

Tôi công nhận mình quá nhút nhát khi đứng trước con gái mà nhất là những cô gái đẹp. Muốn nói lảng những mọi chuyện mà sao cái miệng cứ ngắc mở không ra. Bữa cơm trưa hôm ấy, anh Đàng nói cho các bạn biết bằng một giọng khôi hài :

-Thầy Cai Tri hôm nay ra chợ bị mấy cô gái Tày tấn công mà không dám nhúc nhích.

Tôi xấu hổ quá, nói lúng túng :

-Tôi hỏi thăm chứ gheo ai đâu.

Anh Viễn nghe vậy cười sằng sặc :

-Gheo gái có gì xấu hổ mà em lại lúng túng đến thế !

Tôi không nói gì nữa và làm vẻ mặt nghiêm trang. Có lẽ các bạn biết ý nên thôi không đùa nữa.

Ba ngày sau, tôi đi chợ lại gặp cô gái ấy. Lần này vừa thấy tôi, cô liền đến gần, nhoẻn miệng cười và hỏi trước :

-Anh đi chợ hả ?

Tôi sung sướng mê người, gật đầu và lặng nhìn hàm răng trắng bóng cùng đôi môi đỏ mọng của cô nàng. Sao mà đẹp quá ! Hồi lâu, cô gái nói :

-Sao anh không nói gì cả ?

Tôi nói như hết hơi :

-Biết nói cái gì bây giờ !

Cô gái cười :

-Nói gì thì nói, cứ im lặng thì ai biết nói cái gì !

Tôi lập bập hỏi :

-Hôm nay cô đi một mình còn các cô kia đâu ?

Cô đáp :

-Hôm nay em đi một mình, mấy đứa kia bận việc không đi được.

Cô lại hỏi :

-Anh tên là gì ?

Tôi nói :

-Tôi tên là Tri .

Không chờ tôi hỏi, cô gái nói luôn :

-Em tên Tiên.

Ôi chào! người đẹp cái tên cũng có nghĩa đẹp. Đẹp như tiên. Chứ ở đâu có xấu như tiên bao giờ ? Lúc này, tôi nhìn kỹ thấy cô đẹp thật. Mặt trái xoan, mũi dọc dừa, đôi mắt đen láy, nước da trắng hồng. Càng nhìn tôi càng ngất ngây. Thấy vậy, cô bẽn lẽn quay đi chỗ khác và chậm chậm đi về hướng chợ. Tôi thần thờ nhìn theo dáng cô khuất dần vào đám đông.

Cứ như thế cách ba, bốn ngày cô Tiên lại đi chợ. Hai bên cũng nói chuyện vu vơ. Và lần cuối cùng, cô mời tôi lên Phong Dụ chơi. Tôi cũng muốn lên một lần cho biết nên nhận lời. Tôi hỏi cô đường đi và địa điểm nhà cô ở. Cô chỉ dẫn cẩn kẽ vì núi đồi toàn là đường mòn, dễ bị lạc lăm. Chủ nhật sau đó, khi đi chợ với anh Đáng về, tôi dổi là về trại gia binh thăm mẹ đến chiều mới về. Rồi lén lấy lưỡi lê có bao của súng carbine của anh Viễn, giấu vào bụng và ra đi. Khi đi khỏi trại chừng nửa cây số, tôi lấy lưỡi lê luồn vào sợi dây lưng rồi thẳng đường lên Phong dụ. Vừa đi vừa chạy tung tăng như một đứa trẻ, lòng tràn ngập một niềm vui lạ lùng. Con đường thật vắng vẻ, hình như không có người qua lại. Nhìn xa xa hai bên đường, tôi thấy thỉnh thoảng vài ba người đang lum khum làm gì không biết ở bìa rừng. Khi thấy tôi đi trên đường, họ cũng đứng thẳng lên nhìn rồi lại lum khum làm tiếp. Lúc này mặt trời đã lên khá cao, chiếu về phía sau lưng làm tôi bắt đầu toát mồ hôi đầy đầu. Tuy vậy, tôi vẫn thấy phấn khởi khi nghĩ đến cô Tiên lúc này đang chờ tôi ở nhà. Tôi đến chắc cô mừng lắm. Tôi lại nghĩ về thân phận và gia đình tôi. Nếu Tiên yêu tôi thì tôi phải làm sao ? Lấy cô làm vợ thì giai đoạn này chưa thể được. Hơn nữa, cô lại là người Tày thì mẹ và anh chị của tôi có chịu không ? Lại còn bạn bè nữa, họ coi tôi như thế nào vì người Tày đối với họ chỉ là người sơn cước. Và ngược lại, sao cô Tiên yêu tôi được khi tôi chỉ là một người lính nay đó mai đây ! Hay cô chỉ là một cô gái mới lớn lên, suy nghĩ chưa chín chắn, thấy tôi khá đẹp trai lại đeo lon Cai oai vệ nên cô thích ? Suy nghĩ lan man như vậy nên tôi cảm thấy chán, muốn quay trở về nhưng đã lỡ hứa rồi đành tiếp tục đi.

Vừa đến đoạn đường cong về phải, tôi thấy một mái nhà tranh lờ mờ sau những lùm cây trên sườn đồi thoải thoải. Đúng, đây chính là nhà cô Tiên mà cô đã chỉ cho tôi hôm nọ. Tôi đi chậm lại và chỉnh lại quân phục gọn ghẽ, thông thả đi về phía chân đồi qua những bụi sim đang nở hoa, hương thơm thoang thoang quanh đây. Tôi bỗng thấy ngại và hơi lo lắng, không biết khi gặp Tiên tôi phải nói câu gì cho ra hồn. Ôi ! một bông hoa rừng đang ẩn náu trong mái nhà tranh xơ xác kia. Và tôi giật mình khi nghe tiếng chó sủa từ trong nhà và Tiên hớn hờ chạy ra cổng đón tôi. Tôi, mồ hôi nhễ nhại, ngây người ngấm nằng, miệng ấp úng chưa nói được câu gì thì nàng đã cười tươi nói :

-Em đã thấy anh đến ngoài đường nhưng chờ xem anh có biết đường lên nhà hay không. Thấy anh đi thẳng lên đồi nên em ngồi ngoài hiên mà đợi anh đấy.

Tôi bước theo nàng vào nhà và khựng lại trước cửa vì thoáng thấy một người đàn ông đang ngồi cạnh chiếc bàn đặt trước bàn thờ. Tiên nói :

-Bố em đấy.

Tôi cúi đầu chào ông mà lòng sợ hãi vô cùng. Về không xong mà ở cũng không yên. Ông nhìn tôi lừ đừ làm tôi càng thêm hoang mang, không biết lảnh dữ ra sao đây. Hóa ra, ông chỉ hỏi tôi :

-Anh đi đường có mệt lắm không ?

Tôi lí nhí trả lời :

-Thưa ông, cháu không thấy mệt.

Ông nhìn tôi có vẻ thiện cảm nên tôi cảm thấy khá yên tâm. Sau một hồi hỏi thăm quê quán, cha mẹ và tuổi tác, ông đứng dậy nói, "anh ở lại chơi" rồi đi ra khỏi nhà. Cô Tiên tiếp lời :

-Bố em biết anh lên chơi nên đợi anh đến, nếu không bố đã lên rẫy từ sớm rồi.

Ngồi đối diện với nàng, tôi chỉ biết nhìn mà chẳng biết nói gì. Nàng cũng lặng liếc nhìn tôi, đôi môi chúm chím như mỉm cười. Nàng rót nước mời tôi nhưng không phải loại nước trà mà tôi thường uống. Nó hơi tanh tanh nhưng tôi cũng cố nuốt vì quá khát sau khi đi bộ gần 10 cây số dưới ánh nắng mặt trời !

Tiên nói :

-Nước trà xanh đấy, mát lắm, anh uống bao giờ chưa?

Tôi lắc đầu. Rồi chúng tôi lại im lặng, thỉnh thoảng lại liếc nhìn nhau. Thật tình, tôi ngưỡng mộ nhan sắc của nàng nhưng không dám thổ lộ tâm tình và tôi cũng không dám cầm bàn tay của nàng dù lòng tôi muốn lắm. Tôi sợ như thế là sàm sỡ với nàng, không tốt. Được một lúc, tôi đứng dậy đi ra cửa. Nàng cũng đứng dậy theo tôi và bảo :

-Anh ra vườn xem.

Trong vườn có nhiều loại cây ăn trái, chỉ có nhãn là có quả nhưng còn quá non. Chúng tôi đi loanh quanh trong vườn một lúc rồi nàng ngồi xuống một tảng đá. Tôi cũng ngồi xuống theo nhưng cách nhau gần nửa thước ! Thấy vậy nàng cười mỉm như trêu tôi là tên nhát gái. Câu "nam nữ thọ thọ bất thân" mà bố tôi đã dạy và giảng cho học trò ngày trước đã tiềm ẩn trong đầu óc tôi, do đó tôi đâu dám sát lại hoặc chạm vào tay nàng. Chúng tôi ngồi bên nhau được một chập, chẳng ai nói câu gì cả. Rồi nàng đứng dậy đi vào nhà. Tôi cũng đứng dậy đi theo. Nàng lấy cây đàn nhị treo trên vách và mời tôi cầm đàn. Tôi lắc đầu và nói :

-Tôi không biết chơi đàn.

Nàng cười rồi cầm cây nhị so dây và từ từ kéo một bài. Tôi chỉ nghe tiếng nhị ò e, cũng thấy êm tai nhưng không hiểu bài gì. Tôi hỏi :

-Cô học kéo nhị ở đâu ?

Tiên nói :

-Em chẳng học ở đâu cả, bắt chước bố em thôi. Thỉnh thoảng bố em chỉ cho rồi dần dần biết kéo.

Nàng lại hỏi :

-Anh thấy tiếng nhị của em thế nào?

Tôi nói, "cũng khá hay" cho đỡ ngượng. Thật tình, tôi chẳng hiểu gì về âm nhạc. Cứ như vậy, nàng kéo ò e mãi, nghe phát chán. Muốn bảo nàng ngừng đi cho khỏi điếc tai nhưng không dám nói !

Có lẽ biết tôi chán nên sau bản ấy nàng treo cây nhị lên vách rồi xuống bếp bưng lên một rổ nhỏ khoai luộc, mời ăn. Tôi ngập ngừng cầm lấy củ khoai, từ từ bóc vỏ đưa vào miệng nhai chậm chậm, không dám nhai nhồm nhồm, sợ nàng cười. Mùi khoai luộc thơm ngon làm sao ! Mùi vị này tôi đã hưởng từ khi còn nhỏ ở với mẹ, lúc ấy tôi chẳng thấy thơm ngon như bây giờ.

Hôm nay vì lâu lắm rồi và đang đói nên thấy ngon quá. Ở trại ra đi buổi sáng tôi chưa ăn gì, chỉ uống một ly cà phê đen mà nhà bếp đã pha sẵn cho trung đội. Đã vậy, phải đi bộ gần 10 cây số làm sao mà không đói !

Tiền thấy tôi nhai chậm chậm tưởng tôi không thích ăn. Nàng nói :

-Khoai trắng này không ngon, nếu được khoai lòng vàng thì ngon hơn.

Tôi nói :

-Khoai này ngon lắm rồi. Tôi nhai chậm chậm là để thưởng thức chứ không phải chê đâu.

Tôi ăn hết hai củ to hơn ngón chân cái, tuy muốn ăn nữa nhưng thấy ngượng nên thôi. Ăn khoai xong, tôi uống bát chè xanh. Lúc này mới thấy chè xanh cũng khá ngon. Sau khi ăn uống xong, tôi ngồi cùng bàn với nàng, chẳng biết nói gì nữa. Thỉnh thoảng, chúng tôi rụt rè liếc nhìn nhau. Mấy lần tôi muốn nắm lấy bàn tay xinh xắn của nàng nhưng tôi ngượng quá, ngồi im. Cứ như vậy, chúng tôi ngồi im mãi. Tôi như bưng tỉnh khi nàng đứng dậy và nói :

-Em xuống nấu cơm, bố em cũng sắp về.

Tôi vội vàng chạy ra sân, ngó lên thì thấy mặt trời gần đỉnh đầu. Tôi quay vào nhà nói với nàng :

-Trưa rồi tôi phải về trại.

Nàng nói :

-Anh ở lại ăn cơm với bố em.

Nghĩ đến ông bố, tôi hơi sợ nên từ chối, xin về ngay.

Tiền tiễn tôi ra tận chân đồi, nét mặt buồn bã, dăm chiêu. Tôi bước đi chậm chậm, không đành. Khi đến khúc cong của con đường, tôi ngoái lại nhìn thì thấy nàng vẫn còn đứng ở đấy. Tôi giơ tay ngoác ngoác thì thấy nàng cũng vậy lại. Tôi lùi thui bước dần về Tiên Yên. Vui, buồn, ngẩn ngơ. Rồi mai kia sẽ thế nào đây ? Tôi sức nhớ ra đã vô ý không hỏi nàng về gia đình bố mẹ, anh chị em bao nhiêu người như thường lệ người ta hỏi thăm nhau. Gặp nàng tôi đã quên hết mọi sự. Tôi đúng là một tay ngớ ngẩn. Chả trách về sau, anh Ngân chế diễu tôi là thầy Cai “thỏ mù”. Thỏ Mù là những người thiểu số ở vùng rừng núi phía bắc. Tôi chỉ cười và ngầm nghĩ anh Ngân chế diễu như vậy cũng không sai vì tôi được sinh ra và lớn lên ở Ninh Dương thuộc huyện Móng Cáy, Quảng Ninh, mà bên kia con sông là Trung quốc. Tuy là người kinh nhưng chẳng khác nào dân tộc thiểu số, không khôn ngoan bằng người kinh ở trung châu, Hà nội, Hải Phòng...

Về đến Tiên Yên khoảng 2 giờ chiều, tôi ghé trại gia binh thăm mẹ. Chị dâu thấy tôi mồ hôi, mồ kê đầy người, chị hỏi :

-Chú đi đâu về mà gớm thế ?

Tôi nói dối :

-Ở trung đội đến, trời nắng quá chị Phương ơi !

Nhìn qua, tôi thấy mẹ tôi nằm trên hai miếng ván kê bên vách trái, mặt quay vào tường. Nghe tiếng tôi, mẹ tôi quay lại và ngồi nhồm dậy. Tôi vội bảo mẹ cứ nằm yên cho khỏe. Tôi nhìn mẹ một lúc, thấy sắc mặt mẹ cũng đỡ nhiều, không tiêu tụy như lúc mới đến. Bây giờ chị dâu cũng tỏ vẻ thương mẹ. Có lẽ qua một thời gian lặn lội, chị tôi cũng thấm thía thế nào là tình mẹ con, gia đình. Và cũng có lẽ chị dâu biết tôi thương mẹ nên nể nang và săn sóc tốt hơn trước. Mẹ tôi nhìn tôi một cách âu yếm và tự nhiên nước mắt mẹ tuôn rơi. Tôi hoảng hốt hỏi :

-Mẹ làm gì vậy, sao mẹ lại khóc ?

Mẹ ngồi dậy và nhìn tôi nói :

-Thời gian qua mẹ buồn nhiều và nhớ con lắm. Khi được tin con đi với quân đội Pháp chạy sang Tàu mẹ buồn lắm, mẹ cứ nghĩ chẳng bao giờ gặp được con nữa nhưng nhờ phúc đức ông bà nên bây giờ mẹ lại gặp con.

Nghe mẹ nói vậy, nước mắt tôi tự nhiên trào ra. Tôi sụt sùi khuyên mẹ không nên nhớ lại những dĩ vãng đau buồn làm chi, có thể có hại cho sức khỏe, bây giờ mẹ đã già rồi có các con và các cháu săn sóc, vậy mẹ cứ yên vui tuổi già. Mẹ tôi nghe vậy cũng gượng làm vui và hỏi thăm tình hình công việc của tôi làm hàng ngày. Tôi nói qua loa về việc làm và những chuyện vui bè bạn cho mẹ nghe. Tôi muốn nói nhiều chuyện nữa, như từ khi theo Pháp chạy sang Tàu ra sao, nhưng thời gian không cho phép vì lúc ấy đã gần 5 giờ chiều, tôi còn phải về trại coi chừng bữa cơm chiều của trung đội. Vì thế, tôi phải hứa với mẹ đến chủ nhật sau sẽ ra thăm và đọc thơ Chinh Phụ Ngâm cho mẹ nghe. Nghe vậy, mẹ tôi mừng lắm. Bà rất thích nghe thơ Chinh Phụ Ngâm vì khi tôi còn nhỏ chừng 12 tuổi, tôi đến trước khi đi ngủ, mẹ tôi thường bảo tôi lấy quyển Chinh Phụ Ngâm đọc cho bà nghe. Đến khi thấy mẹ ngủ rồi tôi mới thôi đọc. Hồi đó tôi chưa biết ngâm, chỉ đọc khe khẽ mà mẹ tôi cũng thích nghe. Tôi đọc nhiều lần nên thuộc lòng và đến bây giờ tôi cũng còn nhớ gần hết tập thơ ấy.

Tôi về đến trung đội đã thấy hai cậu lính mới đang sửa soạn cơm chiều cho trung đội ăn. Ngay lúc đó, anh Ngân thấy tôi về. Anh cười hề hề rồi nói :

-Thầy Cai thổ mù đi đâu về mà oai vậy ?

Tôi giật mình nhìn lại thì thấy lưỡi lê còn đeo lưng lẳng ở dây lưng. Thì ra tôi quên, nhẽ ra tôi phải giấu nó vào trong áo thì ai mà biết. Tôi lúng túng và thẹn đỏ mặt. Thấy vậy, anh Ngân tiến đến gần, nhìn thẳng vào mặt tôi thăm dò. Tôi càng thêm bối rối.

Anh Ngân lại tiếp một câu nữa :

-Không chừng thầy Cai đi theo con Mán Mèo đến bây giờ mới về !

Thì ra việc tôi nói chuyện với cô Tiên ngoài chợ mấy ngày trước, anh Đáng đã để ý và về mách cho các bạn trong trung đội biết. Vừa xấu hổ vừa tức mình, tôi lầm lũi đến nhà bếp với nét mặt nghiêm trang. Thấy vậy các bạn cũng không dám nói nữa. Tôi thầm nghĩ, “chỉ vì một cô gái sơn cước chết tiết này mà tôi phải nói dối các bạn cũng như mẹ tôi nữa”, nhưng tôi lại nghĩ sự dối trá này chẳng hại tới ai nên không có gì ân hận. Lúc này tôi thấy đói vì từ sáng đến giờ chỉ được ăn hai củ khoai luộc ! Tôi ngồi xuống ăn ngấu nghiến. Khi ấy tên lính mới khẽ nói cho tôi biết :

-Việc thầy Cai nói chuyện với mấy cô gái ngoài chợ, thầy Đáng nói lại cho mọi người nghe hết rồi nên hôm nay thầy Ngân mới hỏi thầy như vậy đấy.

Thì ra là đúng như vậy !

Tôi đi chợ với anh Đáng được hai ngày nữa thì Campagnola cho biết 2 giờ chiều nay ông được đại đội trưởng cử sang Nam Ninh (Trung Quốc) để liên lạc với Phái Bộ Quân Sự Pháp (MMF) tại đó. Ông bảo tôi và anh Viễn đi theo và dặn đừng nói cho ai biết. Chúng tôi sửa soạn hành lý chờ đến đúng giờ thì xuống thuyền đi Khâm Châu, Trung Quốc. Khi sửa soạn hành lý, tôi dặn khẽ anh Ngân báo lại cho mẹ tôi biết để mẹ khỏi chờ nghe tôi đọc thơ Chinh Phụ Ngâm vào chủ nhật tới.

Chúng tôi xuống chiếc thuyền khá lớn. Trung sĩ Thám là thuyền trưởng cùng 4 binh nhì mới tuyển làm thủy thủ. Thám là người Quang Lĩnh gần Hà Cối, trước là trung sĩ Khố Xanh từ Thượng Hải về được chuyển sang quân đội Pháp. Vốn là dân chài lưới nên ông rất thông thạo nghề sông nước. Thuyền từ từ rời bến và các thủy thủ đẩy dần ra biển. Ra đến biển khoảng 5 giờ chiều, gió đông nam thổi mạnh. Thuyền trưởng ra lệnh kéo buồm. Cánh buồm căng gió, thuyền chạy ven biển hướng về Bạch Long Vĩ. Thuyền trưởng cho thuyền chạy vát chữ chi. Tôi và anh Viễn ngồi khoang trước để ngắm cảnh biển trời, Campagnola ngồi phía sau gần tay lái. Trời bắt đầu tối dần. Mảnh trăng hạ tuần treo lơ lửng ngang đầu về phía tây, hắt ra ánh sáng lờ mờ làm cảnh vật có phần âm đạm. Tôi nhìn về phía tây, tưởng nhớ lại 5 năm về trước khi còn đi học, trong dịp nghỉ hè đã cùng cô Út đi từ bờ biển Trà Cổ rồi chờ lúc nước ròng băng qua eo biển về

An Lang thuộc huyện Đông Hưng để về nhà cô. Theo lời mẹ tôi, An Lang ngày trước thuộc địa phận Việt Nam nhưng sau này người Pháp đem đổi lấy Quảng Châu Văn của Trung Quốc nên An Lang từ đây thuộc Trung Quốc. Mẹ tôi còn nói ông nội tôi tên Phạm Lãm người phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, theo đảng Cần Vương thời vua Hàm Nghi, đã sang vùng An Lang để hoạt động chống Pháp. Sau đó thất bại bị Pháp bắt làm tù. Vì thấy ông tôi giỏi võ lại giỏi chữ Nho nên ông cố đạo địa phận Móng Cáy xin người Pháp tha cho ông tôi. Ông tôi được tha nhưng bị quản thúc ở Móng Cáy, không được về Bắc Ninh nữa. Sau khi được tha, ông tôi được một người Hoa buôn bán ở Móng Cáy tên là Chí Sìn mến tài nên cho mượn một ngôi nhà gần chợ và giúp cho một số tiền để mở hiệu thuốc bắc. Hiệu thuốc lấy tên là TẾ NHÂN ĐƯỜNG, có ý nghĩa cứu người giúp đời, đồng thời mở thêm lớp học chữ Nho. Ông tôi có tính thương người nên người nào nghèo mà muốn học ông đều sẵn lòng dạy miễn phí, Những người khác muốn cho bao nhiêu thì cho, tiền hay gạo ông đều nhận cả. Mẹ tôi còn nói, “không hiểu sao ông không cho mẹ mua những đồ vật gì là hàng ngoại quốc”. Mẹ tôi hỏi thì ông bảo :

-Minh là người Việt Nam thì mua hàng Việt Nam.

Năm 40 tuổi, ông tôi lấy bà Phan thị Hằng người An Lang làm vợ và sinh được hai trai hai gái. Người con đầu là bố tôi, ông đặt tên là Phạm Thuần Chuân, người thứ hai là Phạm Thuần Luân, cô thứ ba là Phạm Thị Nga và cô thứ tư là Phạm Thị Đương. Năm 55 tuổi, ông tôi dời nhà qua Lê Chi Sơn tức là làng Ninh Dương bây giờ, mở trường dạy chữ Nho, mở tiệm thuốc bắc và coi mạch chữa bệnh cho người ta, tên hiệu vẫn là Tế Nhân Đường. Mẹ tôi nói, ông tôi ghét bố tôi lắm vì có tính lười biếng và ham chơi, nhiều lần bắt bố tôi chui vào gằm phản để mông ra ngoài rồi lấy roi quất tui bụi vào mông và chân. Với sự dạy dỗ khắt khe như vậy, bố tôi cũng khá giỏi chữ nho và biết chữa bệnh. Tuy vậy, ông tôi vẫn chưa đắc ý, sinh ra buồn phiền rồi đau tim chết vào năm 73 tuổi. Hai năm sau, bà nội cũng mất vì bệnh tim. Sau ngày ông bà tôi mất, bố tôi sinh ra cờ bạc bỏ luôn nghề dạy học, suốt ngày lang thang sang Đông Hưng để đánh phán thán, một lối cờ bạc như hốt me của ta, đánh tài xiu, đánh phá vùi nay là đề. Tất cả tủ đựng thuốc, dao cầu xắt thuốc, cân tiểu ly, đều bị bố tôi bán hết vì thua cờ bạc. Chỉ còn lại con dấu gỗ khắc ba chữ Nho Tế Nhân Đường vì không bán được ! Khi còn nhỏ tôi thường lấy mực đen in dấu chơi. Ngoài ra còn rất nhiều sách chữ Nho xếp trên gác lửng, tôi thường xé ra để làm diều và nhúm bếp, nay nghĩ lại thật là tiếc. Chắc những sách ấy có giá trị về mặt đông y dược hoặc văn chương mà lúc nhỏ tôi không biết. Hơn nữa, mẹ tôi cũng không biết chữ Nho nên để mặc cho tôi làm gì thì làm.

Sau ngày sự nghiệp của ông tôi tiêu tan, bố tôi thường bỏ nhà đi lang thang có khi hàng tháng mới về. Mẹ tôi hỏi thì bố bảo đi chơi, hỏi mãi cũng chán nên bỏ mặc bố đi đâu thì đi. Đến khi gia đình khánh kiệt, mẹ tôi đành sắm quang gánh xuống ven biển Vạn Ninh mua cá, gánh về chợ Móng Cáy bán. Các anh Phương, Đăng và tôi đều được mẹ cho đi học trường Pháp ở thị xã Móng Cáy (École Mix Franco Annamite). Anh Phương học đến lớp Nhất thì nghỉ học rồi đi lính Khố Xanh. Anh Đăng học đến Élémentaire phải nghỉ học, đi vào mỏ than Hồng Gai để tìm việc làm. Còn tôi học đến lớp Nhì thì nghỉ. Những sự kiện này là do mẹ tôi nói cho nghe như những câu chuyện bình thường trong gia đình, chứ chưa hiểu về đường lối chính trị gì cả. Chỉ sau này tình hình đất nước biến chuyển và qua báo chí, sử ký mà tôi đọc được thì dần dần tôi cũng ý thức một phần nào nhưng đã muộn vì nặng gánh gia đình vợ con mà tôi có bốn phận làm chồng làm cha, không như bố tôi ngày trước đã bỏ bê mẹ con chúng tôi.

Những kỷ niệm gia đình làm tôi đắm chiêu suy nghĩ. Ngay lúc ấy ông Campagnola gọi, anh Viễn chạy vội về phía sau để chuẩn bị chỗ ngủ cho ông. Sau đó chúng tôi lấy một miếng chiếu cói loại sợi lớn, trải dưới khoang thuyền để ngủ đỡ qua đêm. Khi tinh dậy trời đã sáng, tôi

thấy thuyền đã cập bến Khâm Châu từ lúc nào và tôi cũng tự hỏi thuyền trưởng và các thủy thủ có ngủ không?

Sau khi ăn điểm tâm xong, Campagnola dẫn chúng tôi lên bờ và đi thẳng về phía trước, nơi có chiếc xe Dodge đậu cách đây chừng 100 thước. Khi đến xe, có một quân nhân mặc quân phục màu vàng nhạt, đầu đội mũ lưỡi trai trên mũ có gắn huy hiệu mặt trời toả sáng biểu hiệu cờ Trung Hoa Dân Quốc. Trên ve cổ áo có đeo quân hàm nhưng tôi không biết cấp bậc gì. Thiếu úy Campagnola liền đưa ra một tờ giấy. Người ấy cầm cúi xem và gật đầu rồi mời ông lên ngồi phía trước buồng lái cùng với hắn. Tôi và anh Viễn trèo lên ngồi phía sau. Sau này tôi mới biết chiếc xe ấy là của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, được biệt phái đến Phái Bộ Quân Sự Pháp tại Nam Ninh, đã được lệnh ra bến Khâm Châu để đón chúng tôi. Xe khởi hành vào lúc 8 giờ sáng, đi trên con đường tráng nhựa đã cũ có nhiều đoạn lỗ chỗ ổ gà nên xe chạy không nhanh lắm. Tôi nhìn sang hai bên đường, thấy làng mạc ruộng vườn lũy tre cũng giống như làng mạc của ta nhưng phần nhiều là nhà tranh. Dọc theo hai bên đường cũng có nhiều người đi lại ngược xuôi. Thỉnh thoảng, tôi lại thấy một tốp chừng 5,6 người đàn ông đi giày sảo (một thứ dép bằng sợi dừa), đầu đội nón to vành, quần áo màu xám tro, trên vai họ đều gánh đôi bò to tướng, đi ngược từ hướng Nam Ninh trở lại. Tôi không hiểu trong bầy họ đựng gì. Lâu lâu, tôi cũng thấy có quán xá chợ búa ở ven đường. Có lúc tôi thấy những tốp binh sĩ Trung Hoa Dân Quốc chừng 1 hay 2 trung đội đứng thành hàng bên cạnh những chiếc GMC màu cứt ngựa, không biết họ làm gì. Khoảng gần đứng trưa, xe đến một khúc quanh. Tôi nhìn ra xa xa là dãy núi đá vôi phía đông bắc. Người lái xe nói, “sắp đến Nam Ninh rồi”. Xe chạy chừng một giờ nữa thì đến một cái cầu lớn bắc ngang qua sông dẫn về thành phố Nam Ninh. Người lái xe lại nói, “ngày trước thành phố này lớn lắm nhưng trong thời kỳ chiến tranh quân Nhật đã dội bom tàn phá nhiều nơi, đến bây giờ chưa khôi phục lại được”.

Xe đưa chúng tôi vào thành phố qua nhiều đoạn đường trải nhựa khá rộng rãi rồi ngoằn ngoèo mấy khúc nữa thì đến một ngôi nhà hai tầng, phía ngoài cổng có tấm bảng xanh đề MISSION MILITAIRE FRANCAISE (Phái Bộ Quân Sự Pháp) màu trắng. Nơi đây cửa đóng và không có người gác. Thiếu Úy Campagnola bấm vào nút chuông kêu cửa. Một lát sau có một thanh niên ra mở cổng, người này là nhân viên làm việc tại phái bộ. Campagnola đưa một miếng giấy cho anh ta xem. Anh ta gật đầu rồi mời Campagnola và chúng tôi vào. Tôi và anh Viễn ngồi ngoài hành lang trên một cái băng dài bằng gỗ còn ông Campagnola theo anh thanh niên vào văn phòng. Chừng 15 phút sau, Campagnola ra bảo anh Viễn đem đồ đạc của ông lên lầu. Một lúc sau anh Viễn xuống. Campagnola lại bảo chúng tôi theo người thanh niên sang dãy nhà bên gần nhà bếp. Sau khi trút ba lô xuống một cái giường rộng kê bên một cái bàn hình chữ nhật và 4 cái ghế dựa, người thanh niên này bảo chúng tôi, nếu muốn tắm rửa hay đi vệ sinh thì ra phía sau nhà bếp. Chúng tôi ra sau rửa mặt cho mát rồi quay vào. Khi đi ngang qua một gian nhỏ bên cạnh nhà bếp, tôi thấy một cô gái người Trung Hoa. Cô này đang dọn đồ ăn và cơm trên một cái bàn tròn. Người thanh niên mời chúng tôi ăn. Chúng tôi và người thanh niên cùng ngồi ăn với nhau. Bữa cơm ấy có cá thịt, rau đậu như ngày thường nhưng hôm nay tôi cảm thấy ngon hơn chắc vì đói. Tôi vừa ăn vừa nhìn cô gái Trung Hoa khoảng 21, 22 tuổi cũng khá đẹp đang loay hoay múc đồ ăn phục vụ chúng tôi. Thấy tôi nhìn, cô nàng nhìn lại và nói mấy câu xì xỏ tôi không hiểu. Tôi lắc đầu và nói tiếng Quảng Đông :

-Có phải cô nấu cơm và đồ ăn này ?

Cô gật đầu và mỉm cười. Sau đó cô nói tiếng Quảng Đông cho biết cô vừa nấu ăn vừa đi chợ cho nhà bếp. Tôi hỏi :

-Cô có biết nấu cơm Tây không ?

Cô mỉm cười, gạt đầu và cho biết còn có hai cô gái nhỏ nữa để phụ cô làm bếp và giặt giũ cho những người làm trong phái bộ.

Người thanh niên liền nói :

-Hai cô ấy đang phục vụ bàn ăn cho những người Pháp ở dãy nhà trên.

Bấy giờ tôi mới biết anh ta là thông dịch viên cho phái bộ và cũng biết nói tiếng Quảng Đông và tiếng Quan Hoả. Anh cho biết anh là người gốc Hoa ở Hải Phòng nên nói tiếng Việt thành thạo.

Trong hai ngày ở Nam Ninh, chúng tôi chẳng có việc gì làm. Campagnola thường lui tới văn phòng và tiếp xúc với người Pháp tại phái bộ. Thịnh thoảng, ông gọi anh Viễn và tôi để sai bảo những chuyện lật vặt như ra phố mua dao cạo râu, phong bì, giấy bút... Chúng tôi cũng xin ông cho ra phố chơi. Khi ra phố, chúng tôi chẳng biết mua cái gì vì thấy tràn ngập hàng hoá đủ các loại. Giống như thuở còn đi học ở Móng Cáy, tôi thường đi qua những cửa hàng bán tạp hoá như vậy. Nam Ninh là một thành phố lớn, tôi đi qua nhiều dãy phố nhưng chẳng thấy nơi nào ghi tên dãy phố hoặc con đường là gì. Tôi phải nhắm phương hướng và cố nhớ đường đi để khi trở lại khỏi lạc. Cứ như vậy, tôi đi hàng giờ vẫn thấy phố xá, chỗ nào cũng bày bán đủ loại hàng hoá. Tôi ghé vào một góc có tủ nhỏ sửa đồng hồ. Người thợ đồng hồ hỏi tôi mua gì ? Tôi khẽ lắc đầu và ngắm nhìn những chiếc đồng hồ bày trong tủ mà phần nhiều là đồng hồ cũ, và một số dây đeo bằng da màu đen, màu nâu hoặc bằng kim loại trắng. Có một chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Tanco loại lên dây, mặt tròn, màu hồng nhạt, chữ số màu vàng, kim trắng có điểm dạ quang màu xanh nhạt. Tôi thấy cái đồng hồ ấy khá đẹp. Người thợ thấy vậy hỏi tôi :

-Có thích cái đồng hồ ấy không?

Tôi gạt đầu, hỏi :

-Giá bao nhiêu tiền ?

Ông ta nói 30 quan kim. Nghĩ bụng khá đắt nhưng trong túi còn hơn 100 quan kim nên tôi bằng lòng mua ngay. Người thợ cầm chiếc đồng hồ chỉ cách lên dây cốt và điều chỉnh kim theo giờ. Tôi đeo đồng hồ vào cổ tay, nghĩ bụng phen này về Tiên Yên nếu cô Tiên trông thấy thì hẳn diện biết mấy ! Người thợ có vẻ thích thú khi thấy tôi ngắm nghía chiếc đồng hồ một cách say mê. Tôi vội móc túi lấy 3 tờ loại 10 quan kim đưa cho người thợ, khẽ gạt đầu chào và lặng lẽ đi về. Dọc đường, thịnh thoảng liếc nhìn chiếc đồng hồ thấy nó sang trọng làm sao làm tôi thêm phần vui vẻ một cách lạ thường. Về đến Phái Bộ Quân Sự Pháp, anh Viễn thấy tôi đeo đồng hồ, hỏi :

-Chú mày mua bao nhiêu tiền ?

Tôi đáp :

-30 quan kim.

Anh lại nói :

-Chú có trả giá không?

Tôi lắc đầu :

-Thật tình tôi chẳng biết trả giá, chỉ nghe người thợ nói 30 quan kim thì tôi bằng lòng.

Bấy giờ cô gái người Trung Hoa mới ngắm chiếc đồng hồ và khen đẹp. Cô hỏi tôi bằng tiếng Quảng đông :

-Giá bao nhiêu ?

Tôi nói :

-30 quan kim.

Cô le lưỡi, cười có vẻ chế diễu và nói :

-Anh mua hổ rồi, nó chỉ đáng 15 quan kim là cùng !

Nghe vậy, tôi ngẩn người ra vì đã mua đắt một nửa. Anh thanh niên đứng đó cũng cười sáng sặc và nói :

-Cậu này dân Tây mà !

Tôi tiu nghỉu vì đã mua hớ nhưng vẫn thấy thích vì nó quá đẹp và sang trọng.

Buổi chiều hôm ấy, Campagnola cho biết ngày mai phải trở về Khâm Châu để xuống thuyền về Tiên Yên. Ông nói :

-Các anh muốn ra phố chơi thì đi nhưng phải về cho sớm để ngày mai còn dậy sớm mà đi.

Được phép, tôi và anh Viễn ra phố chơi chứ không mua gì cả. Trước khi trở về, anh Viễn ghé vào chỗ bán chí mà phù mua hai bát nhỏ, đưa tôi một bát còn nóng hổi. Chúng tôi đứng ăn trên hè phố một cách tự nhiên. Thật là tuyệt ! Chí mà phù là một loại tàu hũ bằng bột vừng đen mà tôi và anh Viễn khoái nhất trong số quà cáp bán rong.

Chúng tôi dậy lúc 5 giờ sáng. Anh Viễn lên dây nhà trên để sửa soạn hành trang và đánh thức ông Campagnola. Sau đó, anh quay xuống rồi cùng tôi uống cà phê và ăn điểm tâm. lát sau, tôi thấy một chiếc xe jeep đến trước cổng, theo sau là chiếc GMC. Campagnola và một người Pháp từ dây nhà trên đi xuống, theo sau là một số người Trung Quốc mặc thường phục vác ra những thùng gỗ có đai sắt, xếp đầy lên chiếc xe GMC. Campagnola bắt tay chào từ biệt người Pháp rồi lên xe ngồi kế bên người lái và ngoắc tay bảo tôi và anh Viễn trèo lên ngồi phía sau. Tôi không hiểu những thùng gỗ xếp trên xe là những thùng đựng gì, chắc là súng đạn hoặc dụng cụ quân sự. Tôi muốn hỏi Campagnola nhưng sợ ông nghĩ tôi có tính tò mò nên thôi. Sau đó ông ra lệnh hai xe chạy ra phố rồi theo đường cũ chạy về Khâm Châu.

Quá trưa thì xe đến Khâm Châu. Chiếc thuyền buồm hôm trước vẫn neo tại chỗ cũ. Campagnola và chúng tôi đi bộ đến gần bờ. Ông bảo anh Viễn kêu to để những người dưới thuyền biết. Anh Viễn giơ hai bàn tay lên miệng làm loa rồi hú to. Nghe tiếng hú, mấy người dưới thuyền lúi húi chui ra khỏi khoang. Nhận ra chúng tôi, lập tức họ kéo neo rồi lấy sào đẩy thuyền vào sát bờ rồi bắt cầu cho chúng tôi lên. Campagnola bảo trung sĩ Thám cho tất cả số thủy thủ lên chiếc GMC để chuyển hết số thùng gỗ xuống thuyền. Sau đó ông trở lên bắt tay chào từ giã hai người lái xe để họ trở về Nam Ninh.

Sau một quãng đường dài và nhiều ổ gà mà xe phải vượt qua, tôi cảm thấy khá mệt nên khi xuống thuyền tôi muốn nằm nghỉ ngay. Campagnola và anh Viễn cũng thế. Chúng tôi nằm nghỉ được hơn một tiếng đồng hồ thì thấy một lính mới bung ra một nồi cháo gà nóng hổi mời chúng tôi ăn. Thế là chúng tôi mỗi người một bát vừa thổi vừa ăn một cách ngon lành. Buổi chiều tối thuyền rời bến. Nước thủy triều bắt đầu rút, gió đông nam thổi nhẹ. Thuyền trường cho kéo buồm và chạy vạt theo hướng tây nam. Vì gió thổi nhẹ nên thuyền đi rất chậm. Có lúc buồm không căng gió các thủy thủ phải lấy mái chèo chèo phụ, trông rất vất vả. Tôi ra trước thuyền để ngắm cảnh trời nước. Đêm nay không trăng, trời mây quang đãng, các vì sao toả sáng lung linh trên bầu trời rất đẹp. Tôi nhìn về hướng Móng Cáy quê tôi mà ngẩn ngơ suy nghĩ, chẳng biết dân làng và bạn bè tôi ra sao trong cảnh nghèo đói và loạn lạc này? Tôi chẳng biết Vũ Kim Thành là ai, Quốc Dân Đảng là tổ chức gì. Tôi có hỏi anh Phương thì anh giải thích lờ mờ rằng Vũ Kim Thành thuộc Quốc Dân Đảng là thành phần chống Pháp. Tuy biết vậy nhưng lúc đó tôi chẳng hiểu chính trị là gì và chỉ ước mong cho quân Pháp mau trở về Móng Cáy để tôi được gặp người thân, bè bạn và dân làng ở quê hương tôi. Nhưng lần này quân Pháp lại không về Móng Cáy làm tôi buồn khổ biết bao !

Lúc này trời đã khá khuya và thấy hơi lạnh nên tôi chui vào khoang, nằm bên cạnh anh Viễn. Nhìn đồng hồ thì thấy kim chỉ 7 giờ 30. Tôi ngạc nhiên, sao mà sớm quá thế ? Thì ra chiếc đồng hồ của tôi đã chết vào giờ đó ! Tôi khẽ lắc thì thấy kim giây chạy được một chút rồi đứng

lại. Tôi lắc đầu. Lần này nó cũng nhích chút xíu rồi lại ngừng. Tôi thử lên thêm giây cốt nhưng vẫn thấy kim nằm ì không nhúc nhích. Vậy là nó chết thật rồi ! Tôi chán nản và cứ đeo nó trên tay mà xót xa tiếc tiền. Tôi cảm giận người thợ bán đồng hồ ghê lắm và nghĩ bụng nếu có dịp đi Nam Ninh, tôi sẽ đến bắt đền anh ta.

Ngày hôm sau, thuyền chúng tôi về đến Tiên Yên. Chắc vì gió ngược nên mới chậm như vậy. Chúng tôi lên bờ về trung đội. Campagnola lên văn phòng đại đội. Số thùng gỗ được các anh em vác lên kho đại đội.

Chiều hôm ấy, sau khi nghỉ ngơi, ăn uống xong, tôi về trại gia binh thăm mẹ. Thấy mẹ vui vẻ, nước da hơi hồng hào tôi vui mừng lắm. Tôi kể cho mẹ nghe hành trình của chúng tôi vừa qua. Mẹ tôi thích thú nghe tôi kể chuyện. Tới chuyện cái đồng hồ, mẹ tôi cầm tay tôi ngắm nghía một lúc rồi khen đẹp làm tôi rất phấn khởi. Rồi mẹ bảo, “con đem đi sửa cho nó chạy” nhưng tôi chẳng biết sửa ở đâu vì lúc này Tiên Yên chưa thấy ai sửa đồng hồ. Và mặc dầu cái đồng hồ đã hỏng, tôi vẫn cứ đeo vì thấy nó đẹp quá.

Mẹ tôi có ý định trở về Ninh Dương vì ở đây còn nhà cửa, mồ mả ông bà tổ tiên. Ngoài ra còn con cháu nội ngoại nên bà không thể ở đây lâu được. Tôi nói :

-Khi nào mẹ khoẻ mạnh và gia đình yên ổn thì mẹ hãy về. Nhất là con còn ở đây thì mẹ đừng vội về .

Mẹ tôi nói :

-Định vậy thôi, chẳng biết bao giờ mới về Ninh Dương được !

Sau những ngày ấy, tôi lại được tiếp tục đi chợ và trông nom nhà bếp. Một buổi sáng chủ nhật, tôi lại được gặp cô Tiên. Thấy tôi, cô tỏ vẻ vui mừng. Tôi cũng vui mừng và ngắm cô một cách âu yếm. Cũng vẫn dáng điệu ấy, y phục ấy. Nhất là chiếc vòng bạc mà cô đeo trên cổ thòng gần xuống ngực làm tăng thêm vẻ ngây thơ của một người con gái sơn cước và làm tôi càng ngẩn ngơ. Thấy tôi đeo đồng hồ, cô cầm tay tôi lên xem một cách hồn nhiên làm cho tôi hơi ngượng nhưng cảm thấy thích thú. Cô ngắm một lúc rồi nói :

-Sao không thấy chạy ?

Tôi ngượng quá, bảo :

-Nó chết rồi và còn đang đi tìm chỗ sửa.

Tôi cũng nói đã mua hồ cái đồng hồ này . Cô cười vui vẻ và liếc nhìn tôi một cách âu yếm. Tôi muốn nắm bàn tay cô nhưng rồi không dám vì thấy nhiều người xung quanh đang nhìn ngó chúng tôi. Hai đứa chúng tôi thập thò nhìn nhau chẳng ai nói được câu nào nữa. Được một lúc anh Đáng đến và giục tôi về.

Về đến trại, không hiểu sao anh Đáng lại nói to cho mọi người biết là tôi gặp cô Tiên ngoài chợ. Anh còn nói là tôi khoe cái đồng hồ chết cho cô Tiên xem ! Anh Ngân đem một câu làm tôi thêm đỏ mặt :

-Thầy Cai Thỏ Mù khoe cái đồng hồ chết cho cô Mán Mèo thấy để làm dáng.

Ôi ! thật là một câu độc địa đối với tôi lúc ấy. Tôi bực mình, sẵn lại nắm cổ áo anh và định đâm vào mặt anh mấy cái cho hả giận. Các bạn thấy vậy vội chạy đến can ngăn. Anh Viễn nói :

-Thôi, em bỏ qua đi, anh Ngân nói đùa em cho vui chứ không có ác ý gì đâu.

Tôi cũng nhận thấy mình hơi nóng tính nên mới có hành động như vậy. Tôi cúi đầu tỏ vẻ hối hận. Anh Ngân cầm tay tôi, nói :

-Thôi, bỏ qua cho tớ, tớ nói đùa cho vui đừng giận nữa nhé.

Tôi chớp chớp mắt, về mặt dịu lại và khẽ gật đầu. Các bạn thấy thế cũng vui theo. Chúng tôi lại tiếp tục ăn uống một cách vui vẻ. Sau đó tôi về chỗ nằm và lột chiếc đồng hồ cất vào ba lô, định khi nào có dịp sẽ đeo đi nữa.

Tôi suy nghĩ không biết rằng mình có yêu cô Tiên không ? Nhưng sao tôi lại nghĩ đến nàng hoài và mỗi lần gặp nàng thì tôi vui mừng ? Tôi lại nghĩ nếu tôi yêu nàng và lấy nàng làm vợ thì phải chờ một thời gian dài nữa, vì lúc này tôi mới là Cai, đồng lương không được bao nhiêu. Nhất là mẹ tôi còn bệnh hoạn và nghèo túng. Anh Phương tuy được hưởng lương Đội xếp nhưng vì con đông nên không thể chu cấp cho mẹ tôi nhiều được. Tôi cần phải có tiền, dù là ít cũng phải cho mẹ. Do đó, dù có muốn cô Tiên làm vợ thì cũng chưa cưới được trong lúc này.

Chuyện tôi và cô Tiên thế mà cũng đến tai mẹ tôi, anh Phương và chị dâu. Một hôm chủ nhật, tôi về thăm mẹ thì mẹ nói :

-Con đã có người yêu rồi, phải không ? Nghe nói cô nàng đẹp lắm là người ở Phong Dụ gần đây ?

Tôi nói :

-Con có quen biết cô Tiên, thấy đẹp thì con mến nhưng chưa có ý định lấy làm vợ vì lúc này con chưa có nhiều tiền. Vả lại, mẹ còn hay đau ốm, con làm sao lấy vợ lúc này được ?

Nghe tôi nói, mẹ bảo :

-Con đừng lo, nếu con lấy vợ thì mẹ được thêm con dâu hầu hạ giúp đỡ. Nhất là con yêu cô ấy thật sự thì mẹ càng vui mừng chấp nhận.

Mẹ tôi nói cũng có lý nhưng không thể làm ngay được. Hãy chờ đấy, sau này sẽ tính.

Hai ngày sau vào buổi chiều thứ bảy, thiếu úy Campagnola gọi tôi và anh Đáng đến. Ông bảo chúng tôi ngày mai chủ nhật ra Bầy Chua để lên một chiến hạm Pháp đậu ngoài biển đối diện với Bầy Chua. Tôi hỏi :

-Lên chiến hạm để làm gì ?

Ông nói :

-Chiều hôm qua, thuyền trưởng của chiến hạm được đại đội trưởng mời ăn tiệc. Trong dịp này, tôi có khoe là trung đội có anh và 36 bơi lội rất giỏi. Ông thuyền trưởng có nhã ý mời hai anh ngày mai ra chiến hạm chơi và biểu diễn tài bơi lội cho họ xem.

Thì ra là vậy, Campagnola đã tâng bốc nghề bơi lội của chúng tôi cho họ biết để làm oai.

Sáng hôm sau, Campagnola, tôi và anh Đáng lên một chiếc ca nô nhỏ từ bến Tiên Yên chạy dọc sông ra Bầy Chua do một thủy thủ người Pháp cầm lái. Chiếc canô này chạy khá nhanh. Mũi nó ngẩng cao như muốn phóng lên sóng. Thật tình, tôi chưa đi được chiếc ca nô nào chạy nhanh như vậy. Ngó về sau thấy hai đợt sóng lớn do ca nô phát ra, đập vào hai bên bờ sông một cách mạnh mẽ làm tôi cảm thấy thích thú. Chạy được nửa giờ, ca nô đến cửa biển Bầy Chua và cứ thế, tay thủy thủ tiếp tục cho ca nô chạy ra biển, hướng về chiến hạm đậu cách đó 3 cây số.

Đây là lần đầu tiên tôi thấy chiến hạm to lớn như thế. Khi ca nô gần sát mạn tàu, tôi thấy một số thủy thủ ló nhỏ trên boong cao tí nhìn xuống. Chúng tôi lên tàu theo một chiếc thang dây và leo theo cầu thang khá rộng rãi để lên boong trên. Tại đây chúng tôi được viên thiếu tá chỉ huy chiến hạm bắt tay chào hỏi niềm nở. Sau đó, Campagnola giới thiệu chúng tôi là những người mà ông đã nói chuyện hôm qua ở Tiên Yên. Campagnola và chúng tôi được mời vào bàn ăn. Trên bàn có đĩa đựng nhiều khoanh bánh mì hình vuông và một đĩa to đựng đầy pho-mát cùng dao ăn. Thiếu tá hạm trưởng mời chúng tôi ăn tự nhiên. Lần đầu tiên được ăn bánh mì hình vuông, tôi mới biết nó dẻo và thơm hơn các loại bánh mì khác mà tôi đã được ăn từ trước. Thấy tôi cầm dao và nĩa một cách vụng về, Campagnola tùm tùm cười hoài. Cuối cùng, tôi cũng ăn hết hai khoanh bánh mì và cục pho mát bằng cách lấy tay bóc cho nhanh ! Sau đó chúng tôi được uống một ly lớn cà phê pha sữa bột. Đó là bữa điểm tâm của chúng tôi sáng hôm ấy trước khi biểu diễn tài bơi lội.

Campagnola bảo chúng tôi cởi bỏ quần phục, chỉ để lại cái quần cụt rồi đi ra mũi tàu. Kế đó, chúng tôi đứng trên thành lan can chuẩn bị nhảy và lặn xuống biển. Tôi hơi chột dạ vì lần đầu tiên đứng cao như vậy để nhảy xuống mặt biển cách chừng 8 mét. Có lẽ anh Đáng cũng giống như tôi vì tôi thấy hai bàn chân anh hơi run run và mặt hơi tái. Campagnola kêu to, “can đảm lên, can đảm lên”. Nghe vậy, anh Đáng tung người lên như một con chim rồi chúi đầu thẳng xuống nước. Tôi cũng vội nhắm mắt, hít một hơi dài và tung người lên rồi chúi thẳng đầu xuống biển. Chỉ nghe một tiếng ùm và cả thân người tôi chìm sâu xuống nước. Tôi vội mở mắt thấy nước biển màu xanh đậm hơi tối. Cứ thế tôi lặn sâu xuống nhưng vẫn không thấy anh Đáng. Khi hơi thở gần hết, với kinh nghiệm từ trước, tôi há miệng hớp đầy họng nước để thêm không khí vào bụng và tôi cứ lặn sâu xuống nữa, nhưng vẫn không thấy anh Đáng. Lúc này hai lỗ tai nhức quá vì sức ép của nước, tôi đành quay đầu lên và đập mạnh chân cho vọt nhanh lên mặt nước. Tôi vừa nhô đầu lên khỏi mặt nước thì cũng thấy anh Đáng vừa nhô đầu lên cách tôi chừng 3 mét. Chúng tôi nhìn nhau cười vui vẻ. Trên tàu, hạm trưởng, Campagnola và các thủy thủ đều vỗ tay hoan nghênh. Chúng tôi bám thang dây leo lên boong. Campagnola bảo chúng tôi biểu diễn một lần nữa mới nghỉ. Ông hỏi tôi :

-Có thấy gì không ?

Tôi lắc đầu nói :

-Hai lỗ tai nhức quá không chịu nổi mới nhô lên sớm mặc dầu chưa hết hơi.

Nghe vậy hạm trưởng nói :

-Độ sâu của tàu đang đậu là trên 100 thước, các anh chỉ đến độ sâu chừng 8 mét thôi thì thấy cái gì được !

Chúng tôi được nghỉ 10 phút rồi hạm trưởng cho thủy thủ bung ra hai ly cà phê đen mời chúng tôi uống cho khoẻ. Uống cà phê xong, tôi và anh Đáng tiếp tục biểu diễn lần thứ hai. Lần này, tôi thấy hạm trưởng cầm một cái máy ảnh để chụp hình kỷ niệm. Giống như lần trước, tôi và anh Đáng đứng trên lan can tàu nhưng lần này tự tin hơn. Trước khi tung người lên, tôi cũng hít một hơi dài rồi tung người lên không trung một vòng cho ngoạn mục hơn rồi duỗi thẳng tay chân chúi đầu thẳng xuống như một khúc gỗ lao xuống nước. Tôi nghĩ lúc này hạm trưởng đang bấm máy ảnh để chụp nên càng phấn khởi hơn. Một tiếng ùm bên tai và nước biển lạnh toát thân thể, lần này tôi có cảm tưởng xuống sâu hơn lần trước. Rồi cứ thế tôi đập thật mạnh hai chân để xuống sâu hơn nữa nhưng chỉ một lúc, tôi nghe hai lỗ tai nhức nhối không thể chịu nổi. Thế là tôi phải hớp một ngụm nước biển vào miệng để lấy thêm không khí rồi từ từ trôi lên. Cũng đúng lúc anh Đáng vừa nhô đầu lên. Chúng tôi lại cười với nhau một cách tự hào. Nhìn lên boong tàu tôi thấy thiếu tá hạm trưởng, thiếu úy Campagnola và thủy thủ vỗ tay hoan hô vang dội. Lần này Campagnola cầm một cái chai đầy nước nói, “lặn bắt được cái chai này lên thì sẽ được thưởng”. Nói xong ông vắt chai xuống biển. Tôi và anh Đáng vội hụp xuống theo hướng chai chìm. Chúng tôi lặn xuống chừng 4 thước thì chụp được và thấy chai chìm không nhanh cho lắm. Khi nhô đầu lên, chúng tôi đều cầm cái chai ra hiệu cả hai người đều chụp được. Những người trên boong tàu đều vỗ tay hoan nghênh. Tôi chợt nghĩ ra bọn họ lấy chúng tôi làm trò cười chứ nghề bơi lội của chúng tôi có thấm gì với đoàn thủy thủ chiến hạm Pháp !

Khi lên đến boong, hạm trưởng và Campagnola đến bắt tay chúng tôi và có lời khen ngợi, cổ vũ. Sau khi chúng tôi mặc lại quần phục, hạm trưởng cho người đem ra một chai rượu Martel, một hộp bánh bít quy tặng cho chúng tôi. Tôi và anh Đáng nhận và cảm ơn ông ta mặc dù trong lòng cảm thấy rất buồn cho thân phận nhược tiểu của mình, của dân tộc mình. Sau đó Campagnola chào, bắt tay hạm trưởng rồi dẫn tôi và anh Đáng xuống ca nô về lại Tiên Yên.

Về đến trung đội, tôi và anh Đáng đồng tình tặng chai rượu cho Campagnola. Còn hộp bánh thì mở ra chia cho các bạn trong trung đội mỗi người một chiếc. Sau khi cơm nước xong,

tôi về trại gia binh để thăm mẹ. Tôi kể chuyện bơi lặn cho mẹ nghe. Mẹ tôi có vẻ thích thú khi nghe tôi nói. Lúc này còn sớm, tôi định đọc thơ Chinh Phụ Ngâm cho mẹ nghe bèn nói :

-Mẹ có thích nghe thơ Chinh Phụ Ngâm không ?

Mẹ tôi mở to mắt có vẻ mừng và nói :

-Mẹ thích lắm nhưng đâu có quyển thơ ấy ở đây.

Tôi nói :

-Con thuộc lòng hết rồi, vậy mẹ nằm xuống con sẽ đọc cho mẹ nghe.

Mẹ tôi mừng lắm và nằm xuống. Tôi ngồi bên cạnh đọc thơ. Mẹ tôi lim dim mắt nghe tôi đọc và tự nhiên, nước mắt bà chảy ra khi tôi đọc đến câu :

"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng đối đối soi.
Chinh phu, tử sĩ mấy người,
Nào ai trận mạc nào ai gọi hồn".

Thấy vậy, tôi không đọc nữa và nói :

-Mẹ khóc như vậy con không dám đọc nữa đâu.

Mẹ nói :

-Con cứ đọc đi, mẹ cảm động nên mới ứa nước mắt đó thôi, không sao đâu.

Tôi lại đọc, mẹ lại lim dim nghe và nước mắt lại chảy khi nghe những câu thơ buồn. Mấy lần tôi định không đọc nữa nhưng mẹ không chịu và tỏ vẻ buồn. Tôi đành chịu ý mặc dầu những giọt nước mắt của mẹ làm tôi xót xa trong lòng. Đến gần chiều, tôi mới đọc xong tập thơ ấy và tôi vội xin phép mẹ để về trung đội đánh kèng gọi các bạn ăn cơm chiều.

Thời gian này, cô Nhung, em vợ trung sĩ Tố, hằng ngày quảy hai thùng gỗ đến lấy đồ ăn thừa đem về trại gia binh để nuôi lợn. Cô này người Vạn Hoa trông cũng khá đẹp vì có nước da trắng hồng nhưng đôi mắt thì lim dim chứ không trong sáng như cô Tiên. Mỗi lần đến thấy tôi, cô đều gật đầu chào và nói :

-Thầy cho em xin về nuôi lợn.

Tôi nói :

-Cô cứ việc lấy, không sao đâu. Cô đừng gọi tôi bằng Thầy, tôi ngượng quá.

Cô nói :

-Không gọi bằng Thầy thì gọi bằng gì ?

Tôi nói :

-Gọi bằng gì cũng được.

Thấy tôi nói vậy, cô có vẻ bẽn lễn, chúm chím cười. Một hôm anh Ngân nói với tôi :

-Thế nào, thầy Cai thổ mù có muốn cô Nhung không, tôi làm mối cho ?

Lạ thật, mỗi lần có chuyện gì nói với tôi thì anh Ngân cứ gọi tôi là thầy Cai thổ mù có ý trêu chọc và hình như câu “thổ mù” đối với tôi cứ như dính liền vào miệng anh. Tôi ghét cay ghét đắng lời chọc ghẹo này và nhiều lần tôi tỏ thái độ bất mãn nhưng anh vẫn không chừa. Tôi bực mình liền gằn giọng nói :

-Anh muốn thì lấy đi, cứ gì gán cho tôi !

Nghe vậy anh cười hô hô. Tôi nghĩ bụng có ngày tôi sẽ bẻ răng anh ta. Sau này tôi mới biết vợ trung sĩ Tố muốn tôi làm em rể bà ta nên nhờ anh Ngân đánh tiếng ướm thử.

Thời gian này tôi được tin tình hình ở Móng Cáy không được yên ổn, đội quân Quốc Dân Đảng do Vũ Kim Thành chỉ huy lại đối đầu với quân Pháp. Tôi cũng được tin có Việt Minh xuất hiện ở Móng Cáy, và Quốc Dân Đảng và Việt Minh cũng kinh chông nhau. Thật tình lúc này tôi chẳng hiểu chính trị là gì cả, chỉ biết Quốc Dân Đảng và Việt Minh kinh chông nhau. Còn bọn thổ phỉ thì thường cướp bóc dân chúng nên ban đêm chẳng ai dám ra khỏi nhà. Tôi cũng

được tin Đại Úy Voòng A Sáng đặt văn phòng ở Tiên Yên đang tuyển mộ lính người Nùng để thành lập tiểu đoàn Nùng. Ngoài ra tôi còn được tin dân chúng chỉ mong quân đội Pháp mau trở về Móng Cáy để dân chúng được yên ổn làm ăn.

Đại Úy Voòng A Sáng là người Nùng gốc Hoa sinh tại Hà Cối, trước là thiếu sinh quân được nhập quốc tịch Pháp và học ở trường võ bị École Sincire Pháp. Ông đang chỉ huy đại đội 10 thuộc sư đoàn 19 bộ binh Pháp. Khi đại đội 7 chúng tôi chạy lên vùng Hà Cối thì đại đội ông được lệnh cô thủ thành Móng Cáy nhưng vì hỏa lực của quân đội Nhật lúc đó rất mạnh, hơn nữa đại đội ông chưa hề đánh trận thật lần nào nên rất hoảng sợ. Thấy bất lợi, ông cho rút chạy qua sông về phía Đông Hưng (Trung quốc) và gặp đại đội chúng tôi ở Nà Sớ. Sau đó đại đội ông được lệnh di chuyển về phía Đông Bắc và đại đội tôi được chuyển về Phòng Thành.

Sáng chủ nhật sau khi đi chợ về, tôi đến trại gia binh thăm mẹ. Mẹ nói :

-Mẹ mới được tin ông Lý Chấn và anh Út Râu vừa mới bị lính của đại úy Voòng A Sáng bắt chiều hôm qua, nếu con có quen đại úy Sáng thì xin tha cho người ta để làm phúc.

Tôi hỏi :

-Ông Lý Chấn và anh Út Râu bị bắt vì tội gì ?

Mẹ tôi nói không biết. Tôi biết ông Lý Chấn là người tốt và anh Út Râu là cầu thủ đá bóng giỏi trong đội bóng Vạn Xuân tỉnh Hải Ninh. Tôi lưỡng lự vì chưa hề tiếp xúc với đại úy Sáng bao giờ nhưng nghe mẹ nói tôi không thể từ chối vì sợ mẹ buồn. Tôi thưa :

-Vâng, để con sẽ đi xem thế nào.

Hôm sau, tôi đến văn phòng của đại úy Sáng, hỏi thăm chỗ giam giữ phạm nhân. Vừa đến nơi, người lính gác cửa phòng giam thấy tôi đeo lon Cai vội đứng nghiêm chào. Tôi chào lại. Người lính nói tiếng Quảng Đông :

-Anh muốn hỏi gì ?

Tôi nói :

-Tôi muốn gặp hai người ở Ninh Dương vừa bị bắt chiều hôm qua.

Người lính lắc đầu nói không được. Tôi nhìn qua song sắt cửa sổ phòng giam. Ngay lúc ấy, ông Lý Chấn cũng vừa nhìn ra cửa sổ. Có lẽ ông nghe tiếng tôi nói với người lính nên kêu to :

-Có phải chú Tri đây không ?

Tôi vội thưa :

-Vâng, em đây.

Ông tỏ vẻ mừng rỡ nói :

-Chú làm ơn nói với đại úy Voòng A Sáng tha cho chúng tôi. Lính của đại úy đã bắt oan chúng tôi trong khi chúng tôi đi thuyền vào Hòn Gai để lánh nạn thổ phỉ và tìm việc làm ăn.

Nghe vậy tôi rất cảm động và nói :

-Ông Lý cứ yên tâm, em sẽ đến đại úy Sáng xin tha cho ông và anh Út.

Nói rồi, tôi từ từ đến văn phòng của đại úy Sáng, trong lòng phấp phồng lo lắng, không biết có được đại úy cho gặp hay không, nhưng vì một lời hứa với ông Lý, tôi quyết định đến thử xem sao. Thấy tôi đến gần văn phòng, người lính gác ngó tôi có vẻ thăm dò nhưng không chào như người lính trước. Tôi vội nói muốn gặp đại úy để xin một việc. Nghe vậy, người lính này gõ cửa và đứng nghiêm giờ tay chào về phía trong và nói bằng tiếng Quảng Đông :

-Có một caporal muốn gặp đại úy để xin phép nói chuyện.

Tôi đứng sau người lính, ghé đầu nhìn vào thì thấy đại úy Voòng A Sáng đang ngồi trong văn phòng, khuôn mặt to, nước da hơi đen sạm với quân hàm đại úy 3 vạch bằng kim tuyến đeo trên cầu vai với quân phục màu kaki vàng thật oai vệ. Tôi cảm thấy run sợ nhưng cố giữ bình tĩnh đứng nghiêm. Đại úy Sáng ngó về phía tôi, đôi mắt sáng quắc và gật đầu có ý cho phép tôi

vào. Người lính vội đứng né sang một bên. Có lẽ đại úy muốn thử tôi nên ông hỏi tôi bằng tiếng Pháp khi tôi còn cách ông chừng hai thước :

-Anh ở đâu thuộc đơn vị nào và muốn hỏi việc gì ?

Tôi trả lời chậm rãi :

-Tôi thuộc tiểu đội của thiếu úy Campagnola, trung đội 3, đại đội 7 muốn xin đại úy một việc.

Thấy tôi nói tiếng Pháp khá chuẩn, đại úy Sáng tỏ vẻ thiện cảm và mời tôi ngồi ghé phía trước bên góc bàn phải. Tôi ngồi xuống và ông nói :

-Anh nói tiếp đi.

Tôi cảm ơn và nói về việc ông Lý Chấn bị bắt chiều hôm qua tại Bẫy Chùa trong khi đi thuyền về Hòn Gai để tránh nạn thổ phỉ và tìm việc làm kiếm sống. Tôi nhấn mạnh ông Lý Chấn là lý trưởng trong làng tôi thuộc xã Ninh Dương, huyện Móng Cáy và anh Út Râu người xã Vạn Xuân nguyên là một cầu thủ giỏi trong đội tuyển Hải Ninh đã từng thi đấu trong Hải Phòng và các huyện lân cận ; hai người đều là người tốt không ác với ai cả. Nghe tôi nói, đại úy Sáng tỏ vẻ trầm ngâm rồi gật đầu. Ông nói :

-Thôi được, anh cứ về đi để tôi xem lại. Nếu là người tốt tôi sẽ thả ra.

Nghe vậy tôi rất phấn khởi và nói “cảm ơn đại úy” rồi giơ tay chào một cách lễ độ rồi quay về đằng sau theo nghi lễ nhà binh và từ từ bước ra cửa.

Sáng hôm sau, sau khi đi chợ về, tôi vội ghé đến văn phòng đại úy Vòng A Sáng nhưng ông đã đi vắng. Người lính gác nói cho biết, hai người bị giam hôm qua đã được đại úy trả tự do và họ đã đi khỏi đây vào khoảng 8 giờ rưỡi. Tôi thầm cảm ơn đại úy Sáng và ngay sau đó, tôi đến trại gia binh báo cho mẹ tôi biết. Khi tôi đến, mẹ tôi bảo ông Lý Chấn và anh Út Râu mới đến đây cho mẹ biết hai người mới được thả và có lời cảm tôi đã giúp đỡ nên họ mới được thả sớm như vậy. Mẹ tôi còn nói, vì cần phải xuống thuyền đi Hòn Gai ngay nên không kịp đến chỗ con. Nghe vậy, tôi rất vui mừng vì đã làm được một điều tốt cho mẹ tôi vui lòng.

Một tháng sau, tôi được biết đại đội người Nùng của đại úy Vòng A Sáng được lệnh rời Tiên Yên để về Đầm Hà, Hà Cối và đang tuyển mộ lính mới người Nùng thay thế quân đội Pháp. Chuyện này tôi có hỏi Campagnola nhưng ông chỉ mỉm cười không nói rõ cho tôi biết. Thời gian này, đại đội tôi cũng được tuyển mộ lính mới người Việt Nam. Những người này từ vùng Đầm Hà, Ba Chẽ đến và gia nhập vào quân đội Pháp để tăng cường cho đại đội chúng tôi.

Được hai tuần sau, vào đầu tháng 7 năm 1946, thiếu úy Campagnola nói cho tôi biết tất cả binh sĩ người Việt còn trẻ của đại đội phải di chuyển về Sài Gòn, trừ một số người lớn tuổi thì được ở lại đồn trú tại Tiên Yên. Phần ông, ông cũng được ở lại để chờ ngày về Pháp vì ông sắp hết hạn ở Đông Dương. Được tin này tôi rất hoang mang và nghĩ, nếu tôi đi vào Sài Gòn thì mẹ tôi buồn lắm, biết bao giờ tôi mới được gần gũi và giúp đỡ mẹ ? Tôi nghĩ phải đưa mẹ đi theo. Tôi về trại gia binh nói cho mẹ nghe việc này. Mẹ tôi dằn dụa nước mắt khi nghe tôi nói. Tôi cũng sụt sùi nói:

-Con sẽ đưa mẹ đi theo cùng các binh sĩ trong đại đội.

Mẹ tôi nắc lên:

-Không được đâu, mẹ không thể đi theo con được vì còn nhà cửa, mồ mả ông bà ở Móng Cáy và các con cháu nội ngoại.

Nói xong mẹ tôi lại khóc lớn hơn. Những giọt nước mắt của mẹ làm tôi càng thêm đau khổ nhưng không biết nói gì thêm để mẹ thôi khóc. Thấy vậy anh Phương và chị dâu đến khuyên giải và nói rằng :

-Quân đội là thế, nay đây mai đó biết làm sao. Nếu em có đi về Nam thì còn anh chị và các cháu ở lại cũng đủ sẵn sóc cho mẹ. Em cũng như một người lính đi xa nhà, hàng tháng em viết thư về thăm mẹ và anh chị là được rồi.

Chị dâu cũng an ủi mẹ và tôi như vậy. Tôi cảm thấy được yên tâm phần nào và nói với anh chị tôi rằng:

-Bây giờ mẹ chỉ còn trông cậy vào anh chị. Còn em và anh Đăng cũng như các chị khác vì hoàn cảnh không thể nào được gần gũi sẵn sóc mẹ, vậy xin anh chị sẵn sóc mẹ cho tốt và xin nhớ lời em dặn.

Tôi trở về trung đội với một tâm trạng buồn phiền. Tôi tự oán tại sao lại sinh vào thời đại này, vừa mới lớn lên đã phải dấn thân vào loạn lạc để luôn luôn gặp cảnh chia ly, buồn khổ. Tôi lại nghĩ đến cô Tiên, nếu cô biết tin này thì buồn biết bao nhiêu. Tuy chưa một lời hứa hẹn nhưng tôi hiểu cô cũng đã có cảm tình và có thể đã yêu tôi rồi. Tôi tự nhủ, “Tiên ơi, tội nghiệp cho cô nếu cô đã yêu tôi, và là một mối tình đầu thì xin cô cứ vững tâm chờ tôi trong vòng 3 năm nữa, lúc đó tôi sẽ xin phép mẹ và anh chị tôi để cưới cô làm vợ, còn bây giờ thì chưa thể được, mong cô thông cảm và tha thứ cho tôi”.

Đêm đó tôi trần trọc mãi không ngủ được. Tôi lại nghĩ đến anh Đăng. Từ ngày Nhật đảo chính đến nay, anh đi đâu mà chẳng thấy tin tức gì về cho gia đình cả. Anh cũng là cai Khố Xanh, không biết có bị quân Nhật bắt đi làm lao công như anh Phương hay không ? Nghĩ tới đó, tôi giật mình lo sợ cho thân anh. Nếu anh bị quân Nhật bắt thì sự sống chết của anh ra sao ? Chẳng may anh mệnh hệ nào thì tội nghiệp cho chị Đại biết bao nhiêu ! Chị mới lấy anh được 3 tháng thì xảy ra chuyện như vậy, và theo mẹ nói lại, chị hiện còn ở Móng Cáy để bưng chãi qua ngày, đợi tin chồng. Tôi cũng mong một ngày nào đó anh cũng sẽ thoát nạn về Tiên Yên. Nếu lúc đó tôi đã đi Saigon thì còn anh Phương cũng có thể nhờ ông Campagnola giúp đỡ. Việc này trước khi đi tôi dự tính sẽ nói cho anh Phương và ông Campagnola biết. Tôi nghĩ lan man, hết người này đến người nọ trong gia đình. Như chị cả, chị ba, chị năm của tôi tất cả đều nghèo cả, chẳng biết rằng đời sống của họ ra sao ? Rồi tôi lại nghĩ đến anh Viễn, anh Đăng và các bạn khác trong đại đội, không hiểu họ có hoàn cảnh như tôi không mà chẳng thấy họ tỏ vẻ gì buồn phiền. Tôi nghĩ họ cũng có gia đình, cha mẹ, anh em và xóm làng như tôi, chắc họ cũng buồn phiền lắm trong cảnh loạn lạc này nhưng có lẽ họ không bộc lộ ra ngoài mà thôi.

Giữa tháng 7 năm 1946, đại đội tôi được lệnh ra chiến hạm ngoài khơi đối diện với Bãi Chua. Tất cả đại đội và gia đình binh sĩ cùng đồ đạc đều được đưa xuống những chiếc tàu nhỏ há miệng đậu tại bến Tiên Yên. Tôi thấy đồ đạc của gia đình binh sĩ trong đại đội sao mà linh kinh thế, nào là hòm tủ và những đồ linh tinh khác. Tôi nghĩ đoàn quân gì mà léch thếch, đồ đạc, đàn bà, trẻ con nhón nháo như vậy, nếu gặp tình huống gì thì xoay sở ra sao ? Khi sắp xếp đồ đạc xong và ổn định chỗ ngồi cho mọi người, tàu nổ máy và từ từ lui ra hướng cửa biển. Tôi ngồi dưới sàn tàu cùng anh Viễn và các bạn trong trung đội. Tôi đứng dậy ngược mắt lên bờ thì thấy thiếu úy Campagnola, anh chị tôi cùng một số người thân, bè bạn của binh sĩ trong đại đội. Họ đều giơ tay vẫy vẫy tiễn chúng tôi đi. Tôi cũng thấy có nhiều bàn tay dụi dụi trên mí mắt, họ khóc khi phải chia ly với người thân. Hai hàng nước mắt của tôi tự nhiên trào ra và tôi cũng đưa tay vẫy vẫy về phía ông Campagnola và anh chị tôi đứng. Tôi sửng sò khi thấy phía bên phải chị dâu tôi là cô Tiên cũng có mặt tại đây. Cô cũng giơ tay vẫy vẫy về phía tôi. Tôi bàng hoàng, nước mắt rơi lã chã, tôi lau nước mắt và kêu to, “cô Tiên, cô Tiên”, và đưa tay vẫy lia lịa về phía cô. Cô nhận ra tôi ngay và đưa tay vẫy lại nhưng khoảng cách quá xa nên không thấy rõ nhau. Tuy vậy tôi biết cô có khóc vì thấy tay cô dụi dụi trên mắt. Tội nghiệp cho nàng, chắc nàng cũng được tin này nên mới lặn lội từ Phong Dụ để xuống đây đưa tiễn tôi. Tiếc rằng hơi chậm nên không gặp mặt tôi để nói lời từ biệt.

Tàu bắt đầu chạy nhanh ra hướng biển. Tôi cố ngó lên phía người đứng trên bờ đưa tiễn nhưng chỉ còn thấy nhòa nhòa trong ánh nắng chói chang rồi mất dạng. Tôi lặng lẽ ngồi xuống bên các bạn và một nỗi niềm u uất khó tả dâng lên. Tôi chợt nhớ ra không thấy bóng mẹ tôi đứng trên bờ. Tôi nghĩ chắc mẹ yếu quá nên anh chị tôi không cho mẹ tôi ra đưa tiễn. Mẹ ơi, tôi nghiệp cho mẹ, con nhớ mẹ lắm, và lúc này đây chắc mẹ cũng buồn khổ lắm, xin trời phù hộ cho mẹ mau qua cơn buồn phiền và đừng ho nữa, con sẽ viết thư cho mẹ đều đặn khi con đến Saigon hoặc một chỗ nào đó trong Nam.

Bốn chiếc tàu há miệng chờ đợi đội đến chiến hạm lần lượt áp sát vào mạn tàu. Tôi chưa từng thấy chiến hạm nào to như thế. Tôi ngẩng mặt nhìn lên mũi tàu thì thấy đề chữ CHIFREN. Chiếc tàu lừng lững như một trái núi nổi trên mặt biển màu xám nhạt. Ngay lúc ấy tôi thấy những cần câu như những cánh tay dài không lồ động đậy rồi thả xuống những mảng lưới đu đưa rồi từ từ hạ xuống sàn tàu nhỏ. Binh sĩ và gia đình vội dón về một góc và thuyền trưởng tàu nhỏ ra lệnh cho xếp những hòm tử và đồ đạc vào các mảng lưới để rồi sau đó được rút từ từ lên boong chiến hạm. Cùng lúc ấy, 3 chiếc thang dây cũng lần lượt từ boong chiến hạm được thông xuống sàn tàu nhỏ và binh sĩ lần lượt leo lên để đem những hòm tử, đồ đạc ra ngoài lưới. Đàn bà và trẻ con được chiến hạm thả xuống những khung vuông có mắt lưới rộng như một chiếc giường để họ ngồi vào và từ từ rút lên boong tàu.

Công việc cầu người và xếp đặt đồ đạc cũng mất gần một tiếng đồng hồ. Sau khi ổn định xong chỗ ngồi trên chiến hạm, tôi và anh Viễn cùng các bạn trong tiểu đội ngồi dưới bệ 4 khẩu đại bác chia về phía trước trên mũi tàu. Tôi chẳng hiểu súng gì mà to như vậy. Phần đuôi súng tôi ôm thử nhưng không ôm qua được lòng súng. Tôi và các bạn trong tiểu đội chẳng đoán được lòng khẩu súng bao nhiêu ly, chỉ nhìn thấy họng súng chéch lên trời trông thật oai vệ. Chợt có một thủy thủ người Pháp đi qua. Tôi hỏi anh ta kích cỡ của khẩu súng ấy, anh ta nói nòng súng dài 3 mét rưỡi, đường kính 180 ly. Anh ta còn cho biết khẩu súng này dùng để bắn chiến hạm trên biển, công thành, phá ụ chiến đấu và yểm trợ bộ binh khi hành quân. Tôi mân mê, sờ mó khẩu súng và có cảm tưởng nó như một con quái vật có sức mạnh vô biên. Tôi đi vòng từ mũi tàu đến phía đuôi tàu, nhận thấy sàn dài chừng 200 thước và phía sau cũng có ụ súng đại bác to như phía trước. Như vậy, chiếc tàu này có 8 khẩu đại bác chia về trước và sau. Tôi quan sát và nhận thấy chiến hạm rất rộng rãi và ngăn nắp. Có nhiều phòng ngủ ở tầng giữa. Tầng trên có nhà vệ sinh. Đặc biệt ở tầng giữa có một phòng rộng mà ở trong có nhiều ghế, bàn, và có cả một màn ảnh rộng, Có thể đây là một phòng chiếu phim. Làm tôi chợt nhớ đến ngày ấy khi còn đi học ở Móng Cáy, tôi đã nhiều lần được bạn Hoàng Văn Trí đưa vào xem cinema trong những buổi sáng chủ nhật. Hoàng Văn Trí là em ruột của ông Hoàng Văn Liễn, chủ nhà máy điện ở Móng Cáy và cũng là chủ một rạp chiếu bóng ở gần cầu Đông Hưng. Tôi và Trí rất thân nhau vì chúng tôi luôn được ngồi cạnh nhau trong suốt 3 niên học do tên xếp theo thứ tự A,B,C.

Vào khoảng 4 giờ chiều, chiến hạm khởi động máy. Chiếc tàu phát ra tiếng động rung rung nhẹ trên mặt boong và từ từ rút neo không lồ vào khoang neo phía trên mũi. Sau đó, tàu tiến dần hướng về phía dãy núi Đầu Sơn và tốc độ mỗi lúc một nhanh hơn. Khi tàu chạy ra khu vực biển Đầu Sơn, mặc dầu trời lặng gió tôi cũng thấy nhiều làn sóng lớn ầm ập đập vào mũi và mạn tàu. Mỗi lần như vậy, tôi nhận thấy tàu cũng rung nhẹ. Tôi nhìn xuống thấy nước biển màu xanh đen, có lẽ ở đây sâu lắm nên mới biến màu nước biển ra như vậy. Lúc này khoảng 5 giờ rưỡi chiều, mặt trời chỉ cao hơn một sào về phía tây, rặng núi Vạn Hoa lờ mờ phía xa. Tôi nhìn xuống biển về phía đông mũi tàu thì thấy những con cá heo từng đàn 2, 3 con bơi theo hướng tàu chạy và thỉnh thoảng lại phóng lên khỏi mặt nước. Hình như chúng muốn theo chúng tôi đi về nơi xa lạ mà cuộc hành trình trên biển mới bắt đầu nơi đây. Bữa cơm chiều được dọn ra và chúng tôi ngồi quây quần trên boong tàu vừa ăn vừa ngắm cảnh hoàng hôn. Nét mặt mọi người đều có vẻ

đăm chiêu. Hình như ai cũng có những suy tư trong cuộc di chuyển này. Định mệnh sẽ ra sao và tương lai còn mờ mịt. Riêng tôi thấy mất mát nhiều lắm, phải lìa mẹ, anh chị cùng người thân trong gia đình. Ngoài ra còn vắng bóng ông Campagnola, là một người chỉ huy và cũng là một người thầy tinh thần đã cru mang tôi cũng như đã giúp đỡ anh tôi qua cơn hoạn nạn. Biết bao giờ tôi còn được gặp ông để bày tỏ lòng nhớ ơn và đền đáp công ơn ? Càng về chiều nỗi buồn của tôi càng tăng lên. Tôi ngó về hướng tây mờ mịt mà ngậm ngùi nhớ đến những kỷ niệm đã qua mà ngao ngán cho số phận mình.

Tàu chạy suốt hai ngày hai đêm thì đến ngoài khơi Vũng tàu, đó là nghe lời các thủy thủ nói chớ tôi cũng chẳng biết hải phận này là gì. Lúc đó khoảng 8 giờ sáng, mặt trời mọc cũng đã khá cao, tôi cảm thấy rất nóng nực và tôi thấy các binh sĩ và gia đình họ đều lấy bạt căng trên lan can che nắng. Anh Viễn cũng lấy bạt căng lên dưới ụ súng đại bác cho đỡ nóng. Tàu chạy chậm chậm và bỏ neo rồi ngừng lại. Chừng một lát sau, 4 chiếc giang đình chạy từ cửa sông Sài Gòn đến tấp vào mạn tàu. Binh sĩ và gia đình được lệnh xuống 4 chiếc tàu ấy. Cảnh tượng lên xuống người và đồ đạc lại diễn ra giống như lúc lên tàu ở ngoài khơi Bảy Chùa. Sau đó 4 chiếc giang đình chạy vào sông Sài Gòn, đưa chúng tôi vào bến Nhà Bè. Binh sĩ và gia đình lại được lệnh khuôn vác đồ đạc đi lên. Lúc này trời nóng quá làm người nào người nấy mồ hôi nhễ nhại. Có lẽ vì bức bối trong không khí nóng nực nên trung sĩ Fubert không kiềm chế được sự tức giận nên thốt ra những câu tục tĩu, nhất là đối với số đồ đạc mà hắn được giao phó trông coi và giúp đỡ gia đình binh sĩ. Hắn nói như muốn trút hết sự nóng giận :

- Quân đội gì mà đi đâu cũng lính kính đồ đạc như lũ ăn mày !

Nghe vậy, tôi cũng nhin cười không nổi và khuyên ông đừng nên chửi bới như vậy kéo mất lòng binh sĩ và gia đình họ. Nghe tôi nói, Fubert cũng dịu lại và mỉm cười một cách mỉa mai và lắc đầu.

Đại đội chúng tôi được tập trung tại Nhà Bè trong mấy gian nhà bỏ trống. Sau đó binh sĩ và gia đình được phân phát đồ hộp ăn tạm buổi trưa. Những thùng cây đựng đồ hộp được các binh sĩ có gia đình đập ra để làm củi nấu nước và pha sữa bột cho các cháu nhỏ. Thật là tội nghiệp khi thấy những đứa bé ngây thơ phải đi theo cha mẹ vào đây để phải chịu đủ điều khổ sở như thế này. Tôi lại nghĩ, nếu mẹ tôi mà đi theo lại phải khổ như thế này thì không biết làm sao ? Và rồi đây còn đi đâu nữa? Thật là cả một cuộc phiêu lưu vô định.

Đến chiều, đại đội tôi và gia đình lại được lệnh lên những chiếc xe nhà binh đậu hàng dọc trên đường bên cạnh những căn nhà mà chúng tôi tạm trú. Lúc này tôi lại thấy trung sĩ Fubert nhìn tôi lắc đầu, hai lỗ mũi nheo nheo có vẻ khó chịu và chỉ tay vào đồng đồ đạc ngổn ngang xếp trên lề đường rồi nói:

- Bảo họ xếp lên xe, còn chờ gì nữa.

Thế là những đồ đạc, hòm tủ lại lục đục được đưa lên xe. Thật là một cảnh tượng nhón nháo khó tả. Đoàn xe đưa chúng tôi về hướng Saigon rồi ngoặt về hướng Biên Hoà. Tôi nhìn những nơi đi qua, nhà cửa san sát, chợ búa và người qua lại cũng như xe cộ trên đường thật nhộn nhịp.

Đến Biên Hoà thì trời đã tối hẳn, đèn đường và ánh đèn điện trong nhà hắt ra sáng trưng. Đoàn xe đưa chúng tôi đến một nhà máy cưa, nơi có nhiều dãy nhà rộng thênh thang và nhiều cây gỗ xếp ngổn ngang trong sân. Đại đội và gia đình được lệnh xuống xe và chia ra từng tiểu đội, tuần tự đi vào những dãy nhà trống để nghỉ. Còn số đồ đạc thì được lệnh để yên trên xe. Lại một cảnh nhón nháo diễn ra. Tiếng các bà mẹ gọi nhau ơi ới, tiếng các trẻ con kêu khóc đòi mẹ. Nghe phát chán ! Chúng tôi được dẫn đến một dãy bàn ăn. Nơi đây đã có cơm và đồ ăn đặt sẵn trên các bàn dài. Dưới ánh sáng lơ mờ của mấy bóng đèn tròn bị ám khói, tôi nhìn thấy những đĩa đồ ăn, đĩa nào cũng có màu đỏ đỏ. Nghĩ rằng có lẽ là tôm, tôi gấp mấy miếng cho vào miệng.

Thì ra không phải tôm tép gì cả mà chỉ là những miếng ớt được phủ lên các đĩa thịt, cá khô ! Com nước xong, chúng tôi được lệnh nghỉ tại chỗ. Sau khi nhà bếp thu dọn bát đĩa, chúng tôi trải bạt, giăng màn ngay trên những chiếc bàn ăn còn hôi mùi thịt cá và dưới nền xi măng để nằm đỡ qua đêm. Đêm ấy sao mà khó ngủ quá. Phần thì nóng bức, phần thì bị đàn muỗi bay vo ve, nếu sơ ý lòi chân hoặc tay ra ngoài màn thì lập tức bị chúng nó bâu đốt ngay. Tôi nghe tiếng gãi sột soạt của các bạn nằm bên cạnh thì biết họ cũng đang bị đàn muỗi hành hạ.

Sáng hôm sau lúc trời còn lờ mờ, đại đội được lệnh thức dậy để sửa soạn lên đường đi chỗ khác. Sau khi rửa mặt và vệ sinh xong, mỗi người được uống một ly lớn cà phê đen và một khúc bánh mì điểm tâm. Chúng tôi và gia đình binh sĩ lại lục đục lên xe. Đoàn xe lại tiếp tục nối đuôi nhau chạy về hướng Thủ Đức. Khi đến Long Bình, chúng tôi xuống xe và tập trung tại một dãy nhà. Tại đây đại đội được chia ra nhiều toán vào ở rải rác trong những dãy nhà trước mặt và chung quanh đó. Đồ đạc linh tinh lại được gỡ xuống, thật là một cảnh nhếch nhác khó coi. Tại đây, thiếu úy Phạm Văn Đồng được chỉ huy một trung đội mà trong trung đội này có tôi, Viễn và Ngân- là bộ phận cận vệ của thiếu úy Campagnola trước kia, bây giờ được giữ nguyên để làm cận vệ cho thiếu úy Đồng. Trung đội được di chuyển đến Gò Công và đóng quân trong công viên nhà thờ Gò Công. Thiếu úy Đồng cho biết đại đội đã được đổi danh là Đại Đội 7 thuộc Sư Đoàn 22 bộ binh. Tại đây, anh Ngân được Thiếu Úy Đồng cho dẫn một tiểu đội vào các xóm lân cận để mua những cây cau, tre già, tầm vông về làm công sự chiến đấu và hàng rào cho doanh trại. Tôi và anh Viễn có bốn phận trông coi binh sĩ làm doanh trại và công sự. Tôi có hỏi Thiếu Úy Đồng làm công sự để làm gì thì ông bảo :

- Quân đội là như vậy, đóng quân ở đâu cũng phải làm công sự để phòng hờ nếu địch tấn công thì có điểm tựa mà chiến đấu.

Địa phương có rất nhiều tre và cau già nên công việc cũng hoàn tất trong vòng một tuần lễ. Dân địa phương phần đông làm nghề nông, một số ít làm nghề chài lưới và chăm lá dứa nước. Họ phần đông là người theo đạo Công Giáo và rất hiếu khách. Những ngày rảnh rỗi, chúng tôi thường rủ nhau đến các xóm gần nhà thờ để rong chơi và làm quen với dân chúng. Gặp nhà nào có những việc lặt vặt như sửa nhà, làm hàng rào, khơi cống rãnh... chúng tôi cũng đến giúp họ, bởi thế họ tỏ ra quý mến chúng tôi.

Tôi và anh Đáng thường đến chơi nhà ông trùm xóm đạo. Gia đình này thấy chúng tôi đến cũng tỏ vẻ thiện cảm. Kế đó là nhà ông Sinh. Nhà này có một cô gái chừng 18,19 tuổi, tên Xuân, thân hình mảnh mai, nước da trắng nhợt, đôi mắt hơi sâu và sáng lóng lánh. Cô hay cười khi thấy chúng tôi đến. Chẳng hiểu nụ cười của cô ta hấp dẫn thế nào mà làm anh Đáng để ý nên hàng ngày anh thường lui tới nhà ông này. Tôi thấy đến mãi một chỗ cũng chán nên có ngày anh rủ, tôi không đi. Những hôm ấy anh vẫn đi một mình. Được một tuần lễ sau, anh về khoe chúng tôi là anh sẽ lấy cô Xuân làm vợ và anh đã được cha mẹ và gia đình cô Xuân đồng ý. Nửa tháng sau, anh và cô Xuân làm lễ cưới tại nhà thờ, có cha mẹ và gia đình bên cô Xuân dự lễ. Phía nhà trai hầu như không có ai, chỉ có tôi, anh Viễn và mấy người bạn trong tiểu đội đứng ngoài cửa nhà thờ ngó vào! Sau khi làm lễ, mọi người ra về. Anh Đáng và cô Xuân đưa nhau về trại gia binh và từ đó họ thành vợ chồng, được ở trong một gian nhà nhỏ của trại gia binh. Thật là đơn sơ và giản tiện. Thời gian anh Đáng có vợ, tôi thường một mình đi thơ thẩn rong chơi trong những xóm nhà thờ. Tôi vẫn đến nhà ông trùm xóm đạo. Gia đình ông này thật đông con và bà vợ ông trùm thường vắng nhà vì lo buôn bán ngoài chợ. Trong số con cái của ông trùm có cô gái lớn tên là Thơm trạc 15,16 tuổi, đáng người mảnh khảnh, nước da trắng hồng, đôi mắt bồ câu đen lay láy và trông rất hiền từ. Mỗi khi thấy tôi đến chơi, cô cúi chào và chạy xuống nhà dưới rót một bát nước trà xanh lên mời tôi uống. Mỗi lần uống trà xanh thì tôi lại nhớ đến cô Tiên ở Phong Dụ và băng khoăn nhớ đến những kỷ niệm của tôi và nàng ngày trước. Chẳng biết bây giờ nàng sống

ra sao, có còn hay xuống phố Tiên Yên và nhớ tôi không ? Tôi nghĩ chắc nàng nhớ tôi lắm cũng như tôi luôn nhớ đến nàng như thế này. Làm sao nàng có thể quên tôi được. Tôi cũng cầu mong nàng giữ mãi những kỷ niệm ấy với tôi thì hạnh phúc biết chừng nào. Tôi ngần ngại nhìn cô Thơm và mấy đứa em của cô bầu xung quanh mà lòng nặng trĩu một nỗi buồn băng quơ. Tôi đứng dậy chào từ giã và lững thững quay về doanh trại. Tôi bỗng giật mình khi nghe tiếng chó của thiếu úy Đồng sủa lớn và nhảy sồ đến chỗ tôi muốn cắn. Tôi vội ngồi thụt xuống, định tìm một cục đá ném cho nó một cái nhưng khi thấy tôi ngồi thụt xuống thì nó sợ và chạy tuốt vào nhà. Tôi ghét con chó này cũng giống như ghét vợ thiếu úy Đồng. Sở dĩ tôi không ưa vợ ông Đồng vì cô này trước kia đã là vợ một trung sĩ người Pháp tên Dominique khi mãn hạn đã về Pháp. Lúc đó đại đội tôi còn đóng ở Phòng Thành bên Trung Quốc và cô ta đã lợi dụng cảnh cô đơn của thiếu úy Đồng rồi chài mồi để ông lấy cô làm vợ. Có lẽ Đồng cũng là người đa tình nên đã xiêu lòng trước sự cám dỗ của cô ta. Từ ngày lấy được thiếu úy Đồng, bà này thường tỏ vẻ ghen tuông quá trớn mỗi khi Đồng tiếp xúc với phái nữ. Có thể vì thể diện của một sĩ quan hoặc một lý do nào đó nên mỗi khi cô ta nổi tam bành thì thiếu úy Đồng lại làm thinh và chịu thua. Do đó cô ta được đảng chân, lân đảng đầu. Thật tình tôi chỉ coi trọng thiếu úy Đồng chứ chẳng coi bà ta là gì cả. Việc này chắc bà ta cũng hiểu nên bà cũng chẳng ưa gì tôi.

Thời gian này đại đội CM có nhiệm vụ giữ an ninh cho hai cầu xe lửa bắc qua sông Đồng Nai (cầu Rạch Cát và cầu Gành) thuộc xã Hiệp Hoà, tỉnh Biên Hoà. Quân số đại đội này phần đông là binh sĩ người Việt mới tuyển mộ nên yêu cầu tăng cường một số hạ sĩ quan đến chỉ huy. Trong số người được biệt phái đến đại đội C.M có tôi, hạ sĩ Tiếp, trung sĩ Việt. Tôi ngỡ ngàng khi được chỉ định biệt phái đến C.M. Tôi nghĩ có lẽ vợ thiếu úy Đồng thừa cơ hội đã xúi chồng tách tôi ra khỏi trung đội để bà ta khỏi nhìn thấy tôi hàng ngày. Tôi rất buồn khi phải rời trung đội và phải xa bạn bè, nhất là anh Viễn đã cùng tôi gắn bó biết bao kỷ niệm từ ngày chúng tôi chạy sang Trung Quốc rồi trôi dạt về đây. Ngày tôi lên đường về đại đội CM là một ngày buồn thảm khi phải chia tay anh Viễn và bạn bè. Tuy chuyến đi này cũng có trung sĩ Việt và hạ sĩ Tiếp nhưng hai người này đối với tôi chỉ là quen biết chứ không thân thiết cho lắm. Tôi đến chào từ giã thiếu úy Đồng nhưng tôi không nói đến vợ ông ta vì lúc này tôi thật sự khinh ghét bà ta. Sau đó tôi đến từ giã anh Viễn và các bạn bè trong trung đội. Anh Viễn bắt tay tôi một cách trìu mến. Tôi ứa nước mắt nói lời tạm biệt. Anh khuyên nhủ tôi không nên buồn phiền vì đây chỉ là biệt phái một thời gian và sẽ có ngày hai anh em được gần nhau. Tôi khoát tay từ giã mọi người khi chiếc xe dodge đang từ từ ngoài cổng chạy vào sân. Các bạn cũng khoát tay vẫy chào tôi. Lúc này anh Ngân vẫn còn giữ thói quen và nói, “thầy cai Thổ Mừ đi cho may mắn nhé!” Lạ thay, lúc này nghe anh Ngân nói như vậy tôi lại không giận mà còn cảm thấy xúc động nhiều!

Chúng tôi lên xe do một hạ sĩ người Pháp lái. Trung sĩ Việt ngồi trên ca bin, hạ sĩ Tiếp và tôi ngồi băng sau. Xe chạy khá nhanh về hướng Thủ Đức theo con đường đất đỏ tung bụi mịt mù. Một lúc sau, bỗng nhiên tôi nghe tiếng thắng xe rít và đầu xe tông mạnh vào một góc cây bên lề đường, hất tung tôi lên văng về phía sau, rớt xuống đất. Tôi lồm cồm ngồi dậy, khuỷu tay phải đau ê ẩm. Nhìn lại thì thấy vài chỗ cùi chỏ rách toạt và máu rơm rớm chảy ra. Thì ra khi rớt xuống đất với phần xạ tự nhiên, tôi đã giơ khuỷu tay phải chống xuống đất. Tôi vội lấy cuốn băng cá nhân để trong ba lô xé ra, băng lại cùi chỏ cho máu khỏi chảy ra nữa. Tai nạn xảy ra là do một con bò chạy băng qua đường, tài xế vội thắng nhưng không kịp nên xe mới tông mạnh vào góc cây. Người tài xế bị tay lái ép mạnh vào ngực nên anh ta gục xuống. Thấy vậy, trung sĩ Việt và hạ sĩ Tiếp vội dìu anh ta xuống nằm trên lề đường bên cạnh góc cây. Ngay lúc ấy có một chiếc xe nhà binh khác đi từ hướng Thủ Đức tới, thấy vậy vội ngừng lại và người tài xế được dìu lên xe chở về Thủ Đức. Chừng nửa giờ sau, một chiếc dodge khác từ Long Bình được phái đến để kéo chiếc xe bị nạn về Thủ Đức và chúng tôi lên xe này tiếp tục chạy về hướng Biên Hoà.

Cuối cùng, chúng tôi đến đại đội CM đóng tại xã Hiệp Hoà bên cạnh cầu Rạch Cát vào khoảng gần trưa. Sau khi trung sĩ Việt đưa hồ sơ biệt phái của chúng tôi lên văn phòng đại đội, tôi và trung sĩ Việt được sáp nhập vào tiểu đội 2, trung đội 1 đóng tại một căn nhà gỗ lợp lá dừa nước bên cạnh đình Thành Hưng, xã Hiệp Hoà. Việt làm tiểu đội trưởng, tôi làm tiểu đội phó còn hạ sĩ Tiếp được sát nhập vào trung đội 2, đóng tại Bến Gỗ. Đại đội CM do trung úy Bonnaux làm đại đội trưởng. Công việc hằng ngày của trung đội chúng tôi là giữ an ninh cho hai cầu xe lửa (cầu Rạch Cát và cầu Gành) bắt qua sông Đồng Nai và canh gác đình Thành Hưng, trong đó có một số phạm nhân bị tạm giam. Tôi được biết số người này bị bắt trong những cuộc hành quân của quân đội Pháp. Thỉnh thoảng tiểu đội chúng tôi cũng đi tuần tiểu ban đêm trong khu vực xã Hiệp Hoà. Thật tình tôi cũng muốn có những cuộc tuần tiểu ban đêm như vậy vì tuần tiểu đối với tôi cũng giống như đi du ngoạn qua những dãy nhà trong thôn xóm, có những vườn hoa cảnh rất đẹp, có những vườn nhiều cây bưởi đeo từng chùm trái đu đưa sát mặt đất. Thật là một vùng quá trù phú. Tôi cấm các binh sĩ trong tiểu đội không được tham lam, trộm cắp trái cây và hoa kiểng của dân chúng do đó trong vùng chúng tôi trú đóng không xảy ra mất mát gì do binh sĩ gây ra và dân chúng được an ninh sinh hoạt hằng ngày. Tôi thường lân la đến đình Thành Hưng. Nơi đây tôi gặp một số người Việt Nam bị tạm giữ. Tôi biết họ bị tình nghi hoạt động cho Việt Minh. Tôi không hiểu Việt Minh là gì, chỉ thấy họ là những người Việt Nam nghèo khổ bị giam giữ trong đình nên tôi rất thương họ. Những lúc đi qua hàng rào, tôi nhìn vào thì thấy họ nhìn tôi có vẻ hiền từ nên tôi càng thương hơn. Tôi nghĩ đến nhà bếp của trung đội mỗi ngày thường thừa đồ ăn nên tôi bảo anh Du và anh Năng là lính mới, ra nhà bếp lấy về cho họ ăn. Việc làm của tôi cũng đã bị Trung sĩ Lớn phụ trách nhà bếp can ngăn vì anh đã để dành những đồ ăn thừa này cho một người quen chăn nuôi lợn. Thấy vậy, tôi nghĩ ra một cách là để cử anh Du và anh Năng mỗi ngày ra nhà bếp đem tất cả những khẩu phần về cho tiểu đội ăn. Khi tiểu đội ăn xong, còn thừa bao nhiêu tôi bảo anh Du và anh Năng đem hết ra đình cho tù nhân. Việc này đến tai Signarige, trung sĩ trung đội trưởng người Pháp. Một hôm thấy anh Du đem đồ thừa cho tù ăn, y chặn lại hỏi. Du không biết nói tiếng Pháp, chỉ nói là “Caporal Tri !” Signarige hiểu ý bèn đến hỏi tôi. Tôi nói là có bảo anh Du lấy đồ ăn thừa cho những người bị giam giữ ăn vì thấy họ đói và đồ ăn thừa vất đi rất uổng phí. Thấy tôi thật thà nói lại sự việc và nhìn vẻ mặt chất phác của tôi, hơn nữa tôi là thành phần đã theo quân đội Pháp sang Trung Quốc, nên ông tin tưởng lời nói và việc làm có tính cách nhân đạo của tôi nên bỏ qua không nói gì nữa. Mọi người trong tiểu đội thấy vậy cũng tỏ vẻ nể nang. Từ đó tôi thường bảo anh Du và anh Năng đem đồ ăn thừa của tiểu đội ra đình để cho những người bị tạm giữ được ăn một cách công khai. Tôi vui mừng biết bao khi thấy anh Du và anh Năng đem đến cho họ những mảng cơm cháy to gần bằng chiếc nón lá mà hai anh đã có công cạy từ chảo nấu cơm của trung đội. Trong số người bị tạm giữ có ông Ba Hoà, một người khéo tay về mặt chạm trổ và làm đồ sơn mài. Ông được trung đội phát cho một số đồ nghề thợ mộc để sửa chữa bàn ghế và đóng những đồ lặt vặt cho trung đội. Ngoài ngón nghề thợ mộc ông còn bộ đồ nghề hót tóc do gia đình đem đến. Một hôm ra ngoài đình thấy ông đang đeo một miếng gỗ dài, tôi hỏi ông đeo làm gì. Ông nói:

-Rãnh rồi không biết làm gì nên đem miếng ván ra đục đeo một con chim phượng.

Thấy tóc tôi hơi dài, ông hỏi:

-Chú có muốn hót tóc không ?

Thật tình tôi không muốn để ông ta hót tóc nhưng mỗi khi ra phố hót tôi rất ngại, vì thế tôi gặt đầu bằng lòng. Ông bảo tôi ngồi trên ghế dài rồi lấy đồ nghề ra hót tóc. Tôi cảm thấy ông là một thợ hót tóc khá rành nghề vì đường dao lướt qua da đầu và mặt tôi một cách nhẹ nhàng êm ái. Khi ông cạo xong, tôi lấy 2 xu để trả công nhưng ông nhất định không nhận. Kể từ đó, tôi coi ông như một người bạn vong niên. Ông cho tôi biết ngoài nghề chạm trổ ông còn biết nghề

sơn mài nên có ý định làm một tấm hoành phi và hai câu đối sơn mài để cúng đình Thành Hưng làm kỷ niệm.

Những ngày rảnh rỗi, tôi thường lân la ra xóm nhà xung quanh trung đội để dạo chơi. Dãy nhà trung đội tôi ở cũng xen kẽ với các nhà dân, không có hàng rào ngăn cách gì cả. Trong số nhà này có nhà ông quản Giác, cựu trưởng ty cảnh sát Biên Hoà. Ông ở cùng vợ và một người con gái tên Lành khoảng chừng 14,15 tuổi. Tôi thường đến để ngắm cặp ngà voi ông chưng bày trong nhà. Cặp ngà voi ấy được cắm trên một cái đế bằng gỗ chạm trổ rất tinh vi làm căn phòng khách thêm phần uy nghi, quý phái. Ngoài cặp ngà voi ra ông còn bốn bức tranh thuỷ mặc khổ lớn treo trên tường, biểu tượng cho một mối tình chung thuỷ nhưng kết thúc lại là tuyệt vọng ở bức tranh cuối bằng một mũi tên đâm vào trái tim và hình dáng người phụ nữ theo phong cách Âu châu đang nhìn người tình của mình cưỡi ngựa lướt về phía trước trong cảnh hoàng hôn mây mù bảng lảng tận chân trời. Mỗi khi tôi đến chơi, hai ông bà đều tỏ ra niềm nở đón chào và cô Lành cũng vui vẻ rót trà mời tôi với dáng điệu bẽn lẽn. Thật tình tôi rất thích bốn bức tranh kia nên một hôm tôi đánh bạo ngỏ ý xin ông nhường cho. Ông sững sờ khi nghe tôi nói rồi suy nghĩ một lúc, ông nói :

-Chú muốn gì thì tôi cũng sẵn lòng nhưng bốn bức tranh này là một kỷ niệm quý báu nên tôi không thể tặng chú được.

Nói xong ông nhìn cô Lành và cười vui có ẩn ý.

Tôi vội nói :

-Cháu ngỏ ý thử bác vậy thôi chứ cũng hiểu bốn bức tranh này là quý lắm, làm sao bác có thể tặng cháu được.

Ngoài ông quản Giác ra, tôi cũng thỉnh thoảng ghé nhà ông Ba Bành bán quán café bên cạnh đường lộ lớn. Người ta thường gọi quán ông là quán cao cảnh. Tôi đến đây có ý dạo chơi chứ không hề uống café bao giờ, tuy vậy ông bà cũng tỏ vẻ thân thiện, không có ý gì khó chịu mỗi khi tôi đến. Gia đình ông Ba Bành rất đông con. Trong số này có cô Tư khoảng chừng 18,19 tuổi đang theo học khoá cô đỡ ở bệnh viện Biên Hoà. Hằng ngày cô thường qua lại chỗ trung đội tôi đóng để ra ngoài quán. Tôi thường ngắm dáng điệu của cô mỗi khi cô đi qua. Có lẽ cô cũng thấy tôi nhìn cô như vậy nên có vẻ thẹn thùng và không bao giờ ngó lại. Những lúc ấy hình như cô bước lẹ hơn. Tôi ngắm kỹ từ phía sau lưng, nhận thấy thân hình cô cân đối, có vẻ rất khoẻ mạnh và lanh lẹ. Lạ thay, chẳng bao giờ tôi mở miệng chào cô một tiếng để làm quen mặc dầu đôi lúc tôi cũng muốn lắm vì nhà cô ở cách trung đội tôi khoảng chừng 30 thước, không có hàng rào ngăn cách, và mỗi khi ba má cô từ quán về nhà thấy tôi thường mời sang nhà chơi.

Bên cạnh nhà ông Ba Bành có nhà bà Phúc bán chè dạo. Bà này góa chồng, có cô con gái tên là Thơm khoảng chừng 17,18 tuổi. Cô này thỉnh thoảng cũng đi qua chỗ tôi ở. Mỗi khi đi qua thấy tôi, cô có vẻ e thẹn và tôi cũng nhìn ngó cô như cô Tư vậy. Tôi nhận thấy cô Thơm đẹp hơn cô Tư với khuôn mặt trái soan, nước da trắng hồng, làn tóc đen nhánh buông xoả xuống hai bờ vai, trông thật duyên dáng. Tôi nhìn kỹ phía sau khi Thơm đi qua thì thấy bước chân của cô thoăn thoắt như chạy. Tôi nghe người ta nói, đàn bà mà có bước chân hấp tấp như chạy là tướng xấu, về già không có hậu.

Trong thời gian ở Hiệp Hoà, hằng tháng tôi thường viết thư cho anh Phương, hỏi thăm tin tức và sức khoẻ của mẹ tôi, đồng thời tôi cũng viết thư cho thiếu úy Campagnola nói về sự hoạt động của tôi ở trong Nam. Mỗi lần như thế, anh Phương và Campagnola cũng viết thư đáp lại cho tôi. Đầu tháng 12/1946, tôi nhận được thư của anh Phương báo cho biết mẹ đã về Móng Cáy. Mẹ nhớ nhà và con cháu nội ngoại nên không ở Tiên Yên lâu hơn được nữa mặc dầu anh Phương đã cố khuyên mẹ ở lại. Ngoài ra tôi còn được anh Phương cho biết cô Tiên đã lấy chồng được hai tháng nay. Chồng cô là một trung sĩ người Nùng thuộc tiểu đoàn của đại úy Voòng A Sáng, đóng

tại Tiên Yên. Được tin này tôi sửng sốt, không ngờ cô Tiên lại mau quên tôi như vậy. Tôi thầm trách cô là người quá vô tình. Nhiều đêm tôi suy nghĩ vẩn vơ và có khi tôi nổi giận, thầm nguyện rửa cô là người bạc bẽo nhưng nghĩ lại nàng chỉ là một cô gái sơn cước ngây thơ và tên trung sĩ Nùng nào đó đã có hoàn cảnh tốt hơn tôi thì làm sao nàng từ chối được việc hôn nhân ấy! Thời thế là xong, mong nàng được hạnh phúc là tốt rồi. Còn tôi như một cánh chim lạc đàn, biết bao giờ mới được trở về cô hương mà mong mà chờ ! Hơn nữa, tôi và nàng ngoài mặt chỉ mới sơ giao chứ thật sự ra chưa ai hiểu ai chu đáo để bày tỏ tâm tình và chưa một lời hứa hẹn, như vậy làm sao oán trách nhau được. Ôi, cũng chỉ là một dĩ vãng mà thôi.

Không bao lâu sau, tôi nhận được thư của anh Phương báo cho biết mẹ đã mất ngày 18 tháng 1 âm lịch năm 1947 và đã được anh chị cùng các cháu nội ngoại ở Ninh Dương mai táng. Được tin, tôi sửng sờ nước mắt trào ra và nức lên, rên rĩ, “mẹ ơi, con thật bất hiếu chẳng đền đáp công ơn của mẹ, thậm chí đến ngày cuối cùng của đời mẹ mà con cũng chẳng được thấy mặt mẹ. Kiếp này con đã phụ bạc mẹ, nếu có kiếp sau con xin được làm con của mẹ lần nữa để con đền bù những thiếu sót bây giờ”. Sự đau buồn tràn ngập tâm hồn tôi qua bao đêm trằn trọc không ngủ được. Tôi cứ nhớ đến nét mặt khắc khổ và thân hình gầy còm của mẹ. Càng nhớ tôi càng thêm đau đớn. Trong hai tuần ấy tôi như người mất trí, đầu óc mông lung và ít trò chuyện với anh em trong trung đội. Các bạn có lẽ cũng tôn trọng sự khổ đau của tôi nên cũng im lặng chỉ nhìn tôi một cách xót thương. Anh Du là người vui tính nhất cũng phải cảm động và an ủi tôi :

-Bà đã mất trong tuổi già như vậy là thọ rồi, ở đời ai mà không chết. Nếu chú cứ sầu não mãi như thế thì cũng chẳng ích lợi gì. Thời buổi loạn lạc, hoàn cảnh của chú ai mà oán trách được. Nếu bà linh thiêng thì cũng tha thứ và phù hộ cho chú sau này.

Tôi biết là anh Du an ủi tôi nhưng anh có biết đâu tôi thương mẹ tôi từ tấm bé trong hoàn cảnh đói nghèo mà bố tôi đã bỏ bê mẹ con chúng tôi. Tôi lại nghĩ, ông nội tôi là người cách mạng chống Pháp mà con cháu sau này lại làm việc cho Pháp, như vậy bố tôi có hai tội. Tội thứ nhất : không theo chí hướng của ông tôi, chỉ biết ăn chơi. Tội thứ nhì : bỏ nghề thuốc bắc của ông tôi để lại rồi bán hết tủ thuốc không truyền nghề lại cho các con và lại bỏ bê gia đình. Đến bây giờ mỗi khi nghĩ đến bố thì tôi lại căm giận vô cùng. Thân tôi bị lạc loài, mẹ tôi và các anh các chị bị đói nghèo, hèn hạ cũng do bố tôi là một người cha vô trách nhiệm.

Có lẽ thấy tôi buồn phiền và tiêu tụy quá nên anh Du thường đến an ủi và rủ tôi đi chơi mỗi khi nhàn rỗi. Ban đầu thì tôi ngần ngại nhưng sau anh cứ rủ mãi, nể lời tôi cũng đi theo. Anh đưa tôi đến các quán café của ông Ba Bành, bà Sáu La và những nhà gần đấy. Thấy tôi không biết đi xe đạp, anh rủ tôi lên Biên Hoà thuê xe đạp để tập cỡi trong những ngày chủ nhật. Tôi cũng muốn biết đi xe đạp nên theo anh lên Biên Hoà thuê xe. Chỉ qua hai buổi sáng chủ nhật, với sự diu dặt của anh Du tôi đã đi được xe đạp. Một sáng chủ nhật khác, tôi đi Biên Hoà một mình bằng xe ngựa rồi đi xe đạp về Hiệp Hoà, có ý khoe với các bạn trong trung đội là mình đã thạo, nhưng khi qua cầu Rạch Cát lạng quạng mấy lần muốn đâm vào lan can thành cầu. Tôi bèn xuống xe và dắt bộ qua cầu rồi từ từ đạp về trung đội. Vừa đến trung đội thì thấy một số binh sĩ chạy ra và nhìn tôi cười khúc khích. Bấy giờ anh Du cũng chạy đến, ngắm nghía tôi từ đầu tới chân rồi nói :

-Chú có bị xây xát gì không mà người ta bảo chú đừng xe vào lan can cầu ?

Tôi nghĩ có người nào đó thấy tôi lúc này nên mới về nói cho bọn lính biết. Tôi ngượng nghịu nói:

-Có sao đâu, vì lan can cầu hẹp quá lại lát ván gập ghềnh khó đi nên tôi mới dắt xe đi bộ qua cầu.

Nghe tôi nói, bọn lính và anh Du cười ầm ĩ. Thấy vậy tôi càng ngượng, vội đạp xe về Biên Hoà trả. Và tôi cũng xuống xe dắt bộ khi qua cầu !

Loanh quanh đã được hai năm ở Hiệp Hoà, một khoảng thời gian thật u buồn đối với tôi. Mặc dầu có nhiều đồng đội cũng như những người dân làng chung quanh đối xử với tôi rất tốt nhưng tôi vẫn cảm thấy lạc lõng, bơ vơ mỗi khi nghĩ đến mẹ hiền và quê nhà ngoài đó. Một buổi sáng chủ nhật tháng 9/1947, anh Du rủ tôi đến chơi xóm nhà gần đầu cầu Rạch Cát. Khi đi ngang qua nhà ông Ba Giao, xã trưởng xã Hiệp Hoà, tôi nhìn vào thấy một cô gái đang ngồi cắm cúi biên chép gì đấy ở chiếc bàn đặt giữa nhà. Tôi thoáng nhìn thấy cô này khá đẹp, làn tóc đen nháy phủ xuống hai bờ vai như tóc học trò. Khi qua khỏi nhà chừng mười thước, anh Du nói :

-Cô ngồi viết mà chú thấy đó là con gái của ông xã Giao tên là Cửa, năm nay chừng 17,18 tuổi mới học tới lớp Ba, đã nghỉ học vì bà dì ghê không muốn cho cô học nữa để về phụ giúp gia đình.

Anh Du còn cho biết:

-Cô này là con của bà vợ cả nhưng đã ly thân và ông xã Giao mới lấy bà vợ kế cách đây chừng mười năm. Cũng vì dì ghê con chồng nên bà ta đối xử với cô Cửa rất cay nghiệt.

Tôi nghĩ bụng, anh Du giỏi thiệt, mấy chuyện lật vặt như thế mà anh cũng biết rõ ràng. Tôi dần dần mến anh cũng như mến anh Viễn ngày trước. Có lẽ nhận thấy tôi mến anh hơn các binh sĩ trong trung đội nên anh Du cũng coi tôi như một người bạn thân và cũng vì lẽ đó, những chuyện gì anh biết, anh đều nói hết cho tôi nghe. Cũng nhờ có một người bạn vui tính như anh Du nên nỗi buồn u uất trong lòng tôi mỗi ngày được vơi dần.

Một chủ nhật khác, tôi và anh Du cũng đi qua nhà ông xã Giao. Anh nói:

-Chú có muốn làm rể ông xã Giao không? Nếu muốn, tôi làm mối cho.

Nghe vậy, tôi bẽn lẽn nói:

-Anh muốn thì anh lấy mắc gì mà gán cho tôi ?

Anh cười hờ hớ, nói:

-Tôi muốn làm ông mai cho chú mà chú nói vậy thì còn gì nữa ! Chú năm nay đã ngoài 20 tuổi rồi mà lại hay buồn phiền thì nên lấy vợ đi. Hơn nữa, chú mà lấy được cô Cửa thì cũng như cứu được một cô gái bị dì ghê ngược đãi, như thế không phải là nên lắm hay sao ?

Những lời nói của anh Du làm tôi suy nghĩ nhiều. Tôi nghĩ nếu mẹ tôi còn sống thì tôi chưa thể lấy vợ vì còn phải dành dụm gởi về cho mẹ, bây giờ mẹ đã mất chẳng lo dành dụm nữa. Tôi lại nghĩ đến cô Tiên. Thì cô đã lấy chồng ! Tôi đâu ngờ cô Tiên lại lấy chồng sớm như vậy. Tôi giận cô vô cùng nhưng nghĩ lại mình đã hứa lời gì với nàng đâu, chỉ là thâm ước thế thôi. Có lẽ cô thất vọng vì mình cũng nên và lấy chồng để trả thù mối tình đầu vô vọng. Suy nghĩ thế tôi không còn oán giận gì nữa và thậm mong nàng có tràn đầy hạnh phúc và sau này nếu có dịp về Tiên Yên, tôi sẽ nói cho nàng biết. Tôi lại nghĩ nếu nói cho nàng biết thì lúc ấy có thể hại đến hạnh phúc của nàng, thôi đành chôn chặt trong lòng còn hơn.

Tôi lại nghĩ đến cô Cửa con ông xã Giao. Chưa một lần nói chuyện nhưng anh Du cứ gán ghép mãi và nghĩ đến thân phận nàng bị dì ghê hành hạ, nếu tôi lấy được nàng cũng là giải thoát cho nàng. Tôi đắn đo mãi và một hôm vào buổi sáng chủ nhật, tôi đi một mình đến nhà ông xã Giao có ý nhìn kỹ lại nàng. Khi tôi đến, nàng cũng đang cắm cúi viết lách trên bàn. Tôi rụt rè nhưng cố làm ra vẻ mạnh bạo gật đầu chào. Nàng lấm lét nhìn tôi, nét mặt ngơ ngác. Tôi ngượng ngập không biết nói câu gì để mở đầu. Liếc thấy chiếc võng lưới giăng gần cửa xuống nhà bếp, tôi bèn xà xuống võng. Lúc này tôi đã bình tĩnh và hỏi một câu:

-Ở đây có nấu cơm tháng không ?

Sự thật tôi hỏi câu này để làm quen chứ tôi đâu có ăn cơm tháng. Nghe vậy, nàng trả lời một tiếng, “không”, và mỉm cười rồi quay đi. Tôi thoáng thấy nụ cười của nàng rất có duyên, làn môi đỏ thắm và hàm răng trắng bóng đều đặn. Tự nhiên tôi thấy có cảm tình ngay. Tôi định nói vài câu nhưng lúng túng chẳng biết nói câu gì trong khi ngoài cửa mấy đứa con nít cứ dòm ngó

vào mặt tôi làm tôi thêm sượng sùng. Ngơ ngẩn một lúc tôi đứng dậy ra về nhưng không chào nàng một tiếng. Khi tôi đi qua, nàng cũng ngoái mặt và liếc nhìn tôi, miệng chum chím như muốn cười. Tôi chậm chậm bước xuống thêm và lững thững về trại.

Khi về đến trại, anh Du hỏi:

-Chú đi đâu về, chú có đến nhà ông xã Giao không ?

Tôi ngượng quá không dám nói thật và khẽ lắc đầu. Có lẽ thấy cử chỉ lúng túng của tôi, anh Du cười mỉm và đến gần tôi nói khẽ:

-Nếu chú muốn lấy cô Cửa thì cứ làm quen đi. Cô này được lắm, tôi sẽ nhờ người làm mai cho.

Những lời nói của anh Du làm tôi suy nghĩ cả tuần lễ. Lúc này tôi thật sự hụt hẫng và cô đơn, nếu có vợ thì hy vọng sẽ vui đi những ưu buồn. Một hôm, tôi ướm hỏi anh Du:

-Nếu tôi lấy cô Cửa thì tôi phải làm sao?

Anh Du nói:

-Có khó gì đâu. Ông xã Giao là người rất tốt, chú không ngại gì cả, việc này tôi sẽ nhờ ông Hương Quán nhà gần đây nói với ông Giao là xong ngay, vì ông Giao và ông Hương Quán là bạn với nhau.

Nghe vậy tôi cũng thấy vui vui.

Chủ nhật sau, tôi và anh Du đến nhà ông Hương Quán cách trung đội chừng 100 thước. Khi đến, ông Hương Quán tiếp chúng tôi một cách lịch sự. Sau một hồi trà nước, anh Du ngó ý về chuyện của tôi. Nghe xong, ông nhìn tôi một cách chăm chú và khẽ gật đầu. Tôi nhận thấy ông này có vẻ mặt hiền từ và phúc hậu. Ông hỏi tôi bao nhiêu tuổi và quê quán ở đâu, cha mẹ còn hay mất. Tôi kể rõ hoàn cảnh, thân phận và nói có ý muốn lấy cô Cửa làm vợ như lời anh Du vừa nói. Ông bảo:

-Việc này cũng dễ thôi. Tôi sẽ đến nói chuyện với ông Ba Giao và sẽ cho chú biết vào chủ nhật tới.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với ông thêm một lát nữa rồi xin phép ra về. Trên đường về, tôi bảo anh Du đừng nói cho ai biết. Tôi sợ người ta cười.

Chủ nhật sau, tôi và anh Du lại đến nhà ông Hương Quán. Sau một hồi trà nước như thường lệ, ông Hương Quán nhìn tôi với nét mặt vui vẻ và nói:

-Việc chú nhờ tôi đã nói với ông Ba Giao. Ông đã bằng lòng và con gái của ông cũng ưng thuận. Việc hôn lễ ông không đòi hỏi gì nhiều, chỉ cần một đôi bông tai bằng vàng. Còn tất cả những gì khác, ông và gia đình sẽ thu xếp cho. Ông còn nói, theo tục lệ ông bà để lại, đôi bông tai vàng là hoa con gái, trong sính lễ không thể thiếu nó được.

Tôi chỉ biết gật đầu cho qua vì từ nhỏ đến giờ, tôi chưa được ai nói cho biết trong việc hôn lễ phải có những lễ vật gì. Tôi hỏi:

-Đôi bông tai vàng phải mất bao nhiêu tiền ?

Ông nói:

-Cũng chẳng bao nhiêu, chừng một chỉ thôi.

Ngay lúc ấy, chân anh Du khều khều vào chân tôi, tôi hiểu ý không hỏi nữa. Ông Hương Quán lại nói:

-Ông Ba Giao nhờ thầy xem ngày để tổ chức lễ cưới rồi. Ông sẽ báo cho chú để sửa soạn.

Nghe vậy, tôi phát hoảng vì cứ nghĩ như trung sĩ Việt, trung sĩ Đài, hạ sĩ Thường trong trung đội khi lấy vợ chỉ việc dẫn người con gái về rồi thuê nhà ở với nhau là thành vợ chồng. Và anh Viễn, anh Đáng, anh Ngân khi trước cũng đưa người con gái về trại gia binh là xong, có ai

nói gì đâu. Bây giờ đến lượt tôi lấy vợ, sao mà rắc rối thế ! Ông Hương Quân thấy tôi đăm chiêu bèn nói:

-Ông Ba Giao là bạn tôi nên tôi coi chú như con cháu. Nếu khi cưới xong mà chú chưa có chỗ ở thì tôi để cho hai vợ chồng chú ở gian nhà phía sau bên cạnh nhà bếp. Căn nhà này khá rộng, tôi dùng chứa nông sản. Chú chỉ mua lá dừa nước hoặc vải về quây đủ một phòng là được rồi, khỏi phải tốn tiền đi mượn nhà khác.

Tôi không biết nói sao, cũng đành vậy thôi và miễn cưỡng cảm ơn ông. Sau đó tôi và anh Du về trại. Trên đường về, tôi ngao ngán nhìn anh Du và thầm trách, chỉ tại ông quý này mới gây nên chuyện. Tôi đang bực mình thì Du nói :

-Lúc nãy chú hỏi ông Hương Quân giá đôi bông tai vàng bao nhiêu tiền làm tôi ngỡ ngàng quá. Tôi sợ ông Hương Quân cho chú là người keo kiệt, may mà chú thôi hỏi nữa tôi mới yên tâm. Đến ngày ấy, chú đưa cho ông Hương Quân 500 đồng để nhờ ông mua là được rồi. Còn việc ông để chú ở nhờ gian nhà sau, tôi nghĩ rất thuận tiện cho chú vì từ đây về trại không bao xa.

Càng nghe tôi càng nổi nóng, định vả vào miệng anh ta một cái cho bỏ ghét nhưng tôi ngăn lại và nói:

-Anh Du à, hay là thôi đi cho khỏi rắc rối.

Nghe vậy, anh trợn mắt nhìn tôi nói :

-Ấy chết, chú làm như vậy đâu được! Phải chi chú nói thôi từ trước thì không sao, bây giờ đã nhờ ông Hương Quân và mọi sự bên nhà ông Ba Giao đều đã chuẩn bị xong xuôi. Như thế là mọi người đã biết, chú thử nghĩ xem, tội nghiệp cho cô Cù biết chừng nào. Người ta đã bị bà dì ghẻ hành hạ khổ sở rồi bây giờ từ đâu đến, chú lại làm cho cô ta đau khổ thêm. Hơn nữa, ông Ba Giao là xã trưởng, là người hiền lành rất có uy tín trong địa phương này, vì thế diện ông sẽ thù ghét chú.

Tôi trầm ngâm suy nghĩ, thấy anh Du nói có lý và phần nào, tôi cũng có cảm tình với cô Cù, không lẽ vì một sự e ngại của tôi trong việc cưới hỏi mà bỏ cuộc, như vậy là bất nhân. Tôi đi chậm chậm và suy nghĩ lung tung. Một lúc sau, tôi dẫn anh Du ra bờ sông Đông Nai ngồi dưới gốc cây dừa gần đình Thành Hưng, nơi đây vắng vẻ ít người qua lại. Tôi nói với Du :

-Tuy ông Hương Quân có lòng tốt giúp tôi nhưng hiện nay tôi còn nghèo lắm, biết tính sao đây? Không lẽ lấy vợ mà không có một cái giường thì coi sao được?

Anh Du cũng có vẻ suy nghĩ. Một lúc sau, anh vỗ lưng tôi và ánh mắt rạng rỡ nói:

-Tôi đã nghĩ ra rồi. Hạ sĩ Tiếp là bạn của chú. Hắn có ông già vợ ở Bến Gỗ làm thợ mộc. Chú có thể nhờ ông ấy đóng cho một cái giường đủ cho hai người nằm. Ăn cơm trưa xong, tôi sẽ đi Bến Gỗ nói với Tiếp để nhờ chú ấy nói lại cho ông già vợ.

Nghe anh Du nói vậy tôi cũng đồng ý và yên tâm. Trưa hôm ấy, sau khi ăn cơm xong, anh Du đi xuống Bến Gỗ bằng chiếc xuồng câu cá mà anh mượn được của ông Hai Thế, nhà ở gần bên. Chiều hôm ấy, anh Du trở về với nét mặt hớn hờ. Anh đến gần tôi và nói khẽ :

-Chú có phước lắm, tôi đã gặp hạ sĩ Tiếp và được chú ấy đưa đến nhà ông già vợ. Hai người rất vui mừng khi biết chú sắp lấy vợ. Ông già sẵn sàng đóng cho chú một cái giường hai người nằm giá chỉ có 4 đồng, ngoài ra ông hứa sẽ đóng tặng chú một cái rương bằng gỗ dầu để đựng quần áo. Những đồ này ông sẽ mượn ghe chở lên đây vào ngày thứ bảy tới.

Nghe vậy, tôi thầm cảm ơn ông già vợ hạ sĩ Tiếp tuy tôi với ông ta chưa từng biết mặt nhau.

Buổi trưa ngày hôm sau, tôi và anh Du đến nhà ông Hương Quân. Sau vài ba câu chuyện trong việc sinh lễ, tôi đưa ông 500 đồng để nhờ mua đôi bông tai vàng. Tôi xin phép ông dẫn xuống gian nhà dưới để xem chỗ quây buồng. Tôi chọn chỗ thuận tiện nhất và đo diện tích chừng

8 mét vuông. Anh Du bảo tôi phải mua 4 cây tầm vông để làm cột mắc vải che nhưng ông Hương Quân bảo:

-Nhà tôi có nhiều tầm vông trong vườn, chú khỏi phải mua.

Tôi nghĩ bụng sao mình lấy vợ mà gặp nhiều người tốt giúp đỡ, có lẽ mình có phúc cũng nên. Sau đó ba ngày tôi lại được ông Hương Quân cho người đến mời ra nhà ông vào buổi trưa. Tôi đoán biết ông mời tôi ra chỉ là việc hôn lễ nên tôi rủ anh Du đi cùng. Đúng như dự đoán, ông đón chúng tôi một cách vui vẻ. Sau một hồi trà nước, ông nói :

-Tôi đã được ông Ba Giao báo cho biết hôn lễ sẽ cử hành vào lúc 11 giờ trưa ngày chủ nhật tới. Đôi bông tai vàng tôi đã mua giá 460 đồng, còn dư tôi mua 10 thước vải xanh và tôi đã bảo các con tôi quây buồng cho chú xong rồi. Vậy chú xin phép nghỉ vào ngày ấy để làm lễ cưới. Nếu chú muốn mời bạn bè hay người quen bao nhiêu người thì phải cho tôi biết trước một ngày để tôi nói lại ông Ba Giao biết. Đôi bông tai vàng tôi đã đưa cho ông Ba Giao ngày hôm qua.

Lúc này tôi chỉ ngồi nghe ông Hương Quân nói và nghe lời ông chỉ bảo chứ tôi đâu biết gì hơn nữa. Tôi không ngờ hôn lễ lại mau chóng đến như vậy, làm tôi đã e ngại lại còn lo sợ như sắp có một việc gì kinh khủng xảy ra. Tôi muốn không cho ai biết là tốt hơn do đó tôi không mời một người nào trong trung đội ngoại trừ thằng quý Du. Thật ra tôi cũng chẳng mời anh ta mà anh ta tự nhiên đi theo tôi như là một vai chính trong việc này.

Suốt đêm thứ bảy rạng chủ nhật, tôi trần trọc khó ngủ và suy nghĩ lung tung, mãi đến gần sáng vì mệt quá nên thiếp đi lúc nào không biết. Giật mình tỉnh giấc thì anh Du đập vào vai tôi và kêu :

-Giờ này chú còn ngủ à, đã gần 9 giờ rồi!

Tôi lập cập ngồi dậy, vội vàng đi vệ sinh và rửa mặt. Định ăn điểm tâm như mọi khi nhưng anh Du hỏi :

-Giờ này chú còn ăn sáng, tôi sợ người ta chờ chú ngoài đây sốt ruột. Vậy chú mau mặc quần áo rồi đi ngay đi. Râu chú cũng mọc khá dài rồi đấy, cạo nhanh đi!

Nghe anh ta nói tôi càng lúng túng, vội mặc bộ quần phục màu vàng, quần dài, áo ngắn tay, đeo lon hạ sĩ trước ngực. Tôi nhìn vào tấm gương treo ngoài cửa thấy mấy sợi râu măng còn lún phún chưa dài lắm nên để mặc không cạo cho khỏi mất thời giờ. Anh Du bảo :

-Sao chú không cạo đi ?

Tôi nói:

-Tôi đâu cạo bao giờ, chỉ nhổ thôi.

Thế là anh ta kéo tôi đi ra nhà ông Ba Giao ngay lúc ấy. Khi đến nhà, tôi như người hoa mắt vì thấy lối nhỏ từ trong nhà tới ngoài sân đã có rất nhiều người, trong đó có trung sĩ Đài đang ngồi cùng ba người Pháp và một số người khác ở chiếc bàn giữa nhà trước bàn thờ. Nhìn kỹ lại thì ra thượng sĩ Tomas, trung sĩ Hubert, trung sĩ Desingarique, trung đội phó. Sau này tôi mới biết số người Pháp là do ông Ba Giao nhờ trung sĩ Đài mời đến dự hôn lễ của tôi. Lúc này tôi như người mất hồn không dám nhìn mặt ai. Ông Hương Quân đến dắt tôi vào nhà và giới thiệu với mọi người có mặt trong nhà. Tôi nhìn lên bàn thờ thấy bộ lư đồng bóng loáng, hai cây nến màu đỏ đã gắn sẵn trên chân đèn và một đĩa trái cây. Bấy giờ ông Hương Quân đưa cho anh Du một cái áo dài the màu đen và một cái khăn đóng cũng màu đen. Tôi như người chết đứng. Khi Du đặt lên đầu tôi chiếc khăn đóng và bảo tôi mặc chiếc áo dài màu đen, thật là một sự xấu hổ tột độ. Càng kinh khủng hơn khi ông Hương Quân dắt tôi đến trước bàn thờ. Tôi chỉ cúi mặt xuống không muốn ngó ai vì nghĩ mình mặc quần phục kaki vàng, đi dép da mà lại đội khăn đóng, mặc áo dài đen như thế này thật chẳng ra thể thống gì cả ! Ngay lúc ấy, cô Cù cùng ông Ba Giao và bà dì ghê từ trong buồng bên đi ra đứng gần tôi phía bên phải. Tôi liếc thấy nàng ngơ ngác trong bộ quần đen, áo bà ba trắng điểm bông màu hoa cà. Có lẽ nàng cũng ngỡ ngỡ như tôi. Và

tôi cũng nhìn thấy nàng đã đeo đôi bông tai vàng chोé hình nụ hoa cúc. Lúc này, ông Ba Giao đứng trước hai đứa chúng tôi, tay cầm một nắm nhang, đốt lên cắm vào bát nhang trên bàn thờ, vái ba vái và lâm râm khấn gì đó mà tôi không nghe rõ. Sau đó ông đốt hai cây nến ở hai bên bộ lư đồng rồi quay lại bảo chúng tôi vái lên bàn thờ ba vái. Kế đó ông tuyên bố với mọi người từ nay tôi và cô Cửa là vợ chồng và được phép gọi ông là ba và bà dì ghê bằng dì. Rồi ông giới thiệu người trong gia đình và họ hàng xa gần như cô, chú, cậu, mợ, v.v... và bảo tôi vái mỗi người một cái. Tôi làm theo lời ông như một cái máy và chẳng dám nhìn kỹ ai, cũng chẳng nhớ là bao nhiêu người vì rất đông.

Sau khi lễ bái xong, cô Cửa vợ tôi đi tuốt xuống nhà bếp, không ngoái lại nhìn tôi cũng như mọi người xung quanh. Tôi ngờ ngác chẳng biết trốn chỗ nào cho khỏi lúng túng trong bộ áo dài khăn đóng. May mà lúc ấy ông bố vợ dẫn tôi vào một góc cạnh buồng, bảo tôi cởi áo lột khăn đưa cho ông cất. Sau đó dẫn tôi đến ngồi cạnh thượng sĩ Tomas. Tôi sượng sùng, lấm lét nhìn ông, gật đầu chào. Tomas mỉm cười và bắt tay tôi một cách thân thiện. Ông nói:

-Chúng tôi được ông xã trưởng Giao mời đến dự lễ cưới của anh, sao không thấy anh nói về việc này?

Tôi nói khẽ:

-Việc này do ông xã Giao tổ chức, tôi không biết gì cả nên không mời ai.

Lúc này bàn tiệc được bày ra. Một số người lẳng xăng mang đồ ăn và rượu bày đầy trên bàn. Tôi chẳng biết tên những món ăn này là gì vì chưa bao giờ được dự tiệc ở đâu cả. Ông Ba Giao, bố vợ tôi, cầm chai rượu trắng rót đầy ly trên bàn trước mắt mọi người. Mọi người đều nâng ly uống rồi cầm đũa. Tôi không uống, chỉ chậm rãi ăn. Ba người Pháp cầm đũa, lóng ngóng gắp từng miếng đưa lên miệng nhai có vẻ thích thú. Thấy tôi không uống rượu, trung sĩ Đài nói:

-Chú rể mà không uống rượu thì đêm nay khó ngủ lắm đấy.

Nghe vậy, mọi người đều cười ồ lên. Tôi xấu hổ chẳng biết nói lại câu gì. Mấy người Pháp thấy người ta cười như thế không hiểu gì ngờ ngác nhìn tôi. Trung sĩ Đài nói lại bằng tiếng Pháp, họ đều cười to hơn. Tôi càng xấu hổ hơn và cúi đầu xuống không dám nhìn ai nữa. Bữa tiệc này rất đông người. Riêng bàn tôi ngồi là mười hai người, còn hai bộ ván đặt hai bên lối nhỏ đàn ông, đàn bà, không biết bao nhiêu. Tôi thấy họ đều ăn uống, nói chuyện vui vẻ. Riêng tôi thì cũng hơi vui nhưng vì tính hay e thẹn nên không biết nói câu gì cho vui với họ, chỉ cầm cúi ăn chậm rãi chứ không dám ăn nhanh. Chỉ mong cho mau tan tiệc để được tự do. Cuối cùng, mọi người lần lượt đứng dậy ra về đúng vào lúc chiếc đồng hồ treo trên vách gõ một tiếng, kim chỉ một giờ. Tôi mừng thầm, như thế là thoát nạn! Tuy vậy, sự hạnh hạ tinh thần chưa phải là hết vì sau khi khách khứa ra về, một số đồng họ hàng nhà ông Ba Giao vẫn còn ngồi tiếp tục ăn uống. Lúc này bố vợ tôi bảo:

-Mày ngồi xuống ăn thêm đi vì lúc này tao thấy mày ăn ít quá.

Nghe bố vợ gọi tôi là mày, tôi ngỡ ngàng không hiểu tôi đã làm gì mà ông gọi tôi sỗ sàng như vậy! Nhưng tôi cũng dần cơn giận, nói, “con đã ăn nhiều rồi”, và lững thững đi ra cửa. Ra đó thì gặp anh chàng Du, mặt mày đỏ ké đang đứng ngoài hiên nhà. Tôi nghĩ là Du chờ tôi. Tôi kéo tay Du đi ra sân và bảo:

-Đi về trại thôi, ở đây họ còn ăn uống lâu lắm.

Nghe vậy Du nói:

-Áy chết, sao chú không ở lại chờ đến chiều đưa thím về nhà ông Hương Quán?

Tôi bảo:

-Thôi về trại nghỉ một lúc cho đỡ mệt, đến chiều sẽ đi.

Đọc đường về tôi hỏi Du:

-Sao ông Ba Giao lại gọi tôi bằng mày, như vậy nghĩa là sao? Trong bữa tiệc này tôi có làm gì mất lòng ông đâu mà ông lại gọi tôi như vậy?

Du cười sảng sặc, trả lời:

-Chú đừng hiểu lầm, người Nam là vậy đó. Đã là con cái trong nhà dù làm lớn đến đâu cha mẹ cũng gọi bằng mày xưng tao chứ không phải như người Bắc, cha mẹ gọi con bằng anh, bằng chị đâu.

À, thì ra là vậy nên tôi không còn băn khoăn về việc này. Vì suốt đêm hôm qua mất ngủ và cả một buổi sáng căng thẳng tinh thần, tôi mệt mỏi quá nên khi về đến trại, tôi xà xuống giường không kịp thay đồ, chỉ tuốt vội đôi dép và sau một lúc, tôi đã ngủ mê man. Đến chiều tối, tôi lại bị anh chàng Du kêu dậy và hồi thúc tôi ra nhà ông Ba Giao. Du nói:

-Tôi hơi say nên ngủ quên. Mới thức dậy nên vội lại đây để kêu chú.

Thì ra anh ta cũng ngủ ngon như tôi nhưng hẳn lại thức trước chứ không ngủ li bì như tôi. Tôi ngần ngại, định đến gần tối hẳn mới đi vì lúc này trời còn sáng, có nhiều người trông thấy thì xấu hổ quá. Thấy tôi loay hoay chưa ra khỏi nhà, Du nói:

-Chú đi ngay đi, bây giờ muộn quá rồi sợ ông Ba Giao và gia đình buồn chú đấy.

Thấy đi một mình thì ngượng quá, tôi bảo anh ta đi theo cho đỡ ngượng, nếu có gì thì anh chống chế dùm cho. Du từ chối, nói:

-Tôi không đi đâu, chú đi một mình thì tốt hơn.

Tôi cương quyết nói:

-Anh không đi, tôi cũng không đi.

Thấy tôi có vẻ cương quyết, Du nói:

-Vậy thì đi! Chú thật kỳ quá.

Tôi nghĩ bụng, anh chàng này cũng chịu mình ra phết. Thế là mới e ngại lại bắt đầu nhen nhúm trong lòng tôi. Chúng tôi đến nhà ông Ba Giao vừa lúc mờ tối. Bước vào, tôi thấy nhiều người đang ngồi ăn uống trên hai bộ ván và bàn giữa nhà. Thấy tôi đến mọi người ngẩng ra nhìn, tôi e thẹn cúi đầu xuống không dám nhìn ai. Du nói:

-Xin lỗi cả nhà vì tôi và chú ấy say quá nên ngủ quên đi trễ.

Lời nói chống chế của anh làm tôi buồn cười vì chỉ có nó say chứ tôi đâu uống rượu mà say ! Bây giờ ông Ba Giao nhìn tôi có vẻ không bằng lòng rồi nói:

-Thôi, mày và anh Du đến trễ thì ngồi xuống ăn cho rồi.

Sau đó ông sai người đem bát đĩa ra. Tôi khấp nép ngồi vào bàn và Du cũng ngồi theo. Chắc nó cũng ngượng nghịu như tôi vì buổi sáng đã ăn rồi bây giờ lại ăn nữa. Ăn uống xong, mọi người đứng dậy và lẳng lặng đi ra khỏi nhà. Tôi ngồi lơ ngơ với ông bố vợ, kế bên là anh Du, chẳng biết nói gì cho có chuyện. Một lúc sau, Du đứng dậy xin phép về. Thấy vậy tôi càng thêm lúng túng, nghĩ bụng, không lẽ mình theo nó về ? Lúc này trời đã tối quá và mưa lất phất, tôi ngồi ngẩn ngơ không biết phải làm sao thì bố vợ bảo:

-Trời tối rồi, hai đứa bây đưa nhau về đi.

Ngay lúc ấy cô Cửa từ dưới nhà bếp lên, cũng trang phục như buổi sáng, tay xách theo một bọc nhỏ có lẽ là quần áo, len lén đến gần tôi. Tôi vội đứng dậy và cùng nàng đi ra ngoài cửa. Ông bố vợ lại nói:

-Trời mưa tụi bây lấy cái dù che cho khỏi ướt.

Nghe vậy, vợ tôi quay vào nhà lấy cái dù đen đưa cho tôi cầm. Thế là hai đứa chúng tôi âm thầm ra khỏi nhà, không đứa nào nói một tiếng để chào từ giã gia đình ! Vừa ra khỏi khúc quanh đầu đường cái thì mưa nặng hạt hơn, tôi vội giương dù ra và hai đứa che chung để về nhà ông Hương Quân. Trên đường đi chẳng ai nói với ai một câu, chỉ nghe những hạt mưa rơi xuống dù lộp bộp. Con đường vắng vẻ, mặt đường lờ mờ, bầu trời xám xịt. Tiếng ếch ương, cóc nhái

hai bên đường rộ lên một thứ âm thanh nghe như gần như xa, buồn vui lẫn lộn để đón chào chúng tôi về nơi tổ ấm.

Thế là hai đứa chúng tôi đã thành vợ thành chồng qua một đêm bờ ngõ và thẹn thùng. Buổi sáng còn mờ hơi sương vợ tôi đã dậy, tôi cũng dậy theo mặc dầu tôi còn muốn nằm ngủ thêm nữa. Hai đứa nhìn nhau lăm lét nhưng chẳng ai nói câu gì. Sau khi rửa mặt đánh răng xong, tôi mặc quần áo về trung đội thì thấy binh nhì Triệu trong tiểu đội của tôi bung đến một ca café và nửa ổ bánh mì kẹp phô mai mà anh đã ra nhà bếp nhận phần cho tôi. Triệu còn nói :

-Phần cơm trưa của chú, em sẽ lấy đem về đây cho chú.

Sau khi điễm tâm xong, tôi ra trung đội và không quên đưa cho vợ một ít tiền dành dụm để tùy ý mua sắm gì cho tôi và nàng. Tôi tự nhủ, kể từ nay phần nội trợ do nàng quán xuyến, tôi chỉ biết đem tiền lương về cho nàng để trang trải trong cuộc sống gia đình. Buổi trưa hôm ấy, Triệu xách về cho tôi một gà mên đựng cơm và đồ ăn. Phần cơm này tôi thấy nhiều hơn mọi khi, có thể đủ cho hai vợ chồng tôi ăn no. Như vậy phần cơm hằng ngày vợ tôi không phải nấu nướng gì cả. Còn buổi sáng thì nàng tự ý mua ăn. Tôi cũng phải nói qua về binh nhì Triệu. Anh là một người hiền lành nhưng lù khù, không lanh lẹ như người khác. Bởi thế mọi việc lật vật gì anh đều bị một số anh em trong trung đội nhờ làm. Tuy vậy anh vẫn vui vẻ nhận lời làm cho họ. Do đó, có lẽ anh chàng Du mên tôi nên đã sai anh ta lấy phần cơm đem về cho tôi hằng ngày. Cũng vì thế tôi cũng có cảm tình với Triệu nên mỗi khi lãnh phần thuốc lá, tôi đều đưa cho anh một nửa, còn một nửa tôi cho Du.

Chủ nhật sau, vợ chồng tôi dẫn nhau về nhà cha mẹ vợ. Lẽ ra theo tục lệ, chúng tôi phải về sau lễ cưới ba ngày nhưng vì tôi có tính mắc cỡ và e ngại nên chần chừ mãi cho đến chủ nhật này mới về. Có lẽ gia đình cũng biết chúng tôi sẽ về ngày hôm ấy nên khi đến nơi, tôi đã thấy bà dì ghẻ, các dì, các cậu loay hoay bung đồ ăn bày lên bàn đặt cạnh nhà bếp. Trong các món đồ ăn, tôi thấy một con cá màu vàng ươm to bằng cổ tay, đặt trên một cái đĩa lớn, dưới lót rau diếp, xung quanh là những lát cà chua và rau thơm phủ lên. Tôi còn đang lơ ngơ thì ông bố vợ từ trong nhà bếp đi ra ,bảo, “Mây ngồi xuống đây”, rồi ông đi qua nhà bên cạnh. Một lúc sau, tôi thấy ông trở về với ba người, một đàn ông, hai đàn bà và mấy đứa nhỏ chừng 13, 14 tuổi. Tất cả những người lớn, kể nhỏ này đều ngồi chung bàn với ông Ba Giao. Bấy giờ tôi lại được bố vợ giới thiệu một lần nữa, cho biết đây là chú thím Năm, cô Tư (em ruột của bố vợ), và những người em vợ là những đứa trẻ lau nhau ngồi trong bàn. Sau khi các món ăn đã bày xong, bố vợ tôi bảo:

-Tụi bây ăn đi kẻo nguội.

Thế là mọi người cầm đũa, ăn uống một cách vui vẻ. Ông bố vợ bảo tôi:

-Mây ăn cá nướng đi, cá lóc nướng đó ngon lắm. Hôm nay biết tụi bây về nên Dì mới làm món cá nướng đãi tụi bây đó.

Tôi nghe nói là cá nướng nên sợ không dám đụng vào vì từ nhỏ tôi chưa hề ăn cá nướng bao giờ. Thấy vậy, mọi người đều nhìn tôi và cười chúm chím. Tôi không hiểu họ cười cái gì và cứ việc cầm cúi ăn. Trong lúc ăn, tôi liếc nhìn chú Năm, cô Tư thấy hai người này vóc nhỏ thó và ốm nhom, còn ông già vợ thì to cao mà lại bảo là anh em ruột? Sau này tôi mới biết họ là anh em cùng cha khác mẹ. Trong buổi cơm này không có rượu vì cả gia đình không ai biết uống rượu. Như vậy cũng giống tôi. Sau khi ăn uống xong, tôi đi ra thò thân ngắm nhìn cảnh vật xung quanh nhà, chán rồi lại trở vào ngắm nghía những tranh ảnh treo trên vách như một khách du lịch để đợi vợ tôi đang loay hoay dọn dẹp trong bếp. Tôi đang ngắm tranh thì bà dì ghẻ đi ngang qua nói nhỏ:

-Lễ cưới này mất khá nhiều tiền mới được như vậy đó.

Tôi ngờ ngác không hiểu bà ta nói như thế để làm gì nên tôi im lặng. Sau này tôi mới hiểu những lời nói của bà dì ghẻ là có ý trách tôi không đóng góp gì trong lễ cưới mà gia đình bà

đã tổ chức. Nhưng đã muộn vì tổ chức lễ cưới này ông Hương Quân chẳng hề nói cho tôi biết phải đóng góp bao nhiêu nên tôi cứ nghĩ là nhà bố vợ tự ý làm ra rồi mời khách đến ăn uống cho vui. Tuy vậy sau khi ngẫm nghĩ, tôi thấy tôi chẳng có lỗi gì và nếu ông Hương Quân cho biết phải đóng tiền trong việc tổ chức đám cưới thì có lẽ lúc ấy tôi đã không lấy vợ vì tôi rất ít tiền, chỉ có thể mua đôi bông tai vàng và một ít lặt vặt như giường, chiếu, chăn, màn; còn lại chút ít tôi đã đưa cho vợ tôi sau đêm tân hôn. Tôi để bụng sau này sẽ đền bù nếu có cơ hội.

Ngày tháng trôi qua, thắm thoát đã hơn hai tháng và cuộc sống của hai vợ chồng chúng tôi rất hạnh phúc vì vợ tôi rất ngoan hiền và săn sóc tôi rất chu đáo. Nhờ vậy, tôi cũng vui đi nỗi buồn mất mẹ và xa quê hương. Cuối tháng 3 năm 1947, tôi được thăng chức hạ sĩ nhất. Số lương của tôi từ 2400 đồng tăng thành 6200 đồng kể cả tiền phụ cấp của vợ. Tôi vừa lãnh lương tháng đầu thì được lệnh trở về đơn vị cũ tại Long Bình, Thủ Đức. Trung sĩ Việt, hạ sĩ nhất Tiếp cũng được lệnh trở về đơn vị cũ. Chúng tôi về lại Long Bình bằng xe của đơn vị cũ đến đón. Khi đi chỉ có ba người độc thân. Khi về, cả ba đều có vợ! Riêng trung sĩ Việt lấy một bà goá đã có hai con nên đồ đạc như giường, chiếu, hòm rương... xếp đầy trên xe làm tài xế là hạ sĩ người Pháp cũng phải lác đầu. Xe đến Long Bình, trung sĩ Việt, hạ sĩ nhất Tiếp được lệnh xuống xe. Vợ con và đồ đạc của hai người cũng được đưa xuống. Riêng tôi được lệnh trở về trung đội cũ đóng tại khuôn viên nhà thờ Gò Công nên tiếp tục đi với số đồ đạc đem theo để nguyên trên xe. Đến Gò Công vào khoảng gần đứng bóng, xe từ từ tiến vào giữa sân doanh trại. Sau khi người lính gác cổng nhận ra tài xế và chiếc xe Dodge của đại đội liền nâng cây chắn cổng lên. Lúc này doanh trại vắng hoe chỉ có con chó của thiếu úy Đồng từ nhà phía bên kia lờng lộn sủa vang đón vợ chồng chúng tôi. Tôi vừa bước xuống đất thì con chó chét tiệt định xông đến cắn. Tôi vội vàng nhảy lên xe. Ngay lúc ấy, vợ của thiếu úy Đồng lấp ló trước cửa gọi con chó về và nhìn ra phía tôi rồi tuột vào nhà. Tôi bước xuống, ra phía sau xe đỡ vợ và nhờ tài xế chuyển giúp đồ đạc xuống xe. Sau đó tôi đến nhà thiếu úy Đồng để trình việc. Thiếu úy vừa thấy tôi đến, ông liền ra cửa, vẻ mặt tươi cười. Tôi đứng nghiêm và giơ tay chào. Tôi cảm thấy vui mừng vì đã lâu không được thấy thiếu úy. Có lẽ ông cũng đoán được sự cảm xúc của tôi qua nét mặt nên tiến đến nắm tay tôi một cách thân mật và nói:

-Tôi đã biết chú về hôm nay. Sao từ ngày biệt phái lên Hiệp Hoà chú không tin tức gì cho tôi cả ?

Ông nhìn ra chỗ xe đậu thấy vợ tôi đang lơ ngơ bên cạnh đồng đồ đạc bèn hỏi:

-Chú lấy vợ rồi hả ?

Tôi ngượng nghịu trả lời:

-Vâng. Em đã có vợ.

Nghe nói vậy, bà Đồng từ trong nhà bước ra và nhìn về phía vợ tôi. Tôi vội đi ra đưa vợ đến chào hai ông bà. Vợ tôi có vẻ e thẹn, lú lú theo tôi đến cúi đầu chào hai người. Bà Đồng ngắm vợ tôi một chặp và khen:

-Thím đẹp quá.

Nghe vậy, tôi cũng cảm thấy vui và tự hào nhưng vợ tôi càng tỏ ra e lệ, đứng nép vào sau tôi. Thiếu úy Đồng cũng đứng ngắm vợ tôi, ông gật gù tỏ vẻ hài lòng. Được một chặp ông nói:

-Chú thím về đi, tôi sẽ bảo thằng Ngân thu xếp cho chú thím một gian phòng để ở.

Nói xong, ông lớn tiếng gọi. Anh Ngân từ gian nhà gần đấy vội chạy đến. Khi vừa thấy tôi, anh tỏ vẻ vui mừng và cười rất tươi. Tôi gật đầu chào và cười vui cùng anh. Tôi cùng vợ đi ra đồng đồ đạc, còn anh Ngân đến thiếu úy Đồng nói gì đấy. Sau đó, anh theo ra và dẫn tôi đến một gian phòng trong dãy nhà làm bằng tre lợp lá dừa nước. Căn phòng ngăn bằng những miếng cọt tre, diện tích chừng hai mươi mét vuông nền đất. Dãy nhà này giành cho những người có vợ. Tôi

ra chỗ xe đậu ngỏ lời cảm ơn người tài xế Pháp và bắt tay từ giã. Sau đó, tôi và anh Ngân lục đục khiêng đồ vào gian phòng. Đồ đạc chỉ có cái rương và một ít đồ đạc lặt vặt xếp gọn vào một góc. Còn cái giường mà bố vợ hạ sĩ Tiếp đóng cho tôi đã để lại nhà bố vợ khi rời về đây. Sau khi dọn dẹp xong, anh Ngân nói nhỏ:

-Thầy cai Thổ Mù sao kiếm được cô vợ đẹp thế !

Tôi mím miệng và nheo nheo mắt nhìn anh một cách hãnh diện, nghĩ bụng, anh chàng này chắc thêm lăm đây. Và lạ thay, lúc này câu Thổ Mù mà Ngân trêu chọc lại làm tôi vui vui chứ không muốn đả vào miệng hấn như trước. Ngân lại nói:

-Tớ cũng vừa được đeo lon cai sếp (hạ sĩ nhất) cùng với đợt cậu, cậu có biết không?

Tôi nói:

-Có biết gì đâu!

Ngân nói:

-Đúng là thầy cai Thổ Mù chính công, chẳng biết xa gần gì hết.

Nghe chúng tôi nói chuyện, các anh Đáng, anh Phú ở gian kế bên và một số lính mới cũng đến vây quanh chúng tôi, mọi người đều tỏ vẻ vui mừng. Tôi xiết chặt tay anh Đáng, anh Phú và giờ tay chào lờ quơ các binh sĩ lạ. Lúc này đã gần một giờ chiều, tôi cảm thấy đói và khát. Anh Ngân vội đưa vợ chồng tôi vào gian phòng của anh và kêu vợ dọn cơm cho chúng tôi ăn. Nồi cơm và đồ ăn chỉ còn một ít thừa lại nhưng tôi không nề hà và bảo vợ cùng ăn cho đỡ đói. Hai đĩa chỉ vét được hơn lưng bát kê cả cháy. Tôi ăn ngấu nghiến còn vợ tôi có vẻ e dè vừa nhai thông thả vừa nhìn tôi có ý thăm dò. Tôi nói:

-Ăn tạm đi. Đến chiều, mình nhờ chị Ngân đưa đi chợ mua gạo, thức ăn đồng thời sắm luôn giường, bàn ghế, này nọ.

Buổi chiều, vợ tôi được vợ Ngân dẫn ra chợ Gò Công và nàng đã mua những đồ dùng mà tôi đã dặn nhưng đều là loại gỗ tạp rẻ tiền. Thế là vợ chồng chúng tôi đã được chỗ ở tạm ổn định và được gần thiếu úy Đồng. Đối với thiếu úy Đồng, tôi coi như là một người thầy nên rất tôn kính nhưng đối với vợ ông tôi coi như là người quen biết bình thường. Tuy vậy, tôi cũng không nói cho vợ tôi biết về dĩ vãng của bà ta sợ ảnh hưởng đến thiếu úy Đồng sau này.

Hai ngày sau trong khi rảnh rỗi, tôi đến thăm những người quen cũ ngụ gần nhà thờ Gò Công. Tôi đến nhà ông Trùm Hương, bố cô Thơm, thì được bà vợ cho biết ông Hương đã bị thiếu úy Đồng bắt giam vì tội say rượu quậy phá cách đây hai hôm. Bà nhờ tôi dùm nói với thiếu úy Đồng tha cho ông ra. Tôi hứa sẽ xin thiếu úy Đồng để ông được tha về với gia đình. Sau đó tôi trở về trại và ghé lại chỗ ông Hương bị tạm giữ trong nhà thờ. Ông nằm dưới ổ rom lót trên nền gạch, đôi mắt lim dim như ngủ, mình mặc bộ bà ba đen đã bạc màu, râu ria xồm xoàm, thân hình ốm nhom trông thật thảm hại. Tôi tăng hắng một tiếng, ông liền mở mắt ra nhìn. Có lẽ ông nhận ra tôi nên vội nhồm dậm nói:

-Có phải chú cai Tri đó không?

Tôi thưa:

-Dạ phải, cháu đến thăm bác đây.

Ông mếu máo như muốn khóc:

-Tôi bị thiếu úy Đồng bắt vì tội say rượu đã hai hôm nay rồi.

Tôi buồn cười thấy ông mếu máo và nói:

-Bác đừng say rượu nữa thì chẳng ai bắt bác đâu.

Ông lại nói:

-Tôi uống không say bao nhiêu nhưng bị mấy thằng hàng xóm nó ghét nên báo cho thiếu úy Đồng, tôi mới bị bắt oan như thế này. Chú làm ơn xin thiếu úy Đồng tha cho tôi.

Tôi thâm nghĩ, còn oan gì nữa, khi say ông chửi bới lung tung làm cho người ta ghét là phải. Tuy vậy, tôi cũng hứa sẽ xin thiếu úy Đồng tha cho ông. Sau đó tôi trở về trung đội và đến gặp thiếu úy Đồng xin tha cho ông Trùm Hương. Nghe tôi nói, thiếu úy Đồng bảo:

-Lão này đã già mà suốt ngày rượu chè be bét nên mỗi khi say thường hay chửi bới om sòm bị hàng xóm oán ghét, họ mới đến đây yêu cầu tôi tạm giữ để lão sợ. Chú không xin thì tôi cũng thả chứ giữ lâu làm gì thêm rắc rối.

Nghe vậy, tôi cũng yên lòng và chiều hôm ấy ông Trùm Hương được tự do. Những ngày sau đó tôi có đến xóm nhà thờ Gò Công hỏi về tình hình ông Trùm Hương thì được người dân cho biết từ ngày được thả ra, ông Trùm không còn thấy say sưa hay chửi bới gì nữa. Tôi mừng thầm vì ông đã biết hối cải và cũng mừng cho xóm Đạo thoát khỏi cảnh ồn ào chửi bới của ông khi say sưa.

Tháng 10 năm 1947, đại đội tôi được lệnh di chuyển về Biên Hoà. Lại một phen chuyển đồ đạc linh kinh của các gia đình binh sĩ đến khuôn viên chùa Ông thuộc xã Hiệp Hoà và đại đội lại một phen mua tre, lá dừa nước về làm trại gia binh. Hai vợ chồng tôi được cấp một phòng, diện tích chừng 8 mét vuông để ở. Sau một tuần lễ các gia đình đã có chỗ ở tạm ổn định, đại đội được lệnh hành quân lưu động trong vùng đông bắc Biên Hoà như Long Thành, Xuân Lộc... Những cuộc hành quân này có khi một tuần, có khi nửa tháng. Hành quân xong thì lại trở về Hiệp Hoà nghỉ ngơi. Nói là hành quân nhưng đại đội tôi chưa bao giờ đụng độ với địch, tuy vậy tôi cũng thấy mệt mỏi khi phải đi sâu vào những cánh rừng rậm rạp và khe suối bùn lầy ảm thấp. Có một lần trong cuộc hành quân tại vùng Xuân Lộc vào hạ tuần tháng 10/1947, đại đội tôi dẫn về địa điểm đóng quân 5 người nông dân vì sợ bất lợi cho cuộc hành quân. Trong số này có một cô gái trạc 18,19 tuổi, nước da trắng trẻo trông khá đẹp nên bị một số lính tráng trong trung đội chọc ghẹo, có thằng còn tỏ ra thèm muốn. Tôi thâm nghĩ nếu cô này ở đây ban đêm có thể bị mấy thằng lính khôn kiếp hãm hại. Thấy tội nghiệp, tôi quyết định cứu cô ta cho bằng được nên sau khi cơm nước xong, tôi dẫn cô ta đến chỗ tôi và khẽ nói:

-Cô đến nằm chung với tôi đêm nay, nếu không thì có thể bị bọn lính làm nhục. Nghe vậy, cô có ý sợ sệt. Tôi bèn nói:

-Đừng sợ, tôi không hại cô đâu. Chỉ có thể mới cứu được cô khỏi bị bọn lính nó hãm hiếp.

Cô gái rụt rè đi theo tôi đến chỗ nằm. Lúc này trời khá tối và hơi lạnh, tôi lấy chiếc bạt cá nhân trải xuống đất và bảo cô nằm xuống trùm chăn chung với tôi. Cô riu riu nghe lời và nằm xuống. Tôi nằm nghiêng quay lưng về phía cô với tư thế nằm co, hai tay duỗi thẳng xuống hai bắp đùi kẹp lại. Cô ta cũng nằm nghiêng quay lưng về phía tôi. Chỉ có hai cái lưng chạm nhau. Cách chỗ tôi và cô nằm chừng 5 thước là trung úy đại đội trưởng và gần đây là thiếu úy Đồng trung đội trưởng cùng một số hạ sĩ quan và binh sĩ trong trung đội. Chẳng thấy ai cản trở, nói năng gì. Thật tình, đêm hôm ấy tôi rất khó ngủ, một phần vì phải bảo vệ cho cô gái, một phần sợ tai tiếng là mình đã chiếm đoạt một cô gái trong cuộc hành quân, nhưng vì lòng nhân đạo tôi phải liều và nghĩ mình không hèn hạ làm điều tà dâm thất đức là được rồi. Còn ai hiểu hay không thì có trời biết, cô gái biết. Tôi cố gắng nằm co, không nhúc nhích sợ gây tiếng động sột soạt hay lũng nhùng trên mặt chiếc chăn. Toàn thân phía phải của tôi từ vai xuống bắp chân như tê dại. Thỉnh thoảng tôi gồng lên cho các bắp thịt đỡ tê và đỡ mỏi, và thỉnh thoảng tôi hít sâu vào phổi một hơi dài cho đỡ ngột ngạt. Thật là cả một sự chịu đựng như bị cực hình cho thân xác tôi. Tôi nghĩ đến Chúa trời, nghĩ đến Đức phật và những vị Thánh nhân cao cả có lòng từ bi bác ái cứu nhân độ thế để lòng mình được lâng lâng nhẹ nhõm. Có lúc tôi lại nghĩ, việc này mà ai đó có ác ý nói cho vợ tôi biết thì tôi sẽ nói với nàng ra sao? Hạnh phúc vợ chồng tôi có thể bị tổn hại. Tôi lại nghĩ đến câu “ Anh hùng tiếng đã gọi rằng, giữa đường thấy sự bất bằng không tha”. Anh

hùng kiêu này cũng có ngày chết oan vì nếu vì một lý do nào đó mà cô gái nằm bên cạnh hét lên một tiếng hoặc vùng ngồi dậy chạy ra chỗ khác thì thật là một tai họa cho tôi. Đối với sự khinh bỉ và chê bai của tất cả mọi người trong đại đội thì tôi còn mặt mũi nào trông thấy họ nữa ? Chỉ còn có cách tự tử mới yên thân được. Một đêm thật dài, ê ẩm nửa thân mình và lo sợ những điều bất hạnh xảy ra. Nhưng những sự lo âu ấy cũng qua và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Và đến mờ sáng, nghe xung quanh mọi người thu dọn lều bạt, tôi nhồm dậy và cô gái cũng nhồm dậy. Cô vội cúi đầu chào tôi và đi đến chỗ số người bị tạm giữ chiều hôm qua để cùng được trở về nhà khi trời sáng hẳn.

Sau khi đơn vị thu xếp xong và điểm tâm buổi sáng thì trung úy đại đội trưởng đến gần tôi hỏi một câu có ý mỉa mai:

- Thế nào, anh có ngủ ngon không?

Tôi điềm tĩnh trả lời với vẻ mặt nghiêm trang :

- Cám ơn trung úy, tôi ngủ ngon.

Tôi nghĩ lạ thật, đêm hôm qua tôi và cô gái đắp chung chăn với nhau mà không có ai cản trở hay là họ cũng nghĩ rằng tôi đã giành được cô gái nên họ phải nhường ? Chuyện này cả đời tôi không thể nào quên được. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ đến cô gái ấy. Không biết cô còn sống hay đã chết, cư ngụ nơi nào, có nói chuyện này với chồng con và gia đình hay không ?

Vào cuối tháng 11/1947, thiếu úy Đồng nói cho chúng tôi biết ông sẽ về Hà nội và gia nhập quân đội quốc gia Việt Nam sắp thành lập. Nghe tin, chúng tôi rất hoang mang vì coi ông như một người thầy đã dìu dắt chúng tôi qua bao nhiêu năm vất vả, bây giờ ông ra đi, chúng tôi chẳng khác nào như đàn gà con mất mẹ, lấy ai là người dìu dắt và che chở trong đám ba quân nhón nháo này. Cũng trong thời điểm này, trung úy Desclaux đại đội trưởng đã hết hạn ở Việt Nam phải về Pháp và trung úy Delachèsnès thay thế. Trung úy Delachèsnès thân hình mảnh khảnh, đeo kính cận có vẻ trí thức. Ông là một sĩ quan Pháp rất lịch sự. Khi vừa nhậm chức được 2 ngày, ông lần la làm quen với tôi. Có lẽ ông thấy tôi còn trẻ, đeo lon hạ sĩ nhất lại biết nói tiếng Pháp nên ông để tôi trong tiểu đội cận vệ, và từ đó tôi luôn luôn đi bên cạnh ông để thông dịch những việc gì ông cần biết. Tôi cũng kính trọng ông vì nhận thấy ông không có lòng tham trong những cuộc hành quân, không cho phép các binh sĩ trộm cắp tài sản của dân chúng. Cũng vì đồng quan điểm nên trung úy Delachèsnès ngày càng thân mến tôi hơn những người khác trong đại đội.

Tháng 12/1947, tiểu đoàn BMI được di chuyển về Bắc để hành quân lưu động, do đó đại đội chúng tôi lại một phen di chuyển đồ đạc linh kinh xuống tàu. Chuyển về Bắc này, anh Viễn, anh Ngân trong tiểu đội cận vệ khi trước được sáp nhập vào đại đội 2, trung sĩ Việt, hạ sĩ nhất Tiếp được nhập vào đại đội I, tôi thuộc đại đội 3. Tôi và các anh là những người bạn thân đã gắn bó với nhau từ khi Nhật đảo chánh Pháp rồi chạy sang Trung Quốc nên khi các anh sáp nhập các đại đội khác đã làm tôi trần trở buồn phiền. Nhất là anh Viễn, tôi thương nhớ anh nhiều hơn khi phải xa nhau.

Sau ba ngày hai đêm trên mặt biển, tàu SKAUGUM bỏ neo tại vùng biển Vạn Hoa. Tiểu đoàn tôi lại được các giang đình há miệng chuyên chở vào bờ. Tất cả gia đình và đồ đạc được di chuyển lên núi và tạm trú tại những nhà trên núi cách bờ chừng 100 thước. Lúc này vợ tôi đã có bầu và sắp đến ngày sinh. Qua cuộc hành trình dài ngày trên biển rồi lại phải trèo dốc lên nhà; khi lên đến nhà lại phải đi xuống cách chừng 50 thước để lấy nước về nấu ăn nên vợ tôi tỏ vẻ mệt nhọc làm tôi lo lắng cho sức khỏe của nàng. Cũng may, không việc gì đáng tiếc xảy ra. Chúng tôi tạm trú tại dãy nhà trên núi đến sáng hôm sau rồi lại được lệnh xuống núi, lên những chiếc giang đình hôm qua trở về cảng Hải phòng. Tiểu đoàn và gia đình binh sĩ được di chuyển đến một căn cứ quân sự tại hải cảng. Tại đây chúng tôi được nghỉ phép một tháng, ai muốn đi

đâu thì đi nhưng phải có mặt tại căn cứ vào tháng sau. Hai vợ chồng tôi định về Tiên Yên nơi anh Phương và gia đình đang cư ngụ ngoài ấy nhưng vừa sửa soạn xong thì bất ngờ thấy anh Đăng đến. Anh nói:

-Anh được tin chú thím về đây nên vội lại đón để đưa chú thím sang Hạ Lý nơi anh đang ở.

Tôi hết sức vui mừng khi gặp lại anh Đăng, một người anh ruột mà tôi yêu quý nhất đã biệt tăm qua bao nhiêu năm tháng, đến bây giờ lại xuất hiện tại đây như một phép lạ. Tôi rơm rớm nước mắt khi nhìn thấy anh và nghe anh nói. Tôi đồng ý ngay và đưa vợ theo anh sang Hạ Lý.

Anh Đăng cho tôi biết ngày 9/3/1945 quân Nhật đảo chính Pháp, lúc đó anh là cai Khố Xanh đóng quân ở đồn Mũi Ngọc cách Móng Cáy chừng 20 cây số. Đơn vị của anh đã tự ý giải tán. Anh theo một chiếc thuyền buôn chạy về Hải Phòng và trốn lủi vào vùng Hạ Lý này tìm việc làm ăn sinh sống. Anh nghe tin tôi từ miền Nam ra đây mới đến tìm thì gặp. Anh còn cho biết, hiện nay anh là nhân viên quan thuế do một thượng sĩ người Pháp cựu giám binh Khố Xanh quen biết từ khi mới vào lính tại Móng Cáy giới thiệu với Sở quan thuế Hải Phòng và anh đã làm việc hơn hai tháng nay.

Khi về đến Hạ Lý chỗ anh cư ngụ, anh giới thiệu chị Mùi, con ông bà Cú Diện người Vạn Xuân, Móng Cáy là vợ kế của anh. Tôi ngạc nhiên hỏi:

-Chị Đại là chị dâu trước bây giờ ở đâu?

Anh nói:

-Chị Đại vẫn còn ở Ninh Dương. Đã nhiều lần anh tin cho chị đến Hải Phòng nhưng chị không chịu, do đó anh mới lập gia đình với chị Mùi cho khỏi cô đơn.

Trong thời gian tạm trú tại Hạ Lý, tôi nhận thấy chị Mùi rất hiền lành và thật thà nên anh Đăng và chị rất hạnh phúc. Được hai tuần sau, anh Phương tìm đến chỗ chúng tôi, anh nói :

-Anh được lệnh chuyển về đại đội tổng hành dinh tại Hà Nội nhưng vì anh đến trễ, nơi đây đã có người thay thế nên anh phải trở về đại đội cũ tại Tiên Yên.

Anh trách tôi sao không đưa vợ về Tiên Yên. Tôi nói:

-Vì đã gặp anh Đăng ở đây.

Thật ra, thâm tâm tôi mến anh Đăng hơn anh Phương nên không về Tiên Yên. Hơn nữa, mẹ tôi đã mất và Móng Cáy thì không được an ninh. Trong hai ngày ở lại Hải Phòng, anh Phương dẫn chúng tôi đi chơi phố và chụp hình kỷ niệm. Lúc này vợ tôi có thai sắp đến ngày sinh nên bụng khá to, tôi không muốn cho nàng chụp chung nhưng anh Phương yêu cầu cho chụp để đem hình về Tiên Yên làm kỷ niệm. Tôi đành chịu ý và khi tấm hình in ra tôi thấy thật chán vì hình dáng người đàn bà có thai thô kệch làm sao ! Sau khi anh Phương về Tiên Yên được ba ngày thì vợ tôi chuyển bụng và chị Mùi dẫn đi nhà hộ sinh. Sáng sớm hôm sau chị về cho hay vợ tôi đã sinh con gái. Sau đó, chị dẫn tôi đến nhà hộ sinh. Tại đây tôi thấy đứa con gái đầu lòng nét mặt rất đẹp, mũi dọc dừa, mắt nhắm lim dim như một con chuột đỏ hỏn. Vợ tôi nằm bên cạnh có vẻ mệt. Nàng khẽ nói:

-Con bé cân nặng 3 ký rưỡi.

Tôi vui mừng thấy vợ con bình yên. Ở chơi được hơn nửa giờ thì tôi trở về sau khi nhờ chị Mùi trông coi, săn sóc dùm.

Sáng hôm sau, chị dâu tôi về báo cho biết, cháu sót cả đêm khóc không ngủ, chị đã nhờ cô mụ chích thuốc. Tôi vội vã đến nơi. Vợ tôi nói:

-Con bị sưng gót chân bên trái, sốt cả đêm.

Lạ thay, khi tôi vừa sờ vào trán, tự nhiên con tôi sùi bọt ra hai bên mép và lịm đi. Tôi hốt hoảng vỗ nhẹ vào mông nhưng con tôi không cựa quậy. Như thế là con tôi đã chết và bọt

mép của con tôi trào ra khi tôi đến cũng như là một lời vĩnh biệt. Tôi vô cùng đau đớn và tội nghiệp cho đứa con mới lọt lòng đã bị một căn bệnh huỷ diệt. Sau này tôi mới biết con tôi bị bệnh mà người Hoa ở Móng Cáy gọi là Thím Hồng, bệnh này chỉ cần hạ nhiệt bằng chanh hay giấm thì tự khỏi, chứ không cần thuốc men gì cả. Đàng này nhà tôi không biết lại nhờ cô đỡ chích trụ sinh nên bị phản ứng chết như vậy. Lúc này tôi vô cùng đau đớn và bối rối chẳng biết tìm nơi nào để chôn cất cho con. Cô mụ nhà hộ sinh thấy vậy cũng thương tình nên đã khâm liệm và gọi xích lô đưa ra nghĩa địa gần đấy để chôn cất. Buổi trưa tôi về, anh Đăng hỏi:

-Thím và cháu có khoẻ không?

Tôi sụt sùi kể rõ cho anh biết và anh cũng tỏ ra thương tiếc đứa cháu bất hạnh.

Sau một tháng nghỉ phép, tôi trở về căn cứ tại cảng Hải Phòng. Tại đây chúng tôi được lệnh di chuyển về Nam Định. Thế là lại một phen tụ họp và di chuyển gia đình cùng đồ đạc lên những chiếc giang đình chạy về Nam Định. Trong chuyến đi này tôi bị một cú vô cùng xấu hổ với bạn bè. Ấy là trung sĩ Nguyễn Văn Thi, bạn tôi, mới cưới cô vợ ở Hải Phòng trong thời gian nghỉ phép. Cô này trạc 20 tuổi cũng khá đẹp. Trong số ngồi trong tàu có vợ chồng trung sĩ Thi và vợ chồng tôi ngồi gần bên nhau. Tôi vô tình hỏi trung sĩ Thi về quê quán của vợ anh và tôi cũng có nhìn vợ anh và gật đầu chào khi anh giới thiệu. Thế mà không hiểu tại sao vợ tôi ngồi bên cạnh lại tự nhiên nổi cơn ghen và nhồm dấy bóp cổ tôi một cách sỗ sàng trước mặt mọi người. Tôi không ngờ vợ tôi lại có máu ghen dữ dằn như vậy. Thấy vậy, các bạn tôi cũng cười àm ỉ làm tôi càng thêm xấu hổ. Sau đó vì quá uất ức, tôi lên cơn sốt (!) và nằm lì cho đến khi tàu ghé bến. Mọi người đã lục đục lên bờ hết mà tôi vẫn còn nằm không dậy nổi. Một số bạn thấy vậy bèn vực tôi dậy và dìu lên bờ. Vợ tôi cũng lui thủ đi theo không một lời giải thích. Chuyện này vợ chồng tôi giận nhau cả tuần lễ nhưng vì sau đó nàng đã có lời xin lỗi nên tôi cũng nguôi ngoai không giận nữa.

Tại Nam định, đại đội tôi đóng quân trong một khu phố cách nhà máy dệt Nam Định chừng 1 cây số. Trung úy Delachèsnès dành cho vợ chồng tôi một căn phòng cách phòng ông chừng 20 thước. Sau khi ổn định chỗ ở cho gia đình binh sĩ, tiểu đoàn lưu động chúng tôi thường tổ chức những cuộc hành quân ở khu vực hai bên bờ sông Trà Lý nhưng những cuộc hành quân này chỉ có tính cách thăm dò và tuyên truyền về mặt tâm lý nhiều hơn. Trung tuần tháng 2/1948, tiểu đoàn tôi được lệnh di chuyển về Hải Dương. Đại đội tôi đóng tại khu phố Nhà Bè và gia đình binh sĩ ở loanh quanh trong những ngôi nhà bỏ hoang. Hai tháng sau, tiểu đoàn lại di chuyển đến Phát Diệm. Trong khi tiểu đoàn tôi đóng quân ở khu vực nhà thờ Phát Diệm thì cũng có một số cô gái trẻ có đạo Thiên Chúa hằng ngày thường đi qua chỗ đóng quân. Một cô tên Hương chừng 17,18 tuổi khá đẹp nên hạ sĩ Phạm Ngọc Nam, con trai thượng sĩ nhất Phạm Ngọc Tôn đem lòng yêu mến rồi sau đó lấy làm vợ và dẫn về trại gia binh Hải Dương chứ chẳng có cưới hỏi gì cả. Thời gian này có trung sĩ Nguyễn Văn Liên nguyên là một binh nhì thuộc trung đội vận tải, chuyên chặn dắt một con lừa trong trung đội để chuyên chở vật liệu vào năm 1945 khi quân Pháp chạy sang Trung Quốc. Trung sĩ Liên đã có vợ nhưng lại có tính lẳng nhăng trai gái, thấy hạ sĩ Nam lấy được cô vợ đẹp bèn bắt chước. Hắn tìm được một cô trạc 20,21 tuổi cũng khá đẹp rồi tán tỉnh thế nào mà cô ta bằng lòng làm vợ hai và theo về Hải Dương như vợ hạ sĩ Nam. Chẳng may cho Liên, khi hắn hí hửng đưa vợ hai về Hải Dương thì bị vợ cả làm dữ, đánh và đuổi đi. Cô nàng này sợ quá bỏ chạy về nhà ở Phát Diệm. Chuyện này cả đại đội chúng tôi đều biết và bàn tán cười hoài. Tôi cũng nói thêm, trung sĩ Liên là người mềm mỏng, khôn ngoan và lạnh lẽo nên được vợ thiếu úy Đồng coi như người nhà và được ở trong tiểu đội cận vệ của thiếu úy Đồng khi về Việt Nam. Sau khi thiếu úy Đồng chuyển sang quân đội quốc gia Việt Nam thì Liên cũng được làm tiểu đội trưởng tiểu đội 2 thuộc đại đội tôi.

Cuối tháng 4/1948 tiểu đoàn B.M.I được di chuyển đến Việt Trì. Tháng sau, trung úy Delachènes hết nhiệm kỳ ở Việt Nam trở về Pháp. Thay thế ông là trung úy Jobard, người đảo Corse thuộc Pháp. Từ ngày Jobard chỉ huy đại đội, ông tỏ ra là người tham lam nên tôi không ưa gì ông ta. Do đó, ông không đề tôi trong tiểu đội cận vệ nữa mà chỉ định tôi làm tiểu đội trưởng tiểu đội 1. Tôi bằng lòng được làm tiểu đội trưởng và mừng thầm được xa tên sĩ quan Pháp tham lam này.

Đại đội tôi có trung sĩ Nguyễn Văn Thuê, hạ sĩ Nguyễn Văn Đàm, hai người này thường khuyến khích binh sĩ mỗi khi đi tuần tiểu vào những xóm làng thì bắt về những gia súc như trâu bò, gà vịt... và vớt những đồ dùng bằng đồng như mâm, nồi, lư... Tệ hại hơn nữa, chúng đem gia súc về lại được tên đại đội trưởng Jobard cho nhà bếp làm thịt nấu cho binh sĩ ăn rồi tính tiền âm thực vào ngân quỹ của đại đội để bòn rút số tiền rồi chia nhau. Tôi căm ghét bọn này như thổ phỉ cướp bóc của dân chúng về ăn. Nhiều lần tôi phản đối không thèm ăn những đồ ấy. Một hôm tên đại đội trưởng này sai tôi dẫn đàn gia súc như trâu bò, lợn, gà vịt đưa lên hai chiếc xe GMC để đưa về hậu cần Hải Dương. Tôi phản đối không chịu nên trung úy này đến thẳng chỗ tôi bảo :

-Tôi bảo anh đưa gia súc về bằng xe GMC chứ có bảo anh đi bộ đâu.

Tôi trả lời:

-Tôi là một hạ sĩ quan trong quân đội Pháp chứ không phải là thổ phỉ mà trung úy bắt tôi dẫn đàn gia súc cướp bóc được của dân chúng, như vậy tôi không chịu.

Nghe tôi nói vậy, tên trung úy này đứng dậy xông đến định hành hung. Tôi cũng đứng thẳng lên, định bụng nếu nó đánh, tôi cũng đánh lại. Có lẽ thấy nét mặt cương quyết và thân hình lực lưỡng của tôi nên hấn sợ, không dám. Sau đó hấn sai hạ sĩ Đàm dẫn đàn gia súc về Hải Dương bằng hai xe GMC trong đoàn xe tiếp tế cho tiểu đoàn từ Hải Dương đến. Trong đêm đó tôi suy nghĩ lung tung. Tôi nghĩ nếu còn ở dưới quyền chỉ huy của tên này, sớm muộn gì nó cũng tìm cách ám hại mình. Tôi chợt nghĩ đến thiếu tá Baume mà trung úy Delachènes quen biết đã giới thiệu tôi với ông ta khi từ miền nam mới ra đến Hải Phòng, hiện ông là trưởng phòng 1 bộ tham mưu Pháp tại Hà Nội. Vậy chỉ còn cách đến tìm ông và nói cho ông biết những hành động tồi tệ của tên trung úy Jobard. Nghĩ là làm, sáng hôm sau trời còn lờ mờ hơi sương tôi đã dậy thu xếp chăn mùng bỏ vào ba lô và đến nói ý định của mình với thượng sĩ nhất Phạm Ngọc Tôn, trung đội trưởng, đồng thời giao lại cho ông một khẩu tiểu liên Thompson cùng 10 băng đạn. Thượng sĩ Tôn nói:

-Anh làm thế không được. Nếu anh bỏ đi mà không có lệnh của cấp chỉ huy là phạm vào tội đào ngũ.

Tôi nói thẳng:

-Tôi về trình diện bộ tham mưu Pháp tại Hà nội nên giao súng đạn lại cho ông nếu Jobard có nói gì mặc nó, tôi không sợ.

Nói xong, tôi đi thẳng ra đoàn xe GMC trở về Hải Dương. Đến quốc lộ số 5, tôi xuống xe và đón xe đò về Hà nội. Hỏi thăm đường đến bộ tham mưu Pháp, tôi đi xe xích lô đến Cột Cờ trên đường Hoàng Diệu. Sau khi tiếp xúc với một trung sĩ Bắc Phi tại cổng, tôi được ông chỉ đường đến phòng 1 nơi thiếu tá Baume làm việc. Tại cửa văn phòng có một hạ sĩ người Pháp ngồi nhận công văn và hướng dẫn người đến tiếp xúc với văn phòng. Tôi nhờ hạ sĩ này thông báo cho thiếu tá trưởng phòng biết và xin phép vào gặp ông. Tôi rất hồi hộp khi phải tiếp xúc với một sĩ quan cao cấp của quân đội Pháp. Cửa mở, tôi được phép vào. Thiếu tá Baume ngồi tại văn phòng và ngược nhìn ra phía tôi. Tôi vội đứng nghiêm và chào ông theo lễ nghi quân đội, đồng thời nói họ tên, cấp bậc, đơn vị. Ông gật đầu, chỉ tôi ngồi xuống ghế phía trước bên cạnh bàn. Nét mặt ông có vẻ hiền từ. Ông hỏi :

-Anh có phải là hạ sĩ 1 Tri mà tôi đã gặp ở Hải Phòng hôm trước ?

Tôi mừng thầm vì biết ông còn nhận ra tôi. Tôi gật đầu nói phải. Ông nói tiếp :

- Anh gặp tôi muốn nói chuyện gì ?

Sau khi đã lấy lại bình tĩnh, tôi trình bày tất cả sự việc mà tên trung úy Jobard đã làm trong thời gian qua. Đồng thời, tôi cũng nói cho ông biết tôi mới rời đơn vị từ Bắc Ninh buổi sáng nay, vũ khí đạn dược cá nhân tôi đã giao trung đội trưởng giữ, vậy xin ông giúp đỡ và cho tôi được chuyển đến đơn vị khác. Sau một hồi suy nghĩ, ông nhìn tôi với vẻ thiện cảm và nói:

- Anh muốn làm việc tại đây không ? Và anh đã làm việc văn phòng bao giờ chưa ?

Tôi vui mừng trả lời:

- Tôi chưa làm việc văn phòng bao giờ nhưng nếu thiếu tá cho tôi làm việc tại đây thì xin cho người chỉ dẫn trong công việc mà thiếu tá sắp xếp thì tôi cũng có thể làm được.

Ông nói:

- Ban nhân viên phụ trách về phiếu tin tức quân nhân còn cần một người cập nhật hồ sơ cá nhân, vậy anh làm việc này, tôi sẽ cho người hướng dẫn anh.

Nói xong, ông bấm chuông gắn bên cạnh bàn, và không đầy một phút sau có một quân nhân bước vào. Ông giới thiệu :

- Đây là trung sĩ nhất Kénick, trưởng ban nhân viên. Từ nay anh làm việc với trung sĩ này và anh này sẽ chỉ dẫn cho anh làm việc.

Nói rồi, ông bảo Kénick làm lệnh chuyển cho tôi và đánh điện báo cho tiểu đoàn BMI biết. Sau đó, Kénick dẫn tôi về ban nhân viên giới thiệu với các nhân viên trong phòng. Trong số này có trung sĩ Trần Văn Văn là người Việt, còn lại là 3 cô gái lai phụ trách đánh máy chữ, 1 trung sĩ và 2 hạ sĩ người Pháp. Tất cả đều có vẻ thân ái nhìn tôi khi được giới thiệu. Kế đó, trung sĩ nhất Kénick đưa tôi đến bàn bên cạnh bàn của trung sĩ Văn và chỉ dẫn tôi những việc phải làm trong phần hành mà tôi đảm trách. Trong khi lui cui chú ý theo dõi lời chỉ dẫn của Kénick, tôi buột miệng hỏi trung sĩ Văn :

- Anh ở đơn vị nào trước khi tới đây ?

Nghe vậy, trung sĩ Văn nói khẽ:

- Chúng ta không nên nói tiếng Việt ở đây.

Kénick cũng nói :

- Đúng đấy. Không nên nói tiếng Việt vì ở đây toàn là người Pháp.

Tôi hiểu ý, kể từ đó chúng tôi đều nói tiếng Pháp với nhau. Tôi cũng thừa hiểu những cô đầm lai và trung sĩ nhất Kénick cũng là người lai nên họ nói tiếng Việt giỏi nhưng giữ ý không nói trong văn phòng. Chiều hôm ấy tôi xin phép nghỉ 3 ngày để về Hải Dương thu xếp và đưa vợ con lên Hà Nội.

Gần trưa hôm sau, trong khi gia đình chuẩn bị lên Hà Nội thì có chị Ba Hoàng, con chú Cu Kiu từ Móng Cáy dẫn hai đứa con của anh Phương đến. Bé trai tên Xuân, 8 tuổi, bé gái tên Hiền, 5 tuổi. Chị báo cho tôi biết anh chị tôi đã bị thổ phỉ sát hại cách nay 8 ngày và cướp hết tiền bạc, xác hai anh chị đã được gia đình chị cả Duyên mai táng. Các cháu bơ vơ không nơi nương tựa nên hai đứa lớn đã về Tiên Yên ở với cháu Thái là con cả, còn hai đứa này dẫn lên ở với tôi. Chị Ba còn trách gia đình bên ngoại các cháu như Bá Trần, bác Hai Chí, cậu Bảy Giếng, dì Lê và còn nhiều người khác chị quên tên, thật là tệt bạc, không có một người đến để lo chôn cất cho anh chị Phương và nhận nuôi dùm một đứa cháu mồ côi nào. Chẳng biết họ thù oán gì với anh chị mà cư xử bất nhân như vậy. Chị Ba Hoàng còn cho biết sở dĩ anh chị Phương bị sát hại là vì làm đám ma cho bố tôi lớn quá, suốt 3 đêm 3 ngày. Đám ma vừa xong hôm trước, hôm sau khoảng gần nửa đêm thì bọn cướp gõ cửa xin vào hút thuốc lào nhưng chị dâu tôi ngoa mồm đã không mở cửa cho họ lại chửi, “Hút cái máu L.”! Do đó họ đập cửa xông vào, lôi hai vợ

chồng anh Phương dẫn đi cách nhà hơn 100 thước và bắn chết cả hai. Còn tiền bạc chẳng biết bao nhiêu, họ vợ vét hết. Chị Ba còn nói, nếu chị dâu tôi không ngoa mồm và mở cửa cho chúng nó vào, nếu là bọn cướp thì năn nỉ hoặc đưa tiền cho chúng thì có thể bọn nó không bắn chết như vậy. Đàng này không chịu mở cửa lại còn chửi câu bắn thỉu nên họ tức giận bắn chết cả hai người. Được tin này, tôi xúc động nước mắt tuôn trào, thương anh tôi và các cháu mồ côi, thậm chí trách chị dâu là một người đàn bà quen thói hờn hào nên mới gây ra thảm họa cho gia đình. Ngày hôm sau tôi đưa vợ con và hai đứa cháu lên Hà Nội, thuê nhà tạm trú ở cửa Nam gần ga Hàng Cỏ và tìm trường tiểu học gần đây cho hai cháu đi học. Vì phải thuê nhà và tìm trường nên tôi về Phòng 1 bộ tham mưu Pháp trễ một ngày. Tôi trình bày sự việc gia đình của anh tôi cho trung sĩ nhất Kénick và thiếu tá Baume biết. Hai ông và tất cả nhân viên trong phòng 1 đều tỏ vẻ xúc động và an ủi tôi.

Chiều thứ bảy tuần ấy, tôi đang làm việc thì thiếu tá Baume cho người gọi đến văn phòng. Vừa vào đến cửa, tôi đã nhìn thấy trung úy Jobard, đại đội trưởng cũ, ngồi trước bàn giấy. Thiếu tá Baume chỉ ghé kế bên mời tôi ngồi xuống, sau đó ông cho biết:

-Trung úy Jobard từ Bắc Ninh đến đây có ý phản đối việc chuyển của anh nên tôi mời anh sang đây để hai người nói cho tôi biết rõ ràng, vậy anh nói đi.

Nghe vậy, tôi chậm rãi kể lại chuyện trung úy Jobard đã bắt tôi đưa về hậu cần Hải Dương đàn gia súc như trâu, bò, gà, lợn, mà ông đã để cho binh sĩ bắt của dân chúng. Thiếu tá Baume nhìn trung úy Jobard và hỏi :

-Trung sĩ Tri nói có đúng không ?

Jobard có vẻ lúng túng và nói :

-Chúng tôi hành quân ở vùng Việt Minh nên bắt gia súc của bọn chúng cho đơn vị để thêm phần ăn tươi cho binh sĩ có thêm sức khỏe vì đồ hộp, cá khô đem theo binh lính ăn mãi sẽ có hại cho sức khỏe.

Nghe vậy, thiếu tá Baume mỉm cười hỏi :

-Ai ra lệnh này ?

Jobard ấp úng không trả lời. Thiếu tá Baume lại nói :

-Như vậy trung sĩ Tri nói đúng. Thế mà anh lại còn có ý phản đối sự chuyển của hấn.

Nói đến đây ông trừng mắt nhìn thẳng vào mặt Jobard và nói :

-Anh về đi, tôi cảnh cáo anh lần này. Nếu còn gây ra việc cướp bóc của dân chúng trong vùng hành quân mà tôi biết được, tôi sẽ trình lên bộ tham mưu xử lý với anh.

Nghe vậy, Jobard mặt mày tiu nghỉu, đứng dậy giơ tay chào thiếu tá Baume và quay ra. Tôi cũng đứng dậy giơ tay chào nghiêm chỉnh và thầm cảm ơn thiếu tá đã xử sự công bằng. Tôi đi sau Jobard. Vừa đến bậc thang xuống tầng dưới, hấn quay lại nhìn tôi với ánh mắt căm ghét. Tôi cũng không chịu thua, bủi môi một cách khinh bỉ và không thèm giơ tay chào một sĩ quan Pháp như mọi khi. Chắc hấn cũng hổ thẹn với tôi nên cầm đầu đi thẳng.

Như vậy tôi làm việc tại bộ tham mưu Pháp kể từ tháng 12/1949 với nhiệm vụ phụ trách cập nhật hồ sơ cá nhân về những thông tin như truyền chuyển, thưởng phạt, thăng chức... của những binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp. Còn phần cập nhật cho binh sĩ Pháp và binh sĩ Bắc Phi thì do trung sĩ Văn đảm trách. Công việc hàng ngày của tôi tại văn phòng giống như một công chức. Mùa hè nóng bức thì từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 16 giờ đến 18 giờ 30. Hàng ngày tôi đi làm bằng xe đạp mà vợ chồng tôi mới mua khi lên Hà Nội. Trung sĩ Văn và gia đình thuê nhà ở phố Huế nên hàng ngày tôi cùng đi, về với anh chung một quãng đường từ cửa Nam đến Cột Cờ. Những lúc ấy chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt thoải mái, chỉ khi đến văn phòng thì mới nói tiếng Pháp. Văn là người vui vẻ và tốt bụng nên sau một thời gian ngắn,

tôi với anh đã coi nhau như bạn thân. Trung sĩ Văn là người Tày ở Lai châu. Trong thời kỳ Nhật đảo chính Pháp, anh cũng theo quân đội Pháp chạy sang Trung Quốc bằng tuyến đường Cao Bằng qua Côn Minh. Khi Pháp trở về lại Việt Nam, anh gia nhập tiểu đoàn Thái tại Lai Châu và chuyển về Phòng I Bộ tham mưu trước tôi 6 tháng. Chúng tôi thường rủ nhau ra câu lạc bộ quân đội gần Cột Cờ vào chiều thứ bảy để tắm và bơi lội, môn thể thao này chúng tôi rất ưa thích. Ngoài ra, trung sĩ Văn còn thích chụp ảnh. Lúc ấy anh đang tập sự nghề chụp ảnh và rửa hình. Thịnh thoảng anh cũng chụp cho tôi một vài pô để làm kỷ niệm.

Những ngày chủ nhật tôi thường đi ngắm phố phường. Hà Nội đối với tôi thật là to lớn và sầm uất, chỗ nào cũng đông đúc người ta và xe cộ qua lại. Tôi cũng nghe người ta nói Hà Nội có 36 phố phường nhưng tôi chẳng hiểu những phố phường này nằm ở vị trí nào. Với chiếc xe đạp, tôi đạp chậm chậm ngắm nghía hai bên dãy phố, hết chỗ này đến chỗ khác, đến lúc mỗi chân cũng vẫn còn thấy phố và phố. Hết biết đường về, tôi phải hỏi thăm người đi đường để tìm về phố Cửa Nam, nơi gia đình tôi cư ngụ. Kinh nghiệm nhiều lần đi lạc và qua thời gian gần hai năm ở Hà Nội, tôi mới thuộc tên các phố nên không còn bỡ ngỡ khi đi chơi. Tuy vậy, tôi chỉ biết tên các phố lớn và chợ Đồng Xuân chứ những chợ nhỏ và nhiều ngõ ngách khác tôi cũng chưa biết hết.

Tôi thường nghe người ta nói, “ăn Bắc mặc Nam”. Tôi chẳng hiểu ăn Bắc là ăn thế nào, vì ngày hai bữa ăn cơm vợ nấu, tôi chưa hề ăn uống tiệm nào ở Hà Nội ! Chỉ thỉnh thoảng vào ngày chủ nhật, vợ chồng tôi rủ nhau ra vườn Bách Thú thưởng thức bánh tôm. Món này ăn kèm với rau sống thật tuyệt vời đối với tôi. Ngoài ra, những món ngon vật lạ khác thì tôi chưa hiểu ngon đến thế nào vì chưa được ăn bao giờ. Còn câu mặc Nam, theo tôi hiểu là miền nam khí hậu nóng nên việc mặc quần áo rất giản dị, vì khi ở trong Nam đã nhiều lần tôi thấy những người đàn ông chỉ mặc một cái quần xà lỏn đi nghênh ngang ngoài phố cũng như ngồi ăn uống trong các quán tiệm.

Hà Nội hồi này mỗi ngày một đông vì dân các vùng thôn quê di cư về buôn bán hoặc tìm việc làm. Do đó thành phố ngày càng phát triển, nhất là các nhà trọ và khách sạn đều tăng nhanh. Lương tháng của tôi bấy giờ đã tăng lên trên 7 ngàn đồng kể cả phụ cấp vợ con nên tôi trích ra mỗi tháng 1 ngàn đồng để gửi về cho bố mẹ vợ mà tôi đã ước nguyện có ngày nào đó, nếu có cơ hội tôi sẽ đền ơn đáp nghĩa.

Giữa năm 1950, thấy gia đình ở trên một căn gác tại cửa Nam hơi chật chội mà lúc này mới sinh một đứa con trai (tên là Hiệp) nên tôi dời đến cửa Bắc thuê nhà cho gia đình ở được rộng rãi hơn. Được chỗ ở dễ chịu hơn trước, thấy hai cháu mồ côi đã khá lớn mà học trễ quá, tôi quyết định cho hai cháu đi học thêm, vì thế tôi mượn một người giúp việc cho vợ. Lúc này việc thuê nhà và mượn người giúp việc rất dễ chỉ cần trong vòng hai tiếng đồng hồ ra chợ là xong. Chính những việc dễ dàng này đã làm cho vợ tôi sinh ra khó tính với người giúp việc. Gặp bất cứ việc gì không vừa ý thì nàng đuối thẳng rồi đi mượn người khác. Nhất là những cô gái còn trẻ có chút nhan sắc thì nàng hay sinh chuyện với họ. Tôi nghĩ có lẽ nàng ghen. Tôi khuyên nàng không nên cư xử như vậy vì người ta nghèo mới chịu ở mượn cho mình nhưng nàng không nghe lại còn nói việc nội trợ do nàng quán xuyến, chẳng việc gì đến tôi phải xía vào. Bản tính tôi ghét sự ồn ào và hay e thẹn nên mặc nàng muốn làm gì thì làm.

Đang ở nơi thuận tiện chẳng hiểu sao vợ tôi lại gây gổ với cô Năm, người giúp việc của ông chủ nhà. Và quái ác thay, cô Năm ngày càng có vẻ trêu chọc làm vợ tôi thêm cáu kỉnh. Rốt cuộc, nàng bảo tôi phải dời xuống phố Hàn Thuyên, nơi gần chỗ gia đình hạ sĩ 1 Báo mà nàng cho là thân thiết. Thoạt đầu tôi còn lưỡng lự nhưng nhận thấy để lâu có thể rắc rối thêm, thế là tôi đành dọn về chỗ mới, xa sở làm hơn 5 cây số để mỗi ngày đạp xe bốn lần hơn 20 cây số, cho êm chuyện ! Tại đây gia đình tôi ở một phòng trong dãy nhà chung cư, chỉ có một cái cửa sổ và một

cái cửa ra vào. Bếp và nhà vệ sinh thì dùng chung, thật bất tiện. Vào mùa hè trời nóng bức quá chịu không nổi, có đêm gia đình tôi phải lên sân thượng ngủ, đến sáng lại lênh thênh mang chiếu gối xuống.

Cũng vì vợ tôi ngày càng khó tính nên trong vòng 4 năm, gia đình tôi phải dọn nhà 6 lần qua các phố Phan Đình Phùng, Hàn Thuyên, Phan Chu Trinh, Ngọc Hà, Thụy Khê và hai chỗ khác tôi đã quên tên, với những lý do xét ra không đáng. Vì dọn nhà mãi nên khá tốn kém, khi đi cũng như khi đến. Bỏ cái lật vật này, mua cái lật vật khác, và tiền xe cộ chuyên chở. Những cảnh khuôn vác đồ đạc từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc trước kia của các binh sĩ làm tôi chán ngán, nay lại đến phần gia đình tôi ! Tuy vậy, cũng vì sự an vui cho bà xã nên tôi phải cố chịu đựng chứ biết làm sao ?!

Tháng 4/1952, từ Ninh dương chị tôi đem cháu gái Nguyễn Thị Mỹ, 13 tuổi đến nhờ tôi nuôi vì hoàn cảnh gia đình chị lúc ấy nghèo mà cháu còn nhỏ chưa biết làm gì. Chị tôi nói :

-Khi đưa cháu Mỹ vào đây, chị đã dẫn cháu đến cậu Đăng ở Hải Phòng nhưng cháu lại không thích. Cháu chỉ thích ở với cậu mà thôi.

Phần cháu Xuân, đã 14 tuổi mới học lớp tư. Như vậy là trễ quá. Tôi bèn cho cháu học xong nghề thợ may âu phục rồi cho về Tiên Yên để làm phụ với anh của nó (cháu Thái) đang mở tiệm may ở đây.

Cũng trong thời gian này, bộ tham mưu Pháp báo cho biết, tất cả hạ sĩ quan người Việt Nam trong quân đội pháp có trình độ tiếng Pháp khá, muốn theo học khóa sĩ quan cấp tốc 6 tháng tại Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) thì làm đơn tình nguyện. Được thông báo này, trung sĩ Trần Văn Văn rủ tôi làm đơn. Chúng tôi biết khóa học này nhằm đào tạo một số sĩ quan để chuyển sang quân đội quốc gia Việt Nam. Ban đầu tôi định làm đơn cùng Văn nhưng nghĩ đến những cuộc hành quân từ trong Nam cho đến ngoài Bắc, thật lòng mà nói, đa số binh sĩ đều có lòng tham lam cướp bóc tài sản của dân chúng nên tôi phát chán. Nếu học xong, tôi cũng sẽ là một sĩ quan, sẽ chỉ huy một đơn vị nào đó rồi cũng hành quân như trước. Do đó, tôi quyết định không làm đơn tình nguyện.

Trung sĩ Văn nói :

-Cơ hội này mà anh không đi thì thật đáng tiếc.

Tôi nói :

-Tôi chán chỉ huy hành quân lắm rồi.

Được hai tuần sau thì trung sĩ Văn đi thụ huấn tại Vũng Tàu. Thay thế anh là trung sĩ Nguyễn Văn Thành từ đại đội quân trấn Hải Phòng đến. Ông này hơn tôi 8 tuổi, rất nghiêm nghị, ít nói nên tôi cũng phải nể. Bởi thế, cùng làm việc với nhau nhưng không thân bằng trung sĩ Văn.

Một buổi sáng tháng 8/1953, tôi đang làm việc thì đại úy Delachèssesse, đại đội trưởng cũ đến thăm tôi. Tôi vui mừng biết bao khi thấy ông đeo lon đại úy. Tôi đứng nghiêm nhưng không giơ tay chào vì đầu không đội mũ. Ông đến bắt tay tôi rất chặt, tỏ vẻ thân mến rồi nói :

-Nhân dịp liên lạc với bộ tham mưu, tôi được thiếu tá Baume cho biết anh làm việc ở đây nên đến thăm.

Ông nói tiếp :

-Tôi sang Việt Nam lần thứ hai vì được thiếu tướng Nguyễn Văn Võ mời sang phụ tá cho đội ngũ lâm quân của Quốc Trưởng Bảo Đại. Hiện thiếu tướng là Chánh Võ Phòng của Đức Quốc Trưởng. Nhân dịp này nếu anh muốn làm việc trong đội ngũ lâm quân tại Đà Lạt, tôi sẽ giới thiệu anh với thiếu tướng.

Tôi nói :

-Tôi cũng biết thiếu tướng Vỹ khi ông còn ở Móng Cái. Ông cũng chạy sang Trung Quốc trong thời kỳ quân nhật đảo chính 9/3/1945. Lúc đó ông là thiếu úy, quốc tịch Pháp. Sau ngày quân Pháp trở về Việt Nam, ông chuyển sang đơn vị nhảy dù.

Nghe vậy, đại úy Delachèsnese nói :

-Nhu thế thì càng tốt cho anh.

Tôi suy nghĩ một lúc. Rõ ràng không có gì thích thú cả, cũng vẫn là một đơn vị quân sự mà thôi. Do đó, tôi nại có từ chối :

-Cám ơn đại úy, tôi không thể đi được vì lúc này gia đình tôi đông cháu lắm, sự di chuyển rất bất tiện cho tôi.

Nghe tôi nói, ông có vẻ không vui và nói :

-Vây tùy anh.

Và bắt tay từ giã quay ra. Tôi tiễn ông ra đến đầu cầu thang. Ông quay lại vỗ vai tôi một cách trìu mến. Tôi cảm động nắm tay ông rồi quay về mà lòng băng khuâng như phải chia tay một người tri kỉ.

Đầu tháng 10/1953, tôi được người gác cửa văn phòng báo cho biết có một thanh niên Việt Nam muốn gặp tôi hiện đang chờ ngoài cửa. Tôi đi ra thì thấy trung sĩ Dương Quang Đài đang đứng ngoài hành lang, mặc thường phục. Thấy tôi, anh có vẻ vui mừng, đến bắt tay tôi một cách thân thiện, và nói :

-Tôi biết anh làm việc ở đây vì được ông Ba Giao cho biết.

Lâu ngày không gặp nhau, tôi cũng rất mừng nên đưa anh xuống căng tin để nói chuyện. Tôi gọi hai chai cam vàng và mời anh uống. Tôi hỏi :

-Anh có việc gì mà tìm tôi ?

Đài nói :

-Tôi vừa hết contrat (hợp đồng đi lính) nhưng không muốn tái đăng, vì tình hình an ninh trong Nam ngày một trầm trọng. Đại đội CM bây giờ mỗi tuần hai lần phải hộ tống đoàn convoi (đoàn xe tiếp tế lương thực) từ Biên Hoà đến cầu La Ngà rồi ngược lại. Tháng vừa rồi tôi suýt chết vì đoàn xe bị Việt Minh phục kích gần cầu La Ngà nên sợ quá. Do đó, vừa hết hợp đồng tháng trước tôi không tái đăng nữa.

Tôi hỏi :

-Thế bây giờ anh muốn làm gì ?

Anh nói :

-Tôi muốn nhờ anh giới thiệu để tôi được làm việc tại văn phòng nào đó ở đây cho yên thân.

Tôi nói :

-Nếu anh muốn làm việc ngoài này thì ai săn sóc cho gia đình anh ?

-Việc ấy thì bà xã tôi lo. Bà xã tôi giỏi lắm. Nếu có tiền thì tôi gửi về cho bà cũng được, cần gì phải ở gần.

Tôi lại hỏi :

- Anh được mấy con rồi ?

Anh đáp :

-Mới có 3 đứa. Một trai, hai gái.

Tôi nghĩ, tay này thật tẻ, chẳng nghĩ gì đến vợ con chẳng khác gì bố tôi ngày trước. Tôi định không giúp anh gì cả nhưng nghĩ lại dù gì cũng là đồng đội từ Biên Hoà ra đây với lòng tin tưởng mình giúp đỡ mà mình lại từ chối thì không nỡ.

Tôi nói :

-Anh có nhiều bạn bè ở Biên Hoà lắm, sao không nhờ ai đó giúp đỡ cho một việc mà anh thích ?

Đài nói :

-Có thằng nào mà nhờ được đâu ! Nếu nhờ được thì tôi chẳng ra đây làm gì. Tôi sợ nói nhiều, anh hiểu lắm là lời nói mĩa mai thì bất tiện. Sau đó, tôi đưa Đài đến văn phòng, giới thiệu với thiếu tá Baume :

-Đây là anh Đài, cựu trung sĩ, bạn tôi trước ở Biên Hoà cùng đơn vị, nay muốn tái đăng làm việc trong văn phòng như tôi, vậy nhờ thiếu tá giúp đỡ cho.

Thiếu tá trầm ngâm một chút rồi nói :

-Hiện bây giờ, Phòng I đã đủ nhân viên. Vậy tôi giới thiệu với đại úy trưởng Phòng nhì xem cần người không.

Nói xong, ông gọi điện thoại cho đại úy Vassili. Sau đó, ông bảo tôi đưa Đài xuống phòng nhì để gặp trưởng phòng. Tại phòng nhì, đại úy Vassili nói :

-Hiện nay tiểu đoàn Thái ở Lai Châu còn cần một thông dịch viên người Việt. Nếu trung sĩ Đài biết nói tiếng Thái thì càng tốt. Còn không thì nói tiếng Việt cũng được vì tiểu đoàn Thái cũng còn nhiều người biết nói tiếng Việt. Trung sĩ Đài muốn thì làm đơn xin đăng.

Nghe vậy, Đài có vẻ vui mừng và cảm ơn đại úy giúp đỡ. Đại úy Vassili nói :

-Vậy anh về làm đơn kèm hồ sơ cựu quân nhân của anh. Xong rồi, tôi sẽ cho anh lên tiểu đoàn Thái ở Lai Châu ngay.

Mọi việc tạm xong, tôi lên văn phòng làm việc đến hết giờ. Đài ngồi chờ ở căng tin. Tan giờ làm việc buổi sáng, tôi đưa Đài về nhà ở đường Thụy Khê. Sau khi cơm nước và nghỉ ngơi xong, tôi đi làm buổi chiều, Đài ở nhà làm đơn đăng ngành thông dịch.

Đêm hôm ấy anh nghỉ tại nhà tôi. Ngoài những câu chuyện hàn huyên, anh còn cho biết, trung sĩ Phạm Chí Kim, tiểu đội phó tiểu đội 3 đóng phía đông cầu Rạch Cát vừa rồi cũng làm đơn tình nguyện theo học khoá sĩ quan cấp tốc 6 tháng tại Vũng Tàu. Tôi cũng biết trung sĩ Kim khi còn ở xã Hiệp Hoà. Anh là người cao lớn và trắng như Tây, rất đẹp trai nhưng không nhậu nhẹt như trung sĩ Đài. Chúng tôi thường gặp nhau vào những ngày lãnh lương hằng tháng, sau đó lại trở về tiểu đội của mình nên chỉ là đồng đội chứ không thân. Sáng hôm sau, trung sĩ Đài đi nộp đơn tái đăng tình nguyện vào ngành thông dịch viên tại phòng nhì bộ tham mưu Pháp. Nơi đây đã điều anh lên Lai Châu bằng máy bay quân sự liên lạc hằng ngày.

Một buổi sáng tháng 11/1953, thiếu tá Baume báo cho các nhân viên Phòng I biết :

-Ngày mai có đại tá Phạm Văn Đồng, đại diện cho bộ tham mưu quân đội quốc gia Việt Nam đến bộ tham mưu Pháp xem sự tổ chức phân hành của các Phòng để về phổ biến lại cho các phòng của bộ tham mưu quân đội quốc gia Việt Nam. Họ sẽ tổ chức theo mô hình của bộ tham mưu Pháp.

Ông ra lệnh các nhân viên phải sắp xếp hồ sơ cho ngăn nắp, nếu đại tá Đồng có đến hỏi thì trình bày rõ ràng cho ông biết.

Được tin này, tôi nghĩ bụng, chỉ cách khoảng 6 năm mà thiếu úy Đồng đã lên cấp đại tá ! Đời binh nghiệp của ông như điều gặp gió. Tôi mừng thầm, ngày mai đại tá Đồng tới đây, thế nào ông cũng đến chỗ tôi để nghiên cứu công việc. Tôi cảm thấy hãnh diện nên khoe cho các nhân viên trong văn phòng biết là tôi và đại tá Đồng cùng một đơn vị ngày trước và cũng chạy sang Trung Quốc khi quân Nhật đảo chính Pháp.

Sáng hôm sau, đại tá Đồng đến Ban Nhân Viên chúng tôi, được trung sĩ I Kénik trưởng ban hướng dẫn đến từng phân hành để ông tham khảo. Khi đến gần bàn tôi, tôi đứng dậy rồi cúi đầu chào nhưng ông chỉ liếc qua và ngó lên các hồ sơ xếp đầy trên kệ sát vách tường rồi đi đến

chỗ khác, chứ không hỏi han gì tôi cả ! Tôi thật sự cut hứng và cảm thấy xấu hổ. Khi đại tá Đồng vừa ra khỏi cửa thì trung sĩ I Kénik hỏi tôi :

-Sao đại tá Đồng không hỏi anh câu gì ?

Tôi nói cho đỡ thẹn :

-Chắc ông ta không nhận ra tôi .

Tôi thầm nghĩ, chắc đại tá Đồng nghĩ mình là một đại tá đại diện cho bộ tham mưu quân đội quốc gia Việt Nam mà lại nói chuyện hoặc bắt tay một trung sĩ người Việt như vậy thì bị mặt với người Pháp trong văn phòng. Tôi nghĩ vớ vẩn như vậy thôi, không biết có phải như vậy không. Điều ấy thì chỉ có đại tá Đồng tự biết.

Trong thời gian này, Bộ Tham mưu Pháp thông báo cần tuyển một số hạ sĩ quan người Việt có trình độ nói và viết tiếng Pháp khá để vào ngành Hiến Binh. Tôi nhận thấy Hiến Binh là ngành tư pháp và quân pháp, có nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh và công bằng xã hội rất phù hợp với tư tưởng của tôi nên tôi làm đơn xin ứng tuyển. Để giữ tính cách vô tư, thiếu tá Baume bảo tôi xuống Phòng nhì nhờ đại úy Vassily trưởng phòng khảo sát trình độ Pháp văn của tôi. Tại đây, tôi được một trung sĩ thông dịch viên người Việt phát cho 2 tờ giấy trắng, một làm nháp, một làm bài. Đề tài viết bằng chữ Việt phải dịch ra tiếng Pháp trong vòng 1 tiếng đồng hồ. Nội dung nói về những cuộc hành quân ở nông thôn và cảm tưởng của mình trong cuộc hành quân ấy. Vì đã trải qua nhiều cuộc hành quân từ Nam ra Bắc, tôi rất mừng khi nhận được đề tài này. Còn cảm tưởng thì tôi diễn tả những cảnh một số binh sĩ trong quân đội Pháp đã có lòng tham mà chiếm đoạt đồ vật và gia súc của dân chúng trong vùng hành quân, và tôi ước mong các binh sĩ hãy từ bỏ những hành động tội tệ ấy để dân chúng khỏi phải khổ sở trong thời buổi loạn lạc này. Bài làm của tôi chỉ mất chừng 50 phút kể cả viết nháp và tôi rất tự tin về phần văn phạm không có lỗi.

Hai ngày sau, tôi được thông báo trúng tuyển và sẽ được học tại trung tâm Huấn Luyện Hiến Binh tại Đà Nẵng. Nhưng thời gian này, tình hình chiến sự trên các mặt trận Tây Bắc rất khẩn trương nên ngày nhập học của tôi phải hoãn lại. Thế rồi Điện Biên Phủ thất thủ và hiệp định Genève ký kết chia đôi đất nước Việt Nam. Từ vĩ tuyến 17 trở lên thuộc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, từ vĩ tuyến 17 trở xuống là Việt Nam Quốc Gia. Do đó, Bộ Tham Mưu Pháp phải dời về Hải Phòng trong thời gian một tháng và lập cơ quan thanh toán để thanh toán những gì mà Bộ Tham Mưu Pháp phải đảm trách, rồi sau đó dời về Saigon. Trong thời gian này có phong trào di cư vào nam do Hiệp Định Genève ban hành nên tôi cho gia đình theo người di cư để về Biên Hoà trước.

Một hôm thiếu tá Baume, trưởng phòng I, hỏi tôi :

-Anh có muốn nhập quốc tịch Pháp không? Nếu muốn, anh và gia đình sẽ được sang Pháp định cư và tôi sẽ cho ban Bộ Đồi hướng dẫn anh làm thủ tục xin nhập quốc tịch Pháp.

Một câu hỏi quá đột ngột làm tôi không thể trả lời ngay được. Tôi bèn nói :

-Cám ơn thiếu tá. Đề tôi suy nghĩ và sẽ nói lại cho thiếu tá biết.

Tôi suy nghĩ mãi và nhận thấy rằng, tuy Việt nam bị chia đôi, về phía bắc thì không nói gì, còn về phía nam thì vợ tôi là người nam, tôi về Nam thì có gia đình bên vợ cũng là người thân của mình. Hơn nữa, qua 2 năm thì trưng cầu dân ý. Dù Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà hay Việt Nam Quốc Gia thì đất nước cũng thống nhất. Còn nếu sang Pháp thì vẫn là đất nước người ta, và tôi lại nghĩ đến câu “Không đâu đẹp bằng quê hương mình” trong sách Giáo Khoa Thư mà tôi đã học khi còn nhỏ. Do đó, tôi quyết định không nhập quốc tịch Pháp. Hai ngày sau tôi nói cho thiếu tá Baume biết ý định này. Ông nhìn tôi có vẻ trìu mến và nói :

-Vậy thì thôi. Khóa học Hiến Binh của anh sau khi mãn khoá sẽ chuyển sang chính phủ VNCH và Quân đội Pháp sẽ giải tán.

Nghे vậy, tôi rất mừng vì sẽ được làm việc trong ngành tư pháp và quân pháp Việt Nam.

Sau một tháng làm việc tại căn cứ quân sự tại Hải Phòng, Phòng I Bộ Tham Mưu Pháp di chuyển về căn cứ quân sự tại Saigon bằng chiếc tàu thủy vận tải SKAUGUM. Sau một tuần làm việc sắp xếp hồ sơ cá nhân của các binh sĩ quân đội Pháp để đóng thùng gửi về Pháp thì tôi nhận lệnh nhập học khóa huấn luyện Hiến Binh tại Đà Nẵng trong năm 1954. Tôi được giao lại tất cả hồ sơ cá nhân và lương bổng của mình để khi đến trung tâm huấn luyện Hiến Binh Đà Nẵng, sẽ nộp lại cho văn phòng. Dịp này thiếu tá Baume tỏ lòng ưu ái nên ông đã liên lạc với Phòng Tư Bộ Tham Mưu Pháp cấp cho phiếu máy bay quân sự để ra Đà Nẵng. Trước khi lên đường thụ huấn, tôi được về Biên Hoà nghỉ phép một tuần. Còn trung sĩ Nguyễn văn Thành vẫn tiếp tục làm việc cho đến khi quân đội Pháp giải tán thì ông giải ngũ. Các cô đảm lại đánh máy chữ cũng phải về Pháp nhưng tôi không biết họ đi ngày nào.

Khi tôi được trung sĩ nhất Kénick giao cho hồ sơ cá nhân và phiếu đi máy bay, thật là một cảnh buồn bã không thể nào tả xiết. Tôi chào và bắt tay từ giã ông cùng các nhân viên Phòng I mà lòng băng khuâng chẳng biết nói câu gì để tỏ sự kính mến và lưu luyến họ. Tất cả nhân viên trong văn phòng có lẽ cũng như tôi, và họ chỉ còn chúc cho tôi bình an và mong có ngày gặp lại. Sau đó tôi tìm thiếu tá Baume để chào từ giã ông. Tôi cảm thấy xúc động muốn rơi nước mắt vì thấy ông lúc này đã già đi nhiều với mái tóc hoa râm và nét mặt nhăn nheo. Tôi coi ông như người cha đỡ đầu đã hết lòng chăm sóc tôi qua những năm tháng làm việc dưới quyền ông. Có lẽ ông cũng biết tôi đang xúc động. Ông nắm chặt tay tôi, chúc tôi lên đường được bình an và học hành có kết quả tốt. Tôi chỉ còn biết gật đầu, miệng chẳng nói nên lời để tỏ nỗi chân tình và nhớ ơn.

Tôi về Biên Hoà nghỉ ngơi một tuần lễ, sau khi đã được bố vợ và dì ghẻ chấp thuận cho vợ con và 2 đứa cháu được tạm trú tại nhà.

Cuối tháng 5/1954, tôi xuống phi trường Tân Sơn Nhất đáp chuyến máy bay Dakota quân sự ra Đà Nẵng. Lần đầu tiên được đi máy bay, tôi cảm thấy rất thích thú. Từ lúc cất cánh đến khi hạ cánh chỉ hơn một tiếng đồng hồ. Tôi luôn luôn dòm xuống để thấy những cảnh như nhà cửa, ruộng nương, rừng biển, núi đồi với muôn vàn màu sắc do ánh sáng mặt trời chiếu xuống. Thật là thú vị vô cùng. Cũng có lúc máy bay bay lên trên tầng mây, tôi nhìn xuống thấy mây lớp lớp trắng như bông gòn và cũng có lúc máy bay tự nhiên tụt xuống làm tôi hồi hộp và tim đập mạnh. Tôi hỏi một trung úy Pháp ngồi cạnh, vì sao máy bay lại tụt như vậy. Ông ta giải thích là khi máy bay bay qua lỗ hổng không có không khí thì tụt xuống vì không đủ sức nâng và khi gặp không khí, nó lại bay bình thường. À, thì ra như vậy! Đường trời cũng có lúc gặp ghềnh. Sự hiểu biết của tôi còn ấu trĩ quá.

Tôi đến trung tâm huấn luyện Hiến Binh Đà Nẵng gần bãi biển Thanh Bình lúc 11 giờ rưỡi trưa. Trung tâm này mới được xây dựng bằng vật liệu nhẹ như tôn, gỗ, chia làm 3 dãy: một làm phòng học, một làm phòng ngủ cho các học viên và một cho nhà bếp, nhà để xe và vệ sinh công cộng. Số học viên là 30 người, thời gian học là 6 tháng. Thành phần ban huấn luyện gồm có: Một thượng sĩ I Hiến Binh làm trung tâm trưởng, một trung sĩ I Pháp, cố vấn, một trung sĩ Pháp và 3 trung sĩ người Việt làm giảng viên, một trung sĩ hiến binh phụ trách văn phòng kiêm kế toán, kiêm văn thư, một trung sĩ hiến binh phục vụ nhà bếp có 2 phụ nữ người ngoài giúp việc nấu nướng. Trung tâm trưởng cho biết khóa học này là khóa 3. Khóa 1 và 2 trước học ở Đà Lạt. Mục đích là đào tạo nhân viên để tăng cường ngành Hiến Binh trên khắp lãnh thổ Việt Nam Quốc Gia. Tuy vậy, đề tài học tập vẫn dùng Pháp văn. Lúc này Vua Bảo Đại làm quốc trưởng, ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Qua báo chí tôi theo dõi hàng ngày thì được biết lúc ấy đang có phong trào chống Pháp ở Saigon. Chúng tôi học được một tuần lễ thì được lệnh phải học bằng Việt ngữ, do đó trung tâm trưởng phải lấy tài liệu bằng tiếng Pháp giao cho ban giảng viên dịch

ra Việt văn. Việc này làm chúng tôi bở ngỡ vì học tiếng Pháp quen rồi. Qua 2 ngày sau, tôi thấy thượng sĩ I Nguyễn Văn Vĩnh, trung tâm trưởng, có hành động lộ bịch làm tôi buồn cười nhưng không dám nói ra. Chẳng hiểu sao ông lại bắt học viên chúng tôi viết những khẩu hiệu đá đảo Pháp vào những miếng vải trắng và in những truyền đơn bằng máy ronéo, rồi lên lút ban đêm treo lên những cành cây trên lề đường xung quanh gần trung tâm huấn luyện. Tôi nghĩ bụng tay này thật xỏ lá, kiểu làm cách mạng như thế này đúng là một trò hề. Tôi nghĩ Pháp còn gì nữa mà chông ? Quân đội họ sắp giải tán rồi. Còn chẳng là một số cố vấn tại các đơn vị quân sự hoặc trong ngành Hiến Binh chẳng hạn. Nếu chính phủ QGVN không cần nữa thì cứ nói thẳng và cho họ về nước vui vẻ mà mình khỏi mang tiếng là tráo trở. Tôi chỉ nghĩ như vậy còn những gì thuộc về chính trị cao hơn nữa thì tôi không biết. Mà cũng chẳng cần biết để làm gì, tôi chỉ giữ an phận để có tiền lương về nuôi vợ con khỏi bị nghèo đói như tôi khi còn thơ ấu đã bị người bố chẳng ra gì bỏ bê.

Sáng hôm sau, hai hạ sĩ quan Pháp, một cố vấn, một giảng viên đến trung tâm, mặt mày ngơ ngác. Thượng sĩ I Vĩnh nói cho họ biết là dân chúng ban đêm đã rải truyền đơn và căng biểu ngữ đá đảo Pháp như vậy. Hai hạ sĩ quan này tỏ vẻ chán nản và lắc đầu. Kể từ hôm đó, Vĩnh yêu cầu hai hạ sĩ quan này không được lên lớp giảng dạy nữa. Tôi cũng hơi xúc động và có cảm tưởng hai hạ sĩ quan này bị học trò phản bội, không một lời cảm ơn khi phải ra về. Và kể từ đó, tôi coi thường thượng sĩ I Vĩnh nhưng bề ngoài vẫn tỏ vẻ kỷ luật cho qua thời gian 6 tháng học tập.

Một buổi trưa khoảng tháng 7 năm 1955, sau khi ăn uống xong, tôi về phòng nghỉ thì bị đau bụng râm râm. Con đau cứ tăng dần. Tôi cố chịu đựng, lấy tay xoa bóp bụng cho đỡ đau nhưng chỉ trong vòng 5 phút, người tôi như cong lên, hai chân không duỗi thẳng ra được nữa và cơn đau bắt đầu dữ dội. Chịu không nổi, tôi bèn nhờ bạn Bùi Tân Công Lương báo cho trung tâm biết. Trung tâm trưởng vội cho xe jeep chở tôi đến bệnh viện Đà Nẵng. Tại đây, bác sĩ Cát, giám đốc bệnh viện, đích thân khám cho tôi. Ông nói :

-Anh bị đau ruột dư nhưng tôi không mổ. Tôi sẽ cho y tá lấy nước đá chườm bụng và chích thuốc cho anh là khỏi. Anh cố chịu đau, sau này sẽ tốt.

Lúc ấy tôi chẳng biết nói gì, chỉ còn cắn răng chịu đựng. Lập tức bác sĩ cho y tá đem đến một cây nước đá lớn, đập ra nhiều cục nhỏ bỏ vào túi cao su rồi đặt trên bụng tôi. Lúc này, hai chân tôi chìa lên trời không sao duỗi thẳng ra được. Cứ thế, y tá chườm cho tôi hết túi này đến túi khác và tôi thấy bớt đau. Đến chiều thì hai chân tôi duỗi thẳng ra được. Sau đó, y tá chích cho tôi một ống Pénicilline 500 đơn vị. Con đau thì còn râm râm, đến khoảng 8 giờ tối thì hết đau. Bác sĩ Cát vẫn cho y tá chườm nước đá suốt đêm hôm ấy. Tôi như nằm trong thùng nước đá, hai hàm răng đánh cạm cạp tuy được trùm khăn kín cả đầu nhưng hơi đá toát ra chẳng khác nào mình được ướp nước đá. Tôi được ướp lạnh thêm nửa ngày nữa, dần dần quen không thấy lạnh cóng như đêm trước. Mỗi ngày được y tá chích cho hai ống Pénicilline sáng và chiều, chỉ được uống sữa và vào nước biển trong hai ngày kế tiếp. Ngày thứ 3, tôi được ăn cháo do trung tâm huấn luyện Hiến Binh đem đến. Ngày thứ tư, tôi được ăn cơm nhưng bác sĩ Cát bảo không được ăn nhiều, chỉ cho ăn một bát trộn với nước xúp thịt. Lúc này tôi thấy thèm ăn và mắt hoa không ngủ được. Tôi nói cho bác sĩ biết. Bác sĩ bảo y tá trộn vitamin C vào Pénicilline chích cho tôi. Hai ngày sau, tôi ngủ được bình thường và bác sĩ cho tôi được ăn hai bát cơm với ít đồ ăn chứ không được ăn no. Tôi hoàn toàn khỏi bệnh. Tuy vậy, bác sĩ Cát vẫn cho tôi nằm thêm hai ngày nữa mới được xuất viện. Bác sĩ Cát còn dặn tôi, nếu trong vòng 7 năm nếu thấy triệu chứng gì trong bụng thì đến ông chữa cho. Tôi nghĩ đến bác sĩ Cát, không hiểu sao ông lại tốt với tôi như vậy? Hay là ông lấy tôi làm vật thí nghiệm? Tôi nghĩ đến nét mặt hiền từ và phúc hậu của ông. Có thể ông thấy tôi còn trẻ nên không mổ, sợ hại đến sức khoẻ tôi sau này. Ông thật xứng đáng

với câu “ Lương y như từ mẫu”. Chẳng biết bây giờ ông ở đâu, còn hay mất? Qua bao nhiêu năm tháng chiến tranh loạn lạc, tôi không có dịp nào gặp lại ông nữa. Mỗi lần nghĩ đến ông, tôi chỉ còn cầu mong ông được hạnh phúc và con cháu ông được thành danh để cứu người cứu đời. Tôi lại nghĩ nếu sau này có ai đau ruột dư như tôi thì cứ theo phương pháp của bác sĩ Cát là khỏi, không cần phải mổ gì cả.

Sau một tuần lễ nằm viện, tôi trở về trung tâm huấn luyện để tiếp tục học đến tháng 11/1955 thì mãn khoá. Trong ngành mới này, cấp bậc của tôi lại rớt xuống, chỉ còn là trung sĩ, trong khi trước lúc nhập học tôi đã là trung sĩ I ! Trong khoá học có thượng sĩ Lê Văn Vinh cũng bị hạ cấp còn là trung sĩ. Tuy vậy, tôi cũng tự hào được làm Hiến Binh, là một ngành cao quý có ích cho xã hội. Chúng tôi phải tuyên thệ tại toà sơ thẩm Đà Nẵng trước khi chuyển đến nhiệm sở mới. Trong thời gian học tập, giảng viên cho biết ngành hiến binh tổ chức theo quy chế của nước Pháp, có quyền hoạt động trên toàn lãnh thổ hành chính cũng như quân sự để điều tra và lập biên bản những vụ vi phạm pháp luật để gửi lên ông Biện Lý toà sơ thẩm sở tại, có quyền trưng dụng các phương tiện lưu thông như tàu thuyền, xe cộ và máy bay để đến những nơi xảy ra tai nạn, cướp của giết người... có quyền trưng dụng bác sĩ pháp y đến khám nghiệm và giám định xác chết tại hiện trường trong trường hợp không thể di dời xác chết ngay được. Ngoài ra còn có bổn phận giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi hoạt động của tiểu đội và ngăn chặn những tệ nạn xã hội như cờ bạc, đĩ điếm, hút sách và buôn lậu. Vợ con các nhân viên Hiến Binh được ở trong trại gia binh của Hiến Binh, không được buôn bán trong phạm vi hoạt động của tiểu đội.

Tổ chức đơn vị của ngành Hiến Binh theo như tổ chức quân đội : Bộ chỉ huy Hiến Binh, đại đội, trung đội, tiểu đội. Tuy tiểu đội là đơn vị nhỏ nhất nhưng hành sự nhiều nhất. Trung đội và đại đội chỉ kiểm tra đôn đốc các hoạt động của tiểu đội dưới quyền và lo về mặt hành chánh cho nhân viên như lương bổng, trang phục, dụng cụ... Tiểu đội trưởng phải từ trung sĩ I trở lên. Mỗi tiểu đội được cấp một xe jeep hay xe Dodge, một hay nhiều máy đánh chữ tùy theo quân số nhiều hay ít của tiểu đội, một sổ Nhật Dịch Nguyệt Tập để ghi chép những hoạt động hàng tháng rồi gửi lên trung đội kiểm tra, và một sổ phiếu công tác để cấp cho nhân viên đi công tác hàng ngày. Nhân viên Hiến Binh được trang bị súng lục, còng số 8, sổ ghi lời khai và một tập vở dày 200 trang để làm bài tập hàng tháng rồi gửi lên trung đội kiểm tra năng lực chuyên môn của mình. Đề tài do Bộ Chỉ Huy Hiến Binh gửi xuống. Tiểu đội trưởng cứ 3 năm phải học hoàn hảo (tu nghiệp) ba tháng tại Trung Tâm Huấn Luyện Hiến Binh Đà Lạt, để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như võ nghệ. Những nhân viên nào nhận thấy năng lực kém cỏi cũng phải học hoàn hảo, nhưng học riêng chứ không được chung lớp với tiểu đội trưởng.

Sau ngày tuyên thệ, tôi được chuyển đến tiểu đội Hiến Binh phi trường Đà Nẵng mới thành lập do trung sĩ nhất Nguyễn Văn Châu làm tiểu đội trưởng, và hai trung sĩ nhân viên Nguyễn Văn Tư và Trịnh An. Làm việc tại phi trường Đà Nẵng được gần một tháng, tôi được biệt phái đến Gio Linh thuộc tỉnh Quảng Trị để giữ trật tự tại khu phi quân sự cách cầu Hiền Lương chừng 2 cây số, dưới quyền điều khiển của Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến. Tại đây có tất cả 6 trung sĩ Hiến Binh, kể cả tôi, luân phiên canh gác tại công ra vào khu phi quân sự. Ngoài ra chẳng có việc gì làm cả. Chúng tôi thường rủ nhau đi săn thỏ rừng ban đêm bằng đèn pin và gậy trên cánh đồng bỏ hoang, cỏ mọc lúp xúp. Rất nhiều thỏ rừng ẩn núp trong đây. Đêm nào săn được thỏ, chúng tôi đem lột da và nướng ăn thích thú. Các bạn cũng mua rượu về nhâm nhi nhưng không dám uống say vì ngành Hiến Binh kỷ luật rất nghiêm ngặt. Nhất là say xin thì sẽ bị sa thải hoặc chuyển sang đơn vị bộ binh khác.

Sau hai tháng biệt phái, tôi trở về lại đơn vị cũ Đà Nẵng. Làm việc tại đây kể cũng thích. Có những khi nhận được trát đòi bị cáo hay nhân chứng tại đảo Cù Lao Ré (nay là đảo Lý Sơn) do tòa sơ thẩm Đà Nẵng gửi đến cho tiểu đội tổng đạt thì tiểu đội lại phải trưng dụng máy

bay của Đệ Nhất Phi Đoàn Quan Sát để bay ra cù lao. Chỉ mất chừng 20 phút là đến. Những chuyến công tác mà tôi được đi, tôi thường mua hai trái dừa tươi đem về uống chơi vì dừa ngoài đảo rất rẻ. Tôi nhận thấy ngồi trên máy bay "bà già" nếu gặp lúc ban đêm thì rất mát nhưng ban ngày thì nóng bức vô cùng. Chỉ mong cho chóng đáp xuống phi trường vì khi ngồi trên máy bay đằng sau phi công, đầu tôi gần chạm vào mũi máy bay chẳng khác nào ngồi trong lò nướng!

Tháng 10/1956, có trung sĩ Trần Văn Dũng, 23 tuổi, người Nam Định, thuộc đại đội 3, tiểu đoàn 2 bộ binh, đóng tại Phước Tường gần phi trường Đà Nẵng đến cầu hôn cháu Nguyễn Thị Mỹ, con của chị tôi. Mỹ đã theo tôi vào nam và hiện đang ở với gia đình tôi. Năm ấy cháu đã 18 tuổi. Tôi có hỏi ý và cháu ưng thuận nên một tuần sau, tôi tổ chức lễ thành hôn cho cháu tại trại gia đình Hiến Binh. Ngoài tiểu đội trưởng và 2 nhân viên, tôi còn mời 2 sĩ quan phi công và hai trung sĩ không quân trong Đệ Nhất Phi Đoàn Quan Sát. Những quân nhân này, tôi coi như người hàng xóm lân cận vì lúc bấy giờ phi đoàn mới thành lập nên ít người.

Tháng 4/1957, tôi xin chuyển về tiểu đội Hiến Binh Vĩnh Điện thuộc quận Điện Bàn vì sự mâu thuẫn của tôi và tiểu đội trưởng Châu. Đầu đuôi là do một vụ máy bay Dakota từ Sài Gòn đến Đà Nẵng, khi đáp xuống phi trường bị gió quét nên máy bay trật ra đường băng và lũn vào hàng rào kẽm gai. Nhân viên kỹ thuật phi trường đã đến kiểm tra, thế mà Châu lại chỉ định tôi phải ra lập biên bản theo như kiểu tai nạn xe cộ trên đường bộ. Tôi nói, "chỉ nên làm báo cáo gửi về trung đội thì được rồi", nhưng ông không nghe. Vì lệnh trên, tôi phải đi đến hiện trường, chỉ thấy cánh bên phải của máy bay khi hạ cánh bị quét vào kẽm gai xước vài đường. Tôi xin lời khai của phi hành đoàn thì họ nói máy bay khi hạ cánh bị gió quét nên trật ra ngoài đường băng, may mà không nổ. Họ cũng chịu ý tôi mà cho lời khai và ký vào sổ. Sau đó, tôi chằm tọa độ nơi máy bay bị nạn và vẽ sơ đồ như một biên bản tai nạn xe hơi. Tôi thầm nghĩ, biên bản này gửi về tòa án chỉ là để các thẩm phán vứt vào sọt rác, chứ họ xử cái gì đây? Cũng kể từ đó, tiểu đội trưởng Châu coi tôi như một nhân viên cứng đầu. Trong không khí ngột ngạt ấy, tôi làm đơn xin chuyển đi nơi khác để tránh những xích mích về sau. Sau một tuần lễ, tôi được chuyển về tiểu đội Hiến Binh Vĩnh Điện.

Làm việc tại tiểu đội Hiến Binh Vĩnh Điện dưới quyền chỉ huy của trung sĩ nhất Nguyễn Văn Phùng, tôi nhận thấy ông này có tư cách đảng hoàng nên rất thoải mái. Rất tiếc, chỉ được hai tháng, Phùng phải đổi về trung đội Hiến Binh Đà Nẵng. Thay thế ông là trung sĩ nhất Tống Văn Sói, tay này có tiếng nhậu nhẹt nhưng lại được lòng thiếu úy Tôn Thất Tụy, trung đội trưởng, và trung úy Phạm Văn Tính, đại đội trưởng. Từ ngày nhận chức chỉ huy tiểu đội, Sói thường hay tới lui ăn nhậu với Trần Văn Thái, quận trưởng Điện Bàn. Trong thời gian này, quận Điện Bàn được kinh phí xây dựng quận đường và các cơ sở hạ tầng. Lợi dụng sự quen biết với Thái, Sói thường đến xin những vật liệu như xi măng, tôn, gỗ, sắt... và được Thái bớt xén cho. Trong tiểu đội có trung sĩ Nguyễn Văn Sửu có tính nịnh bợ nên được Sói tin cậy. Mỗi khi đi xin vật liệu của quận, Sói thường dẫn Sửu theo. Kết quả, chỉ trong vòng nửa năm, Sói và Sửu đã xây dựng được mỗi người một căn nhà gạch lợp tôn gần ngã ba Vĩnh Điện-Hội An. Sở dĩ Sói và Sửu làm được nhà như vậy cũng là nhờ cơ hội gặp tên quận trưởng Thái là một tay tham nhũng rất khôn ngoan, xảo quyệt. Hắn bắt thân với Sói để làm tay sai, phòng khi có ai tố cáo hành vi của hắn thì sẽ có Sói che chở về mặt tư pháp. Tôi nghĩ những việc bê bối này của Sói chẳng qua mặt được trung đội trưởng Tôn Thất Tụy và đại đội trưởng Phạm Văn Tính. Nhưng là một phường nhậu nhẹt với nhau nên họ mới làm ngơ cho Sói. Hoặc có những sự cấu kết vụ lợi nào khác thì tôi không hiểu. Tôi thật hoang mang và mất hết niềm tin vào những kẻ chỉ huy mình. Những lời giảng dạy của các giảng viên khi tôi thụ huấn về quy luật của ngành Hiến Binh chỉ là lý thuyết mà thôi. Thực tế thì lại khác hẳn.

Có lẽ trung sĩ nhất Sói thử lòng tôi nên đã vài ba lần rủ tôi đi với ông ta sang quận hành chánh để nhậu nhẹt với tên quận trưởng Thái nhưng tôi đều từ chối với lý do là không thích uống rượu. Thấy không dụ được tôi, Sói tỏ ra không thiện cảm với tôi trong công tác hằng ngày. Tháng 10/57, tiểu đội Hiến Binh Tam Kỳ cần tăng cường một nhân viên. Nhân dịp này, Sói ton hót với Tuy biệt phái tôi đến tiểu đội Tam Kỳ ba tháng. Từ Tam Kỳ về Vĩnh Điện chừng 30 cây số, tuy chẳng bao xa nhưng có phần tốn kém khi phải xa gia đình vợ con nhưng tôi cũng rất hài lòng vì được xa tên Sói một thời gian.

Tiểu đội Hiến Binh Tam Kỳ do trung sĩ nhất Lê Tử Phu làm tiểu đội trưởng và 5 nhân viên. Tiểu đội này nằm bên quốc lộ 1 nơi thường xảy ra tai nạn lưu thông. Có tôi biệt phái đến cũng đỡ phần nào công việc hằng ngày của tiểu đội. Trung sĩ nhất Phu là người đàng hoàng, không nhậu nhẹt như trung sĩ nhất Sói ở Vĩnh Điện. Đối với nhân viên cấp dưới, y phân chia công tác rất công bằng. Ngoài ra y còn có lòng nhân ái, khuyên nhân viên không nên làm khó dễ những xe khách và xe hàng đi qua địa phận kiểm soát của tiểu đội. Nếu nhận thấy những vi phạm không có gì quan trọng thì chỉ nhắc nhở và cho họ đi. Được người chỉ huy có đạo đức như vậy, tôi rất phấn khởi và yên tâm làm việc mặc dầu công việc ở đây bận rộn hơn.

Sau ba tháng biệt phái, tôi phải trở về đơn vị cũ. Được hai tuần, tôi lại được lệnh biệt phái cho tiểu đội Hiến Binh Hội An ba tháng. Tôi định phản đối vụ này nhưng nghĩ lại chẳng ích gì vì tên Sói đã cấu kết với thiếu úy Tuy, nếu có cãi lại cũng chẳng thoát. Hơn nữa, có dịp cách xa tên Sói cũng đỡ bực mình. Thế là tôi lại thu xếp hành trang ra đi. Chỉ tội nghiệp cho vợ con nhưng không biết làm sao.

Tiểu đội Hiến Binh Hội An do trung sĩ nhất Vĩnh Hy chỉ huy. Ông này dòng dõi hoàng tộc, rất nghiêm khắc với nhân viên thuộc hạ, ít khi nói chuyện với chúng tôi. Chỉ lệnh là lệnh, thi hành là thi hành. Ông thường kiểm tra sổ lời khai và so sánh có đúng trong biên bản không. Nếu thấy sai, ông bắt phải đánh máy lại. Chuyện này làm cho nhân viên rất e ngại. Mặc dù lời văn diễn tả trong biên bản cũng phù hợp với lời khai của bị cáo hay nhân chứng chứ không sai ý nghĩa, ông vẫn không chịu, bắt phải ghi lại cho đúng y chang mới được. Tuy vậy, ông cũng rất công bằng trong việc cắt cử công tác cho nhân viên hằng ngày. Sổ học tập hằng tháng của các nhân viên trước khi gửi lên trung đội, ông đều kiểm tra lại và hướng dẫn những gì sai sót để nhân viên nâng cao kiến thức. Dù sao tôi vẫn cảm phục và tôn trọng ông này.

Xong ba tháng biệt phái, tôi lại trở về tiểu đội Hiến Binh Vĩnh Điện. Lần này thì lại khác. Một tuần sau, tôi được trung đội Hiến Binh Đà Nẵng chỉ định làm trưởng chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc. Địa bàn hoạt động là quận Đại Lộc và quận Thường Đức, cũng trong tỉnh Quảng Nam. Chi nhánh này chỉ là cơ quan đại diện cho tiểu đội hiến binh Vĩnh Điện. Tất cả biên bản cũng như báo cáo của chi nhánh đều phải qua sự kiểm soát của tiểu đội trưởng Tống Văn Sói. Tôi thừa hiểu việc lập chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc là do Sói bày ra để tránh né những vụ vi phạm luật pháp xảy ra trên địa bàn quận Đại Lộc và Thường Đức, nhất là vùng Bến Hiên, Bến Giàng rừng núi xa xôi, hiểm trở; đồng thời cũng là nơi đày ải những nhân viên mà Tống Văn Sói không ưa !

Tôi được chỉ định làm trưởng chi nhánh cũng chỉ vì lý do ấy mà thôi. Đối với tôi, lúc này có cơ hội cách xa Tống Văn Sói là tốt nên chẳng từ nan. Tuy vậy, tôi cũng đắn đo vì chỉ có một mình với một chiếc máy đánh chữ cũ, trụ sở thì không có phải nhờ vào quận hành chánh Đại Lộc. Vấn đề này tôi không thích nên chần chừ không đi. Thấy tôi chần chừ, Sói có vẻ khó chịu, thúc dục tôi đi cho mau. Tôi nói thẳng :

-Anh cho tôi đi một mình ? Theo nguyên tắc ngành Hiến Binh khi đi công tác ngoài thì ít nhất phải có hai người, hơn nữa trụ sở không có thì tôi làm việc sao được ?

Nghe tôi nói, Sói biết là không thể đẩy tôi đi ngay được. Ngày hôm sau, Sói đưa tôi đến quận đường Đại Lộc, giới thiệu với quận trưởng Nguyễn Văn Nghi, nhờ giúp đỡ cho mượn một phòng trong văn phòng quận. Bấy giờ quận Đại Lộc đang được kinh phí xây dựng quận đường mới và các cơ sở hạ tầng. Phòng Thông Tin quận đã dời về trước quận đường nên quận trưởng Nghi đồng ý cho chi nhánh Hiến Binh mượn tạm chỗ cũ còn bỏ trống. Thật tình, tôi cũng khâm phục Tổng Văn Sói có tài ngoại giao nên mới có trụ sở chi nhánh Hiến Binh được tươm tất như vậy. Lẽ ra, phòng Thông Tin phải được tháo gỡ ra hoặc bán lại cho công chúng để bù thêm vào ngân quỹ xây dựng.

Nằm trên thửa đất chừng 500 mét vuông, có hàng rào kẽm gai bao bọc, trụ sở mới mượn được diện tích chừng 80 mét vuông, chia làm 3 phòng. Một làm văn phòng, một dành cho nhân viên và một dành riêng cho gia đình tôi ở. Tuy vẫn đề cơ sở đã tạm ổn nhưng tôi vẫn chân chừ chưa chịu đi vì lý do chỉ có một mình. Sói bèn làm báo cáo về trung đội Đà Nẵng tình hình trụ sở của chi nhánh và yêu cầu tăng cường hai nhân viên. Một tuần sau, chi nhánh được bổ sung trung sĩ Phạm Ngọc Mậu từ tiểu đội hải cảng Đà Nẵng và trung sĩ Lê Hữu Hân, mới ra trường khóa 3 Đà Nẵng. Trung sĩ Mậu hơn tôi 6 tuổi, có hai vợ, không nhậu nhẹt nên bị trung úy đại đội trưởng Phạm Văn Tính và thiếu úy trung đội trưởng Tôn Thất Tuy không ưa. Dịp này, Mậu chỉ đi một mình, còn hai bà vợ với đám con riêng của mỗi người thì tạm để lại tại trại gia đình Hiến Binh Đà Nẵng. Trung sĩ Hân là người Vĩnh Điện nên cũng để vợ ở lại Vĩnh Điện. Sau này làm việc, tôi cũng lựa ngày cho hai nhân viên này được về thăm gia đình mỗi tháng hai lần. Về sau, vì tới lui bất tiện, Mậu đưa cả gia đình lên ở luôn. Hai bà vợ cùng ở chung một nhà nhưng rất êm đềm, vui vẻ. Thật là hiếm có.

Chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc chính thức hoạt động từ đầu tháng 12 năm 1958. Ngoài các sổ sách và văn phòng phẩm được cấp phát như một tiểu đội, chi nhánh còn được cấp phát một chiếc xe mô tô và ba chiếc xe đạp để nhân viên đi công tác hằng ngày. Công việc hằng ngày của chúng tôi thường trực suốt ngày đêm. Nếu có sự yêu cầu của dân chúng như tai nạn xe cộ hoặc những tệ nạn xã hội khác thì phải đến ngay hiện trường lập biên bản điều tra sự việc. Ngoài ra còn phải đi tuần tiểu gọi là “tuần thị hương thôn” để biết sinh hoạt và đời sống của dân chúng trong vùng. Mỗi tháng vào khoảng 20 dương lịch phải làm báo cáo gửi về trung đội tất cả những tin tức tình hình trật tự an ninh cũng như mùa màng, bệnh tật của người và gia súc. Ngoài ra trưởng chi nhánh còn phải cập nhật vào quyển sổ gọi là “Nhật Dịch Nguyệt Tập” tất cả những hoạt động và kết quả đạt được. Quyển sổ này phải gửi về trung đội trước ngày 5 tây hằng tháng. Các nhân viên đều được cấp một phiếu công tác trước khi đi ra ngoài làm việc, ghi giờ đi, giờ về, làm việc gì, ở đâu, phương tiện di chuyển, kết quả công tác. Những phiếu này cũng phải gửi về trung đội trước ngày 5 tây hằng tháng để kiểm soát. Thật là một tổ chức rất chặt chẽ đối với nhân viên công tác hằng ngày.

Theo quy định, ngành Hiến Binh là một đơn vị thuộc Bộ Tư Pháp và Quân Pháp, không lệ thuộc vào một cơ quan nào khác để thực thi tính cách “chí công vô tư”, và các trụ sở Hiến Binh cũng như gia đình nhân viên cũng được xây dựng bằng kinh phí riêng của ngành. Nhưng đến khi tôi mãn khóa ra trường làm việc thì quy định này trong thực tế chỉ là lý thuyết. Tôi nhận thấy từ trung đội đến tiểu đội ở những nơi tôi đã làm việc đều phải nhờ vào các đơn vị quân sự và quận hành chánh địa phương để được giúp đỡ về vật chất như xe cộ, xăng dầu, vật liệu xây dựng...mới có đủ phương tiện để công tác hằng ngày và trụ sở cùng trại gia đình cho vợ con ở. Như vậy tính cách “chí công vô tư” làm sao mà trung đội, tiểu đội thì hành được? Đó là một sự kiện làm tôi suy nghĩ và thấy chán nản nhiều.

Lại còn một việc làm tôi phải bực mình. Vào khoảng tháng 2/1960, tiểu đội trưởng Tổng Văn Sói chỉ thị cho tôi phải tìm đến các xã lân cận như Lộc Mỹ, Lộc Quang xin dân chúng

4 xe GMC cây chuối con cho trung úy đại đội trưởng Phạm Văn Tính chở về ngoài Huế để trồng trong đồn điền. Thật là vô lý! Công việc chi nhánh bận rộn, lấy ai là người đi đào chuối con? Chỉ còn cách bỏ công tác hằng ngày thì mới có thể làm được, và chuối con của hai xã này nếu mà xin đủ cho 4 xe GMC thì còn gì là chuối của dân chúng nữa! Do đó, tôi từ chối không nhận việc này, và suy nghĩ rằng chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc chỉ là một trại thanh trừng do bọn chúng bày ra để hành hạ những người họ ghét thì tôi còn cần gì nữa? Giả thử có ghét thì đổi tôi đi chỗ khác may ra còn tốt hơn. Vì thế, tôi trả lời cho Sói biết:

-Nếu trung úy Tính muốn xin chuối con thì cứ thuê người đào và cho xe đến, tôi sẵn sàng chỉ chỗ cho mà xin.

Nghe vậy, Sói có vẻ tức giận lắm. Hắn nói:

- Anh chẳng làm được cái gì cả!

Tôi nói:

-Tôi không làm được, anh cứ việc mà làm.

Thế là chỉ trong vòng một tuần lễ, thiếu úy Tôn Thất Tuy, trung đội trưởng, bất ngờ lên thanh tra Chi Nhánh. Y hoạch họa đủ mọi cách, tôi cũng lỳ ra. Y nói gì tôi cũng nhận là có lỗi và “nhờ thiếu úy chỉ dẫn để có kinh nghiệm”. Cuối cùng, chẳng biết còn cách gì hoạch họa nữa, y bèn lững thững bước ra, đi vòng vòng xung quanh trụ sở. Thấy tôi cho gia đình ở riêng một phòng trong ngôi nhà, y bèn ra lệnh đuổi gia đình tôi đi chỗ khác, không cho ở chung trong ngôi nhà nữa. Tôi nói:

-Thế thiếu úy định cho gia đình tôi ở đâu bây giờ?

Y nói:

-Anh muốn cho gia đình ở đâu tôi không cần biết!

Và Tôn Thất Tuy trở về Đà Nẵng với vẻ mặt hầm hăm.

Đêm hôm đó, tôi nói cho vợ tôi nghe chuyện này. Hai vợ chồng quyết định chi ra 10 ngàn đồng để mua tre, tranh và mướn hai người làm một cái nhà nhỏ, đủ cho gia đình ở, sát một bên trụ sở. Sở dĩ tôi phải làm như vậy là để tránh những khó dễ của kẻ tiểu nhân.

Đầu năm 1961, tình hình an ninh trên địa bàn quận Đại Lộc và Thường Đức có phần biến động. Thịnh thoảng có những vụ đụng độ giữa lính Cộng Hòa và Việt Cộng tại vùng núi Bến Hiên, Bến Giàng và khu Phù Kỳ. Tuy vậy, hoạt động của chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc không vì thế mà ngừng trệ đối với những vụ vi phạm pháp luật. Mỗi khi ra ngoài công tác chỉ có hai nhân viên nhưng chúng tôi vẫn yên tâm làm việc và chẳng khi nào bị Việt Cộng cản trở.

Giữa năm 1961, vì tình hình an ninh, quận đường Đại Lộc và các cơ quan phụ thuộc được lệnh dời về khu vực đồn Ái Nghĩa thuộc xã Lộc Mỹ. Tỉnh Quảng Nam cho kinh phí xây dựng lại. Trong dịp này, trụ sở Hiến Binh cũng được dời theo về Ái Nghĩa.

Tháng 7/1961, Bộ Chỉ Huy Hiến Binh ra quyết định cho chi nhánh Hiến Binh Đại Lộc trở thành tiểu đội và tôi được thăng cấp trung sĩ nhất, giữ chức vụ tiểu đội trưởng, đồng thời tăng cường thêm 3 nhân viên. Như vậy quân số của tiểu đội bây giờ là 6 người. Tuy nhân viên đông hơn trước nhưng địa bàn hoạt động (quận Đại Lộc và quận Thường Đức) rất rộng lớn và mỗi ngày càng thêm phức tạp, vì thế công việc của tiểu đội lúc nào cũng bận rộn như nhau.

Cuối năm 1963, một trận bão lụt rất lớn tàn phá khu vực tỉnh Quảng Nam. Hàng ngàn nhà cửa của dân chúng cũng như những cơ sở công ích bị xập, trong đó có trại gia đình của tiểu đội Hiến Binh Đại Lộc. Thiên tai này làm thiệt hại tính mạng và tài sản của dân chúng rất nhiều.

Sau cơn bão lụt, tình hình an ninh mỗi ngày tệ hơn. Thêm vào đó, dân chúng hai ấp Bàu Tròn và Quảng Đại thuộc xã Lộc Phước thường hay tụ tập đánh đập nhau, gây mất trật tự cũng chỉ vì tranh chấp vụ đất lở đất bồi. Mỗi lần như vậy, tiểu đội Hiến Binh đều phải cử nhân viên đến nơi giữ trật tự đồng thời trưng dụng lính Địa Phương Quân đến yểm trợ và di chuyển những

người bị thương nặng đến bệnh viện cấp cứu. Ngoài ra còn những vụ Dân Vệ và Nghĩa Quân hà hiếp và đánh đập dân chúng trong vùng, tiểu đội Hiến Binh lại phải vất vả đến can thiệp.

Một hôm, tiểu đội nhận được đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn Bông ở xã Lộc Chánh, tố cáo một số Dân Vệ của xã đó ban đêm đến nhà bắt người em của ông tên là Nguyễn Văn Thục dẫn đi đã hai ngày chưa thấy về, chẳng biết sống chết ra sao. Được đơn tố cáo, tôi và trung sĩ Lê Hữu Hân đến xã Lộc Chánh hỏi rõ sự việc. Ông Nguyễn Văn Ba, chủ tịch xã cho biết :

-Tên Thục là gia đình tập kết. Nếu Dân Vệ đến nhà mời đi đâu thì xã cũng không biết

!

Tôi yêu cầu được gặp riêng tên đội trưởng Dân Vệ, Nguyễn Độ. Khi đối diện với tôi, tên Độ có vẻ lúng túng, không được bình tĩnh. Với nét mặt nghiêm khắc, tôi nhìn thẳng vào mắt Độ và hỏi một câu phủ đầu để áp đảo tinh thần đối tượng :

-Cách đây ba ngày vào khoảng 10 giờ đêm, anh và một số Dân Vệ đến nhà anh Thục rồi sau đó các anh dẫn anh Thục đi đâu ? Chúng tôi biết các anh chỉ làm theo lệnh trên, vậy cứ nói thật để chúng tôi dễ làm việc.

Nghe tôi nói một câu quyết đoán, tên Độ mặt đổi sắc và ngập ngừng nói :

-Thưa xếp, đêm hôm đó tôi và 7 Dân Vệ được lệnh của ông Ba, chủ tịch xã, đến nhà anh Thục mời về xã để hỏi về việc đương sự có liên lạc và tiếp tế cho Việt Cộng nằm vùng hoạt động hay không. Chúng tôi đến nhà mời nhưng tên Thục tỏ ra ngoan cố, không chịu đi. Anh em Dân Vệ buộc lòng phải áp đảo nên đương sự mới chịu đi. Trong đêm đó tại Phòng Dân Vệ, chúng tôi thay nhau hỏi cung Thục. Tên này vẫn ngoan cố không chịu nhận tội. Trong lúc hỏi cung, chúng tôi cũng có nóng giận nên mới lỡ tay đánh chết đương sự !

Tôi hỏi :

-Các anh lấy gì đánh ?

Độ nói :

-Đánh bằng báng súng vào ngực và đầu.

Tôi hỏi :

-Ai là người cầm súng đánh ?

Độ trả lời :

-Tất cả chúng tôi đều đánh.

Tôi hỏi tiếp :

-Thế tên Thục bị các anh đánh bao lâu thì chết ?

Độ nói :

-Chết vào khoảng 1 giờ đêm.

-Khi các anh đánh chết tên Thục, có ông Ba chủ tịch xã chứng kiến không ?

-Trong lúc đánh, ông Ba không có mặt tại đây nhưng khi tên Thục chết, tôi có báo cáo cho ông Ba biết. Lúc đó, ông đang ở nhà. Nghe tôi báo, ông Ba có nét chúng tôi và nói, “các anh làm quá nên Thục mới chết như vậy, thôi lỡ rồi, các anh đem xác nó đi chôn chỗ nào đó để phi tang”. Lập tức chúng tôi trở về trụ sở Dân Vệ và đưa xác tên Thục ra lùm tre gai gần bờ sông và đào hố vùi đương sự.

Tôi không ngờ kết quả điều tra lại nhanh chóng như thế. Có thể bọn Dân Vệ này cũng ý lại, cho mình là vô tội đối với người mà họ cho là gia đình tập kết tiếp tế cho Việt Cộng nằm vùng. Lập tức, tôi và trung sĩ Hân lấy lời khai của từng người và yêu cầu họ ký tên vào sổ lời khai sau khi đọc lại rõ ràng cho họ nghe. Tất cả 8 tên Dân Vệ đều có vẻ thần nhiên và ký tên vào sổ lời khai. Tôi yêu cầu tên Độ và 7 Dân Vệ dẫn đến chỗ nạn nhân bị chôn vùi. Đến rặng tre gai cách bờ sông chừng 10 thước, Độ chỉ vào một chỗ có dấu đất mới, được khỏa lấp bằng lá tre khô phủ sơ sài, nói đây là chỗ vùi xác Thục. Lúc ấy, một số dân chúng lân cận kéo tới. Tôi yêu cầu

một người về lấy cuốc xẻng để đào lên. Một lát sau, người đem cuốc xẻng tới, theo sau là một người đàn bà dắt theo một đứa con gái chừng bảy, tám tuổi, nói là vợ con của nạn nhân. Lập tức, tôi cho đào lên. Xác vùi rất cạn, chỉ chừng 3 tấc đất tôi đã thấy mặt nạn nhân dòi bu lúc nhúc và mùi hôi thúi xông lên nồng nặc. Thấy xác chết, người vợ khuyu xuống khóc la thảm thiết và xác nhận đó là chồng của chị. Tôi cho lệnh ngưng đào và lấy chiếc nón lá của người vợ phủ lên mặt nạn nhân. Kế đó, tôi tuyên bố :

-Nhân danh pháp luật, điều số...ghi trong Hình Luật Hoàng Việt, chúng tôi câu lưu Nguyễn Văn Độ, đội trưởng và 7 tên Dân Vệ, đã phạm vào tội giết người để dẫn giải lên Tòa Sơ Thẩm Đà Nẵng.

Nói xong, tôi lấy hai bộ công tay số 8 của tôi và của trung sĩ Hân, nhưng chỉ công được 3 tên Dân Vệ. Còn 4 tên nữa, tôi phải nhờ một số dân chúng tại đây lấy dây buộc bò trói lại. Lúc này bọn Dân Vệ mới bắt đầu hoảng hốt. Có đứa nói :

-Tên Thục là Việt Cộng sao xếp lại bắt chúng tôi ?

Tôi làm thinh không trả lời. Sau đó, tôi và trung sĩ Hân dẫn 8 tên Dân Vệ về Hội Đồng Xã Lộc Chánh, đồng thời mời ông chủ tịch xã Nguyễn Văn Ba về cơ quan Hiến Binh Đại Lộ để tiếp tục điều tra làm rõ ai là người ra lệnh cho bọn Dân Vệ đi bắt nạn nhân Nguyễn Văn Thục.

Sau khi dẫn Nguyễn Văn Ba và 8 tên Dân Vệ về cơ quan, tôi đến văn phòng quận Đại Lộ. Bảy giờ, quận trưởng là đại úy Nguyễn Văn Tố. Tôi trình bày cặn kẽ sự việc cho đại úy Tố biết, đồng thời nhờ ông gọi điện về Tòa Hòa Giải Hội An để triệu tập bác sĩ pháp y ở bệnh viện Hội An đến hiện trường khám nghiệm tử thi. Trong khi chờ đợi, đại úy Tố nói ông không hề biết việc Dân Vệ bắt bớ và thủ tiêu tên Thục. Ông cũng tỏ vẻ hối tiếc bọn Dân Vệ có hành động dã man như thế. Ông nói :

-Các anh cứ việc làm theo nhiệm vụ, tôi không có ý kiến gì cả.

Xế chiều hôm ấy, bác sĩ pháp y từ Hội An đến. Tôi hướng dẫn bác sĩ đến hiện trường. Xác nạn nhân lại được khai quật lên để khám nghiệm. Nạn nhân mặc bộ đồ bà ba đen, thi thể bắt đầu tiêu hủy, chỗ sọ bên trái bị đập vỡ, da lưng nhùng, và dòi bọ lúc nhúc. Bác sĩ làm giấy chứng nhận thương tích và kết luận chết vì bị vật cứng đập vỡ sọ. Sau khi khám nghiệm xong, tôi cho gia đình nạn nhân nhận xác về mai táng, đồng thời xin lời khai của vợ nạn nhân để tiện việc tố tụng sau này.

Sau đó chúng tôi trở về tiểu đội và tiếp tục hỏi cung ông Nguyễn Văn Ba, chủ tịch xã Lộc Chánh. Ông Ba thừa nhận có ra lệnh cho Dân Vệ đến nhà nạn nhân Thục để bắt dẫn về trụ sở Dân Vệ điều tra xem đương sự có tiếp tế cho Việt Cộng nằm vùng không. Tôi hỏi :

-Lệnh bắt và dẫn giải nạn nhân do ai chỉ thị ?

Ba đáp :

-Vi tình hình an ninh địa phương nên tôi tự ra lệnh cho Dân Vệ. Còn việc đánh đập nạn nhân đến chết thì tôi không biết.

Những lời khai này, tôi ghi đầy đủ vào sổ lời khai và yêu cầu ông Ba ký tên sau khi đọc lại rõ ràng cho ông nghe. Tôi tuyên bố cho ông Ba biết là ông đã phạm pháp vì sai Dân Vệ đi bắt người trong ban đêm là trái phép và dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như đã xảy ra. Tôi câu lưu luôn chủ tịch xã Nguyễn Văn Ba để giải ra Tòa Sơ Thẩm Đà Nẵng cùng với số Dân Vệ phạm pháp kể trên. Sau đó, tôi thông báo nội vụ về quận hành chánh Đại Lộ. Được tin, đại úy Nguyễn Văn Tố, quận trưởng, đích thân đến tiểu đội xin cho các bị cáo được tại ngoại hầu tra, khi nào tòa án Đà Nẵng xét xử sẽ cho các đương sự ra hầu tòa. Việc này tôi không có thẩm quyền nên tôi nói với đại úy Tố :

-Nếu muốn xin tại ngoại cho các bị cáo thì đại úy xin thẳng với ông biện lý tòa Sơ Thẩm Đà Nẵng, nơi đây sẽ quyết định.

Nghe vậy, Tổ có vẻ không vui và than một câu :

-Các anh làm khó cho tôi, chẳng biết làm cách nào để điều hành người thay thế cho những người đó bây giờ đây ?

Tôi an ủi :

-Đại úy thông cảm, chúng tôi chỉ thi hành theo luật pháp chứ chẳng muốn làm khó dễ gì với Quận cả. Đại úy cứ làm tờ trình cho tòa án, khi chúng tôi dẫn giải các bị cáo ra tòa thì yêu cầu đại úy cho gọi ngay tờ trình đến tận tay ông biện lý.

Ngày hôm sau, chúng tôi giải giao các bị cáo đến tòa Sơ Thẩm Đà Nẵng. Sau một hồi nghiên cứu biên bản và xem tờ trình của văn phòng quận Đại Lộc, ông biện lý không chấp thuận cho các bị can được tại ngoại và ra lệnh tổng giam tất cả để chờ ngày xét xử.

Cuối năm 1965, ngành Hiến Binh phải giải tán. Nhân viên Hiến Binh một số được sáp nhập vào Cảnh Sát, một số vào Quân Cảnh. Tôi được sáp nhập vào Quân Cảnh Tư Pháp và chuyển về Hội An, giữ chức vụ tiểu đội trưởng tiểu đội Quân Cảnh, thay thế cho trung sĩ nhất Lê Đức Chấn đã chuyển sang ngành Cảnh Sát. Còn lại tất cả nhân viên trong tiểu đội Hiến Binh Đại Lộc đều được sáp nhập vào Cảnh Sát, trực thuộc Ty Cảnh Sát Quảng Nam. Tôi bàn giao trụ sở, hồ sơ và nhân viên lại cho trung sĩ Nguyễn Văn Phải để về Hội An nhận nhiệm vụ mới.

Tôi nhận thấy sự sắp xếp chuyển ngành này có sự bất công. Lẽ ra với lứa tuổi của tôi phải được chuyển sang ngành Cảnh Sát để được phục vụ thêm 5 năm nữa và tiền hưu trí sẽ cao hơn, đằng này tôi lại được chuyển sang Quân Cảnh thuộc quy chế quân đội, sẽ về hưu trước 5 năm. Do đó, tôi viết thư thẳng đến trung tướng Trần Văn Minh, bấy giờ là Tham Mưu Trưởng Liên Quân Quân Đội VNCH. Khi xưa, lúc ở đại đội CM tại Biên Hòa, tôi có quen biết ông này. Lúc ấy, Trần Văn Minh còn là thiếu úy và làm việc tại Quân Trấn Biên Hòa. Trong thư, tôi trình bày sự hơn thiệt của tôi cho ông biết. Được một tuần sau, tôi được đính chính lệnh sáp nhập vào Quân Cảnh và được chuyển sang ngành Cảnh sát và được làm việc tại Ty Cảnh Sát Gia Định. dịp này, tôi may mắn được Phòng 4 Bộ Tổng Tham Mưu cấp cho cả gia đình đi máy bay quân sự vào Sài Gòn vì thời gian ấy đường bộ từ Đà Nẵng vào Sài Gòn không bảo đảm an ninh.

Đầu năm 1966, tôi và gia đình đến Sài Gòn. Ngày hôm sau, tôi đến tư thất của trung tướng Trần Văn Minh ở gần công viên Con Rùa, quận 1 để thăm và cảm ơn ông. Tại đây, tôi được Minh tiếp đãi niềm nở và hỏi về những hoạt động của tôi từ năm 1947 đến nay. Tôi trình bày qua loa về quá trình hoạt động của mình. Lúc ấy, tôi thấy ông khá già nhưng mập hơn trước. Nhất là hai khóm miệng của ông vẫn như trước, vĩnh viễn lên trông rất có duyên. Trần Văn Minh nói :

-Tôi đã điện cho đại úy Tông, trưởng ty Cảnh Sát Gia Định, để anh sang làm việc với nó.

Tôi rất mừng, cảm ơn và xin phép ra về.

Sau đó, tôi đến Ty Cảnh Sát Gia Định. Khi đến văn phòng trưởng ty và đang tiếp xúc với nhân viên gác cửa để xin gặp đại úy Tông thì đại úy Tông đi ra. Thấy tôi, ông nói, "Tôi đã được điện của trung tướng cho biết rồi", và mời tôi vào văn phòng. Thật tình, tôi không quen đại úy Tông nên rất ngỡ ngàng. Qua vài ba câu chuyện xã giao, tôi nói cho Tông biết :

-Tôi mới từ Đà Nẵng vào, vợ con còn đang ở nhờ người anh ruột ở đường Nguyễn Huệ, Gia Định nên chờ ở chưa ổn định.

Nghe vậy, Tông nói :

-Vậy anh cứ về nghỉ một tuần lễ để thu xếp việc gia đình. Sau đó anh đến đây, tôi sẽ sắp xếp công việc cho anh làm.

Với cấp bậc trung sĩ nhất Hiến Binh và thâm niên công vụ, khi chuyển sang Cảnh Sát tôi được mang cấp bậc Thảm Sát Viên hạng 3. Sự chuyển ngành này làm tôi gặp khó khăn về chỗ ở

cho gia đình. Cũng may, Phạm Khải Đăng, anh ruột tôi lúc này là nhân viên Quan Thuế ở phi trường Tân Sơn Nhất đang mượn nhà ở Gia Định. Thấy hoàn cảnh của tôi, anh cũng thương và cho gia đình tôi về ở chung. Anh tôi sau khi ly dị chị Mùi, lại lấy người vợ kế này. Hai anh chị không sinh được đứa con nào, chỉ có đứa con trai nuôi tên Bình mới được 2 tuổi. Bởi vậy, tôi và vợ con tương đối được dễ chịu. Nhất là chị dâu tôi là người có đạo Công Giáo, rất hiền lành và nhân hậu. Về mặt tinh thần, tôi rất thoải mái vì được ở chung cùng người anh mà tôi rất thương mến từ khi còn nhỏ. Và cũng chính vì thế, anh tôi càng thêm vui vẻ khi có tôi gần gũi.

Một tuần sau, ổn định xong chỗ ở cho gia đình, tôi đến Ty Cảnh Sát Gia Định thì được biết đại úy Nguyễn Văn Tông đã chuyển đi nơi khác cách đây 4 hôm. Thay thế là đại úy Phạm Văn Khâm. Tôi rất hoang mang, không hiểu sự việc ra sao, bèn đến tư thất trung tướng Nguyễn Văn Minh. Nơi đây thượng sĩ trung đội trưởng bảo vệ nói cho biết :

-Trung tướng Minh không còn ở đây nữa. Nghe đâu ông ta được cử làm Đại Sứ tại Algérie.

Được tin này, tôi hơi choáng váng và trầm nghĩ, "cũng là phe đảng đấy!". Tôi lui thủi trở về ty cảnh sát Gia Định, được đại úy trưởng ty mới, Phạm Văn Khâm, cho làm việc dưới quyền của phó thẩm sát viên Nguyễn Văn Tám tại Phòng Cảnh Sát Đặc Biệt, chuyên săn lùng tin tức Việt Cộng. Tôi nhận thấy việc sắp xếp nhân viên như vậy là bất công vì cấp thấp lại chỉ huy cấp cao, phó thẩm sát viên lại chỉ huy thẩm sát viên! Như vậy rõ ràng là bất công quá. Nhưng tôi hiểu ở đâu trong chế độ này đều có bè phái, tham nhũng, mình thân cô thế cô, có nói ra cũng chẳng ích gì, càng làm cho chúng ghét. Tôi đành ngậm miệng và làm lúi đi công tác theo lệnh của Trưởng Phòng. Tên Tám, Trưởng Phòng, dù sao cũng nể cấp bậc của tôi nên y đối xử với tôi cũng có vẻ lịch sự. Thế là buổi sáng nhận công tác đến khu vực chỉ định, tôi chỉ đạp xe đạp đi một vòng cho có lệ rồi về nhà nghỉ cho đến 5 giờ chiều mới về Phòng báo cáo, chẳng bao giờ có tin tức của Việt Cộng cả. Cứ như vậy qua hai tháng sau, tên Trưởng Phòng chửi khéo tôi :

-Anh đi công tác cả hai tháng nay mà chẳng có một tin tức gì cả, thế thì anh đi làm gì !

Tôi làm bộ lúng túng và nói :

-Tôi có hỏi thăm dân chúng nhưng có ai cho tôi biết gì đâu mà báo cáo.

Tên Trưởng Phòng có vẻ bực tức :

-Vậy thì từ nay anh không đi ra ngoài nữa. Anh làm tại văn phòng, ghi tổng kết báo cáo của nhân viên để trình lên Trưởng Ty.

Việc này làm tôi khó chịu. Làm được hai tuần lễ, tôi giả bộ nhúc đầu nên thường đến trễ về sớm. Tên Tám có lẽ biết tôi giả bộ nhưng cũng chẳng nói gì. Sau đó, có lẽ tên này báo cáo mật lên Trưởng Ty nên ít lâu sau, tôi được chuyển về Chi Cảnh Sát Gò Vấp, làm việc dưới quyền Trưởng Chi là Phó Thẩm Sát Viên thượng hạng, Nguyễn Văn Phong.

Khi đến trình diện nhận việc, Phong tiếp tôi một cách lịch sự. Hỏi hỏi :

-Anh muốn làm việc gì ?

Tôi nói :

-Tôi là cựu tiểu đội trưởng Hiến Binh, rất am hiểu luật pháp nên tôi muốn làm việc tại Ban Tư Pháp.

Nghe tôi nói như vậy, tên này có vẻ lưỡng lự và nói :

-Ban Tư Pháp đã có trưởng ban là Phó Thẩm Sát Viên Nguyễn Văn Tư. Vậy tôi để anh làm trưởng ban Hành Chánh. Từ trước đến nay chưa có Ban này nhưng quân số hiện nay trên 100 người nên tôi muốn thành lập một Ban Hành Chánh.

Ban Hành Chánh này ngoài việc lập danh sách nhân viên lãnh lương hằng tháng còn phụ trách chứng nhận có mất giấy tờ của dân chúng và điều tra những vấn đề thuận tiện hay bất

tiện trong việc dân chúng xây dựng nhà cửa trong phạm vi quận, đồng thời báo cáo tổng quát về sự hoạt động của Chi hăng tháng đề gởi lên Ty Cảnh Sát Gia Định.

Nhờ có kinh nghiệm làm việc tại Phòng Nhân Viên Bộ Tham Mưu Pháp ngày trước nên tôi sắp xếp hồ sơ nhân viên một cách có hệ thống. Tôi đề nghị Trưởng Chi cho tôi 3 nhân viên : một người đánh máy, một người nhận công văn đến và một người biên tiền phạt vi cảnh những xe vi phạm nhẹ luật giao thông. Tôi có nhiệm vụ kiểm soát dựa theo những báo cáo của các Ban như Tư Pháp, Kiểm Soát Tài Nguyên, Cảnh Sát Trật Tự rồi lập tờ trình tổng quát đề gởi lên Ty Cảnh Sát Gia Định trước ngày 25 mỗi tháng. Thấy tôi làm việc có hệ thống đàng hoàng, Trưởng Chi Phong cũng có vẻ nể nang, không tỏ vẻ hách dịch như đối với các nhân viên khác. Tôi nghĩ bụng, tay này là loại cáo già, nếu có nể cũng là do cấp bậc của tôi cao hơn hẳn 3 bậc, và tôi phải làm việc dưới quyền của hắn cũng là vì hắn được bè phái đưa lên. Nhất là tên trung sĩ cố vấn Mỹ, mỗi khi đến văn phòng Ban Hành Chánh kiểm điểm tình hình quân số, vũ khí, vật liệu, hắn chỉ việc nhìn lên tấm bảng ghi đầy đủ chi tiết của các ban ngành là hiểu rõ tình hình. Lúc đầu, khi đến văn phòng, tên cố vấn này có vẻ trịch thượng, có ý muốn tôi đứng dậy chào trước nhưng tôi phớt tình. Hắn nhìn thẳng vào mặt tôi và hỏi bằng tiếng Mỹ. Tôi lắc đầu vì không biết tiếng Mỹ và hỏi lại hắn bằng tiếng Pháp, “ông có biết tiếng Pháp không?”. Hắn cũng ứ ớ lắc đầu và phải nhờ đến thông dịch viên. Vậy là huê ! Sau này, mỗi khi đến Ban Hành Chánh, hắn cũng tỏ ra lịch sự gật đầu nói hello trước. Tôi nghĩ bụng, tên cố vấn này cũng nể nang việc làm của tôi. Hắn nói hắn sẽ đến các Chi Cảnh Sát trong vùng đề đề nghị lập Ban Hành Chánh và tổ chức giống như tôi để hắn kiểm tra dễ dàng hơn.

Hàng ngày, các Ban Kiểm Soát Tài Nguyên, Cảnh Sát Giao Thông, Cảnh Sát Trật Tự đều gởi về Ban Hành Chánh những giấy tờ xe, bằng lái và phiếu ghi vi phạm luật giao thông của các đối tượng. Tôi chỉ căn cứ trên phiếu và phạt vi cảnh bằng tiền theo mức nặng nhẹ ghi trong phiếu rồi gởi tiền về Quận Hành Chánh Gò Vấp vào ngày 30 hằng tháng. Biên lai ghi tiền phạt do Quận Hành Chánh Gò Vấp cấp phát có đóng số thứ tự đàng hoàng. Việc có mất giấy tờ, căn cước của người dân, theo nguyên tắc nếu ai có mất giấy căn cước thì phải đem theo Tờ Khai Gia Định để chứng minh lý lịch và số căn cước có ghi trong sổ này hay không. Nhưng nhiều trường hợp, họ năn nỉ vì hoàn cảnh khó khăn hoặc đường xá xa xôi về nơi họ cư ngụ nên tôi cũng thường thương tình mà ký nhận giấy có mất cho họ. Tôi vẫn biết làm như thế là sai nguyên tắc, có thể bị Việt Cộng lợi dụng, nhưng biết làm sao được. Dưới mắt tôi họ là những người lao động nghèo khổ nếu không có giấy tờ trong tay thì họ sống làm sao khi phải đi lại trong thành phố để làm ăn ? Còn nếu tôi có bị khiển trách thì chỉ bị trừng phạt bằng cách cho làm việc khác hoặc đổi đi chỗ khác. Còn cái chức Trưởng Ban Hành Chánh tôi đâu có thiết tha gì lắm.

Một lần, tôi có ý định dẫn mặt tên Phong Trưởng Chi để hắn biết tôi không phải là người hèn hạ. Số là ông Nguyễn Văn Sinh xin phép xây 1 cái nhà gạch bên cạnh Trung Tâm Tiếp Huyết Gò Vấp gần Ngã Ba Chú Ía. Tôi cho Phó Thẩm Sát Viên tập sự Trần Công Dương ra điều tra tiện-bất-tiện. Kết quả : nơi đó không thể xây nhà được. Sinh bèn nhờ Dương đưa về Ban Hành Chánh gặp tôi. Tại đây y móc ra 20 ngàn đồng đưa cho tôi và yêu cầu tôi làm nơ cho. Tôi không thích tệ nạn này nên dẫn Sinh sang phòng Trưởng Chi để xử lý. Tôi nói rõ sự việc cho Trưởng Chi biết về hành vi ông Sinh coi thường nhân cách của tôi. Trưởng Chi Phong có lẽ cũng sượng nên cảnh cáo Sinh không nên làm như thế và hắn nói với tôi tha cho ông ta, không nên lập biên bản về tội hối lộ, và cho rằng Sinh chỉ cầu cạnh để xây dựng nhà cho gia đình ở và buôn bán mà thôi. Nghe vậy, tôi cũng bỏ qua. Tôi cũng thừa hiểu tên trưởng chi này cũng là 1 tên cáo già. Hắn dùng nhiều tay chân thân tín thường xuyên lũng lục các ô mã dâm, cờ bạc trong khu vực quận Gò Vấp để thu tiền hằng tháng. Còn việc điều tra tiện-bất-tiện thì hắn giao cho tôi, và tôi

phải chịu trách nhiệm trên báo cáo chấp nhận hay không chấp nhận còn lưu lại trong hồ sơ sau này.

Thời gian trôi qua, với một tinh thần chán nản nên tôi lơ là tất cả công việc hằng ngày. Do đó, các nhân viên trong Ban Hành Chánh cũng lơ là theo, đi trễ về sớm, thậm chí có người vắng mặt hai, ba ngày mới đến làm việc. Họ lấy lý do là bận việc gia đình hoặc vợ con đau ốm. Tôi cũng cho qua và nhắc nhở không nên ở nhà quá lâu, nhất là những báo cáo định kỳ phải gửi về Ty, hoặc đánh máy danh sách lãnh lương cho các nhân viên thì phân hành nào cũng phải làm xong, không được bê trễ. Chính những việc dễ dãi của tôi đối với các nhân viên cấp dưới trong Ban Hành Chánh đã khiến cho họ đều tỏ ra có thiện cảm với tôi rất nhiều.

Cuối năm 1966, Thẩm Sát Viên hạng 4 Nguyễn Văn Ngọc, cựu Trung Sĩ Hiến Binh, là thân thuộc của Thiếu Tá Nguyễn Văn Tuy, sĩ quan vừa được đề cử làm Trưởng Ty Cảnh Sát Gia Định thay thế cho Đại Úy Phạm Văn Khâm, do đó Ngọc được Tuy bổ nhiệm làm Trưởng Chi Cảnh Sát Quận Gò Vấp thay thế Nguyễn Văn Phong. Ngọc là cựu Trung Sĩ Hiến Binh nên khi nhận chức Trưởng Chi, hẳn đối với tôi cũng có vẻ nể nang. Hơn nữa khi còn ở ngành Hiến Binh, Ngọc chỉ là nhân viên, chưa được làm Tiểu Đội Trưởng. Ngọc bản chất hiền lành nhưng vợ Ngọc thì rất khôn ngoan, quyền biến. Bà ta thường tiếp xúc với những nhân viên thân tín có vẻ lạnh lợi như Nguyễn Văn Đông, để tổ chức những vụ làm ăn với những bọn mồi dâm, cờ bạc. Thu nhập như thế nào thì tôi không được rõ lắm, chỉ nghe những nhân viên trong Ban Hành Chánh thì thầm chuyện làm ăn mờ ám của vợ Ngọc và các nhân viên tay chân mà thôi. Tôi cũng hiểu những cung cách làm ăn bất chính của vợ Ngọc nhưng cũng làm ngơ như không biết vì biết rằng những tệ nạn này của ngành Cảnh Sát có thể là truyền thống, mình có biết cũng chẳng làm gì, nếu lơ ngơ có khi còn mang họa !

Ngọc chỉ giữ chức Trưởng Chi Cảnh Sát Gò Vấp được chừng 8 tháng. Tháng 7/1967, Thẩm Sát Viên Nguyễn Văn Tuệ, cũng là cựu trung sĩ Hiến Binh được bổ nhiệm thay thế Nguyễn Văn Ngọc. Tuệ là thân thuộc của trung tá Nguyễn Văn Ứng. Tên trung tá này vừa được làm Trưởng Ty Cảnh Sát Gia Định thay thế tên Thiếu Tá Nguyễn Văn Tuy. Vừa nhận chức xong, Ứng liền cho tay chân của mình là Tuệ thay thế Ngọc. Trò đời thô bỉ như thế đấy ! Cũng là quân đội với nhau nhưng thời gian này nhiều phe phái tranh giành quyền lực và lợi lộc với nhau nên hễ có cơ hội thì họ hắt cẳng nhau không thương tiếc. Những cảnh tượng ấy càng làm tôi chán nản mất hết lòng tin vào các sĩ quan trong quân đội VNCH.

Nguyễn Văn Tuệ dáng người nhỏ nhắn, nước da ngăm đen nhưng tỏ ra lạnh lợi, sắc sảo và năng động. Thêm vào đó, Tuệ cũng bơm bơm được một mớ tiếng bồi Mỹ nên hẳn được lòng tên cố vấn Mỹ. Khi về làm Trưởng Chi chỉ được hai tuần lễ, hẳn thay thế tất cả các Trưởng Ban Cảnh Sát Đặc Biệt, Cảnh Sát Trật Tự, Cảnh Sát Giao Thông, Cảnh Sát Tài Nguyên. Ngoại trừ tôi, Trưởng Ban Hành Chánh. Thay vào đó, hẳn chọn một số thân tín để làm Trưởng Ban, Trưởng Toán. Tất cả sự sắp xếp nhân viên, hẳn chỉ bàn bạc với Nguyễn Văn Chứ, Phó Chi. Chứ cũng là cựu Trung Sĩ Hiến Binh, tay này là một thổ công trong khu vực quận Gò Vấp, tính tình hiền đạ nhưng bề trong vô cùng thâm hiểm nên Tuệ cũng phải nể. Đối với tôi, Tuệ và Chứ không tỏ thái độ gì vì dù sao tôi cũng là cựu Trung Sĩ Nhất Hiến Binh, là bậc thầy của cả hai người. Có thể họ thấy tôi ở Ban Hành Chánh chẳng béo bở gì và cũng muốn giúp đỡ tôi nên một hôm Chứ ngỏ ý với tôi là Tuệ muốn cho tôi làm Trưởng Phân Chi Cảnh Sát Xóm Mới cách đây chừng 5 cây số, trực thuộc Chi Cảnh Sát Gò Vấp. Tôi nghĩ bụng từ Gò Vấp đến Xóm Mới cũng chẳng bao xa, thôi thì thử đi một chuyến xem sao, coi như đi không khí. Thế là tôi nhận lời.

Tháng 9/1967, tôi về làm Trưởng Phân Chi Cảnh sát Xóm Mới, thay thế Thẩm Sát Viên Nguyễn Văn Bồn. Tay này lại về làm Trưởng Ban Hành Chánh thay tôi.

Phân Chi Cảnh Sát Xóm Mới gồm 8 người, tính luôn tôi và 1 Phó Phân Chi. Địa hạt Xóm Mới là một giáo xứ Công giáo. Giáo dân phần đông là người Bắc di cư. Sinh hoạt thường ngày của dân chúng là chăn nuôi gia súc, trồng rau, trồng bông, làm pháo lậu, nấu rượu lậu và buôn bán nhỏ. Cũng có vài nơi thỉnh thoảng tổ chức cờ bạc như tài xỉu, xóc đĩa, xì phé... Khi mới đến, tôi chưa hiểu tình hình dân chúng như thế nào nên sai nhân viên đi kiểm tra nơi nào làm pháo lậu, nấu rượu lậu hoặc mở sòng bài bạc thì bắt và lập biên bản nhưng anh chàng Phó Phân Chi nói :

-Anh đừng làm gì thì tốt hơn. Nếu anh đụng vào những việc này thì có thể không ở yên đâu vì dân chúng sẽ lợi dụng vào lòng thương của các linh mục cai quản giáo xứ. Nếu họ có bị bắt thì những linh mục cũng sẽ can thiệp và đầu cũng vào đấy mà thôi. Loáng choáng anh còn bị dân chúng thù ghét cũng nên ! Anh nên biết rằng Phân Chi Xóm Mới này chỉ là một cơ quan bù nhìn, chỉ có thể can thiệp vào những vụ đánh nhau hay cãi lộn mà thôi !

Thế mà tôi không hiểu nên khi được nhận chức Trưởng Phân Chi, tôi nghĩ phen này là lúc được thực thi luật pháp, bài trừ tệ đoan đem lại công bằng xã hội như khi tôi làm tiểu đội trưởng Hiến Binh Đại Lộ ngày trước. Không ngờ lại phải làm bù nhìn như thế này thật là chán chường và ngẫm nghĩ cũng buồn cười cho số phận của mình.

Tôi làm việc được ba tháng. Tiếng là làm việc, thật ra chẳng có việc gì phải làm mặc dầu trong địa phận luôn luôn có những vụ phạm pháp cần giải quyết. Tuy vậy tôi cũng điện về Chi để hỏi ý kiến Tuệ. Tuệ nói :

-Tùy anh quyết định. Tôi chẳng có ý kiến gì về địa phương ấy. Chính tôi đây cũng còn gờm các vị linh mục nhưng biết làm sao được !

Căn cứ theo lời Tuệ và ngẫm nghĩ trong hoàn cảnh này, nếu còn kéo dài có thể sẽ sinh ra bất lợi. Thật tình, tôi không thể lòng cúi các vị linh mục để nhờ vả vì tự đáy lòng, tôi coi thường những hành vi ấy. Các vị linh mục đâu có hiểu thấu những hành động bao che cho con chiên của mình là trái với pháp luật, như thế là có hại cho tinh thần phục vụ quốc gia và sẽ đưa quốc gia vào con đường lạc hậu. Mặc dầu những sự bao che của các linh mục là thể hiện lòng bác ái đối với giáo dân nhưng như thế là sai vì đã coi thường luật pháp của nhà nước, chẳng khác nào những đứa con hư hỏng mà cha mẹ không chịu dạy dỗ lại còn che chở, nuông chiều. Những người có tâm huyết với quốc gia, dân tộc đâu có làm như vậy được. Chán nản quá, tôi nói thẳng với Tuệ cho tôi trở về Ban Hành Chánh như trước. Tuệ cũng chịu ý và bảo tôi làm đơn. Tôi liền làm đơn bày tỏ tất cả khó khăn về sự hoạt động trong giáo xứ Xóm Mới ấy. Đơn của tôi được gửi về Ty Cảnh Sát Gia Định. Tôi biết, lẽ ra đơn này không cần phải gửi về Ty vì cho về hay không là do quyết định của Tuệ nhưng Tuệ lợi dụng đơn này gửi về Ty cũng như là lời phân trần cho cấp trên biết sự khó khăn hoạt động trong xã hội giáo phái.

Sau một tuần lễ, đơn tôi được gửi trở lại với bút phê của Trưởng Ty Cảnh Sát Gia Định : “ Anh Tuệ, tùy nghi quyết định “. Thế là tôi được trở về Ban Hành Chánh. Người thay thế tôi vẫn là Nguyễn Văn Bồn. Coi như tôi và anh ta hoán chuyển cho nhau một thời gian vậy thôi. Bồn thì có lẽ khá vui lòng vì hẳn vốn là một con chiên.

Các nhân viên trong Ban Hành Chánh thấy tôi trở về làm việc như cũ cũng tỏ vẻ vui mừng. Ngoài ra còn một số tài xế lái xe chuyên chở công cộng cũng hết sức hân hoan. Họ đến chào mừng tôi. Có người còn ngỏ ý mời tôi đi nhậu nhưng tôi nhất định từ chối vì không biết uống rượu. Tôi cũng thừa hiểu rằng có một số tài xế thật tình và cũng có một số vui mừng chỉ vì tôi rất dễ dãi trong việc ghi mức phạt tiền vi cảnh với giá thấp!

Khi tôi vào phòng Trưởng Chi thì gặp Tuệ và Chử trong đó. Tuệ nói :

-Anh không muốn làm việc tại Xóm Mới thì về đây làm việc như trước vậy. Thật tình, tôi muốn cất nhắc cho anh có một chức vụ cao hơn nữa.

Tôi gật đầu cảm ơn lòng tốt của Tuệ. Chứ có lẽ muốn trêu chọc tôi nên mỉm cười nói :
-Chúng tôi muốn cho “Xếp” có việc làm ngon lành mà Xếp không chịu. Tôi như Xếp cứ việc nghe lời các Cha Cố Đạo điều khiển, chắc các Cha cũng không quên Xếp đâu hoặc Xếp xin theo đạo thì các Cha lại càng ưu đãi Xếp !

Tôi nghĩ, tên này thật thâm hiểm. Tôi cười xòa :

-Thôi, các cậu còn chọc tôi làm gì, không biết nổi khổ tâm của tôi hay sao ?

Tuệ an ủi :

-Thôi được, có dịp nào khác tôi sẽ đề bạt anh.

Thời gian thấm thoát, thế mà đã qua 3 năm và tuổi tôi đã 41. Với một nỗi buồn u uẩn trong tâm hồn, chẳng đêm nào tôi không nghĩ đến mẹ và quê hương tôi. Mặc dầu mẹ tôi đã mất từ lâu, thế mà tôi vẫn có cảm tưởng mẹ tôi còn sống và đêm đêm ho húng háng, giương đôi mắt ngẩn ngơ về nơi xa xăm nào đó để ngóng chờ tôi. Càng nghĩ tôi càng đau đớn và nhận thấy mình có lỗi, khi mới lớn lên đã không ở nhà giúp đỡ mẹ già lại đưa đò vào lính để bây giờ âm thầm đau khổ như thế này đây.

Một biến cố nhỏ gia đình do vợ tôi gây ra cũng làm cho tôi lộn độn. Số là khi từ Đà Nẵng về Sài Gòn, gia đình tôi đã ở nhờ nhà anh tôi trong cư xá Cao Đài đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Cứ nghĩ rằng được ở gần anh tôi là hạnh phúc nhưng không hiểu tại sao vợ tôi lại khó tính quá, chỉ khăng khăng đòi về Biên Hòa, không chịu ở chung nữa. Từ đó, nằng cứ hậm hực mãi, làm mất hòa khí trong gia đình. Chán nản công việc làm ở cơ quan, về đến nhà lại gặp cảnh buồn bã, tôi đành phải nói cho anh tôi biết nông nỗi này. Anh đành phải chịu ý em dâu để gia đình được yên ấm và giúp cho tôi một số tiền để phụ thêm vào chi phí làm một cái nhà nhỏ lợp tôn trên miếng đất của ông bố vợ. Các con tôi cũng theo mẹ về Biên Hòa. Sự đổi trường của chúng đã làm tôi bận rộn rất nhiều.

Sau khi tạm ổn định chỗ ở cho gia đình, tôi vẫn một mình ở nhờ anh tôi. Việc ăn uống hằng ngày, anh chị tôi lo lắng chu đáo, không lấy một xu hào. Hằng tháng, tôi chỉ về Biên Hòa một, hai lần vào những ngày chủ nhật để thăm gia đình và theo dõi sự học hành của các con.

Năm 1967, thằng Hiệp, đứa con lớn nhất của tôi học trường Ngô Quyền, Biên Hòa đã đậu Tú Tài I. Tôi cho Hiệp về Gò Vấp ở với tôi trong trại gia đình Cảnh Sát và Hiệp tiếp tục học tại trường trung học Pétrus Ký, Sài Gòn. Năm sau, Hiệp xong Tú Tài II và năm kế, xong năm Dự Bị Văn Khoa Sài Gòn rồi tiếp tục năm thứ hai. Ba thằng con kế, Ninh, Trung, Nghĩa còn học ở Biên Hòa, tôi lại cho về hết Gò Vấp. Thế là 5 cha con ở chung một căn, sự ăn uống đều nhờ vào bà Năm Quảng, vợ một cảnh sát viên già, trông coi vệ sinh và trật tự cho khu chợ Gò Vấp. Bà này nấu ăn rất giỏi và khéo thu vén với số tiền 500 đồng mỗi ngày tôi giao cho bà. Còn gạo thì do tôi mua sẵn. Như vậy, với số lương hơn 22 ngàn đồng mỗi tháng cũng đủ san sẻ cho 5 cha con tôi và vợ cùng 3 đứa con gái ở Biên Hòa, kể cả chi phí về quần áo, sách vở của các con.

Đầu năm 1968, Ty Cảnh Sát Gia Định cần một người làm trưởng chi cảnh sát Cần Giờ. Dịp này, Trưởng Chi Tuệ đề nghị tôi nhưng tôi nhận thấy 4 thằng con đang ở Gò Vấp học hành nếu tôi đi Cần Giờ thì sẽ bất tiện cho chúng, vì thế tôi từ chối. Ngoài ra, Tuệ đâu có hiểu được tâm trạng của tôi. Tôi đã chán lắm rồi, chỉ cầu mong yên thân, chờ đến tuổi về hưu và các con khôn lớn, học hành thành đạt. Sau biến cố Mậu Thân 1968, giá sinh hoạt càng ngày càng đắt đỏ. Với số tiền lương phải chia làm hai nên chi phí của gia đình tôi càng ngày càng thu hẹp và có phần khắc khổ. May nhờ có anh Đăng tôi giúp đỡ mỗi khi thấy túng thiếu nên cũng tạm ổn.

Có lẽ trong hoàn cảnh đó cùng với tình hình bãi khóa, bãi trường liên tục xảy ra, giữa năm 1970, thằng Hiệp chán học, bỏ thi năm thứ hai Đại Học Văn Khoa mà đi lính, thụ huấn tại trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị ở Đà Lạt. Sau khi Hiệp đi Đà Lạt, Ninh, Trung, Nghĩa vẫn ở lại với tôi. Ninh năm ấy đã học lớp 10, Trung lớp 8 và Nghĩa lớp 7. Qua năm sau, Ninh thì

rớt Tú Tài I. Sợ phải đi quân dịch, với tấm bằng Trung Học nó thi vào Cơ Khí Phi Hành ngành Không Quân và trúng tuyển. Thế là Ninh cũng khăn gói nhập ngũ tại sân bay Tân Sơn Nhất để học sửa chữa động cơ máy bay phản lực. Cuối cùng chỉ còn 3 cha con ở với nhau trong cư xá với sự giúp đỡ của bà Năm Quảng.

Đầu năm 1969, Phó Thẩm Sát Viên Thượng Hạng Nguyễn Văn Nhiều thuộc Phòng Hành Chánh Tổng Nha Cảnh Sát được bổ nhiệm làm Trưởng Chi Cảnh Sát Gò Vấp thay cho Nguyễn Văn Tuệ. Nhiều trạc 55 tuổi, vốn là Cảnh Sát Viên chuyên hót tóc ở Tổng Nha. Y quen biết với Tổng Giám Đốc Biên. Khi Biên không còn làm nữa, chính Biên đã giới thiệu với Tổng Giám Đốc mới cho Nhiều vào chức vụ nói trên. Ở đời chỉ lẩn quẩn phe phái và tiền tài, tôi chẳng lấy gì làm lạ. Phó Thẩm Sát Viên Nhiều trình độ văn hóa chẳng có gì nên đối với tôi, hấn có phần nề nang. Tất cả công việc hành chánh hay trật tự, Nhiều đều giao hết cho các Trưởng Ban. Hấn chỉ chú trọng đến phân cò bạc, mồi dâm và đặt một số tay chân thân tín đi lùng sục, theo dõi để bắt buộc bọn đầu nậu phải nạp tiền hằng tháng. Tôi biết số tiền hấn thu nhập hằng tháng không phải là nhỏ nhưng cũng phải san xẻ khắp nơi, từ Ty Cảnh Sát đến Tổng Nha. Tuy vậy, còn lại phần của hấn cũng không ít. Do đó, không bao lâu, Nhiều đã tậu được một căn nhà hai tầng gần chợ Gò Vấp, trị giá trên 2 triệu đồng, và lấy một cô vợ nhỏ gần Cầu Bông chuyên môn cho vay nặng lãi.

Khoảng cuối năm 1970, tên Biên, cựu Tổng Giám Đốc Cảnh Sát có dịch vụ mua bán và đưa về Chi Cảnh Sát Gò Vấp 300 bộ vỏ, ruột xe Honda, nhờ cất giữ và bán trả góp cho các nhân viên để thu tiền vào những kỳ lương. Việc này Trưởng Chi Nhiều giao cho tôi, Trưởng Ban Hành Chánh, quản lý. Thời gian này, các loại xe gắn máy của Nhật Bản như Suzuki, Yamaha, Bridgestone, Honda mới nhập khẩu vào Việt Nam nên các đồ phụ tùng như vỏ, ruột bán chưa chạy lắm. Số vỏ, ruột để trong kho Ban Hành Chánh ứ đọng hơn hai tháng chỉ mới bán được 3 bộ !

Một hôm, tôi kiểm điểm lại thì thấy mất 65 bộ trị giá trên 3 trăm ngàn đồng. Có lẽ kho văn phòng Ban Hành Chánh không có khóa cửa và không có người trực ban đêm; hơn nữa kho chỉ là một bức tường gạch ngăn ra, nằm trong phạm vi văn phòng nên một số nhân viên trong Chi có lòng tham đã lấy cắp. Tôi đem sự việc trình bày cho Trưởng Chi Nhiều biết. Nhiều cũng đồng ý cho là kẻ trộm chỉ là ai đó trong số nhân viên trong cơ quan. Tuy vậy, hấn vẫn quy trách nhiệm cho tôi và buộc tôi phải đền bù số tiền 65 cặp vỏ, ruột ấy. Tôi không biết nói sao vì mình có bốn phận giữ gìn mà Trưởng Chi đã giao phó.

Đối với tôi lúc ấy, số tiền này rất lớn, không thể trả nổi. Tôi đành về nói cho anh tôi biết để nhờ giúp đỡ nhưng anh tôi cũng không thể có. Suy nghĩ nát óc, tôi chợt nghĩ đến Phạm Văn Đồng, lúc này là thiếu tướng, làm Tổng Trưởng Cựu Chiến Binh. May ra, ông thương tình giúp cho qua cơn hoạn nạn. Vài hôm sau, nhân ngày chủ nhật, tôi đến tư dinh của ông ở đường Nguyễn Trãi, Sài Gòn. Đến cổng, tôi nói với thượng sĩ bảo vệ xin gặp Tổng Trưởng. Thượng sĩ ngó tôi chăm chăm và hỏi :

-Anh muốn gặp Tổng Trưởng làm gì ?

Bấy giờ, tôi mặc thường phục. Tôi nói :

-Tôi có việc cần lắm.

Sau khi hỏi tên tôi, hấn đi vào trong. Một lát sau, hấn trở ra với nét mặt có vẻ kính trọng và mời tôi vào.

Đến phòng khách, tôi đã thấy thiếu tướng Đồng mặc bộ đồ ngủ, tướng mạo phương phi, sắc mặt hồng hào, trông thật oai vệ, đang ngồi trên bộ salon bọc da, loại đắt tiền, đặt trong phòng khách lộng lẫy. Cảnh trạng này làm tôi hơi khóps. Tôi cúi đầu chào ông. Ông nhìn tôi chăm chăm và mời tôi ngồi. Ông nói :

-Đã lâu lắm rồi không gặp chú, bây giờ chú làm gì ?

Tôi nói qua mọi việc từ ngày quân đội Pháp giải tán đến ngày hôm nay, làm Trưởng Ban Hành Chánh ở Chi Cảnh Sát Gò Vấp. Tôi nói :

-Tôi có biết thiếu tướng làm Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định và bây giờ là Tổng Trưởng Cựu Chiến Binh nhưng không có việc gì nên không dám đến vì sợ làm phiền. Bây giờ, gặp cảnh ngặt nghèo nên tôi phải đánh liều đến nhờ thiếu tướng giúp đỡ.

Ông hỏi :

-Chuyện gì mà ngặt nghèo đến thế ?

Tôi chậm rãi trình bày cặn kẽ chuyện mất trộm vỏ, ruột xe Honda tại Chi Cảnh Sát Gò Vấp. Nghe xong, Đồng nhìn tôi có vẻ thương hại. Ông nói :

-Để tôi vào nói với chị xem sao.

Nói xong, ông vào nhà trong. Một lát sau, vợ ông và đứa con gái mập ú chừng 5, 6 tuổi bước ra. Theo phép lịch sự, tôi đứng dậy, cúi đầu chào. Xa cách gần 20 năm, bà ta trông khác đi nhiều. Nét mặt không già lắm nhưng mập mạp hơn trước. Thoạt nhìn thấy tôi, bà ta nói :

-Chú Tri đây hả ? Bây giờ được mấy con rồi ? Thím có khỏe mạnh không ?

Tôi nói :

-Cảm ơn bà, nhà tôi vẫn khỏe và đã được cả trai lẫn gái là 9 đứa rồi !

Nghe tôi nói, bà ta lè lưỡi :

-Khiếp! Sao mà đẻ nhiều thế ?!

Tôi cũng ngượng ngùng chẳng biết nói sao. Tôi hỏi lại :

-Ông bà được mấy cháu rồi ?

Bà ta đáp :

-Chỉ được 3 đứa.

Và chỉ vào đứa bé gái mập ú :

-Bé này là út đấy.

Tôi thoáng nghĩ, mẹ này trước kia đã lấy một tên Đội Xếp Tây mấy năm mà không có con, sau đó lấy Phạm Văn Đồng thì lại có con, quả là số trời. Tôi lại nghĩ thầm, mẹ này có tướng mặt giống khỉ mà người ta thường gọi là hầu tướng, là tướng quý. Có lẽ vì vậy mà bà ta cả đời được sung sướng và còn kèm chế được một người đẹp trai, chức trọng như thiếu tướng Đồng. Tôi đã được một người bạn cũ, thiếu tá Nguyễn Văn Liên, cho biết khi Đồng làm Tổng Trấn Sài Gòn, Gia Định, bà ta tổ chức cờ bạc, sau bị lộ nên Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng khiển trách Đồng và cho Đồng về hưu. Đến thời Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng Thống, vì tình bạn cũ nên Thiệu cất nhắc Đồng cho làm Tổng Trưởng Cựu Chiến Binh.

Tôi đang mơ màng suy nghĩ thì chợt nghe bà ta nói :

-Thật rất tiếc cho chú. Có lẽ chú vô duyên với chúng tôi nên lúc này chị kẹt quá, không thể giúp chú được.

Nghe vậy, tôi chơi vơi, vội gượng cười một cách đau khổ và cảm thấy ngượng nghịu vô cùng vì từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ vay mượn ai. Chẳng còn biết nói gì thêm và lòng dạ rối như tơ vò, tôi ngơ ngác nhìn phòng khách sang trọng và nhìn đứa con út của bà ta mập ú như một cục bột, rồi từ từ đứng dậy cúi đầu chào ra về. Thiếu tướng Đồng nhìn tôi với ánh mắt ái ngại nhưng không nói câu gì. Lúc này, bà Đồng lại nói :

-Chẳng mấy khi chú đến đây, vậy ở lại chơi và mời chú ăn cơm trưa với chúng tôi.

Tôi nghĩ bụng, chỉ là lời nói đãi bôi mà thôi. Và tôi trả lời :

-Cảm ơn bà. Để khi khác.

Tôi lững thững ra cổng. Lúc này, mặc dầu tôi mặc thường phục, người lính gác cầm súng vẫn đứng nghiêm chào và thượng sĩ đội trưởng bảo vệ cũng giơ tay chào tôi một cách nghiêm chỉnh. Theo quán tính, tôi cũng giơ tay chào lại theo kiểu nhà binh. Đúng là một trò hề.

Đọc đường về, tôi miên man suy nghĩ, không biết chạy đâu ra số tiền bồi thường kia. Về đến Chi, tôi nói cho Trưởng Chi Nhiều biết tôi không thể nào có đủ tiền để bồi thường, nhờ y có cách nào giúp tôi trong lúc này. Nhiều ngẫm nghĩ một lát rồi nói :

-Anh đến Cầu Bông gặp bà xã tôi, có thể bà giúp anh được một phần nào.

Như chết đuối vớ phải bọt, tôi vội hỏi địa chỉ vợ bé của Nhiều và trưa hôm sau, tôi tìm đến đó. Vợ bé của Nhiều thường ra vào Chi Cảnh Sát Gò Vấp nên biết tôi. Khi tôi đến, bà ta niềm nở đón chào và mời vào nhà. Sau vài câu xã giao, tôi hỏi mượn 100 ngàn đồng. Mụ nhìn tôi lưỡng lự :

-Tôi chỉ có thể cho anh vay 20 ngàn thôi. Thời gian 4 tháng phải trả. Tiền lãi mỗi tháng 7 ngàn.

Tôi xin bớt lại mỗi tháng là 5 ngàn nhưng bà ta không chịu. Cuối cùng, tôi đành cầm bút ký vào giấy nợ. Số tiền vay mượn này chẳng vào đâu so với tổng số tiền bồi thường nhưng biết làm sao hơn trong lúc cùng quẫn này. Tôi cũng nghĩ đến bà con bên vợ tại xã Hiệp Hòa, Biên Hòa, nhưng nhận thấy ai cũng nghèo rách mồng tơi, nếu nói ra cũng vô ích.

Tôi đem 20 ngàn đồng về, đưa cho Nhiều coi và nói :

-Chỉ mượn được bấy nhiêu !

Nhiều mỉm cười :

-Bà là vậy đó. Không dám cho anh mượn nhiều vì lương tháng của anh chẳng được bao nhiêu. Còn những người buôn bán thì lại khác.

Sau đó, tôi nhờ Nhiều nói với Biên cho tôi thêm ít thời gian để tôi tìm kiếm bạn bè, người thân giúp đỡ. Nhiều nói :

-Anh cố xoay sở cho ra. Để lâu quá, ông Biên không chịu đâu và có thể ảnh hưởng đến tôi. Kẹt lắm !

Tôi như ngồi trên đồng lửa. Biết đâu mà xoay sở bây giờ, chẳng qua là kiếm cách khất lần đó thôi. Suốt thời gian hơn tuần lễ, ngày làm việc như mất hồn, đêm ngủ không được. Có đêm nằm mơ thấy mình trúng số độc đắc, có đêm mơ thấy nhặt được một túi đựng đầy bạc giấy. Nhưng chỉ là mộng mị, đến khi tỉnh giấc chỉ thêm buồn sầu nhiều hơn.

Tôi lại sức nghĩ đến Trần Văn Văn, ngày xưa cùng làm việc với tôi tại Bộ Tham Mưu Pháp ở Hà Nội nhưng hẳn chịu đi học khóa sĩ quan, sau đó chuyển sang quân đội VNCH, hiện nay cấp bậc đại tá, làm Chánh Văn Phòng Bộ Quốc Phòng. Tôi cũng biết hẳn bị thất sủng chứ cấp bậc ấy ít ra cũng được chỉ huy một trung đoàn hoặc tỉnh trưởng. Còn làm Chánh Văn Phòng chẳng qua chỉ là ngồi chơi xơi nước mà thôi. Vì thế, tôi chẳng hy vọng gì ở sự giúp đỡ của hắn.

Tôi chợt nhớ đến số tiền hưu trí từ tháng 8/1944 đến nay cũng đã được 25 năm công vụ, chắc cũng khá nhiều có thể đủ bồi thường cho số vở, ruột xe Honda. Thế là tôi đến Trần Văn Văn ở Bộ Quốc Phòng, nhờ hắn sao lục cho một bản Tướng Mạo Quân Vụ (Lý Lịch Quân Nhân) để làm hồ sơ xin rút hết tiền hưu trí. Hôm ấy tôi mượn chiếc xe Jeep của Chi Cảnh Sát Gò Vấp, tự lái vào Bộ Quốc Phòng. Khi đến cổng, tôi nói với đội trưởng bảo vệ muốn gặp đại tá Trần Văn Văn, và cho biết tên cùng đơn vị đang phục vụ của mình. Đội trưởng bảo vệ gọi điện thoại vào trong và sau đó hắn hướng dẫn tôi vào.

Khi gặp Trần Văn Văn, tuy xa nhau gần 15 năm, tôi thấy hắn vẫn không thay đổi cho lắm và có phần béo hơn trước. Với bộ quân phục kaki vàng, trên hai cầu vai đeo lon đại tá với ba bông mai màu trắng, trông hắn thật oai phong, lẫm liệt. Thấy tôi đến, Văn vội nhồm dậy và tươi cười hỏi :

-Bây giờ anh làm Trưởng Chi Cảnh Sát Gò Vấp phải không ?

Tôi nói :

-Trưởng Chi cái mẹ gì, làm Trưởng Ban Hành Chánh đó thôi !

Nghe tôi nói vậy, Văn có vẻ ngạc nhiên lắm. Tôi nói tiếp :

-Anh còn lạ gì mấy chuyện này ! Có phe cánh thì được làm Trưởng Ty, Trưởng Chi. Còn không có thì làm lính ! Thế thôi !

Văn hỏi :

-Sao anh không nói với Nguyễn Văn Vỹ, hiện là trung tướng làm Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng, nhờ ông giúp cho? Ông cũng là một sĩ quan chạy sang Trung Quốc với anh trong năm 1945 đó mà.

Tôi nói :

-Tôi biết lắm chứ. Ông nào làm gì mà tôi không biết nhưng anh còn lạ gì tánh tôi không thích câu lụy ai để vụ lợi. Hơn nữa, nếu tôi ham địa vị thì tôi đã đi học sĩ quan với anh hồi năm 1948 rồi, đâu phải làm một Thẩm Sát Viên quèn này !

Nghe tôi nói, Văn bật cười và nói rằng :

-Ồ, cũng đáng tiếc cho anh. Lúc đó tôi rủ anh làm đơn theo học khóa sĩ quan 6 tháng, anh không nghe. Tôi nghĩ anh nhát gan nên không rủ nữa. Anh thấy không, từ ngày tôi tốt nghiệp khóa sĩ quan đó đến nay, từ cấp chuẩn uy đến bây giờ tôi đâu có ra trận đâu ! Vì quân đội Việt Nam mới thành lập nên lúc trước ai làm ngành nào thì vẫn tiếp tục làm ngành ấy, do đó, tôi lại về Bộ Tham Mưu Quân Đội VNCH và cứ vài năm thăng cấp một lần. Bây giờ là đại tá rồi, anh thấy không ?

Nghe Văn kể lẽ thật tình, tôi nghĩ cũng tiếc! Ngày ấy, cứ nghĩ rằng học sĩ quan xong lại về hành quân, lại thấy những cảnh bất nhân, đau lòng như tôi đã chông báng tên đại đội trưởng Jobard, đã phải bỏ hết súng đạn tại mặt trận mà chạy thẳng về Bộ Tham Mưu Pháp... Thành ra tôi đã đánh mất một cơ may cho đời mình từ lúc đó để cuối cùng là nỗi oan khiên bây giờ ! Tuy vậy, tôi chỉ nói sơ qua về cuộc đời của mình từ 1948 đến nay cho Văn nghe nhưng không nói gì về chuyện bị mất vỏ, ruột xe Honda. Nói ra cũng chẳng ích gì. Bạn bè xa nhau gần 15 năm mới gặp lại mà nói nhờ vả, giúp đỡ tiền nong thì thấy thế nào ấy.

Văn lại nói :

-Anh có muốn đến thăm trung tướng Vỹ không ? Anh nên đến thăm ông một lần cho biết. Nếu muốn thì tôi đưa anh đến văn phòng. Còn muốn đến tư dinh thì ông ở gần công viên con rùa, quận I Sài Gòn.

Tôi nói :

-Bây giờ thì chưa muốn. Khi nào thuận tiện tôi sẽ đến thăm ở tư dinh sau. Còn bây giờ, nhờ anh cho tôi xin gấp một bản sao Tướng Mạo Quân Vụ để làm một việc rất cần.

Văn nói :

-Cái đó thì dễ thôi, anh cứ về đi. Ngày mai, làm xong, tôi sẽ cho người cầm đến Chi giao tận tay cho anh.

Sau một hồi hàn huyên, tâm sự cởi mở, chúng tôi chia tay. Văn tiễn tôi ra tận cửa và bắt tay một cách nhiệt tình. Bản chất người Tày rất thật tình, tôi quý Văn ở chỗ đó.

Đúng như lời Văn đã hứa, ngày hôm sau một trung sĩ do Văn phái đến đưa cho tôi một bản sao Tướng Mạo Quân Vụ do trung tá trưởng Phòng Nhân Viên Bộ Tổng Tham Mưu ký với con dấu đỏ chói. Với bản sao đó đính kèm với Đơn Xin Rút Tiền Hưu Trí, tôi đến Bộ Cựu Chiến Binh. Sau khi ngỏ ý xin gặp Tổng Trưởng với người bảo vệ cơ quan, tôi được cho vào gặp thiếu tướng Tổng Trưởng Phạm Văn Đồng. Thấy tôi vào, Đồng chỉ ghé, mời ngồi đối diện trước bàn giấy. Ông hỏi :

-Chú muốn việc gì ?

Tôi nói :

-Vì khổ quá nên em đến nhờ thiếu tướng cho nhân viên phân hành làm gấp thủ tục xin rút hết tiền hưu trí để bồi thường số tiền vỏ, ruột xe Honda mà em đã nói với thiếu tướng mấy hôm trước.

Nói xong, tôi đưa tờ đơn có kèm bản sao TMQV cho Đồng. Ông cầm xem và nói:

-Được, tôi sẽ cho làm gấp cho chú. Vậy sáng mai, chú đến nhận ngân phiếu rồi đến Ngân Hàng Quốc Gia rút tiền.

Tôi mừng quá và ra về ngay.

Sáng hôm sau, tôi lại đến văn phòng Tổng Trưởng. Người bảo vệ đã quen mặt nên lễ phép chào tôi và mời tôi vào ngay. Tổng Trưởng nói :

-Ngân phiếu đã làm xong, vậy chú xuống Phòng Kế Toán mà ký nhận đi.

Tôi vui mừng cảm ơn và đi vội xuống Phòng Kế Toán. Sau khi trình giấy căn cước với cô nhân viên phân hành, tôi được nhận tám ngân phiếu. Tôi nhìn thấy số tiền được nhận ghi trong ngân phiếu là 46.600 đồng ! Tôi nghĩ mình nhìn chưa rõ nên nhìn kỹ lại thì đúng như vậy, 46.600 đồng ! Bây giờ, tôi như người mất hồn. Với số tiền này thì đáng là bao nhiêu so với số tiền tôi phải đền bù là 300 ngàn ? Như thế, biết đào đâu ra bây giờ !

Tôi buồn bã ra Ngân Hàng Quốc Gia ở bên Chương Dương, Sài Gòn. Tại quầy phát tiền của ngân hàng, tôi thần thờ cầm tám ngân phiếu đưa cho cô phát ngân viên. Cô này cầm lấy và hỏi :

-Xin ông cho xem thẻ căn cước.

Tôi lấy ra thẻ căn cước đưa cho cô. Sau khi đối chiếu đúng tên họ trong ngân phiếu, cô làm giấy tờ gì đó rồi đếm tiền và đưa cho tôi 46.600 đồng. Tôi nhận tiền và ký tên vào một cuốn sổ của ngân hàng. Tôi ký như một cái máy, chẳng buồn nhìn kỹ trong sổ ghi những gì. Thật là chán nản với số tiền hưu trí của 25 năm công vụ. Tôi cầm số tiền về đưa cho Trương Chi Nhiều. Ông ta nói :

-Tiền hưu chỉ có 46 ngàn thôi à ?

Tôi gật đầu chẳng nói thêm câu nào. Nhiều có vẻ nghi ngờ tôi nói dối. Thấy thế, tôi phải nói :

-Thật vậy, chỉ có 46.600 đồng. Nhưng tôi chỉ giữ lại 600 đồng. Nếu không tin, anh cứ điện cho ngân hàng thì biết.

Nhiều lại hỏi :

-Anh được bao nhiêu năm công vụ ?

Tôi nói :

-25 năm.

Nhiều chặc lưỡi :

-25 năm mà chỉ có 46.600 đồng. Vậy tôi đến tuổi hưu trí chẳng biết mỗi tháng được lãnh bao nhiêu đây !

Với số tiền 600 đồng còn lại, đầu óc tôi quay cuồng. Tôi bèn cầu may đi ra các sạp bán vé số kiến thiết xung quanh chợ Gò Vấp, Ngã Năm Quận Khuyền mua hết số tiền đó.

Hôm ấy là ngày thứ năm. Thời gian ấy, vé số mỗi tuần xổ một lần trong ngày thứ bảy. Trong hai ngày chờ đợi, tôi cầu Trời, Phật, Tổ Tiên, Ông Bà phù hộ cho tôi trúng số độc đắc vào chiều thứ bảy tới. Lô độc đắc là 1 triệu đồng. Nếu trúng được lô ấy, tôi sẽ giải quyết hết nỗi cùng cực và còn giàu to. Hai ngày đêm chờ đợi sao mà thấy nó lâu quá! Đêm nào tôi cũng lâm lâm nhâm nhâm vái tổ tiên, ông bà và những người khuất mày, khuất mặt phù hộ cho tôi được trúng độc

đắc. Hai đêm thao thức chập chờn, mộng mị nhưng sau khi tỉnh dậy, tôi không thể nhớ mình đã thấy gì. Có lẽ giấc ngủ không sâu nên giấc mơ không rõ, chỉ thấy mệt mỏi, lừ đừ khi tỉnh dậy!

Đến ngày thứ bảy, tôi thấp thỏm chờ giờ mở số. Mà ngày hôm ấy sao mà dài thế! Đúng 5 giờ 15 phút chiều, tôi bỏ về phòng riêng trong cư xá và vặn cái radio nhỏ hiệu Sony. Lúc này, nghe khúc dạo đầu và tiếng hát của Trần Văn Trạch lòng tôi cũng lâng lâng vui lây và âm thầm hy vọng. Tôi cầm sẵn cây bút để ghi kết quả. Sau khi bài hát vừa dứt, cuộc xổ số bắt đầu. Tôi nóng ruột khi phải nghe xướng ngôn viên giới thiệu thành phần ban giám sát mà phát ghét. Sau đó, cuộc xổ số mới thực sự bắt đầu. Tất cả con số trúng giải, tôi lần lượt ghi hết vào một miếng giấy và sau đó, tôi đem tập vé số ra dò. Kết quả : tôi chỉ trúng được một vé với lô trúng nhỏ nhất (lô 2 con số)! Thật là tuyệt vọng. Tôi cầm vé trúng ấy mà lòng dạ ngổn ngang. Định xé vát đi cho bỏ ghét nhưng không dám vì lúc này, đồng tiền đối với tôi rất quan trọng.

Trong hai tuần lễ sau đó, hằng ngày tôi lên văn phòng làm việc như người mất trí, buồn bã chẳng muốn nói chuyện với ai, đầu óc lúc nào cũng nghĩ đến số tiền đền bù vỏ ruột xe Honda. Vài ba ngày, Trương Chi Nhiều lại đến hỏi thúc. Tôi cũng chẳng biết nói sao và khất lần. Ông lại nhắc đến số tiền mà tôi đã vay lãi của vợ bé ông đã hết hạn. Tính ra tôi đã trả được 3 tháng tiền lãi cho vợ y là 21 ngàn, quá con số 20 ngàn tiền gốc mà bà ta cho tôi vay. Thật là bối rối.

Tôi lại nghĩ đến trung tướng Nguyễn Văn Vỹ, Tổng Trưởng Quốc Phòng Quân Đội VNCH. Mặc dù ông này không quen tôi nhưng tôi nghĩ, ông cũng là 1 sĩ quan trong quân đội Pháp và có chạy sang Trung Quốc vào năm 1945 khi Nhật đảo chánh Pháp nhưng ở đơn vị khác. Tôi đắn đo mãi, không biết nên đi hay không. Cuối cùng, túng thế tôi cũng liều đi một phen xem sao. Thế là sáng chủ nhật kế đó, tôi đến tư thất của ông gần công viên Con Rùa, quận I, Sài Gòn.

Sau khi tiếp xúc với thượng sĩ bảo vệ, tôi được cho vào. Khi vừa đến phòng khách, tôi thấy trung tướng lững thững từ trên lầu đi xuống với bộ thường phục, quần tây dài màu vàng lọt và áo sơ mi trắng ngắn tay. Thấy tôi, ông nhìn chăm chăm. Tôi vội cúi đầu chào lễ phép. Ông chỉ tôi ngồi xuống ghé salon và ông cũng ngồi xuống ghé bên cạnh. Tôi nhìn ông, thấy vẻ mặt hiền từ nhưng hàm răng trên bị hư 2 cái răng cửa. Tôi thoáng nghĩ, một trung tướng Tổng Trưởng Quốc Phòng mà hàm răng lại như vậy ? Chợt ông nói :

-Anh muốn hỏi tôi việc gì ?

Tôi nói :

-Tôi là cựu trung sĩ quân đội Pháp hồi trước và tôi cũng có chạy sang Trung Quốc vào năm 1945 khi Nhật đảo chánh. Tôi cũng được biết trung tướng nhưng không cùng đơn vị. Nay có dịp đến Bộ Quốc Phòng thì được đại tá Trần Văn Văn nói cho biết trung tướng ở đây, nên tôi mới vào thăm và cũng muốn nhờ trung tướng giúp đỡ.

Nghe tôi nói, ông nhìn xuống chân tôi. Lúc ấy tôi đi đôi giày da đen, loại không dây, và đôi vớ có màu lợt lợt của anh tôi cho. Nhỡ ra tôi nên mang đôi vớ màu đen như thường lệ nhưng hôm đó tôi đã vô tình mang đôi vớ ấy.

Vừa nghe tôi nói câu, “nhờ trung tướng giúp đỡ” thì ông cau mặt và đứng dậy có vẻ hằn học rồi bỏ đi lên lầu một cách bất lịch sự. Tôi nghĩ, ông ta cho tôi là người không đàng hoàng nên không thèm tiếp và bỏ đi như vậy. Tôi sững sờ chẳng biết nói sao và đứng dậy ra về, lòng buồn phiền, nhục nhã vô hạn. Từ nỗi buồn phiền này, tôi đâm ra oán trách bọn sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp cũ là loại bất nghĩa. Dù gì, tôi cũng một thời đi với các ông ấy sang Trung Quốc thời Nhật đảo chánh. Nói đúng ra, cũng là đồng chí hay đồng đội. Nếu họ có tình có nghĩa thì nên giúp đỡ tôi mới phải, đảng này đã không lại còn tỏ vẻ khinh bỉ khi tôi trong con đường cùng phải tìm đến cầu may. Thật là tệ bạc ! Sau này khi đã bình tâm, tôi thấy tôi hơi quá đáng khi oán trách người ta như vậy. Bà con dòng họ còn chưa giúp nhau được, huống hồ chỉ là kẻ lạ, người dưng. Tôi lúc đó chẳng khác gì một con thú bị thương điên cuồng.

Tôi trở về Chi Cảnh Sát Gò Vấp với một tâm trạng chán nản thì Trưởng Chi Nhiều lại đến nói :

-Nếu trong tháng này mà anh không trả hết tiền thì ông Biên, cựu Tổng Giám Đốc Cảnh Sát sẽ làm đơn kiện anh ra tòa. Anh phải lo ngay đi, nếu không thì phiền hà lắm đấy.

Tôi suy nghĩ mãi, biết rằng bọn này mà tức giận thế nào cũng lôi thôi to. Nếu họ đưa ra tòa thì mình sẽ bị tạm giữ hoặc bị vài ba tháng tù. Lúc ấy thì vợ con có thể chết đói hoặc đi ăn mày chó chẳng chơi! Nếu mình có người vợ biết buôn bán, làm ăn thì không lo. Đằng này bà vợ chẳng biết làm ăn, buôn bán gì cả, lương tháng nào xài hết tháng ấy, khi thiếu lại phải nhờ đến ông anh giúp đỡ. Đã thế, số tiền hưu trí đã lấy ra hết rồi. Bây giờ chỉ còn có cách đào ngũ còn hơn bị tù tội, chẳng làm sao nuôi được vợ con. Tôi lại nghĩ, đời binh nghiệp của mình theo Tây, theo Quốc Gia tất cả hơn 25 năm mà lại đào ngũ, như thế thế giới chỉ có mình là một! Nhưng biết làm sao ? Thế là tôi quyết định rời bỏ nhiệm sở vào đầu năm 1971. Trước khi đi, tôi cho hai thằng con trai Trung và Nghĩa về Biên Hòa sau khi rút hồ sơ học bạ của chúng tại Gò Vấp và dặn chúng về Biên Hòa phải đi học tiếp. Thật là tội nghiệp, hai thằng con ngây thơ ngơ ngác nhìn tôi không nói gì. Thấy vậy, tôi nói dối cho chúng yên lòng :

-Ba phải đi chỗ khác, không ở đây nữa.

Tôi đưa cho chúng hai cuốn học bạ và gói áo quần, đồng thời đưa 15 ngàn đồng đem về cho mẹ chúng. Số tiền này là tiền lương mới lãnh, tôi chỉ để lại 6 ngàn. Sau đó, gọi xe ôm đưa chúng ra bến xe Liên Hiệp để về Biên Hòa.

Chiều hôm ấy, tôi về nhà anh tôi ở cư xá Cao Đài, đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Tôi trình bày tất cả sự việc cho anh tôi nghe. Anh nhìn tôi rơm rớm nước mắt và nói :

-Thật khổ cho chú và vợ con chú. Anh chẳng biết làm sao cứu chú bây giờ.

Tôi cũng xúc động và ứa nước mắt , nói :

-Cũng là số phận biết làm sao hơn !

Anh tôi nói :

-Thế bây giờ chú định làm gì và ở đâu ?

Tôi đáp :

-Hiện bây giờ em chẳng biết làm gì. Còn ở thì em ở nhờ chỗ anh 1 tuần lễ nữa vì thời gian mà bọn Cảnh Sát truy tầm em đào ngũ cũng phải cả tuần lễ nữa mới bắt đầu. Thời gian này, em sẽ đi xuống Sài Gòn Chợ Lớn để tìm một việc làm thích hợp. Và sau đó, tiện chỗ nào thì em sẽ ngủ chỗ đó ban đêm.

Tôi chuẩn bị hành trang, hai bộ quần áo thường phục và một số lật vặt khác như kem, bàn chải đánh răng, dao cạo râu và một miếng vải thô màu xám tro dài 2 thước rộng 8 tấc để làm mền. Những đồ này tôi xếp gọn vào một túi xách bằng vải simili. Tôi dặn anh Đăng hai tuần lễ nữa, anh đi Biên Hòa biểu vợ tôi mỗi chủ nhật từ 11 giờ trưa đến 2 giờ chiều, mục cho một đứa con đi xe đò Liên Hiệp đến bến xe An Đông. Tôi sẽ chờ nó ở đó và nếu có tiền, tôi sẽ gọi về.

Ở nhà anh Đăng ra, tôi đón xe Lam đi đến bến xe Chợ Lớn với bộ thường phục, quần tây dài màu xám tro, áo sơ mi tay ngắn màu vàng lọt, giày da đen, đầu đội mũ lưỡi trai cũng màu vàng lọt, vai đeo túi xách màu nâu. Đến nơi, tôi thần thơ đi vào các dãy phố như người du lịch, ngơ ngác nhìn các cửa hiệu buôn bán tạp hóa đủ loại, quán ăn, quán nước...Phố nào cũng như phố nào, trên các nẻo đường xe cộ qua lại ngược xuôi, trên các hè phố người ta đi lại đông đảo và chen lấn nhau. Hình như mọi người đều vội vàng, tất bật. Đi mãi cũng mỏi chân, tôi ghé vào một quán cà phê trên đường Lãn Ông. Trong quán đã có khá đông khách. Tôi vừa ngồi xuống thì một phụ nữ người Hoa, vẻ mặt vui tươi niềm nở hỏi tôi :

-Uống cà phê hay nước ngọt ?

Tôi nói :

-Làm cho tôi một ly trà đá.

Nghe tôi nói, bà ta tỏ vẻ không vui và quay vào, loay hoay một lúc rồi bùng ra đặt trước mặt tôi một cách lơ là. Tôi hiểu bà này coi tôi chẳng ra gì nhưng vì trời nắng mà đi bộ qua nhiều dãy phố đông đúc, mồ hôi nhễ nhại nên tôi phải ghé vào đây để nghỉ chân được dài thêm một chút. Và hôm ấy, ly trà đá sao mà ngon thế ! Ngồi được chừng 15 phút, ly trà đá cũng cạn. Tôi đứng dậy đến quầy trả tiền rồi lững thững quay ra phố. Trong khi đi, tôi ngó nhìn các tiệm tạp hóa và cố tìm ra một món gì có thể mua đem bán dạo kiếm lời. Tôi bước vào một tiệm tạp hóa lớn. Tiệm này có rất nhiều món hàng. Tôi thấy trên kệ bày một số hộp dao lam cạo râu, hộp màu đỏ tím in hình một người đàn ông Ấn Độ trông giống như Tây đen. Tôi hỏi người bán hàng :

-Thứ này giá cả bao nhiêu ?

Người bán hàng nói :

-Đây là dao cạo râu hiệu Ấn Độ gồm có 100 lưỡi đựng trong 10 gói nhỏ, mỗi gói 10 lưỡi. Bán sỉ thì 2 ngàn đồng một hộp. Bán lẻ thì 250 đồng một gói.

Tôi tính thầm, nếu bán lẻ hết một hộp thì lời được 500 đồng. Món hàng này thích hợp cho mình đi bán dạo đây ! Tôi bèn mua thử một gói nhưng lòng hoài nghi quá, chẳng biết sẽ bán được hay không ? Hơn nữa, tôi vốn là người e thẹn nhưng đến nước này phải liều vậy thôi.

Tôi cầm gói dao lam bước ra khỏi tiệm, lững thững đi trên hè phố, ngắm nghía hình người Ấn Độ và hàng chữ bằng tiếng Anh. Thật là đến lúc cùng đường và gần như có sự phù hộ nào đó khiến tôi tự nhiên nghĩ ra phải nói dối là dao cạo của Mỹ rất bán để bán cho dễ. Tôi cầm gói dao cạo mời mua một cách ngượng ngùng những người đàn ông lớn tuổi, nhất là những người có râu lởm chồm. Có người chỉ liếc qua, không trả lời. Có người cầm lấy ngắm nghía và hỏi:

-Dao này của nước nào? ”.

Tôi nói :

-Dao của Mỹ !

Ông ta mân mê một lúc rồi hỏi :

-Giá bao nhiêu ?

Tôi đáp :

-Mỗi gói 10 lưỡi giá 250 đồng.

Ông ta hỏi :

-Có bán lẻ từng lưỡi không ?

Tôi lắc đầu. Chân chừ một lúc, ông móc túi lấy 250 đồng mua một gói. Tôi mừng thấp thỏm vì lần đầu tiên bán được món hàng. Cứ như vậy, tôi thùng thảng đi hết phố này qua phố khác. Có một ông chừng 40 tuổi, khi tôi chìa ra gói dao cạo, ông cầm lấy xem và nói :

-Hàng này là của Ấn Độ, dở lắm ! Chỉ cạo một lần là vất đi. Người có râu cứng thì cạo một lần cũng không được!

Tôi bạo dạn trả lời :

-Cạo một lần cũng được, vì giá rẻ !

Ông ta nhìn tôi, lắc đầu không mua. Tôi lại vừa đi vừa mời chào những người đàn ông có râu lởm chồm. Bỗng nhiên có một phụ nữ trạc 30 tuổi hỏi tôi :

-Giá bao nhiêu ?

Tôi ngạc nhiên, nghĩ rằng bà ta nói đùa, nhưng vẫn nói cho bà ta biết giá. Rốt cuộc bà này mua một gói. Tôi nhìn bà và hỏi :

-Bà mua về cho ông nhà dùng phải không ?

Bà bủ môi nói :

-Ông nhà tôi đâu có dùng dao này ! Tiện đây tôi mua về để cạo lông mày và lông mặt.

Thế là tôi lại được thêm một mối tiêu thụ. Và kể từ lúc ấy, tôi mời chào tất cả đàn ông, đàn bà ngoại trừ con nít. Suốt buổi sáng hôm ấy, tôi đi qua biết bao phố quanh vùng bến xe Chợ Lớn nhưng chẳng để ý tên các con đường. Mỗi khi mỏi chân hay khát nước, tôi chỉ ghé vào những bàn bán đồ giải khát bày trên vỉa hè, gọi một ly trà đá. Đến khi đỡ mệt, tôi lại tiếp tục đi bán dạo. Chỉ hơn hai tiếng đồng hồ trên hè phố, tôi đã bạo dạn dần chớ không rụt rè như buổi sáng mới đến đây. Khoảng 1 giờ trưa, hè phố đã bớt người qua lại, tôi thấy đói bụng bèn ghé vào một quán cơm bình dân trên vỉa hè. Tôi nhìn vào kệ bày các món ăn, thịt, cá, rau củ đủ loại nhưng không biết giá bao nhiêu. Bà chủ quán, trạc tuổi trên 40, thân hình đầy đặn, mặt như láng mỡ, cô có nọng, hỏi tôi :

-Chú muốn ăn cơm đĩa hay cơm phần ?

Tôi nói :

-Cơm đĩa, loại rẻ nhất.

Bà nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên vì thấy tôi ăn mặc chỉnh tề, chân đi đôi giày da đen, nên bà cho tôi không phải là hạng người nghèo. Thoảng vẻ ngờ ngàng, bà chủ quán nói:

-Có món cơm rẻ nhất là đậu hũ kho nhồi thịt.

Tôi gạt đầu và ngồi xuống một bàn còn trống. Không đầy 3 phút, người con gái chừng 14, 15 tuổi bung ra một đĩa cơm có hai miếng đậu hũ, phủ trên mặt là vài ba miếng cà chua mỏng lét. Thêm vào đó là một chén canh chua rau muống nhỏ. Tôi định gọi ly trà đá nhưng một khách ăn ngồi cạnh, bảo :

-Nước trà đá đựng trong xô đấy, tha hồ uống khỏi mua.

Thế là tôi ăn uống ngấu nghiến và nhận thấy khá ngon. Tôi vét sạch đĩa chẳng còn một hột nào mà vẫn thấy còn hơi đói. Cô bé nói :

-Ông muốn ăn cơm thêm không ?

Tôi gạt đầu. Và một chén cơm có chan một ít nước thịt kho lại được mang đến và chỉ loáng một cái, tôi đã ăn hết. Cô bé lại hỏi :

-Ông ăn cơm thêm nữa không ?

Tôi thấy ngượng nên lắc đầu mặc dù còn có thể ăn hai chén nữa. Sau đó, tôi múc đầy ly trà đá và thủng thủng uống từng hớp để kéo dài thời gian nghỉ ngơi.

Hơi nắng hừng hực từ mặt đường hắt vào làm tôi khó chịu. Tôi đứng dậy trả tiền và tiếp tục bán dạo về bến xe Chợ Lớn. Đến bến xe, tôi thấy xe cộ ra vào tấp nập, hành khách ngồi trên xe chờ xe chạy cũng như hành khách dưới bến rất đông. Tôi nhập vào đoàn những người bán dạo. Dù hạng tuổi và đủ loại món hàng. Một anh bán dạo thấy tôi chỉ cầm một hộp dao lam thì mỉm cười và nói :

-Bộ hết đồ bán rồi hay sao mà lại bán lưỡi lam, tính cho thiên hạ cắt cỏ tự tử hả ?

Nghe anh ta nói vậy, từ hành khách đến đám bán dạo đều cười ồ. Một cô gái bụng khay kẹo bánh lại nói :

-Ông này đi giày da mà bán dạo coi oai vệ quá !

Những câu châm chọc làm tôi ngượng và nhìn xuống đôi giày mình đang mang càng lúng túng thêm. Tôi định bụng sẽ mua một đôi dép cao su thay thế để người ta khỏi cười. Buổi sáng hôm nay khi ra đi, tôi chỉ nghĩ là đi xem tình hình buôn bán ra sao chớ tôi đâu có ngờ bán dạo cạo râu như thế này. Tôi lui sang một góc khác để tránh những con mắt dòm ngó và chế nhạo của đám bán dạo và tiếp tục bán thêm được 4 gói dao nữa. Thật là mệt mỏi dưới cái nắng gay gắt của mặt trời làm mồ hôi tôi toát ra ướt đẫm cả lưng áo. Tôi lững thững đi về hướng chợ Kim Biên, tìm đến chỗ bán dép cao su và chọn một đôi màu nâu để thay thế đôi giày da đang đi.

Tôi đi hết gian hàng này đến gian hàng khác, thấy hàng hóa choán ngập đủ loại, từ cây kim sợi chỉ đến máy móc kèn cồng đều có. Tôi nghĩ trong hoàn cảnh của tôi chỉ có thể bán những hàng nhỏ gọn chứ không thể bán hàng kèn cồng hay ngồi tại chỗ nhưng biết tìm loại hàng nào bây giờ? Chợt đi qua một sạp trước cửa có treo lủng lẳng những viên đá lửa màu đỏ gắn vào những vĩ ni lông màu vàng. Tôi dừng lại và chăm chú nhìn. Người chủ sạp vội hỏi:

-Ông mua đá lửa phải không?

Tôi ậm ừ, không dám trả lời. Người chủ sạp lại nói:

-Ông mua sỉ về bán có lời nhiều lắm. Mỗi dây là 12 vĩ, mỗi vĩ 10 viên.

Cuối cùng, tôi mua một dây (12 vĩ). Lúc này đã hơn 4 giờ chiều, hộp dao lam còn 2 gói và người đã thấy khá mệt mỏi, tôi lại đến cửa hàng hồ sáng mua thêm một hộp dao nữa rồi tìm đến bến xe lam Chợ Lớn-Gò Vấp để đi về nhà anh tôi. Khi đến bến xe về Gò Vấp, một số tài xế quen mặt chào hỏi tôi một cách lễ phép. Có người hỏi:

-Hôm nay ông đi đâu mà không đi bằng công xa của Chi Cảnh Sát?

Tôi đành phải nói dối là có việc riêng đi thăm người quen. Một tài xế mời tôi lên ngồi phía trước. Nhìn xuống chân thấy tôi đi dép cao su, hắn có vẻ ngạc nhiên:

-Hôm nay ông không đi giày sao?

Tôi nói:

-Vi không mặc sắc phục nên đi dép cho mát chân.

May mà đôi giày tôi đã nhét vào túi xách, nếu không sẽ nói làm sao đây? Tôi lại nghĩ, sự đào nhiệm của tôi chỉ một tuần lễ nữa thì ai cũng biết nhất là đám xe lam Gò Vấp, nhiều người biết tôi. Tôi tự nhủ, từ nay sẽ không bao giờ đến bến xe nữa, sợ gặp tài xế quen mặt thì thế nào cũng lòi ra chuyện bán dạo của mình. Tôi dặn đến ngã ba Nguyễn Huệ thì cho xuống. Thấy tôi có vẻ mệt nên tài xế chẳng nói gì nữa.

Đến ngã ba Nguyễn Huệ, xe ngừng lại, tôi bước xuống và lấy tiền trả. Tài xế mỉm cười nói:

-Chẳng mấy khi ông Trưởng đi, em không lấy tiền đâu.

Tôi còn đang lúng túng thì tài xế lái xe vọt đi. Tôi nghĩ bụng, chỉ là lỗi ngoại giao của các tài xế lái xe chuyên chở công cộng, thôi cũng đành hàm ơn một lần. Tôi lại xót xa khi họ vẫn gọi tôi là ông Trưởng vì mỗi khi vào Chi nộp phạt vì cảnh họ đều gọi tôi như vậy.

Về đến nhà, chị dâu của tôi còn đang lúi húi nấu ăn trong bếp. Chị quay ra hỏi:

-Chú đi đâu từ sáng đến giờ, sao không thấy về ăn cơm trưa?

Tôi nói:

-Em đi Chợ Lớn tìm món hàng nào gọn nhẹ để có thể đi bán dạo.

Chị ngần ngại nhìn tôi, có vẻ thương hại và nói:

-Xưa nay chú có bao giờ đi bán dạo đâu!

Tôi ậm ừ cho qua vì chưa tiện nói. Sau khi tắm rửa xong, anh tôi cũng vừa đi làm về. Tôi biết vì tôi mà anh buồn bã nên thấy nét mặt anh âu sầu, tôi càng thêm ái ngại. Trong bữa cơm chiều hôm ấy, trên bàn ăn chẳng ai nói câu gì. Anh tôi liếc nhìn tôi có vẻ thăm dò. Một lúc sau, chị dâu nói:

-Chú bảo chú xuống Chợ Lớn tìm hàng bán dạo đấy.

Anh tôi trở mặt nhìn. Tôi gật đầu và kể lại chuyện buổi sáng đi bán dạo dao lam. Nghe xong, anh Đấng bật cười và nói:

-Như thế làm sao chú đủ nuôi gia đình và cho các cháu đi học được?

Tôi nói:

-Mới có một ngày tập sự, em sẽ cố gắng tìm hàng khác để bán hơn. Và chỉ còn con đường buôn bán dạo mới có thể sống còn. Ngày hôm nay là ngày thứ nhất, em đã biết khá nhiều cách thức và bạo dạn hơn.

Chị dâu chột kêu lên:

-Giê Su Ma, cầu xin Chúa ban phước lành cho chú.

Chị là một con chiên ngoan đạo nên tôi hiểu lời cầu xin này phát xuất từ đáy lòng chân thật của chị. Sau đó, chẳng còn gì để nói, mỗi người đắm chìm trong những suy tư riêng của mình.

Suốt ngày bán dạo mệt mỏi, đêm đó tôi đi ngủ sớm và tỉnh dậy vào khoảng 3 giờ sáng. Nỗi trăn trở buồn chán lại tiếp tục dày vò tâm hồn tôi. Tôi lại nghĩ đến việc bán dao cạo trong ngày hôm qua. Bỗng nhiên, tôi nảy ra một sáng kiến : kèm đá lửa vào dao lam, bán dao lam lấy lời, bán đá lửa bằng vốn, 2 thứ cộng lại vẫn còn lời một nửa. Suy đi nghĩ lại đến 5 giờ sáng vẫn không ngủ được, và tôi quyết định phải làm như vậy vì thời gian này ai cũng cần đá lửa cho quẹt lửa.

Thấy tôi lục đục đánh răng, rửa mặt, anh tôi cũng dậy, hỏi :

-Chú tính đi đâu ?

Tôi đáp :

-Em đi bán dạo như hôm qua.

Anh nói :

-Chú chờ anh một lúc, anh sẽ đèo chú đi. Chú khỏi cần đi xe lam.

Chừng 15 phút sau, anh tôi đèo tôi bằng chiếc Vespa hàng ngày anh đi làm. Chúng tôi đến ngã 6 Sài Gòn lúc trời còn sớm. Anh dẫn tôi vào một tiệm phở, kêu 2 bát tái gàu. Trong khi ăn, lòng tôi bồn chồn chỉ nghĩ đến việc bán dạo sắp tới nên ngấu ngiến cho mau, chẳng cần thưởng thức hương vị của bát phở. Sau đó anh tôi trở về và tôi lững thững cầm hộp dao lam và dây đá lửa hướng về Chợ Lớn. Lúc này trên hè phố đã có lác đác người qua lại, tôi mời chào với tiếng nói khe khẽ, “dao lam, đá lửa, một cặp chỉ 300 đồng”, khi muốn bán cho người nào đó. Cung cách này làm tôi phấn khởi vì từ ngã 6 đến đường Lãn Ông Chợ Lớn, tôi đã bán hết 12 gói dao lam và 12 vĩ đá lửa. Có lẽ họ cho là tôi bán rẻ hơn các nơi khác. Lúc này đã hơn 8 giờ sáng, tôi vội đến tiệm tạp hoá mua thêm 3 hộp dao lam và từ đây lại đi đến chợ Kim Biên mua thêm 3 dây đá lửa. Tôi lại tiếp tục rong ruổi bán dạo trên hè phố, hết phố này đến phố khác. Hình như cũng có người biết mảnh lối của tôi, họ chỉ hỏi mua riêng đá lửa hoặc dao lam chứ không mua cả cặp. Tôi lắc đầu từ chối.

Đến trưa, tôi đã bán hết 16 gói dao lam và 16 vĩ đá lửa. Cảm thấy hơi mệt và đói, tôi bèn đến một quán cơm bình dân gần Chợ Thiếc kêu một đĩa cơm hột vịt kho thịt, ngấu ngiến ăn cho mau và uống một ly trà đá. Tôi chỉ ngồi chừng 5 phút và trả tiền cơm rồi tiếp tục đi bán dạo. Lúc này trên hè phố đã bớt đông người, và tôi muốn nghỉ ngơi một chút cho đỡ mệt vào buổi trưa nắng nóng. Tôi tìm hướng về công viên đường Lãn Ông, chỗ đó có những ghế đá đặt dưới những tàng cây mát mẻ, có thể ngồi hay nằm thoải mái. Thế mà từ Chợ Thiếc đến công viên đường Lãn Ông tôi cũng bán được 6 hộp dao lam và 6 vĩ đá lửa. Lúc này công viên cũng ít người, chỉ có vài đứa nhỏ bán vé số và vài ba chị bán tàu hủ, sữa đậu nành. Tôi tìm một chiếc ghế đá còn trống nằm xuống nghỉ ngơi thật thoải mái, tuy vậy tôi không dám ngủ vì sợ mất cắp. Tôi chong mắt nhìn lên tàng cây suy nghĩ vẫn vơ. Được chừng 10 phút sau có một thằng bé bán vé số khoảng 13, 14 tuổi lân la đến, tay nó cầm một xấp vé số mời tôi mua. Tôi lắc đầu. Nó tò mò nhìn tôi hỏi :

-Chú bán dạo dao lam đá lửa hả?

Tôi gật đầu. Nó nói :

-Sao chú không đem vào chợ bán cho các bà bán thịt heo để cạo lông heo ?
Nghe thế, tôi vội nhồm dậy và nói :

- Sao em biết ?

Nó nói :

-Con thường vào chợ bán vé số và thấy mấy bà bán thịt thường hay lấy dao lam cạo lông heo. Chú thử vào đó bán xem.

Thế là lại thêm một mối. Nghỉ ngơi đến khoảng giờ chiều, tôi thùng thảng bán dạo từ công viên Lăn Ông hướng về chợ Bình Tây. Từ đây đến chợ Bình Tây, tôi cũng bán được 5 cặp dao lam, đá lửa. Tôi hỏi thăm tìm đến chỗ bán thịt heo và mời họ mua. Có người chỉ mua dao chớ không mua đá lửa, tôi cũng chịu ý. Còn những người đi chợ thì tôi bán cả cặp. Có bà bán thịt nói :

-Mỗi tuần ông đem đến một lần, chúng tôi mua một gói xài một tuần lẽ là vừa.

Tôi lại trở ra tiếp tục bán dạo xung quanh chợ Bình Tây. Đến gần chiều, tôi đã bán hết số dao lam, chỉ còn 8 vĩ đá lửa. Tôi đến chợ Kim Biên mua thêm 5 dây đá lửa nữa và lần về tiệm tạp hóa mua thêm 5 hộp dao lam. Sau đó, tôi lại tiếp tục bán dạo, và chỉ khi nào thấy mỗi chân thì mới ghé lại quán, kêu ly trà đá nhâm nhi để ngồi nghỉ đỡ mệt. Hơn 5 giờ chiều thì tôi bán hết 2 hộp dao và 20 vĩ đá lửa. Mà lạ thay, chỉ loanh quanh từ chợ Thiếc đến chợ Bình Tây mà tôi vẫn bán được. Thế mới biết khách thập phương qua lại rất đông. Tôi định mua thêm để bán tiếp ngày mai nhưng nghĩ lại chẳng vội gì. Thế là tôi hỏi thăm đường xe lam về Gò Vấp chạy ngang qua để đón dọc đường chớ không vào bến xe. Được người chỉ, tôi tìm ra đường Nguyễn Kim gần hăng bia 33, rồi đón xe lam về nhà anh tôi. Trên xe đã đầy người nhưng khi tôi ngoắc tay, tài xế cũng rà rà ngừng lại cho tôi lên. Có lẽ đi bán suốt 2 ngày trên hè phố nóng nên nước da tôi xạm nắng và đầu đội nón lưỡi trai xụp xuống mắt nên tài xế không nhận ra. Thế mà lại tốt ! Và tôi quyết định từ nay về Gò Vấp, tôi chỉ đón xe dọc đường cho an toàn.

Chiều hôm ấy, trong bữa ăn tối, tôi nói việc buôn bán của tôi cho anh chị tôi nghe. Hai người đều có vẻ thích thú. Anh Đăng trong lúc vui vẻ, đặt cho tôi một cái tên mới là Chú Thòng, vì quê tôi trước kia có một người Hoa tên là Thòng thường buôn bán lật vặt và khôn ngoan lắm. Bây giờ anh tôi đặt tên cho tôi như thế để lấy hên. Kể từ ấy, mỗi khi tôi về đến nhà thì anh đều la lên, “Chú Thòng đến!”. Câu này có vẻ chế diễu nhưng lại thấy vui và gợi nhớ cho tôi một tình cảm làng quê ngày trước.

Sáng sớm hôm sau, anh tôi lại đèo tôi ra Ngã Sáu Sài Gòn, đưa tôi vào quán phở hôm trước. Sau khi ăn xong, anh tôi đi làm, tôi lững thững bước ra khỏi quán, móc trong túi xách ra một dây đá lửa và một hộp dao lam, bắt đầu bán dạo trên hè phố hướng về Chợ Lớn. Đến chừng 9 giờ sáng, tôi đã bán được 5 gói dao và 5 vĩ đá lửa. Tôi lại vào chợ Thiếc, tìm đến chỗ bán thịt heo. Nơi đây, tôi bán được 5 gói dao cho các bà bán thịt. Cũng như ở chợ Bình Tây, mấy bà ở chợ này cũng dặn mỗi tuần đem đến một gói là đủ. Tôi nghĩ bụng, sẽ đi khắp các chợ vùng Chợ Lớn, Sài Gòn để bán món hàng này. Từ chợ Thiếc, tôi bán lần lần đến tiệm tạp hóa, mua thêm 5 hộp dao lam. Người tài phú thấy vậy nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên và hỏi :

-Chú làm sao mà bán lẹ như vậy ? Thùng này là 100 hộp, hiệu tôi bán trên 4 tháng nay chưa hết 10 hộp. Thế mà chỉ trong mấy ngày, chú đã bán trên 10 hộp rồi !

Tôi mỉm cười nói :

-Tôi có cách.

Người tài phú lại nói :

- Hiệu tôi còn nhiều món hàng khác, sao chú không mua mà chỉ mua dao lam ?

Giọng người tài phú nói tiếng Việt nghe lơ lơ nhưng tôi cũng hiểu được. Tôi nói :

-Lúc này tôi chỉ cần bán dao lam và đá lửa. Những thứ khác thì chưa cần đến.

Tôi giờ đây đá lửa cho y xem và hỏi :

-Hiệu ông sao không bán đá lửa ?

Y nói:

-Hiệu tôi chưa có hàng này. Nếu chú cần, ít bữa nữa sẽ có.

Tôi nói :

-Thôi được, khi nào có tôi sẽ mua. Bây giờ tôi ra chợ Kim Biên. Nhiều lắm.

Sau đó, tôi tiếp tục bán dạo về hướng chợ Kim Biên. Lúc này thấy khát, tôi ghé vào một quán nước và lại kêu một ly trà đá, nhâm nhi cho đỡ mệt. Tôi đặt hộp dao lam và dây đá lửa trên bàn, cũng có ý có ai đó trong quán thấy mua thì tốt. Chừng 5 phút sau, một thanh niên người Hoa khoảng 27, 28 tuổi, dáng người mảnh khảnh, nói tiếng Việt lơ lớ, hỏi :

-Chú bán bao nhiêu một gói dao lam?

Tôi nói :

-Một gói dao và một vĩ đá lửa chỉ có 300 đồng.

Anh này lưỡng lự một lúc rồi chịu mua một cặp và nói :

-Dao lam thì tôi cần hơn đá lửa vì tôi làm lò bánh mì, cần dao khứa bánh.

Tôi tò mò hỏi :

-Bánh mì mà dùng dao lam khứa hả?

Anh ta nói :

-Phải khứa chớ. Nếu không, nở to ra. Dao lam bén và mỏng chỉ khứa một hàng dọc khi mới nặn bột ra. Nếu dùng dao dày thì không được. Nó sẽ kéo dính bột vào lưỡi dao, trông xấu lắm.

Thì ra là vậy! Tôi mừng thầm vì lại có thêm một mối bán dao. Sau đó, tôi lững thững bán dạo về hướng sân vận động gần hãng bia 33. Đến trưa, tôi ghé vào một quán cơm bình dân trên đường Nguyễn Kim, gọi một đĩa cơm mực, 1 ly trà đá và 1 chén cơm thêm có chan nước thịt kho. Giờ này là giờ nghỉ trưa của công nhân hãng bia, rất nhiều người đến quán ăn uống. Ở đó, tôi cũng bán được một mớ đá lửa, dao lam. Do đó, tôi tính từ nay trở đi, nếu bán dạo ở vùng này tôi sẽ ghé quán cơm này vào buổi trưa, vừa để ăn uống nghỉ ngơi vừa bán được hàng cho công nhân. Sau đó tôi lại tiếp tục. Chỗ nào đi qua, tôi cũng hỏi thăm nơi nào có chợ hoặc lò bánh mì. Tôi đi qua những tiệm hớt tóc và uốn tóc, mời họ mua. Vài tiệm mua một hai gói dao còn phần đông họ lắc đầu.

Tôi nhận thấy đi bên lề những đường phố lớn lại khó bán hơn là những ngõ ngách hẹp, số người nghèo nhiều lại dễ bán hơn. Do đó, tôi thường đi sâu vào những ngõ hẻm và chẳng nhớ chỗ mình đi qua là ngõ hẻm gì, cứ thấy đi được là đi. Tôi bán đến chiều khoảng 5 giờ thì hết hàng. Định trở lại để mua thêm nhưng ngại vì đã thấm mệt, tôi bèn lần ra đường Trần Hoàng Quân, ghé vào một quán nước, sau đó đón xe về nhà. Tính ra chỉ trong hai ngày, tôi đã bán được 25 hộp dao lam và 18 dây đá lửa ! Tiền lời còn nhiều hơn lương tháng của tôi mọi khi. Về mặt kiếm tiền về nuôi vợ con tôi đã tạm đỡ lo nhưng chỉ còn 5 ngày nữa, tôi không còn có thể nương náu với anh chị tôi được nữa. Lúc ấy tôi sẽ ở đâu khi lệnh truy nã tôi sẽ phổ biến khắp nơi ? Nghĩ đến việc này, lòng dạ tôi bồn chồn nhưng chẳng còn con đường nào khác, đành phải cam chịu mặc cho số phận đến đâu thì đến.

Ngày quyết định đã đến. Tôi đã sửa soạn xong một xách tay to hơn, nhét đầy vài bộ áo quần, một miếng vải ni màu xanh dùng làm mền cùng những đồ linh tinh khác. Đêm hôm ấy thật buồn. Anh chị tôi và tôi chẳng ai nói câu gì vì mọi người đều lo âu, không biết cuộc phiêu lưu của tôi ngày mai sẽ ra sao. Bữa cơm hôm đó, chị dâu tôi làm thêm món ăn ngon hơn và mua hai chai bia con cọp cho hai anh em chúng tôi uống. Anh tôi nói :

-Thôi ! Tất cả là do số phận. Bây giờ có suy nghĩ cũng chẳng giải quyết được gì. Chú ăn uống với anh chị đêm nay để rồi ngày mai chú đi, anh chị chúc chú được nhiều may mắn và khi nào thấy thuận tiện thì cô về thăm anh chị. Anh sẽ thỉnh thoảng về Biên Hòa thăm thím và các cháu.

Có lẽ không dần được nổi xúc động, anh tôi dần dựa nước mắt, và tôi hai hàng nước mắt cũng tuôn rơi, chẳng nói được lời nào. Chị dâu thấy vậy cũng dơ dớm nước mắt, nói :

-Đây là bữa ăn tiễn chú, chú đừng buồn làm gì.

Rồi chị lâm râm cầu nguyện xin Chúa phù hộ cho tôi.

Chị tôi không uống rượu nhưng cũng lấy thêm ly để rót ra một ít, còn hai ly rót đầy cho hai anh em tôi. Thăng Bình, con nuôi của anh chị, thấy vậy cũng đòi uống. Chị nếm nó và cho nó uống một hớp. Nó nhăn mặt. Chị tôi bèn gắp cho nó một miếng thịt nạc. Nó có vẻ thích chí, nhai một cách ngon lành. Sau đó, nó đòi hết món này đến món khác khiến cho ai cũng buồn cười. Nhờ vậy, bữa cơm hôm ấy bớt đi phần nào buồn bã.

Sáng hôm sau, mới 4 giờ rưỡi tôi đã thức dậy sau một đêm trằn trọc, thao thức. Anh chị tôi cũng dậy theo. Chị dâu tôi bảo :

-Đề sáng hẳn đi. Hôm qua đồ ăn còn dư nhiều quá, tôi hâm lại cho chú ăn cho no bụng.

Lúc này, tôi còn bụng dạ nào mà ăn với uống nên từ chối :

-Em phải đi ngay, sợ sáng bất tiện.

Trong lúc bịn rịn chia tay, anh tôi dắt xe Vespa ra và bảo :

-Đề anh chở chú ra Ngã Sáu.

Tôi liền cúi đầu chào chị dâu. Xin tạm biệt. Đến Ngã Sáu Sài Gòn trời chưa sáng nhưng đã có nhiều xe cộ qua lại. Anh tôi định đưa vào một quán phở nhưng tôi từ chối vì không muốn mất thì giờ và tốn kém cho anh. Anh nhìn tôi với vẻ mặt u buồn. Tôi xúc động ứa nước mắt và nắm chặt tay anh :

-Anh về đi để còn đi làm.

Anh gạt đầu, nhìn tôi với vẻ ái ngại và nói :

-Chú đi cho cẩn thận nhé.

Và anh tôi cho xe chạy. Tôi đứng nhìn theo cho đến khi xe anh lẫn vào dòng xe mất dạng.

Tôi đi dần dần về hướng Chợ Lớn theo đường Trần Hoàng Quân với túi xách to hơn hôm trước nhưng cũng gọn gàng. Tôi móc ra cầm tay một hộp dao lam và dây đá lửa. Từ đây tôi đi qua bệnh viện Chợ Rẫy và hãng bia 33. Sau khi ghé ăn một tô hủ tíu, tôi tiếp tục đi về hướng Chợ Lớn. Dọc đường tôi đã bán được 8 gói dao lam và 8 vỉ đá lửa. Lại cũng cung cách ấy, tôi lang thang đến công viên Lãn Ông và bán hết số dao lam, chỉ còn 2 dây đá lửa. Tôi ghé vào công viên ngồi cho đỡ mỏi chân chừng 5 phút rồi đi thẳng đến tiệm tạp hóa mọi khi.

Người tài phú có vẻ vui vẻ, nói :

-Chú bán hết dao rồi hả ?

Tôi gạt đầu. Người tài phú càng tỏ vẻ ngạc nhiên :

-Thật là lạ. Chú bán bằng cách nào mà mau thế ?

Tôi nói đùa :

-Bán cho người ta ăn nên mau hết như vậy đó !

Biết tôi nói đùa, hắn cũng bật cười. Thấy hắn nói tiếng Việt lơ lớ, tôi thử nói tiếng Quảng Đông :

-Ông biết nói tiếng Quảng Đông không ?

Tài phú nghe vậy liền trả lời :

-Biết chớ. Tôi là người Hải Nam nhưng cũng nói được tiếng Quảng Đông. Còn chú ở đâu mà biết nói tiếng này ?

Tôi đáp :

-Tôi là người Móng Cáy, trước đi học có nhiều bạn người Hoa nói tiếng Quảng Đông nên tôi nói cũng gần bằng người Hoa.

Kể từ đây, người tài phú có vẻ thiện cảm với tôi. Hấn nói :

-Dao Ấn Độ này chỉ còn hơn một thùng. Nếu chú bán hết thì ra chợ Kim Biên hay chợ Bình Tây xem. Hiệu tôi hết hàng, đang chờ nhập, phải đến gần 3 tháng nữa mới có.

Và hấn hỏi tôi :

-Sao chú không mua món hàng khác mà bán dao ? Chú muốn lấy món gì cũng được, không đủ tiền thì cứ lấy trước rồi bán trả sau.

Tôi gật đầu cảm ơn và nói :

-Tôi sẽ tính sau.

Sau đó, tôi mua thêm 5 dây đá lửa và bán dạo theo hướng chợ Kim Biên. Buổi trưa hôm ấy, tôi ghé vào quán cơm trên đường Nguyễn Kim. Sau khi ăn xong, tôi lững thững đi về hướng chợ An Đông, vừa đi bán vừa suy nghĩ lung tung. Chẳng biết tối nay mình sẽ ngủ ở đâu ? Một thoáng suy nghĩ, tôi quyết định chỉ ngủ được ở những bên xe. Lấn vào những nơi đó mới có thể yên thân được vì mọi người sẽ nghĩ tôi là một hành khách chờ xe. Và mỗi đêm, tôi sẽ tìm đến một bên xe khác. Còn chuyện tắm rửa thì vào các nhà tắm công cộng.

Việc buôn bán hai món hàng dao lam, đá lửa đã làm tôi ổn định. Tính ra, lợi tức có thể gấp hai lần tiền lương tháng của tôi ngày trước. Và từ đó, thỉnh thoảng tôi cũng uống được chai nước ngọt.

Đúng hẹn, tuần thứ 3 kể từ ngày thực sự trốn tránh, tôi ra bên xe Liên Hiệp gần chợ An Đông vào lúc 11 giờ rưỡi trưa để đón con. Tôi vào quán nước cạnh bên xe, mắt không rời những chiếc xe đồ từ Biên Hòa xuống. Một lát sau, tôi thoáng thấy thằng Nghĩa, con tôi, đang bước xuống. Tôi bật dậy nhưng vội ngồi xuống ngay vì chợt nghĩ có thể trong chuyến xe đó có người quen ở Biên Hòa thấy thì không tốt. Thằng Nghĩa ngo ngác, có ý kiểm tôi. Chờ nó vừa đi đến quán nước, tôi vẫy tay và khẽ gọi :

-Nghĩa !

Con tôi thấy tôi thì tỏ vẻ mừng rỡ và tôi cũng hết sức vui mừng khi gặp nó. Sau đó hai cha con đến quán cơm gần đó. Tôi hỏi :

-Con ăn gì ?

Nó ngần ngợ chẳng biết ăn món gì. Thế là tôi gọi hai đĩa cơm hột vịt kho thịt heo và hai chai cam vàng. Trong khi ăn uống, tôi khẽ hỏi về chuyện học hành của nó và thằng Trung, con Bình. Nó nói :

-Tất cả đều đang học ở trường tiểu học Hiệp Hòa.

Tôi hỏi :

-Trong hai tuần lễ rồi có ai đến nhà hỏi Ba không ?

Nó lắc đầu nói :

-Không có ai cả.

Lúc này, tôi nhìn con tôi uống từng ngụm nước cam vàng có vẻ thích thú mà lòng đau đốn vô cùng. Những ngày được ở bên các con hạnh phúc biết bao, bây giờ đâu còn nữa. Cuộc sống phiêu lưu, trốn tránh biết bao giờ cha con mới được đoàn tụ như xưa ?

Gần 2 giờ chiều. Tôi đưa cho thằng con 7 ngàn đồng đem về cho mẹ nó. Và hẹn cứ mỗi chủ nhật, vào khoảng 11 giờ, nó đến đây để nhận tiền. Sau đó, tôi đưa Nghĩa đến bên xe để về lại Biên Hòa. Nó cũng tỏ ra khôn ngoan, tự đến xe và trèo lên.

Tôi lại tiếp tục đi bán dạo trên các hè phố gần bên xe An Đông. Đi hết phố này đến phố khác, tìm hướng về bên xe Chợ Lớn khoảng 5 giờ rưỡi chiều. Vừa đi, tôi vừa để ý tìm nhà vệ

sinh và vòi nước công cộng. Một ngày rong ruổi trên hè phố, tôi đã thấm mệt với túi hành lý kê trên vai. Tôi vào nhà vệ sinh, sau đó ra vòi nước công cộng và cởi hết quần áo ngoài chỉ còn chiếc quần đùi. Tôi ngồi thụp xuống vòi nước và mở cho nước chảy xối xả xuống đầu và toàn thân. Mát mẽ dễ chịu làm sao ! Tôi tắm vội qua loa cho mau vì lát đó còn một số phụ nữ, trẻ con chờ hứng nước. Họ thấy tôi tắm nhưng có lẽ vì thương hại nên không hỏi thúc gì cả. Sau đó, tôi tìm đến quán cơm bình dân để ăn bữa tối. Trong khi đang ăn, có một chị chừng 40 tuổi nói :

-Sao ông không đến chỗ nhà tắm công cộng mà lại tắm chỗ vòi nước như thế ! Thấy khổ sở quá.

Tôi nói :

-Chẳng biết nhà tắm đó ở đâu nên tôi mới tắm đại.

Chị nói :

-Bến xe nào mà không có nhà tắm công cộng. Ông cứ hỏi, người ta sẽ chỉ cho.

Tôi bèn lên gâp đầu, định bụng từ nay sẽ làm như thế. Lúc này, trời cũng đã tối. Những ngọn đèn neon ở dãy nhà cho khách chờ xe, có chỗ sáng có chỗ lờ mờ. Tôi định tìm một ghế nào đó nhưng ghế nào cũng đã có người nằm, đồ đạc chất đầy. Tôi loay hoay mãi chẳng thấy nơi nào thuận tiện để trải miếng vải nằm đỡ. Có một bà thấy vậy, bảo :

-Ở đây chỗ nào cũng chật rồi, ông ra nhà trọ bến xe thì tiện hơn. Nếu hết phòng, ông mượn một cái ghế bố hoặc một cái chiếu mà nằm.

Thế là tôi liền đến dãy phòng trọ gần đó nhưng chẳng còn phòng nào trống. Tôi bèn mượn một cái ghế bố rồi căng ra thêm nhà. Ngón ngang xung quanh đây cũng có rất nhiều người nằm ghế bố. Một số người trải chiếu xuống mặt nền xi măng.

Chỗ nằm tạm ổn, tôi lấy trong túi xách ra miếng vải để đắp, còn cái túi dùng làm gối đầu. Để tránh mất cắp khi ngủ, tôi lấy tiền bạc nhét vào túi quần cụt và mặc nguyên bộ đồ đi bán ở ngoài. Đôi dép cũng được đút vào túi nylon nhét vào túi xách. Vừa nằm xuống một lát, đang suy nghĩ vãn vơ thì nhót một cái, tôi như bị con gì cắn vào bắp chân. Tôi vội lấy tay cào cho đỡ ngứa. Lập tức, hai bên bắp chân, mông và lưng đều ngứa ran lên. Thì ra lũ rệp từ ghế bố xông ra, tấn công lung tung vào cơ thể tôi. Tôi hoảng hốt, cào gãi lung tung nhưng càng gãi càng ngứa thêm. Một ông nằm ghế bố bên cạnh cũng bị như tôi. Ông nổi nóng, chửi :

-Đ.M. nó, ghế bố con c. gì mà rệp nhiều như vậy, ngứa sao được !

Rồi nhiều người khác cũng bị ngứa. Một phụ nữ nói :

-Ghế nào cũng thế thôi. Nhà trọ có bao giờ giặt đâu mà chẳng rệp !

Tôi chẳng biết làm sao hơn, đành nằm chịu. Tôi thầm nghĩ đến ngày xưa khi mới chạy sang Trung Quốc đã bị lũ rận tấn công nhưng rồi cũng quen, chẳng sao cả. Tôi nằm lì, không thêm gãi nữa vì biết rằng càng gãi càng ngứa nhiều hơn. Chịu đựng như thế chừng nửa giờ, tôi thấy dễ chịu dần. Đêm nay bọn rệp chắc no lắm đây! Tôi thao thức hoài không ngủ được vì những suy nghĩ ngón ngang về một thân phận bất hạnh như tôi. Khoảng 10 giờ đêm, tiếng xe cộ từ các nơi về bến, tiếng hành khách xôn xao, tiếng bốc dỡ hàng hóa lục đục từ xe đưa xuống, cộng thêm tiếng nói chuyện rì rầm cùng những tiếng ngáy của hành khách tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn làm tôi càng thêm khó ngủ hơn. Một vài con muỗi vo ve trên mặt, tôi vội lấy miếng vải trùm kín đầu. Thoạt đầu thấy khó thở, tôi bèn nằm nghiêng thì thấy hơi dễ chịu. Thật là một sự dằn vặt thể xác và tâm hồn tôi một cách nặng nề. Có lẽ vì quá mệt mỏi nên tôi thiếp đi lúc nào không biết, và giật mình tỉnh giấc khi nghe tiếng nổ lớn của một động cơ xe đồ. Bấy giờ mới chừng 4 giờ sáng. Một số khá đông người chờ xe cũng đã dậy. Tiếng xôn xao gọi nhau của hành khách cũng đã bắt đầu. Chỉ còn một số ít hành khách nằm lì trên các ghế bố và chiếu rải rác xung quanh. Sau khi thu dọn hành trang và trả ghế bố cho phòng trọ, tôi đến chỗ bán cà phê, mua

một ly đen nhỏ để nhâm nhi như một số hành khách đã ngồi từ trước. Tôi cảm thấy tỉnh táo sau khi uống hết ly cà phê. Kể từ ấy, sáng nào tôi cũng uống một ly cà phê đen trước khi đi bán dao.

Ngày lại qua ngày, đêm đến tôi lại tìm đến bên xe nằm chờ qua đêm. Nhưng những lần sau tôi không muốn ghé bờ mà chỉ muốn chiếu trải dưới nền xi măng. Trước khi trải, tôi đập kỹ xuống mặt nền để văng hết những con rệp ra. Phương pháp này cũng khá hữu hiệu nên tôi bớt bị rệp cắn. Còn phần vệ sinh hay tắm giặt thì tôi tìm đến nhà vệ sinh hay nhà tắm công cộng. Thấm thoát đã hơn 6 tháng, số tiền tôi kiếm được đã hơn 100 ngàn. Thấy số tiền này nhét trong túi xách hơi cộm, tôi đến tiệm vàng mua 5 chỉ vàng y chia làm 5 khâu, mỗi khâu 1 chỉ giá 17 ngàn đồng, rồi luồn vào túi quần đùi. Còn bao nhiêu thì để làm vốn xoay xở. Mỗi chủ nhật, thằng Nghĩa con tôi từ Biên Hòa đến bên xe An Đông gặp tôi để lấy 7 ngàn về cho mẹ nó. Mỗi khi gặp nhau, cha con lại vui mừng ăn uống thỏa thích. Nó muốn ăn gì tôi cũng chịu. Nó thích nhất là món bột chiên với hột vịt. Những tin tức về gia đình đều được thằng Nghĩa nói cho biết nên tôi cũng yên tâm, lo làm ăn buôn bán, mong có ngày khấm khá để vợ con bớt cơ cực phần nào.

Năm 1973, tóc tôi đã bạc nhiều nhưng tôi không nhuộm nữa. Lần sau cùng, tôi bảo thợ cắt ngắn theo kiểu nhà binh. Hớt xong, nhìn vào gương tôi thấy tóc bạc phơ như một ông già 80 vì các chân tóc đã trắng hết, chỉ còn một chút trên ngọn tóc là đen. Tôi ngượng nghịu nhìn mình trong gương, người thợ biết ý bèn nói :

-Chẳng sao đâu ! Ông cũng đã lớn tuổi rồi, chỉ một thời gian ông sẽ quen thôi. Tiệm tôi cũng đã hớt cho nhiều ông nhuộm tóc rồi họ cũng chán không thêm nhuộm nữa giống như ông vậy.

Mấy lời thành thật của ông thợ hớt tóc làm tôi thấy yên lòng. Tôi bước ra khỏi tiệm, vội lấy mũ chụp xuống ngang mặt. Có nhiều người qua lại, tôi có cảm tưởng họ nhìn tôi khác với những ngày trước và tôi đoán trong số người này cũng có thể có nhiều người thấy tôi bán dao lam, đá lửa trên các vỉa hè vùng Chợ Lớn. Chỉ trong vòng một năm tôi đã biết hết các chợ lớn nhỏ vùng Chợ Lớn, Sài Gòn như Bình Tây, An Đông, Kim Biên, Chợ Thiếc, Soái Kinh Lâm, Bến Thành...và một số chợ vùng Tân Bình cũng như các bến xe miền tây, miền đông. Còn các đường phố và các ngõ hẻm vùng Chợ Lớn, Sài Gòn, Tân Bình, Gia Định có đường nhớ có đường không vì quá nhiều không thể nhớ nổi. Vả lại nghề bán dao như tôi chẳng cần nhớ làm gì cho mệt óc, cứ có đường có hẻm thì đi. Càng vào sâu trong các hẻm thì lại càng dễ bán. Tôi cũng nghĩ lạ thay, như có một sự phù hộ nào của bề trên nên từ ngày đào ngũ đến giờ, đi cũng nhiều và người ta qua lại trên các vỉa hè khi tôi đi qua mà tuyệt nhiên chẳng gặp ai quen trong số nhân viên cảnh sát tại Gia Định, Gò Vấp mà tôi biết. Nhưng tôi cũng đề phòng, nếu thoáng thấy ai giống như những người mình quen thì ngoảnh mặt đi chỗ khác như một người đi chơi hoặc tìm món gì đó để mua. Tôi cũng nghĩ nếu gặp các nhân viên cảnh sát quen biết chắc họ cũng chẳng làm khó gì mình vì tôi trước kia đối với họ rất tốt, chẳng có thù oán gì với ai. Tuy nghĩ vậy nhưng vẫn đề cao cảnh giác thì tốt hơn.

Sau hai năm mua bán, tôi đã có được một số vốn khá khá. Tôi nhận thấy nghề thu mua vỏ chai rất có lời nên về bàn với anh tôi và nhờ anh đứng tên mở một chành thu mua ve chai. Tôi lần la đến gần trường Nữ Quân Nhân ở đường Lê Văn Duyệt, quận 11 và muốn được một ngôi nhà trong hẻm nhưng xe vận tải có thể ra vào được. Cũng trong dịp này, tôi gặp tên Trịnh Văn Trúc, con ông Ba Thê người Ninh Dương, Móng Cáy, là học trò của bố tôi ngày trước. Tôi nhận thấy tên Trúc rất hiền lành, đúng mẫu mực người làng tôi nên tôi có lòng quý mến và tin cậy. Lúc này, tên Trúc đang thất nghiệp, tôi bèn bảo hắn đứng ra làm quản lý chành thu mua ve chai. Tiền bạc tôi giao cho hắn thu mua và khi số lượng thu mua đã được đầy một xe vận tải thì muốn chở đến bán cho hãng nấu sắt thép Vicasa ở Biên Hòa. Hắn đồng ý và tôi đi mua đồ nghề như cân tạ, cân tay và một số dụng cụ khác. Sau đó, tôi giao cho hắn 50 ngàn đồng

để làm vốn thu mua. Một mặt tôi nhờ anh tôi lên Biên Hòa nói cho vợ tôi biết rằng nếu có thể thì xuống chành ve chai để phụ giúp tôi nhưng vợ tôi lại từ chối. Bà ta viện cớ là không biết buôn bán gì và lúc này còn phải lo trông coi cơm nước cho đám con đi học. Bà chỉ cho con Bình mới học tới lớp 5 đã nghỉ xuống phụ tôi thu mua với tên Trúc. Tôi cũng xin nói lại là chành thu mua ve chai do anh tôi, Phạm Khải Đăng, đứng tên làm chủ. Tất cả thuế má và môn bài đều do anh tôi đảm nhiệm. Tôi chỉ thỉnh thoảng vài ba ngày mới đến thăm một lần.

Một hôm, tên Trúc bảo tôi:

-Chú cho em Bình lấy những phụ tùng cũ của các loại xe gắn máy như dây sên, ốc máy, đĩa và những phụ tùng linh tinh khác để đem ra đường Trần Hoàng Quân bày ra bán lặt vặt son với người ta thì lời hơn. Tôi sẽ chỉ cho em ấy giá cả của mỗi thứ để em bán.

Thấy có lý, tôi bèn cho con Bình lựa ra các đồ phế thải có thể bán được. Con Bình tỏ ra thông minh nên chỉ 3 ngày sau, nó đã biết đem những vật phế thải này ra bày bán bên lề đường Trần Hoàng Quân gần hãng bia 33. Trong vòng hơn một tháng, con Bình đã đưa cho tôi hơn 50 ngàn đồng. Tính ra là lời gấp 10 lần so với giá mua sắt vụn. Nhưng ở đời cái gì cũng có những việc không ngờ, bởi chỉ được hai tuần lễ sau, số dụng cụ xe gắn máy phế thải bày ra trên lề đường đã bị Cảnh Sát Trật Tự tịch thu hết. Con Bình bị bắt tạm giam hai ngày ở Chi Cảnh Sát Quận 11 rồi đưa ra Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn truy tố về tội buôn bán trái phép trên lề đường và đóng phạt 20 ngàn đồng mới được thả ra. Sự buôn bán lúc này của tôi là cần thiết nên bắt chước người ta, thua keo này tôi bày keo khác.

Một hôm vào ngày chủ nhật, thằng Nghĩa từ Biên Hòa xuống, tôi nhờ nó phụ với con Bình trông chừng đám phụ tùng phế thải bày bán trên lề đường. Chừng 3 giờ chiều, một toán Cảnh Sát của Tổng Nha đột xuất bao vây khu vực này và tịch thu tất cả những món hàng đang bày bán của những người buôn bán trên lề đường. Con Bình chạy thoát còn thằng Nghĩa lỡ ngớ thể nào bị Cảnh Sát bắt đưa lên xe cây. Nó khá tinh ranh nên khi xe vừa quẹo vào một con đường, nó nhảy xuống, chạy mất. Bấy giờ tôi cũng có mặt cách đây chừng 100 thước. Thấy thằng Nghĩa chạy thoát, tôi hết sức vui mừng. Chỉ tiếc số phụ tùng trị giá trên 100 ngàn đồng đã bị đám Cảnh Sát tịch thu. Cũng cung cách này, tôi tiếp tục cho con Bình bán đồ phế thải, còn tôi vẫn đi bán dao lam và đá lửa nhưng bớt phần mệt nhọc hơn vì không cần thiết phải bán nhiều như trước.

Một hôm vào khoảng 9 giờ, tôi đang bán dạo trên hè phố đường Nguyễn Kim bỗng nhìn thấy Cảnh Sát Viên Nguyễn Văn Nhân thuộc Ban Cảnh sát Đặc Biệt Gò Vấp. Tôi vội kéo mũ lưỡi trai che xụp xuống và định quay ngược lại đi lối khác nhưng tên Nhân đã kịp nhận ra tôi. Hắn vội chạy đến chụp vai tôi và nói :

-Thầy chạy đâu cho thoát !

Tôi hoảng hốt nhìn hắn nhưng thấy mặt hắn vui vẻ, không có gì ác độc. Nhân nói :

-Lệnh truy nã thầy đã gởi đi khắp nước mà thầy không biết hay sao ?

Tôi nói :

-Có biết gì đâu ! Từ ngày ấy đến giờ có gặp ai quen đâu mà nói cho biết.

Hắn cười và nói :

-Ngày ấy đến giờ thầy ở đâu và làm nghề gì sinh sống ?

Tôi nói qua loa về sự làm ăn của tôi đồng thời cũng nói đến chuyện ban đêm ngủ vật vờ trong các bến xe. Ngoài ra, tôi cũng nói việc buôn bán đồ phụ tùng xe gắn máy phế thải cho hắn nghe. Nghe vậy, hắn có vẻ thích thú và nói :

-Em sẽ cho vợ em đi mua phế liệu xe gắn máy và nhờ thầy chỉ dẫn cách bán.

Tôi nói :

-Được thôi. Nếu có anh thì càng tốt.

Nhân nói tiếp :

-Lệnh truy tầm đào ngũ của thầy đối với Chi Cảnh Sát Gò Vấp và Ty Cảnh Sát Gia Định chỉ là thủ tục. Từ nay, thầy nên về một nhà quen ở vùng Gò Vấp hay Gia Định mà ngủ, không nên ở các quận khác người ta không bao che thầy đâu. Em sẽ nói cho các anh em biết chỗ ở ban đêm của thầy để họ lo đi trong những cuộc hành quân cảnh sát. Việc thầy bỏ đi cũng làm nhẹ gánh cho ông Trưởng Chi Nhiều đối với ông Biên, cựu Tổng Giám Đốc Cảnh Sát.

Tôi nhận thấy những lời nói của Nhân rất có tình nghĩa, tiếng xưng hô “Thầy” đối với tôi của các nhân viên trong Chi Cảnh Sát ngày trước bây giờ Nhân vẫn chưa quên. Tôi rất mừng như có quý nhân phù hộ. Sau một hồi hỏi thăm tình trạng các anh em trong Chi Gò Vấp, tôi mời Nhân đến quán giải khát trên đường Nguyễn Kim. Hấn vui vẻ đi ngay nhưng hấn bảo để hấn trả tiền. Đến quán nước, tôi định kêu hai chai bia 33 và một đĩa thịt bò xào nhưng hấn ngăn lại và đề nghị chỉ mở một chai, “gọi là thầy trò gặp nhau cho vui và còn phải mời thầy về nhà ở chung cư quận 11 gần trường đua Phú Thọ, ăn cơm trưa hôm nay”. Nghe những lời nói chân tình của một nhân viên cũ trong lúc mình đang hoạn nạn, tôi cảm thấy xúc động muốn ứa nước mắt nhưng phải cố bình tĩnh để không khí được vui tươi. Trong lúc uống chai bia mừng ngày tái ngộ, hai chúng tôi hàn huyên đủ mọi chuyện. Tôi hỏi thăm hết người này đến người khác. Sau đó, Nhân chở tôi về nhà bằng xe gắn máy Honda của hấn. Nhân cho biết vợ chồng hấn có 3 đứa con. Đứa lớn nhất, con trai, 13 tuổi. Hai con gái, đứa 10, đứa 7. Tất cả còn đang đi học. Về đến nhà, Nhân kêu vợ đang lúi húi phía sau bếp ra giới thiệu với tôi và hỏi vợ làm thêm đồ ăn, mua bia, nước ngọt để mời tôi ăn cơm trưa với gia đình. Tôi nhận thấy vợ Nhân là một phụ nữ có vẻ đảm đang, vẻ mặt hiền từ, phúc hậu với nước da bánh mật trông khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Ba đứa bé cũng vừa đi học về và đều cúi đầu, khoanh tay lễ phép chào tôi. Nhân có vẻ hãnh diện khi mấy đứa con làm như vậy. Tôi chào lại các cháu và có lời cầu chúc các cháu học giỏi và nghe lời dạy dỗ của cha mẹ. Chừng một lát sau, vợ Nhân khệ nệ xách giỏ trở về và cùng mấy đứa con dọn cơm rồi mời tôi ngồi vào bàn. Thấy gia đình vợ con Nhân hạnh phúc, tôi cũng vui lây và ngồi xuống ăn uống thật tình với gia đình họ. Trong câu chuyện, Nhân nói với vợ là tôi đang mua bán đồ xe gắn máy phế thải và nhờ tôi giúp chỉ dẫn cách thức cho vợ hấn. Vợ Nhân nói :

-Em cũng thích buôn bán nhưng vốn liếng không có nên chẳng biết buôn bán gì.

Tôi nói thật tình :

-Buôn bán đồ này chẳng mất bao nhiêu vốn đâu. Chỉ chịu khó đi đến các tiệm sửa xe gắn máy mua những đồ phụ tùng cũ loại ra như lốc máy, dây sên, đĩa...rồi đem bày ra trên lề đường có nhiều người qua lại. Ai mua thì mình bán, giá cả thì tùy tiện. Chị nên hỏi giá đồ mới là bao nhiêu để biết giá chênh lệch, dễ bán hơn. Bảo đảm từ lời tới lời!

Theo lời chỉ dẫn của tôi, 3 hôm sau, vợ Nhân lهن mهن đem đến chỗ bán lạt son của con Bình một số đồ phụ tùng cũ xe gắn máy như dây sên, đĩa, vè và một cái gắp của xe Honda 67. Chị ló ngó nhìn quanh như muốn tìm tôi. Thấy thế, tôi vội chạy đến và bảo chị đặt xuống cạnh đồng lạt son của con Bình, đồng thời nói phồng giá mọi thứ đồ cho chị biết bán. Xong rồi, tôi xin phép đi bán dạo. Tôi không quên dặn chị phải coi chừng, nếu thấy Cảnh Sát đến bố ráp thì phải bỏ chạy ngay. Đem theo được đồ đi thì tốt bằng không thì bỏ luôn đừng tiếc, vì chẳng đáng là bao. Nghe tôi dặn, chị mỉm cười :

-Anh khỏi lo, em sẽ biết cách ứng xử.

Chuyện làm ăn của vợ Nhân được hơn một tháng, tôi nhận thấy chị cũng khá tháo vát trong việc tìm mua đồ phế thải xe gắn máy nhưng không bao giờ tôi hỏi chị thu nhập được bao nhiêu. Tôi nghĩ, chí thú làm ăn như chị chắc không đến nổi tệ. Và tôi cầu mong cho gia đình chị ngày càng khá hơn trong việc buôn bán và không bao giờ bị Cảnh Sát tịch thu.

Một buổi sáng, tôi đến hành thu mua ve chai gần trường Nữ Quân Nhân đường Lê Văn Duyệt thì thấy Trúc đang vận chuyển một số sắt vụn như tôn, thiếc, sườn xe đạp cũ...lên chiếc xe vận tải để chở về bán cho Vicasa, Biên Hòa. Tôi muốn đi một chuyến cho biết nên bảo Trúc ở lại, tôi đi thay. Khi đã chắt đây, tôi lên ngồi phía trước với tài xế, không quên chụp cái mũ xuống tận mắt để phòng hờ có ai nhận ra tôi. Xe vừa chạy đến trạm kiểm soát tài nguyên gần cầu Sài Gòn thì dừng lại. Tài xế xuống xe, trình giấy tờ. Trong một thoáng, tài xế đã trở lại và nổ máy cho xe chạy đồng thời nói cho tôi biết :

-Kiểm soát giấy tờ quái gì! Chỉ đưa 5 trăm bạc kẹp trong sổ là xong ngay. Nếu không chúng nó hoành hợe đủ điều. Bất đưa hàng xuống để kiểm soát thì mất thì giờ lại thêm tốn kém.

Nghe tài xế nói vậy, tôi cũng chẳng lạ gì vì khi làm việc ở Chi Cảnh Sát Gò Vấp, tôi vẫn biết có một số trạm kiểm soát tài nguyên mà nhân viên đều là tay chân thân tín của Trưởng Chi, hằng ngày thu lợi bất chính rồi chia nhau. Bọn này thường tổ chức nhậu nhẹt vào buổi chiều. Có khi hứng thú, họ cũng mời tôi đi nhậu, tôi viện cớ không biết uống để không đi. Tuy nhiên, có lúc cũng phải đi vì sợ họ nghi ngờ mình chống đối thì bất tiện.

Suy nghĩ một lúc, tôi hỏi tài xế :

-Mỗi lần chuyển chở như vậy phải mất bao nhiêu tiền ?

Tài xế nói :

-Từ đây đến hãng Vicasa còn một trạm nữa, gần Ngã Tư Vũng Tàu. Mỗi chuyến đi phải mất 1 ngàn. Tiền này ông phải trả tôi khi bán hàng xong.

Trong câu chuyện tài xế cũng nói với tôi :

-Ông làm nghề này làm gì cho phí thời giờ để cho người khác ăn. Tên Trúc thì thật thà lắm nhưng vợ hắn thì không tốt. Mụ này có máu cờ bạc. Mỗi khi Trúc thu mua được phế liệu thì ban đêm vợ hắn lựa ra những đồ có giá trị như nhôm, đồng, chì và cọc sắt rồi đem bán lấy tiền đánh bạc. Còn những mớ sắt vụn mà ông thấy đây thì chất lên đây xe đem cân ký cho hãng Vicasa. Tuy cũng có lời đây nhưng chẳng đáng là bao nhiêu.

Tài xế còn nói cho tôi biết thêm :

-Nếu làm nghề thu mua ve chai mà không biết phân loại các phế liệu là người không biết làm ăn.

Nghe tài xế nói như vậy, tôi nói :

-Tôi đã có đứa con gái, mỗi chiều đi bán lạt son và nó cũng biết lựa những đồ tốt rồi hôm sau đem ra bán thì làm sao mà thất thoát được ?

Nghe vậy, tài xế cười và nói :

-Con gái ông chỉ buổi chiều về mới chọn đồ bán lạt son, sau đấy lại theo ông về ở Gia Định. Còn ban đêm và những lúc con gái ông không có mặt ở đây thì vợ thằng Trúc tha hồ mà chọn lựa đồ tốt. Ai mà biết được !

Nghe tài xế nói cặn kẽ, tôi thấy chán ngán. Không ngờ vợ thằng Trúc lại tệ như thế. Chẳng biết làm sao, để thùng thùng sẽ tính. Tài xế dặn tôi :

-Ông đừng nói gì cho Trúc biết. Vợ nó là con mụ xảo quyết, đánh đá lắm.

Tôi trở về lại tiếp tục bán dao lam, đá lửa và con Bình vẫn để phụ với thằng Trúc, lựa những gì có thể bán được lạt son thì lấy. Lờ lãi bao nhiêu cũng được còn hơn là không có việc làm.

Một hôm tôi đi đến đường Nguyễn Kim, thấy một thằng nhỏ chừng 13, 14 tuổi, đang loay hoay tháo ráp một chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Telda trên lề đường. Tôi ngồi xuống xem nó làm. Thì ra nó đang lau dầu cho chiếc đồng hồ. Bên cạnh nó là cái thùng nhỏ bằng gỗ giống như thùng hót tóc dạo, ở trong đựng một số dụng cụ sửa đồng hồ và một số đồng hồ đeo tay cũ đủ

loại. Tôi ngắm hai tay nó thoăn thoắt lau dầu chiếc đồng hồ có vẻ thành thạo lắm. Thấy thế, nó hỏi có vẻ chế nhạo :

-Chú muốn sửa đồng hồ hả ? Còn mấy cái đây tui nhường cho chú và cho chú mượn đồ nghề.

Thằng nhỏ có vẻ kiêu ngạo thật đáng ghét nhưng thấy nó còn nhỏ tôi không chấp. Tôi đứng dậy và tiếp tục đi bán dạo, vừa đi vừa suy nghĩ về việc làm của thằng nhỏ thấy hay hay. Nó chỉ loáng chừng 20 phút đã lau xong một cái đồng hồ, nếu mình học được nghề này cũng tốt, chẳng mệt nhọc gì. Suy nghĩ vậy, buổi trưa hôm sau tôi đến với thằng nhỏ. Tôi ngồi xuống và xem nó làm. Nó có vẻ ghét lắm nhưng tôi làm bộ như không thấy. Tôi ngồi xem được chừng nửa giờ đã thấy nó lau dầu xong hai cái. Tôi ngắm nhìn kiểu cách nó tháo ra lắp vào và bôi bôi phết phết bằng chiếc bàn chải nhỏ loại mềm. Tiếp tục như vậy được hai buổi trưa nữa. Lần thứ tư, thằng nhỏ có vẻ dễ chịu nên tôi khẽ hỏi:

-Cháu học nghề này ở đâu mà giỏi thế?

Thằng nhỏ thấy tôi khen nên tỏ vẻ khoái chí bèn nói:

-Ba tui chỉ cho tui từ nhỏ. Dễ ợt à. Chú có muốn học thì tui chỉ cho.

Tôi nói :

-Muốn chứ ! Thế ba cháu bây giờ ở đâu ?

Nó nói :

-Ông đi theo vợ nhỏ mất tiêu rồi. Tui ngồi ở nhà làm nhưng người ta thấy tui nhỏ nên ít người đến sửa. Tui đem ra lề đường làm cho người qua lại được nhiều hơn.

-Ba cháu tệ quá. Thế mẹ cháu ở đâu và cháu có mấy anh em ?

Như gã vào chỗ ngựa, thằng nhỏ nhìn tôi có vẻ đồng tình và nói :

-Má tui bây giờ hằng ngày luộc khoai lang đem ra Chợ Thiếc bán. Hai em trai và một em gái còn đi học. Làm được bao nhiêu tiền, tôi đưa cho má hết.

Nghe thằng nhỏ nói, tôi cảm thấy tội nghiệp cho nó. Rồi lại nghĩ đến thân tôi và bố mẹ tôi ngày xưa cũng tương tự như thằng nhỏ này. Từ đó, tôi và thằng nhỏ thân nhau. Trong vòng hai buổi trưa sau, nó chỉ cách sửa đồng hồ đeo tay và đồng hồ đặt bàn báo thức cho tôi biết. Nó bảo tôi mua dụng cụ sửa đồng hồ. Còn một số đồng hồ loại quá cũ bỏ đi nó cho tôi đem về mở ra, lắp vào để tập sửa. Lúc này, tôi mới hỏi tên nó thì biết nó là Toại. Nghe lời nó, tôi đi mua một số dụng cụ sửa đồng hồ ở gần trường đua Phú Thọ, đường lên Phú Lâm, chỉ mất có 5 ngàn. Tuy vậy, tôi cũng không dám bày ra một chỗ nhất định nào.

Theo lời Cảnh Sát Viên Nhân nói, tôi không nên ngủ đêm ở các quận khác nữa. Ban đầu tôi còn lưỡng lự nhưng nhận thấy Nhân là một người thật tình nên tôi quyết định trở về ở với anh tôi tại Gia Định. Cứ chập choạng tối thì về và khoảng 5 giờ sáng thì đi. Tôi cũng nói cho con Bình biết, nó có thể về đây ngủ qua đêm. Hôm tôi về, anh chị tôi có vẻ sợ sệt nhưng sau khi nghe tôi kể lại đầu đuôi, anh chị cũng được yên tâm. Việc ăn uống của hai cha con tôi bây giờ đều tính toán sòng phẳng, không để anh chị tôi lo cho nữa.

Tôi vẫn tiếp tục lang thang bán dạo dao lam, đá lửa. Với số tiền tích lũy hơn 3 năm, tôi đã có hơn 3 trăm ngàn đồng. Lúc này, tôi đi bán không tấp tểnh như trước. Mỗi buổi trưa, sau khi cơm nước xong, tôi đến các rạp chiếu phim có máy lạnh mua vé vào xem. Nói là xem phim nhưng thật ra là vào để ngủ gà, ngủ gật cho đỡ mệt ! Có lần ở rạp Đại Quang, tôi ngủ quên, đến khi hết phim tôi vẫn còn ngủ say. Một nhân viên rạp phim đánh thức tôi dậy và nói :

-Đi xem chiếu bóng gì mà ngủ mê man như vậy hả ông !

Tôi ề oải đứng dậy đi ra. Nếu hẳn không đánh thức, có thể tôi sẽ ngủ luôn đến chiều tối. Sao mà giấc ngủ trưa ngon quá như thế ! Nếu ban đêm mà ngủ được như vậy thì tốt biết chừng nào. Những lần khác ở rạp Đại Nam, Kinh Đô... tôi cũng ngủ quên như thế! Thiệt tệ .

Một ngày đầu tháng 7 năm 1974, một phần vì nhớ gia đình quá, tôi liền về Hiệp Hoà bằng xe Liên Hiệp, chuyến chót trong ngày lúc 5 giờ để thăm dò tình hình ra sao. Xe đến Hiệp Hoà vào khoảng 6 giờ rưỡi, trời đã xẩm tối. Tôi kêu xe ngừng lại để xuống, đồng thời sụp mũ lưỡi trai xuống ngang mắt và cúi thủ đi xuống bên sông để về nhà chứ không dám đi qua một dãy nhà nào mặc dầu chỉ còn khoảng 50 mét. Vừa đến đầu bến Hói, tôi tạt vào nhà và ngoái nhìn lại phía sau xem có ai thấy mình không. Vừa hồi hộp lẫn vui mừng khi nhìn thấy vợ con đang quây quần trong nhà. Như một một bóng ma, tôi bước vội vào nhà. Vợ tôi thấy tôi về có vẻ ngạc nhiên, còn các con thì vui mừng lắm. Vợ tôi bản chất chẳng bao giờ vồn vập và tôi cũng đã quen nét ấy. Tôi khẽ nói với vợ và các con :

-Từ ngày trốn tới nay có ai đến nhà mình không?

Vợ tôi lúc đầu nói, “không thấy ai đến đâu”, và vội vã vào nhà bếp đem lên một ít cơm thừa và một ít cá nục kho. Cá này vợ tôi thường nấu ăn, riêng tôi thì phát chán nhưng chẳng bao giờ phàn nàn. Tuy vậy, bữa nay cơm nguội, cá nục kho tôi cũng thấy ngon quá vì đã lâu không được ăn. Sau khi ăn xong, cả nhà đều đi ngủ vào khoảng 9 giờ tối. Tôi chẳng nghe vợ tôi hỏi một câu nào về việc làm ăn buôn bán của tôi từ ngày đào ngũ đến nay! Vợ tôi là vậy đó, chẳng bao giờ quan tâm tới sự làm ăn của tôi kể từ ngày chúng tôi lấy nhau.

Cứ như vậy, chừng 3 tuần lễ tôi lại về nhà bằng xe đò Liên Hiệp chuyến cuối cùng, và dậy sớm đi chuyến nhất vào lúc 5 giờ sáng. Hình như vào giờ ấy ở khóm Thành Hưng tôi ở, chẳng có ai đi chuyến xe sớm như vậy. Và nhờ đầu tóc bạc phơ và bộ râu lúng nhúng muối tiêu nên ít người nhận ra tôi. Thỉnh thoảng tôi cũng có gặp một vài người trong xã nhưng không ở Thành Hưng, họ chẳng nhận ra tôi mà tôi thì nhận ra họ. Việc đi về lén lút của tôi mãi rồi ông Ba Giao bố vợ và các cậu các dì ở gần xung quanh cũng biết nhưng tôi là thành viên bên vợ nên không ai nỡ tố cáo. Một hôm tôi về nhà đang ngồi ăn cơm thì bố vợ lò dò tới nói :

-Ồ! mày về ở luôn đi, tội gì mà phải đi sớm về tối như vậy cho cực. Những người làm việc trong xã áp này đều là bà con quen thuộc, có ai nỡ bắt bớ gì mày.

Dưới ánh sáng ngọn đèn neon, tôi thấy ông vẫn còn trắng kiện nhưng đầu tóc thì lốm đốm muối tiêu không bạc phơ như tôi. Ông thấy tôi ăn cơm với một con cá nục kho và một bát canh chua lơ thơ vài cọng rau giá, bèn nói :

-Con Hai mày làm gì mà để nó ăn uống khổ như vậy !

Vợ tôi nói :

-Ông về bắt tui, ai biết đâu mà nấu.

Ông lại nói :

-Bây giờ mày ra quán bà Sáu La mua hột vịt về chiên thêm cho nó ăn.

Nghe vậy, tôi nói :

-Thôi được rồi ba ạ, bằng này con ăn đủ no rồi.

Ông nhìn tôi ăn có vẻ ái ngại. Tôi vừa suy nghĩ vừa nhai bát cơm nguội cứng ngắt và gỡ xương con cá nục. Bỗng lại nghe bố vợ hỏi :

-Thằng Hai từ ngày trốn đến giờ, mày làm gì và ở đâu ?

Tôi chậm rãi kể lại đầu đuôi mọi chuyện. Ông chép miệng và nói :

-Thế mày không biết thằng Cảnh Sát nào ăn trộm vỏ ruột xe Honda à ?

Tôi đáp :

-Nhân viên cảnh sát Gò Vấp đông lắm, trên 100 người. Trong đó có người xấu, người tốt và Ban Hành Chánh thì không có khoá cửa và không người trực ban đêm. Con không đề phòng nên mới xảy ra như vậy.

Nghe xong câu chuyện, ông đứng dậy, vẻ mặt buồn bã, lững thững ra về. Lúc này trời đã khuya, vợ con tôi đều đã đi ngủ. Tôi tiễn bố vợ ra cửa, chờ ông ra một quãng và đóng cửa đi

ngủ cho lại sức để ngày mai còn rong ruổi bán dạo.

Tôi suy nghĩ lời nói của ông bố vợ và tình cảm của những người trong khóm Thành Hưng thì cũng có thể tin tưởng được. Kể từ ngày ấy, tôi bắt đầu về nhà, sáng đi chiều về. Tuy vậy, tôi vẫn đề cao cảnh giác. Buổi sáng đi chuyến xe thứ nhất, buổi chiều về chiều về chuyến chót và vẫn đi tắt xuống bên sông rồi tạt vào nhà.

Thỉnh thoảng vài ba tuần lễ, tôi lại đến nhà anh Đăng và ngủ đêm tại đó. Mỗi lần tôi đến, anh tôi lại nói câu vui đùa, "Ông Thòng lại đến". Tôi nghe câu này đã quen tai và thấy anh vui, tôi cũng hả dạ phần nào. Khi tôi chưa về Hiệp Hoà ở, mỗi buổi chiều tôi đi bán về trễ thì anh tôi sốt ruột, đứng ngồi không yên. Anh nói với tôi :

-Chú năm nay đã già rồi, râu tóc bạc phơ như thế mà sao anh vẫn có cảm tưởng như chú còn bé bỏng. Mỗi lần chưa thấy chú về thì anh phập phồng lo sợ quá.

Câu nói từ đáy lòng một người anh thương em làm tôi xúc động ứa nước mắt.

Lúc này tôi đã bõm bẻm biết sửa đồng hồ và lau dầu các loại đồng hồ đeo tay và đồng hồ đặt bàn báo thức. Tôi đi mua một số đồng hồ cũ bán ở đường Trần Hoàng Quân và vùng Chợ Thiếc để sửa và tân trang lại, đem bán kèm theo dao lam đá lửa. Cứ sửa và tân trang được bốn năm cái thì tôi lại đeo vào tay một cái, còn mấy cái khác tôi để trong túi xách. Khi mời khách mua dao lam, đá lửa tôi cũng mời mua thêm chiếc đồng hồ đang đeo trên tay. Có ngày tôi bán được hai ba cái, có ngày chẳng bán được cái nào. Những đồng hồ tự động như Seiko, Orient, Rado sửa và tân trang lại có thể lãi được 60% một cái nhưng khó kiếm các loại này. Còn các loại lên dây như Viler..thì lãi ít hơn. Kể ra nghề sửa chữa đồng hồ cũng dễ kiếm ra tiền. Nếu chịu khó tìm tòi mua phụ tùng cũ hoặc mới thì cái nào hư cũng có thể sửa được nhưng cần nhất là phải kiên nhẫn chứ nóng tính thì không được.

Thời gian này thành phố Sài Gòn hay bị pháo kích, dân chúng rất xôn xao. Vì thế, tôi cho con Bình về Hiệp Hoà không bán lạt son nữa. Còn chành ve chai, tôi cũng ngưng không thu mua nữa. Sau khi bàn với anh Đăng, tôi trả môn bài cho quận 11 và trả nhà mượn lại cho chủ. Những đồ dụng cụ như cân tạ, cân tay và lật vật khác, tôi đem ra chợ Thiếc bán rẻ cho tiệm mua đồ cũ. Sỡ dĩ như vậy, một phần vì an ninh, một phần vì tôi không muốn kéo dài thời gian buôn bán với tên Trúc nữa vì vợ nó đã làm tôi mất tin tưởng.

Việc bán dạo dao lam và đồng hồ đeo tay của tôi mãi đến ngày thành phố Sài Gòn và Biên Hoà được giải phóng thì tôi không còn đi nữa. Từ ngày 26 đến ngày 30/4/1975, tôi ở nhà không dám ra ngoài đường vì dân chúng xôn xao cho biết quân Cách Mạng Giải Phóng Miền Nam sắp sửa tiến công vào Biên Hoà và Sài Gòn. Trong khi ấy phi trường Biên Hoà và những vùng lân cận thường hay bị pháo kích. Ban ngày những đoàn máy bay trực thăng liên tục bay ngang trên nóc nhà tôi trên đường di tản người ra chiến hạm đậu ngoài khơi Vũng Tàu. Con tôi tên Phạm Ngọc Ninh là trung sĩ cơ khí phi hành hàng ngày cũng có mặt trong đoàn máy bay ấy để sẵn sàng sửa máy khi có trục trặc trên không. Chiều ngày 28/4/1975 khoảng 5 giờ, sau khi di tản người ra chiến hạm, Ninh trở về báo cho biết nếu tôi muốn cho gia đình ra chiến hạm ngoài khơi Vũng Tàu để đi sang Mỹ thì nó sẽ đưa vào cổng phi trường Biên hoà rất dễ dàng. Tôi bảo nó :

-Bây giờ Ba chán lắm rồi, chẳng còn muốn đi đâu nữa. Nếu quân cách mạng tới ra sao thì ra, hơn nữa ba là thành phần đào ngũ chắc cách mạng không giết đâu. Mà còn trẻ vợ con chưa có, muốn đi đâu thì đi ba không có ý kiến gì.

Nghe tôi nói vậy, nó nói :

-Ba Mợ không đi con làm sao đi được. Con không thể nào bỏ Ba Mợ và các em để đi sang Mỹ.

Và nó quyết định không quay trở lại đơn vị nữa.

Ngày 29/4/1975, quân Giải Phóng chiếm Biên Hoà. Tôi không thấy phi trường Biên Hoà bị pháo kích nữa, chỉ nghe tiếng súng lẻ tẻ xa xa. Khoảng 6 giờ chiều thì một đoàn quân cách mạng đi từ hướng Biên Hoà qua cầu Rạch Cát để tiến về Sài Gòn. Dân chúng hai bên ùa nhau ra xem. Tôi cũng ra xem, thấy đoàn quân đi trong hàng rất nghiêm chỉnh, đầu đội nón cối và mũ tai bèo, chân đi dép râu. Trong đoàn quân thỉnh thoảng có người cầm cờ Giải Phóng Miền Nam. Thấy đoàn quân đi qua, dân chúng tỏ vẻ sợ hãi trong sự khinh bỉ. Nhưng cũng có người đem nước và trái cây đến tặng! Tôi nghe chua xót trào dâng trước cảnh tượng quái gở này.

Trong mấy ngày Biên Hoà và Sài Gòn vừa được giải phóng, tôi chưa biết làm nghề gì phù hợp trong giai đoạn này. Tôi ở lì trong nhà không đi đâu, lòng bồn chồn lo sợ chẳng biết thân mình và thằng Ninh sẽ ra sao.

Hai ngày sau đó, khoảng 9 giờ có ba người đàn ông lớn tuổi đến nhà tôi. Tôi nghĩ, “thôi rồi! chắc cách mạng đến bắt mình đây”, nhưng đã đến nước này tôi chẳng còn biết sợ gì nữa và bình tĩnh ra ngoài hiên đón họ. Tôi ra tới hiên thì thấy họ đứng dưới thềm.

Một người hỏi :

-Có phải chú là chú Cai Tri không ?

Tôi gật đầu đáp :

-Phải, tôi là Tri đây.

Nghe tôi nói, ba người bước lên thềm. Tôi vội mời họ vào nhà. Theo phép lịch sự, tôi rót trà mời. Lúc này, tôi thấy ba người nhìn tôi chăm chăm nhưng nét mặt có vẻ hiền từ. Một người nói :

-Chú có biết chúng tôi không ? Tôi là Hai Ngõa đây.

Rồi chỉ hai người kia :

-Anh này là Sáu Ót và anh này là Ba Hoà.

Tôi sực nhớ lại Ba Hoà, người tù nhân đã hớt tóc cho tôi cách nay hơn 30 năm ở đình Thành Hưng. Còn hai người tên Hai Ngõa và Sáu Ót thì tôi không biết.

Tôi thốt lên :

-Trời ơi! Thế mà tôi không nhận ra ông, sao mà ông mau già thế này !

Nghe vậy, Ba Hoà nói :

-Hơn 30 năm rồi còn gì nữa mà không già ! Hồi đó gặp chú tôi đã ngoài 40 tuổi. Sau khi chú đổi đi chỗ khác, anh em bị giam giữ trong đình Thành Hưng rất là tiếc vì chẳng được ai giúp đỡ cho ăn uống như khi chú còn ở đó. Sau đó hai tháng, tôi được tha. Nói thật ra, tôi là Việt Cộng nằm vùng ở Cù Lao này nhưng không bị lộ mới được tha như vậy. Nhưng chẳng may cho tôi, khi về nhà ở Vườn Mít một đêm thì bị Pháp bắt lại vì nó thấy khẩu súng lục tôi giấu trên máng nước sau nhà. Có lẽ bọn mật thám theo dõi nên bắt được tôi với tang vật là khẩu súng lục và một số truyền đơn. Tôi hết đường chối cãi. Tụi nó bắt tôi về phòng Nhì tra tấn dã man nhưng tôi chỉ khai bậy bạ chứ không khai thật cho chúng biết tổ chức của mình. Cuối cùng tụi nó đưa tôi ra Côn Đảo giam giữ tại đó cho đến ngày giải phóng tôi mới được giải thoát. Hiện nay, tôi đã già không làm việc gì nữa nhưng là thành viên trong Ủy Ban Tỉnh Ủy Biên Hoà. Hôm nay tôi đến đây tìm lại những đồng chí bị nhốt ở đình Thành Hưng ngày trước xem ai còn ai mất thì gặp anh Hai Ngõa và anh Sáu Ót đây. Tôi rủ hai anh ra đình Thành Hưng để xem lại những vật kỷ niệm như hoành phi, câu đối sơn mài mà khi trước rãnh rỗi tụi tôi đã làm để cúng đình. Sẵn dịp có đủ mặt, tụi tôi đến đây để tìm thăm chú. Thật là vui quá.

Nghe ông Ba Hoà nói đầu đuôi một hơi, tôi không còn lo sợ nữa. Tôi hỏi :

-Bây giờ ông ở đâu và con cái được bao nhiêu người ?

Ông nói :

-Tôi về nhà ở Vườn Mít với vợ tôi nhưng vợ chồng tôi không có con.

Tôi nghĩ bụng, tội nghiệp cho một con người vì lý tưởng cách mạng mà lại bất hạnh về đường con cái. Sau khi nghe câu chuyện của ông Ba Hoà, tôi nói chuyện với ông Hai Ngõa và ông Sáu Ốt. Hai ông này cho biết đều là người trong khóm Thành Hưng, cũng bị giam giữ ở đình Thành Hưng cùng ông Ba Hoà, và khi được tha về, hai ông lại tiếp tục hoạt động cho cách mạng. Tôi không nhận ra được Hai Ngõa và Sáu Ốt vì lúc đó số người bị giam trong đình Thành Hưng rất đông, tôi không thể nhớ hết được. Ngoại trừ ông Ba Hoà là người tôi coi như một người bạn vong niên. Ông Hai Ngõa nói cho biết, hiện nay ông và gia đình ở gần nhà ông Ba Bành, vừa rồi ông được Ủy Ban Nhân Dân Xã mời ra làm việc nhưng vì tuổi đã già nên chỉ nhận tạm chức Trưởng Ấp Nhị Hoà, sau này bầu cử lại ông cũng xin thôi.

Tôi cũng hỏi ông Sáu Ốt và gia đình ở đâu, làm ăn thế nào. Sáu Ốt nói :

-Tôi cũng là người ở Thành Hưng, cũng hoạt động nằm vùng ở địa phương này, cũng bị Tây bắt nhốt ở đình Thành Hưng và cũng được thả cùng đợt với ông Ba Hoà. Bây giờ mất kém nên tôi không tham gia làm việc cho chính quyền mới. Hôm nay gặp chú đây, chúng tôi rất mừng. Vậy chúng tôi sẽ làm giấy chứng nhận chú là người đã giúp đỡ chúng tôi khi bị Tây nhốt ở đình Thành Hưng.

Nghe ông Sáu Ốt nói vậy, tôi nghĩ bụng, mình chỉ thấy người Việt Nam bị giam giữ đói khát thì thương nên mới cho họ cơm thừa của nhà bếp để ăn, nếu không thì hạ sĩ Lớn cho người quen đem về nuôi lợn thì uống. Như thế, làm sao mình có thể nhận là có công với cách mạng? Tôi lại nghĩ, nếu có nhận thì giấy ấy cũng chỉ là một mảnh giấy vô nghĩa đối với tôi vì tôi không thích làm việc gì ngoài việc buôn bán. Bởi lẽ đó nên khi ông Sáu Ốt nói ra, tôi từ chối không nhận. Lúc này đã gần đứng trưa, ba ông đứng dậy chào tôi và ra về. Ba ông còn nói, “khi nào có việc mời chú đến nhà chơi, nếu không biết thì hỏi những người xung quanh sẽ biết.” Tôi gật đầu, cảm ơn.

Ngày 5 tháng 5 năm 1975, Ủy Ban Nhân Xã Hiệp Hoà phát thanh cho biết, những quân nhân, công chức của chế độ cũ phải đến trình diện tại Ban Công An xã Hiệp Hoà lúc 8 giờ sáng ngày hôm sau. Được tin này, tôi vội đến gặp ông Hai Ngõa, trưởng ấp, và hỏi :

- Tôi sẽ phải đi trình diện Ban Công An như xã đã loan báo không ?

Hai Ngõa nói :

-Chú cứ đi, không sao đâu. Nếu có gì tôi sẽ giúp cho.

Tôi trở về nhà nhưng bụng vẫn còn hoang mang, không biết ông Hai Ngõa giúp ra sao. Còn thằng Ninh con tôi là trung sĩ không quân thời trước nữa ! Nghĩ đến nó, tôi vô cùng lo lắng. Thân tôi đã vậy cũng đành, còn nó trẻ quá nếu bị tù đầy thì thật bất hạnh. Đêm hôm ấy, tôi trần trọc khó ngủ. Không biết thằng Ninh nó sợ hay không, tôi vẫn thấy nó nhớn nhớn như không có gì xảy ra !

Ngày hôm sau, hai cha con tôi đến trình diện tại Ban Công An xã Hiệp Hoà. Nơi đây chính quyền cho biết hạ sĩ quan và công chức của chế độ cũ phải có mặt tại hội trường xã Hiệp Hoà để học tập đường lối chính trị của cách mạng trong 3 đợt, mỗi đợt 3 ngày. Riêng thành phần sĩ quan phải lên công 2 thuộc Ty Công An Biên Hoà trình diện. Được tin này, hai cha con tôi vui mừng khôn xiết vì mình chỉ là hạ sĩ quan.

Qua 3 đợt học tập cải tạo (9 ngày) và một ngày lao động, hai cha con tôi được Ban Công An xã Hiệp Hoà cấp giấy chứng nhận và trả tự do về nhà làm ăn. Lúc này, tôi thấy bộ đội các nơi đổ về Biên hoà rất đông và họ thường tìm mua radio và đồng hồ đeo tay. Sản có nghề sửa đồng hồ và một số đồng hồ cũ còn sót lại, tôi bèn thuê người đóng một tủ nhỏ, lấy sơn trắng viết tên hiệu là ĐỨC THÀNH, rồi đem ra lề đường trước nhà hàng Hạnh Phúc trong thành phố Biên Hoà để sửa chữa, lau dầu và bán đồng hồ đeo tay cho các binh sĩ cách mạng. Chỉ trong một buổi sáng, tôi đã bán được 6 cái và lau dầu được 8 cái. Thấy mái tóc bạc phơ cùng với việc làm rất

cần thận của tôi, khách hàng bộ đội cứ nghĩ tôi là một thợ già có kinh nghiệm nên bu lại rất đông. Một số vì phải chờ lâu quá nên bỏ đi nơi khác sửa. Thời gian này, thằng Ninh chưa có việc làm nhất định. Chỉ thỉnh thoảng theo các dì, các cậu đi xe lên vùng Định Quán chờ mía về cho các lò đường ở Biên Hoà, công việc ngày có ngày không và tiền vác mía mướn chẳng đáng là bao nhiêu. Thấy vậy, tôi bảo nó đừng đi làm phụ vác mía nữa, theo tôi lên chợ Biên Hoà phụ sửa đồng hồ. Ban đêm về nhà, tôi chỉ cách cho nó sửa đồng hồ cũng như thằng nhỏ Toại đã chỉ tôi khi trước. Trong vòng 3 đêm, nó đã biết hết và sau một tuần lễ, nó có vẻ thành thạo hơn tôi vì nó vốn là một chuyên viên sửa máy bay nên rất thông minh và cần cù.

Hai cha con tôi sửa đồng ở trước nhà hàng Hạnh Phước được gần một tháng. Tiền thu nhập hàng ngày có phần khấm khá nhưng công việc bị gián đoạn vì bị nhân viên trật tự Ban Quân Quản Biên Hoà giải toả. Chúng tôi lại dời tủ đồng hồ lên Tam Hiệp, nơi đây cũng có nhiều bộ đội qua lại. Lúc này, Út Đi, con chú Năm bên vợ, cựu trung sĩ địa phương quân đảo ngũ chưa tìm được việc làm cũng đến tôi ngõ ý xin học sửa đồng hồ. Tôi chấp thuận ngay và chỉ cách cho cậu làm. 5 ngày sau, cậu cũng đóng một tủ đồng hồ lấy tên là ĐỨC THỊNH và đem lên Tam Hiệp đặt trên vỉa hè cách tôi chừng 5 mét về phía phải. Sau đó không bao lâu, tôi lại dạy nghề thêm cho một cậu nữa tên Dung. Trong hai học trò mới thì Út Đi có vẻ khá hơn Dung vì mỗi khi có bộ đội đem đồng hồ đến để lau dầu hay sửa chữa thì tay Dung run rẩy, lúng túng, và cái nào khó thì kêu tôi hoặc thằng Ninh làm giúp. Một số bộ đội thấy vậy, không tin tưởng, bỏ sang tôi hoặc bỏ đi sửa nơi khác.

Một buổi sáng, một bộ đội đến lau dầu chiếc đồng hồ Seiko. Nghe giọng nói hơi nặng giống tiếng Móng Cáy, tôi hỏi chú người tỉnh nào. Anh bộ đội đáp :

-Cháu người Tiên Yên.

Tôi hỏi :

-Ồ Tiên Yên, thế chú có biết ai tên Thái, tên Xuân, làm thợ may không ?

Anh bộ đội nhìn tôi chăm chăm và nói :

- Khi còn đi học cháu thường đến nhà chú Thái và chú Xuân. Hai chú ấy coi cháu như người nhà. Hiện nay hai chú ở số nhà 41 phố Quang Trung, thị xã Tiên Yên, làm ăn rất khá giả.

Nghe vậy, tôi vui mừng quá vì biết hai thằng cháu mồ côi của mình qua bao năm chiến tranh vẫn còn sống. Tôi vội ghi địa chỉ và hỏi tên chú bộ đội. Chú cho biết tên là Thanh. Tôi cũng cho chú địa chỉ của tôi và mời chú đến nhà chơi khi có dịp. Chú bộ đội Thanh nói :

- Đơn vị cháu không ở đây lâu. Sẽ còn đi nơi khác. Nếu được rảnh cháu sẽ đến thăm bác.

Hai ngày sau, nhân dịp xuống Chợ Lớn để mua phụ tùng sửa đồng hồ, tôi ghé lại Hiền (em gái của Xuân, Thái) báo cho cháu biết đã bắt được tin và địa chỉ của hai anh. Lúc này, Hiền đã lập gia đình và ở cùng chồng con gần cổng số 10 quận Phú Nhuận, buôn bán lặt vặt.

Hiền rất vui mừng, nói :

-Cháu sẽ viết thư ngay cho hai anh ấy.

Cũng vào tuần ấy, một buổi chiều, có một bộ đội đi cùng Đặng Văn Quân đến nhà tôi. Quân là con cô út Nguyễn Thị Phải, em chồng của chị cả tôi tại Ninh Dương, Móng Cáy. Người thanh niên lạ ấy nói tên là Nguyễn Cao Chí, con của chị cả tôi nhờ chú Quân dẫn đến nhà. Thật ra, khi tôi 18 tuổi vào lính Khố Đỏ thì cháu Chí chưa ra đời nên tôi ngỡ ngàng không hiểu gì cả. Thấy vậy Chí nói :

-Cậu đâu biết cháu nhưng cháu nghe mẹ cháu nói lại nên hôm nay cháu nhờ chú Quân dẫn đến tìm cậu.

Nghe vậy tôi mừng rỡ, hỏi :

-Cháu từ đâu đến đây ?

Chí nói :

-Cháu thuộc hậu cần chiến khu Đ. Hôm nay có dịp đến Biên Hòa, cháu đến tìm chú Quân ở ngã ba Tân Vạn và được chú đưa đến đây.

Sau một hồi hàn huyên, tôi hỏi thăm ở Móng Cáy bây giờ ra sao.

Chí nói :

-Cháu cũng không biết vì đã đi vào Nam hơn 5 năm rồi. Sở dĩ bây giờ gặp chú Quân ở Tân Vạn vì cách đây 16 năm, chú có gởi thư về Ninh Dương qua Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến nên mẹ cháu mới biết được địa chỉ của chú ấy ở Tân Vạn.

Tôi hỏi về sự hoạt động của cháu hàng ngày, Chí chỉ nói qua loa. Hình như không muốn nói cho tôi biết, tôi hiểu ý nên không hỏi gì nữa. Sáng hôm sau, Chí cũng theo tôi lên Tam Hiệp, chỗ tôi sửa đồng hồ. Được một lúc, Chí nói đi tìm mua một cái đài (radio). Chừng một giờ sau, Chí quay lại nói với tôi :

- Cháu vào xóm phía trong gặp một người Hoa bán nước đá. Cháu hỏi người ấy họ gì, người ấy nói là họ Voòng (Hoàng). Cháu nói cháu cũng họ Voòng. Nghe vậy, ông ta mời vào nhà ăn cơm trưa.

Thằng này khá láu cá, vì theo tục lệ người Hoa dù không phải thân thích nhưng cùng họ với nhau thì họ rất quý, coi như anh em một nhà. Có nơi trai gái cùng họ không được lấy nhau. Một lúc sau, Chí lại nói :

-Buổi trưa hôm nay, cậu đi với cháu vào nhà ông Voòng chơi và cháu sẽ giới thiệu cậu cho ông ấy biết. Nếu ông ấy hỏi họ tên của cháu thì cậu cứ nói là Voòng Cấu Chí (Hoàng Cao Chí).

Tôi nghĩ thằng này cũng khá chu đáo. Nếu không, lộ tẩy thì ê mặt với người ta. Tôi lưỡng lự định không đi nhưng nghĩ lại thấy tội nghiệp một đứa cháu nghèo khổ từ Móng Cáy theo cách mạng bao nhiêu năm nay, biết bao gian nan vất vả. Nay đến đây, nếu kiếm chác được ít nào của một người Hoa buôn bán để thỏa mãn sự khao khát vật chất chút đỉnh cũng chẳng đáng kể gì. Hơn nữa, nay mai nó sẽ đi nơi khác, không ở đây lâu. Suy nghĩ vậy, tôi đồng ý và buổi trưa hôm ấy, hai cậu cháu đến nhà người Hoa.

Thấy chúng tôi đến, người Hoa này có vẻ vui mừng và mời vào nhà, ngồi trên bộ tràng kỷ bằng gỗ mặt bóng loáng. Lập tức, Chí giới thiệu tôi với người Hoa bằng tiếng Quảng Đông. Người Hoa đứng dậy, trịnh trọng chào tôi và nói bằng tiếng Quảng Đông :

-Tốt quá, hân hạnh được biết “khẩu phù” (cậu).

Tôi nghĩ bụng, người Hoa này coi Chí như anh em nên mới kêu tôi là cậu. Người Hoa lại hỏi :

-Khẩu phù họ gì ?

Tôi thành thật nói là họ Phàm (Phạm). Tôi lại hỏi người Hoa :

-Thế họ tên anh là gì ?

-Tôi tên là Voòng Cá Sồi (Hoàng Gia Tài), cùng họ với anh Chí đây.

Chí hớn hờ hấn ra ! Voòng Cá Sồi cho biết gia đình ông chuyên bán nước đá cây và bán bia nước ngọt cho các cửa hàng giải khát vùng Tam Hiệp. Sau vài ba câu chuyện làm ăn, tôi cũng nói hiện tôi có tú sửa đồng hồ đặt trên lề đường.

Voòng Cá Sồi nói:

-Tôi biết vì hàng ngày tôi đem nước đá và bia nước ngọt tôi đều đi qua chỗ cậu.

Nói rồi Sồi mời chúng tôi xuống phòng ăn cạnh bếp, ngồi vào một bàn tròn và hỏi vợ con dọn đồ ăn và bia ra. Lúc này, bà vợ và một người con gái đang loay hoay nấu nướng vội bung đồ ăn đặt trên bàn và cúi đầu chào tôi một cách lễ phép. Sồi đi đến chỗ để bia và nước ngọt,

xách lại một thùng trong đựng bia và nước ngọt và một số nước đá vụn, mở bia rót đầy 4 ly để trên bàn, đồng thời mời chúng tôi uống. Sau khi đồ ăn bày lên bàn xong, Sồi bảo vợ ngồi bên cạnh và giới thiệu tôi cho bà biết. Bà ta có vẻ vui mừng và cúi đầu chào. Người con gái thì đứng ngoài như một tiếp viên nghe bố giới thiệu cũng cúi đầu chào tôi. Ngay lúc ấy một thanh niên chừng 21 tuổi từ ngoài bước vào. Vòng Cá Sồi nói, “ nó là con tôi tên Vòng Nhật Sáng (Hoàng Nhật Sinh) phụ tôi trong việc mua bán hàng ngày”, đồng thời giới thiệu hai cậu cháu tôi cho Nhật Sáng biết. Sáng lễ phép cúi đầu chào rồi ngồi xuống bên mẹ. Tôi nhận thấy người Hoa vẫn giữ được sự lễ phép truyền thống của gia đình. Lúc này, Sồi cầm ly bia lên mời chúng tôi ăn uống. Tôi thấy đồ ăn bày đầy bàn trong những đĩa lớn đủ loại như thịt gà, thịt lợn, tôm cá, rau củ... Đặc biệt có món thịt lợn ba chỉ (ba rọi), to bằng 3 ngón tay mà người Hoa gọi là Khau Nhộc rất ngon nhưng chỉ ăn được một vài miếng thì đã thấy ngán. Trong khi ăn uống, người Hoa ít nói chỉ mời một lần trước khi ăn, rồi ai nấy tự nhiên ăn uống chứ không mời mọc hoài như người Việt ta. Tôi nhìn vợ chồng Sồi. Cả hai người trạc tuổi trên 50, vóc người mập mạp, nét mặt thật thà phúc hậu.

Sau khi ăn uống xong, đã 2 giờ chiều. Tôi và Chí đứng dậy cáo từ ra về. Vòng Cá Sồi vội vào nhà trong đem ra một gói giấy nhỏ màu hồng đưa cho Chí và nói :

- Cũng là họ Vòng với nhau, tôi coi anh như anh em và bây giờ anh phải đi, chẳng biết bao giờ gặp lại. Vậy tôi biếu anh món quà mọn này.

Chí có vẻ cảm động, cảm lầy, nói lời cảm ơn và hẹn nếu có dịp sẽ đến thăm nữa. Tôi nghĩ thầm, đừng bao giờ đến nữa thì tốt hơn. Hai vợ chồng Sồi và người con trai tiễn chúng tôi ra cửa.

Về đến chỗ sửa đồng hồ, tôi định bảo Chí mở ra xem có gì trong đó nhưng thấy bất tiện nên thôi. Chẳng còn câu chuyện gì để nói, Chí bèn cúi đầu chào tôi và xin phép về đơn vị. Tôi bèn đưa cho Chí 20 ngàn đồng để gọi là có chút quà cho cháu nhưng Chí nhất định không lấy mặc dầu tôi đã nói hết lời. Tôi dặn Chí khi nào về Móng Cáy thì viết thư cho tôi biết về tình hình ngoài đó nhất là chị cả tôi là mẹ cháu. Sau ngày Chí về đơn vị, Vòng Cá Sồi và người con trai thỉnh thoảng cũng đi qua chỗ tôi sửa đồng hồ. Mỗi khi đi qua, ông đều mời tôi về nhà ăn cơm. Tôi đều từ chối khéo với lý do là vì công việc nhiều mà làm cho bộ đội thì phải làm ngay, họ không chờ lâu được, nếu khi nào có dịp tôi sẽ đến chơi. Tôi cũng muốn trả ơn dùm cho thằng cháu. Một hôm, tôi hỏi người con trai tên Nhật Sáng có muốn học sửa đồng hồ không ? Anh ta lắc đầu nói là bận việc buôn bán không thể học sửa đồng hồ được. Thì thôi vậy.

Tôi và thằng Ninh sửa đồng hồ ở Tam Hiệp được hơn một tháng nữa thì nhân viên trật tự thuộc Ban Quản Quán đến cho biết phải dời đi chỗ khác trong vòng một tuần lễ, không được đặt trên lề đường làm cản trở lưu thông. Được lệnh này, tôi đi tìm chỗ đặt thùng sửa đồng hồ suốt 3 ngày trong khu vực phố Tam Hiệp, quận Đức Tu nhưng chẳng nơi nào có chỗ. Tôi bèn đến chỗ thằng cháu nhận tên Nguyễn Văn Thường đang cùng vợ bán tạp hoá gần chợ Tam Hiệp.

Ngày xưa, khoảng tháng 8/1948, khi tôi còn phục vụ trong tiểu đoàn lưu động (B.M.I), trong một cuộc hành quân tại vùng Bắc Ninh, tiểu đoàn bắt một số người tình nghi hoạt động cho Việt Minh đưa về tạm giam tại nhà tù Hải Dương để điều tra thanh lọc. Trong số này có một thằng bé tên Nguyễn Văn Thường chừng 13, 14 tuổi, dáng vẻ hiền lành và thật thà. Sợ nó bị Phòng Nhì Pháp tra khảo đánh đập, tôi thương tình bèn nhờ trung úy Dèlachènesse, đại đội trưởng, xin cho nó ra. Trung úy Dèlachènesse cũng chịu ý tôi và đưa tôi đến chỗ tạm giam. Tại đây, trưởng ban điều tra là một thiếu úy người Pháp. Sau lời giới thiệu của trung úy Dèlachènesse, thiếu úy trưởng ban đồng ý tha cho Thường nhưng yêu cầu tôi phải làm giấy cam đoan bảo lãnh. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì và đồng ý làm giấy bảo lãnh cho nó ngay. Sau đó tôi đưa nó về nhà và hỏi nó muốn ở lại với tôi hay muốn về Bắc Ninh. Nó lưỡng lự chưa trả lời thì tôi lại

nghĩ, bây giờ dân chúng vùng Bắc Ninh phần đông đều di tản đi nơi khác, nó về chưa chắc gặp được cha mẹ nó. Lớng có thể bị một cuộc hành quân nào khác của quân đội Pháp bắt nữa thì khổ thân. Bởi vậy, tôi bảo nó :

-Bây giờ cháu mà về thì không biết có gặp được bố mẹ và gia đình cháu không. Vậy cháu có bằng lòng ở lại đây với cậu một thời gian không ? Khi nào Bắc Ninh được yên ổn thì cậu cho cháu về và cậu coi cháu như là một đứa cháu nuôi. Nếu cháu muốn đi học cậu sẽ cho cháu đi học.

Nghe tôi nói vậy, thằng Thường tỏ vẻ vui mừng và bằng lòng ở lại với gia đình tôi. Kể từ đó, tôi coi nó như một đứa cháu ruột và rất thương yêu nó. Hơn nữa, nó là người Bắc Ninh mà tổ phụ tôi cũng là người Bắc Ninh nên tôi lại càng thương yêu nó nhiều hơn. Những khi tôi đi hành quân, nó cũng muốn đi theo để giúp đỡ tôi nhưng tôi không cho vì sợ có nhiều nguy hiểm trong cuộc hành quân.

Thường ở với gia đình tôi đến cuối tháng 12 năm 1949, vào một buổi chiều, có một người đàn ông chừng 40 tuổi đến chỗ tôi ở và nói là chú ruột của thằng Thường từ Bắc Ninh xuống. Thoạt thấy tôi, ông ta cúi đầu gần sát đất và chấp tay vái :

-Xin ông làm ơn tha cho cháu tôi về.

Thấy vậy, tôi vội đến đỡ ông đứng thẳng lên và nói :

-Cháu Thường ở nhà tôi, không ai bắt bố cháu đâu mà ông lại vái lạy như thế. -

Thường chạy đến, nhận ra chú mình bèn nói với tôi :

-Chú ruột của cháu đây.

Tôi mời chú vào nhà và thăm hỏi tình hình Bắc Ninh và gia đình cháu Thường ra sao. Ông nói :

-Bắc Ninh bây giờ đã yên ổn, dân chúng đã trở về tiếp tục làm ăn và đã có chính quyền xã ấp của Quốc gia. Gia đình tôi nhờ người thăm hỏi nên biết cháu Thường ở đây, mới đến xin ông cho cháu về.

Tôi mừng được biết gia đình Thường bình an. Tôi tính mời chú của Thường ở lại qua đêm, ngày sau hãy về nhưng nhận thấy quá bất tiện vì nhà chỉ có một cái giường của vợ chồng tôi. Còn cháu Thường thì một cái giường xếp của nhà binh. Nếu ở lại, hai chú cháu không thể nào nằm chung qua đêm được. Lúc ấy khoảng 4 giờ rưỡi chiều, nếu về Bắc Ninh thì vẫn còn kịp nên tôi hỏi vợ tôi thu xếp quần áo và cho cháu tiền để về với chú nó. Đồng thời tôi gửi lời chào về bố mẹ cháu, và dặn khi có dịp thì mời ông và bố mẹ cháu đến chơi. Một niềm vui toại nguyện lâng lâng trong lòng tôi đêm hôm ấy. Từ đó, tôi không có tin tức gì của thằng Thường nữa.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, vào một buổi sáng tháng 10/1953, tôi đang làm việc trong Phòng Nhân Viên Bộ Tham Mưu Pháp tại Hà Nội thì được người gác văn phòng báo cho biết, có một binh sĩ nhảy dù đến tìm tôi và đang chờ ngoài hành lang. Nghe vậy, tôi vội đi ra thì thấy cháu Thường trong quân phục rằn ri, đầu đội берет đỏ của binh chủng nhảy dù. Thấy tôi, Thường vui vẻ cười nói :

-Cháu đến B.M.I ở Hải Dương thì được tin cậu làm việc ở đây.

Tôi ngắm nhìn Thường thì thấy lúc này cháu đã là một thanh niên cao lớn và khỏe mạnh. Tôi thầm nghĩ, chỉ cách hơn 3 năm mà nó lại mau lớn như thế. Tôi vui mừng dẫn Thường xuống canteen vừa uống nước vừa trò chuyện. Thường nói cho biết :

-Năm ấy, ở Hải Dương về nhà ở Đại Tràng, Bắc Ninh, cháu đã gặp bố mẹ và người thân trong gia đình. Từ ngày ấy cháu vẫn luôn luôn nhớ đến cậu. Cháu vừa tình nguyện vào nhảy dù và đang thụ huấn tại Hà Đông.

Nghe vậy tôi nửa vui, nửa buồn vì thấy Thường gia nhập nhảy dù là một binh chủng tác chiến rất nguy hiểm đến tính mạng mỗi khi từ máy bay nhảy xuống nếu đụng độ với Việt Minh ở

dưới đất. Nghĩ vậy, tôi chỉ thương thằng cháu nhận đã sai lầm nhưng không tiện nói ra. Sau đó, Thường về lại đơn vị. Tôi tiễn cháu một đoạn đường mà lòng nặng trĩu một nỗi buồn khó tả.

Sau thời gian thụ huấn tại Hà Đông, Thường được bổ sung vào tiểu đoàn nhảy dù và dự trận Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ thất thủ, Thường bị bắt làm tù binh. Đến tháng 6/1954 trao trả tù binh, Thường được trả tự do và chuyển sang Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù Việt Nam vào năm 1955, đóng tại Biên Hoà. Lúc này Thường được thăng cấp trung sĩ I và làm trưởng ban Kế Toán Đại Đội. Thời gian này, Thường kết hôn với một cô gái có đạo Thiên Chúa tại Tam Hiệp. Cô này rất đảm đang và khôn ngoan trong việc buôn bán hàng P.X. của quân đội Mỹ đóng tại phi trường Biên Hoà. Bởi thế, chỉ trong vòng 2 năm, hai vợ chồng đã có một số vốn khá lớn và tậu được một ngôi nhà hai tầng ở Quốc Lộ 1 gần chợ Tam Hiệp. Tôi biết tin Thường và gặp lại cháu tại Tam Hiệp là do một sự tình cờ. Vào một buổi sáng chủ nhật năm 1967, tôi đến thăm một người bạn cùng khóa Hiến Binh tên Chu Văn Huệ. Sau khi ngành Hiến Binh giải tán, Huệ được chuyển sang Cảnh Sát làm việc tại Chi Cảnh Sát Đức Tu, Biên Hoà. Trong khi trò chuyện, Huệ nói có Đại Đội 5 Tiểu Đoàn Nhảy Dù đóng tại Tam Hiệp. Nghe vậy, tôi sực nhớ đến Thường và hỏi Huệ một câu cầu may :

-Không biết đại đội này có người nào tên Nguyễn Văn Thường không?

Huệ nói :

-Tôi có biết trung sĩ I Nguyễn Văn Thường hiện làm kế toán trưởng cho đại đội.

Nghe vậy, tôi nửa tin nửa ngờ. Hôm sau, tôi đến Đại Đội 5 Nhảy Dù, hỏi thăm một số binh sĩ thì được biết chắc chắn là có trung sĩ I Nguyễn Văn Thường làm kế toán trưởng nhưng ngày chủ nhật không làm việc. Có người lại cho tôi địa chỉ nhà của vợ chồng Thường. Tôi quyết định đến nơi xem có phải là Thường không.

Theo chỉ dẫn của mấy người lính Nhảy Dù, tôi đã đến đúng nhà cũng là tiệm bán hàng của vợ chồng Thường gần chợ Tam Hiệp. Thường nhận ra tôi ngay và vui mừng mời tôi vào nhà. Tôi cũng mừng lắm và theo cháu ngồi vào bộ salon bằng gỗ đồ bóng láng đặt phía sau quầy tạp hoá. Một phụ nữ khoảng 23, 24 tuổi, thân hình mảnh khảnh, đôi mắt sắc sảo, có vẻ lạnh lẽo vừa ngoài cửa bước vào cúi đầu chào tôi. Thường giới thiệu, “đấy là vợ cháu”. Tôi vui mừng thấy đứa cháu mình ngày trước nay đã thay đổi nhiều và có cuộc sống khá sung túc.

Bây giờ, sau khi bị giải tán và tìm mãi không ra chỗ khác để hành nghề, tôi chợt nhớ đến Thường. Tôi đến nhà và nói với hai vợ chồng nó về việc sửa đồng hồ trên lễ đường bị đuối. Thường vui vẻ đồng ý cho tôi đặt cái tủ đồng hồ sát vách tường. Ngày hôm sau vào buổi trưa, tôi đến nhà Thường định nói cho nó biết là ngày mai tôi sẽ đem tủ sửa đồng hồ đến, nếu có hàng tạp hoá lật vật gì đang để chỗ góc tường thì thu xếp gọn lại. Khi đến nơi, Thường đang làm việc gì đó trong nhà sau, chỉ có vợ nó tiếp tôi với vẻ mặt lạnh nhạt. Tôi ngồi bên cạnh tủ kính đựng tạp hoá, ngơ ngáo nhìn những hàng hóa xếp đầy trên những kệ sát hai bên tường. Một lúc sau, vợ Thường đến gần chỗ tôi ngồi và tìm kiếm một cái gì đó. Tôi hỏi :

-Chị làm cái gì thế ?

Vợ nó vẻ mặt cau có, nói :

-Tôi tìm cái đồng hồ đeo tay. Tôi để trong tủ này nhưng bây giờ không thấy nó đâu.

Vừa lúc ấy Thường từ nhà dưới đi lên cũng lục lạo tìm kiếm xung quanh chỗ tôi ngồi nhưng vẫn không thấy. Lúc này vẻ mặt của vợ Thường càng thêm cau có và thỉnh thoảng liếc nhìn tôi với vẻ nghi ngờ. Tôi nghĩ bụng, chắc con này nó nghi ngờ tôi. Tự ái của tôi tự nhiên nổi dậy nhưng tôi cố kiềm chế cơn giận. Tôi đứng lên bỏ đi, không thềm nói một câu gì phân bua. Tôi thềm nhũ có nói cũng vô ích, biết đâu là một cái cơ mà vợ nó bày ra để đuối khéo tôi không cho đặt chiếc tủ sửa đồng hồ tại nhà nó.

Hết thời gian được đặt tủ đồng hồ tại lễ đường Tam Hiệp, tôi đành tạm dời về nhà. Lúc

này, tôi và thằng Ninh chỉ còn cách tìm mua đồng hồ cũ, sửa chữa và tân trang bán cho bộ đội. Công việc này chỉ kéo dài hơn 2 tháng vì bộ đội thưa dần, không đông như lúc mới giải phóng. Tuy cha con tôi bán được vài chiếc trong một ngày nhưng chẳng lãi được bao nhiêu, không đủ chi phí cho gia đình. Tôi định kiếm một chỗ nào đó để thuê đặt chiếc tủ sửa đồng hồ nhưng tìm khắp nơi từ Biên Hoà đến Tam Hiệp chẳng có nơi nào thuận tiện.

Thời gian này, UBND xã Hiệp Hoà thông báo cho dân chúng biết, nếu ai không có ruộng đất hoặc cơ sở làm ăn căn bản thì nên lên Kinh Tế Mới mà khai thác đất đai làm rẫy. Nhà nước sẽ giúp đỡ làm nhà cho gia đình ở, cấp gạo trong 6 tháng đầu và cấp cho dụng cụ khai hoang. Thông báo ấy làm tôi suy nghĩ nhiều đêm. Gia đình tôi không có đất đai gì ở xã Hiệp Hoà, ngôi nhà bằng gỗ lợp tôn cũng là nằm trong khuôn viên nhà bố vợ, còn việc buôn bán của tôi thì bấp bênh, không biết sau này sẽ ra sao. Tôi không biết tính sao, bèn đến ấp Nhị Hoà gặp ông trưởng ấp Hai Ngõa để hỏi ý kiến. Nghe tôi trình bày xong, Hai Ngõa động viên :

-Chú cứ đi đi. Nhà nước có chính sách ưu đãi người đi kinh tế mới. Lên đó, gia đình chú sẽ có nhà ở, có gạo ăn trong 6 tháng đầu và được cấp phát dụng cụ làm rẫy, đúng như xã đã thông báo. Nếu chú đi thì đến đăng ký tại UBND xã Hiệp Hoà. Sắp có đợt thứ nhì rồi đó chú.

Hai Ngõa còn nói, “càng sớm càng tốt, nếu đi trễ sẽ phải về các vùng xa hơn”.

Yên tâm vì được lời động viên của ông Hai Ngõa, tôi đến UBND xã đăng ký cho gia đình lên Kinh Tế Mới đợt nhì. Tuy vậy, tôi còn dè dặt nên chỉ đăng ký cho vợ tôi và 6 đứa con đi trước, còn tôi và thằng Ninh, thằng Nghĩa ở lại. Thằng Nghĩa năm ấy đã 15 tuổi, đang học lớp 9. Sáu đứa con theo mẹ gồm có Con Dương 20 tuổi, thằng Trung 16 tuổi đã tốt nghiệp lớp 10, thằng Khải 12 tuổi, con Trang 10 tuổi, thằng Chính 8 tuổi, con Bích 6 tuổi. Sở dĩ tôi cho vợ và 6 đứa con lên Kinh Tế Mới trước vì lúc này, tôi không còn khả năng nuôi và cho các con đi học được nữa. Chỉ còn thằng Nghĩa là được ở lại để tiếp tục đi học. Còn tôi và thằng Ninh thì ở lại tiếp tục sửa và bán đạo đồng hồ, tìm cơ hội buôn bán gì đó để kiếm thêm tiền tiếp tế cho vợ con tôi trên Kinh Tế Mới.

Thế là ngày 15/09/1976, vợ tôi và 6 đứa con lên vùng kinh tế mới thuộc huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai. Được 2 tuần sau, tôi cho thằng Ninh theo đoàn xe tiếp tế của UBND xã Hiệp Hoà đến thăm mẹ và 5 đứa em của nó coi tình hình ra sao. Hai ngày sau, nó theo đoàn xe trở về và báo cho tôi biết mẹ và 6 đứa em của nó ở xã Hòa Hương, huyện Xuyên Mộc, được một ngôi nhà sườn cây, lợp lá dừa nước, diện tích chừng 40 mét vuông nằm trong thổ cư 1000 mét vuông. Hàng ngày, mẹ nó và thằng Trung đi khai hoang tập thể. Con Dương vì khờ khạo và mấy đứa em khác còn nhỏ nên không phải đi làm. Dụng cụ khai hoang được cấp phát như cuốc, xẻng, dao rựa, búa, thùng gánh nước. Ngoài ra còn được phát gạo và bột mì tính theo đầu người nên không sợ đói. Mình chỉ phải mua đồ ăn như mắm muối, cá thịt tùy theo khả năng. Nghe nó nói tôi cũng tạm yên tâm. Trong thời gian này, công việc làm ăn của tôi và thằng Ninh ngày càng ế ẩm nên số vốn tích lũy ngày càng hao mòn. Tôi không biết xoay sở ra sao nữa. Xung quanh tôi, mọi người cũng đều gặp khó khăn. Công ăn việc làm ngày càng khó kiếm. Những nhà giàu có từ trước thì chưa bị ảnh hưởng nhiều lắm.

Chẳng còn lối thoát, tôi bèn ra UBND xã Hiệp Hoà đăng ký cho cha con lên Kinh Tế Mới đợt 3. Ngôi nhà gỗ lợp tôn, vách ván và tất cả đồ đạc như bàn, ghế, giường, tủ... tôi đem bán hết cho một người mua đồ cũ với giá 300 ngàn đồng để họ dỡ nhà đem đi. Khoản đất thì trả lại cho bố vợ. Đồng thời, tôi nhờ bố vợ trông coi và săn sóc dùm thằng Nghĩa để nó ở lại tiếp tục đi học.

Cùng đi đợt 3 này, có anh Nguyễn Văn Nghĩa người ấp Nhất Hòa đi cùng chuyến xe. Trong câu chuyện làm quen, Nghĩa cho tôi biết hắn làm xã đội trưởng xã Hoà Bình tức là xã mà tôi sắp đến. Nghe vậy, tôi nghĩ thằng Trung con tôi đi đợt trước thuộc xã Hoà Hương như vậy là

khác xã. Tôi nói việc này cho Nghĩa biết, anh ta nói :

-Chuyến này cũng lên đó và xã Hoà Hương cũng sẽ sáp nhập vào xã Hoà Bình. Tôi lại nghĩ đến tổ chức dân quân du kích do một xã đội trưởng chỉ huy, không biết có điều kiện gì lợi ích cho xã viên không. Tôi hỏi thì Nghĩa cho biết :

-Dân quân du kích trên vùng kinh tế mới được ưu đãi lắm. Chỉ có việc bảo vệ an ninh chứ không phải đi làm tập thể hàng ngày. Khi khai hoang xong, cũng được chia phần đất như mọi người dân kinh tế mới. Được ăn uống đầy đủ và sau này có thể còn được lãnh lương hằng tháng. Nếu con của chú muốn làm, cháu sẵn sàng giúp cho.

Nghe vậy, tôi thích quá và nhờ Nghĩa giúp cho thằng Trung được nhập vào dân quân du kích. Tôi nói thêm :

-Thằng Trung đã tốt nghiệp lớp 10.

Nghĩa nói :

-Vậy thì tốt quá. Có trình độ văn hóa thì rất tiện cho việc sổ sách của xã đội sau này.

Xe chở chúng tôi đến xã Hoà Hương theo quốc lộ I đi qua Long Thành và Bà Rịa rồi ngoặt về phía trái lên Bà Tô chừng 30 km, qua Long Điền, Đất Đỏ là quê hương của liệt sĩ Võ Thị Sáu. Từ Bà Tô lên xã Hoà Bình chừng 10 km, đoàn xe đi rất chậm vì đường đất đỏ gồ ghề có nhiều ổ gà. Cuối cùng, đoàn xe chúng tôi đến xã Hoà Bình. Xe tấp vào lề. Trưởng đoàn hướng dẫn nói cho biết, tất cả các gia đình và đồ đạc đem theo phải chuyển xuống đất, và tùy ý chọn căn nhà nào ở thì chọn. Nghe vậy, mọi người lục đục chuyển đồ đạc xuống và chọn nhà ở. Những gia đình có nhiều đồ đạc đem theo và những người có tính làm biếng thì chiếm những nhà gần đường. Tôi và thằng Ninh không có đồ đạc nhiều nên đi tuốt vào sâu cách đó chừng 200 thước, gần cuối hẻm, và nghĩ rằng sau này đi làm rẫy sẽ gần hơn. Tính toán này về sau mới biết là sai lầm.

Những ngôi nhà mà hai cha con tôi cũng như những gia đình khác vừa chiếm được đều lợp bằng lá dừa nước, cột nhà và sườn nhà bằng cây rừng cong queo, xung quanh chưa có vách gì cả, nằm thành hàng. Xung quanh dãy nhà cỏ mọc cao rậm rạp vì chỉ được xe ủi đất mới ủi qua một lần. Qua một thời gian ngắn, cỏ mọc lại như cũ. Ngoài ra, còn rất nhiều ụ đất ngổn ngang chưa được san bằng. Cách 5 nhà thì có một cái giếng đào sẵn, sâu chừng 20 m. Vào tháng này là mùa khô nên các giếng rất ít nước, chỉ vét chừng 3,4 thùng thì hết. Lại phải chờ cả giờ đồng hồ mới có nước lại. Muốn có nhiều nước thì phải xuống suối về hướng đông cách nhà chừng nửa cây số. Việc lấy nước thì thằng Ninh đảm nhiệm. Tuy nhiên, chỉ có hai cha con nên số nước tiêu thụ hàng ngày chỉ cần hai gánh là đủ.

Trong ba ngày, dọn dẹp cỏ rác xung quanh nhà và dựng vách bằng lá buôn, chặt những cây rừng nhỏ làm sàn thay giường, hai cha con tôi đã có chỗ ở tạm ổn. Số người cùng đi đợt 3 này được chia làm 3 tổ. Hộ tôi thuộc tổ 2, và tôi được dân trong tổ bầu làm tổ trưởng. Tổ phó là ông Nguyễn Văn Đóm. Ấp tôi ở thuộc ấp 1 do ông Năm Sanh cụt chân làm trưởng ấp gồm 9 tổ nằm bên tây lộ xã Hoà Bình. Xã Hoà Bình có 4 ấp. Sau này, tổ 1 xã Hoà Hương là tổ mà vợ và các con tôi đi đợt 2 được sát nhập vào xã Hoà Bình thuộc tổ 5. Xã Hoà Bình là xã Kinh Tế Mới thuộc huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đông Nai, cũng tổ chức hệ thống hành chính, quân sự như các xã khác trong tỉnh, có chi bộ, hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân. Số dân kinh tế mới này một phần thuộc xã Hiệp Hoà, một phần từ quận 11 thuộc thành phố Sài Gòn đưa lên.

Sau một tuần lễ, mỗi gia đình trong ấp đã ổn định chỗ ở. Chúng tôi được lệnh của UBND xã Hoà Bình cho khai hoang khu rừng già hướng tây lộ. Các tổ trưởng, tổ phó có bản phận đánh keng giờ làm, giờ nghỉ, trông coi người trong tổ phá rừng khai hoang, và chấm công hàng ngày vào sổ trình lên trưởng ấp. Công điểm là tiêu chuẩn để chia phần đất đã được khai hoang, nhiều ít theo giờ làm việc của mỗi người. Dân phá rừng chia làm 3 nhóm : Phụ nữ và

người yếu sức dùng rựa hoặc liềm chặt cây nhỏ và phát cỏ. Tổ thanh niên dùng búa rìu, rựa chặt những cây to vừa. Tổ thanh niên biết cưa thì dùng cưa xẻ và búa rìu hạ những cây to hơn. Những cây được hạ xuống đều được người trong tổ chặt cành rồi gom vào thành đống phơi nắng chừng một tuần thì đốt. Còn những thân cây thì được xếp dài theo hàng ranh. Trong số cây rừng có rất nhiều gỗ quý như gỗ, bình linh, căm xe...

Trong thời gian 3 tháng, áp chúng tôi đã phá được hơn 50 mẫu rừng nhưng càng về sau, hướng về phía sông Rây, thì càng khó vì mặt đất lổm chổm nhiều đá lộ thiên và dốc. Nếu chia đất cho toàn áp thì mỗi hộ chỉ được chừng 2, 3 sào. Qua tháng thứ 4, số gạo và bột mì của xã cấp phát không còn được như mấy tháng trước. Một số dân trong áp sinh ra làm biếng, không hăng hái như lúc ban đầu. Một số khác bỏ đi chặt lá buôn rồi chằm thành miếng đưa lên xe đò chở ra Bà Tô hoặc Bà Rịa bán. Một số khác bỏ về địa phương cũ tìm công việc làm hoặc đi lượm ve chai. Người nào có thân nhân giúp đỡ hoặc nhà cửa còn thì đỡ. Người nào không còn nhà cửa hoặc thân nhân giúp đỡ thì hàng ngày vất vưởng trên các bãi rác để tìm kiếm phế liệu lấy lát qua ngày, đêm thì tìm đến các công viên, vỉa hè hoặc chợ búa nằm đờ qua đêm. Chính quyền địa phương cũng tìm biện pháp giúp đỡ nhưng vì quá tải nên không thể giúp đỡ mãi được.

Thằng Nghĩa con tôi đang học lớp 9 ở xã Hiệp Hoà. Tôi đã nhờ bố vợ nuôi dưỡng dùm cho nó đi học nhưng lúc này gia đình bố vợ cũng gặp khó khăn. Vì thế, một tháng sau tôi phải về đưa nó lên xã Hoà Bình. Nghĩa đành phải bỏ học và cùng anh nó, Trung, gia nhập dân quân du kích. Như vậy, hai thằng con của tôi tạm ổn, không bị đói. Lúc này, tôi và tổ phó Nguyễn Văn Đốm hầu như bắt lức chẳng còn điều khiển dân trong tổ đi khai hoang được như trước nữa vì họ đều lơ là trong công việc, chỉ tìm cách trốn tránh để kiếm ăn như đào khoai chụp, củ nân. Thậm chí, có người đem những dụng cụ làm rẫy như cuốc, xẻng, rựa, búa đem đi bán rồi chuồn về thành phố không lên nữa. Tình trạng này không riêng gì áp tôi mà hầu hết 5 áp trong xã cũng có hiện tượng như vậy. Dân trong xã bỏ đi hơn phân nửa. Tuy vậy, chính quyền xã vẫn làm việc bình thường. Ai bỏ đi thì cứ đi, chẳng ai kiểm soát ai. Việc làm tập thể không còn nữa, việc khai hoang mạnh ai nấy làm, và khai hoang được bao nhiêu là của riêng, không chia phần theo chủ trương như trước nữa. Dân chúng lúc ấy định đem củi và gỗ về thành phố bán nhưng chính quyền địa phương không cho, đành phải đốt lấy tro đem bán.

Số đất khai hoang mà tôi được chia phần thì hơi xa và chẳng được bao nhiêu, tôi và thằng Ninh đành bỏ. Sau đó hai cha con tôi phá thêm 2 sào, cách nhà chừng 100m bị bỏ hoang không ai chiếm, như vậy tôi có 4 sào đất kể cả sào thổ cư tôi đang ở. Lúc này thằng Ninh và tôi cũng đi vào rừng chặt lá buôn về chằm thành miếng để bán tại chỗ cho con buôn, đồng thời trồng bắp và khoai mì (sắn) trên 3 sào đất sẵn có..

Số tiền bán nhà và đồ đạc ở Hiệp Hoà khi tôi lên kinh tế mới đã hao mòn hơn một nửa và lúc này, vợ và 6 đứa con của tôi tại áp 5 cũng gặp khó khăn. Vì thế, tiền bán lá buôn của hai cha con phải chia xẻ cho cả nhà tiêu dùng hàng ngày. Vợ con tôi cũng đi theo mọi người đào khoai chụp, chặt măng ở ven bờ sông Rây, tuy chẳng được bao nhiêu nhưng cũng đỡ đói.

Đầu năm 1977, Ninh ban đêm dạy Bình Dân Học Vụ cho người trong xã theo lời yêu cầu của U.B.N.D Xã. Thời gian này, nó lại yêu cô gái Chế Thị Lựu, con bà Tư cùng tổ. Cô này cũng có chút nhan sắc và là bạn chằm lá buôn trong tổ. Sau khi Ninh ngỏ ý lấy Lựu, tôi bèn đến nhà bà Tư gần đấy để nói cho bà biết việc nó yêu cầu. Bà Tư hẹn hai ngày sau sẽ trả lời vì còn phải hỏi ý kiến con gái bà. Y hẹn, hai ngày sau tôi đến và được bà Tư cho biết con gái bà đã đồng ý và bà cũng chấp nhận. Bà chỉ xin sinh lễ là một đôi bông tai vàng, 2 chai rượu, 100 quả cau, 1 cặp trà, theo truyền thống ông bà để lại, chứ không đòi hỏi gì thêm. Bà Tư còn cho biết, ngày hỏi và ngày cưới cũng là 1 ngày mà bà đã xem là ngày 18 tháng 3 âm lịch năm 1977.

Ngày hôm sau, nhân một chuyến đem lá buôn xuống Bà Rịa bán, tôi đã mua đủ những

gì đàng gái yêu cầu. Ngoài ra, tôi mua thêm vải màu cho con dâu may quần áo. Vì lúc ấy cả hai bên gia đình đều nghèo khổ nên tôi chỉ mời những người quen biết trong ấp và bữa tiệc chiêu đãi chỉ bằng bột khoai mì (sắn) luộc giã nát, nhào đường làm bánh uống với nước trà, chứ không rượu thịt gì cả. Vì thế, tôi đã làm thiệp mời viết bằng tay đưng trong phong bì, phía ngoài ghi câu "Xin Miễn Quà Tặng". Số bánh bột mì nhào đường được làm nhiều kiểu đẹp mắt do một số bà con trong tổ có nhã ý và có tay nghề đến giúp làm.

Tuy tiệc trà rất đơn sơ nhưng tôi nhận thấy mọi người rất đoàn kết và thương yêu nhau. Trong buổi lễ, tôi thấy có anh Nguyễn Văn Long, trưởng ban công an xã cùng một số cán bộ trong xã đến dự, tuy tôi không có gởi thiệp mời. Có lẽ các anh đến chia vui là vì biết thằng Ninh đang phụ trách lớp Bình Dân Học Vụ. Mọi người đều tỏ ra vui vẻ và chúc cô dâu chú rể được trăm năm hạnh phúc. Thấy thế, tôi cũng đỡ ngượng vì bữa tiệc trà quá đơn sơ. Và cũng hãnh diện vì biết rằng tất cả mọi người đều thật tình quý mến gia đình mình nên mới không nề hà mà đến dự. Số khách cũng gần 100 người. Khoai mì luộc phải nấu thêm, bà con tiếp tục nhào đường nặn bánh đưa lên để đãi khách đều đặn. Thật là quá sức vui vẻ. Đám cưới của Ninh-Lựu là đám cưới đầu tiên tại xã Hoà Bình, kinh tế mới. Đến khoảng 8 giờ tối, một số thanh niên chừng 20 người từ các ấp lân cận cũng đến chia vui. Họ đem theo đàn guitare, sáo, nhị, trống và dùng vung nôi làm phèng la. Họ hát hò những bản tình ca, chúc tụng cuộc hôn nhân được hạnh phúc lâu dài. Vì thế, bữa tiệc cưới càng thêm vui vẻ, độc đáo. Chẳng biết ban nhạc "nhà nghèo" kia đến sau có được ăn bánh khoai mì nhào đường và uống trà thoải mái không, vì lúc ấy trời đã khuya và một số bà con nặn bánh đã lác đác ra về. Dù sao, ai cũng đến cho vui chứ không phải vì cần ăn uống.

Sau lễ cưới của Ninh-Lựu được hơn 1 tháng, tôi gom về ấp 5 ở với vợ con. Tại đó, tôi nhận thấy số đất đai của gia đình tôi quá ít, chỉ được chừng 2 sào kể cả sào thổ cư mà xã cấp phát. Nếu trồng trọt hoa màu trên 2 sào này thì không đủ lương thực cho gia đình hàng năm nên tôi quyết định đi sâu vào bờ sông Rây phá rừng dọn rẫy, cách nhà chừng 1 cây số. Công việc hết sức gay go vì tại đây mặt đất không được bằng phẳng và có nhiều tảng đá lớn nằm rải rác trên mặt. Nơi đây là khu rừng già rất rậm rạp, có nhiều thú rừng như lợn, nai, khỉ và nhiều loài rắn độc. Vài chỗ còn dấu chân cạp, beo nhưng vì cuộc khai hoang của dân chúng đợt trước đã động rừng nên các thú dữ đã bỏ đi nơi khác. Thấy rừng quá rậm rạp mà lực lượng khai hoang của gia đình tôi lúc ấy còn yếu quá, tôi định thôi nhưng biết tìm đâu có đất để khai thác bây giờ? Tôi đánh liều đi đến bên cạnh một dòng suối dưới chân đồi và làm một cái chòi bằng cây rừng, lợp lá, ở một mình để khai hoang. Sợ đi, về ăn uống hàng ngày mất thì giờ, tôi bảo vợ con nấu nướng buổi sáng đưa xuống chòi đủ cho tôi ăn một ngày. Tuy vậy, một mình tôi chỉ dùng rựa và búa hạ được những cây nhỏ và vừa. Những cây lớn thì chờ đến ngày thứ bảy, chủ nhật, Trung và Nghĩa ở xã đội về dùng búa và cưa mới hạ nổi, đồng thời thu dọn lá cành đốt cho sạch. Ròng rã hơn một năm trời, ba cha con tôi mới khai hoang lên đến đỉnh đồi. Nơi nào cỏ rác đã sạch sẽ, cha con tôi bỏ giống khoai mì, bắp hoặc đậu phụng (lạc) để có lương thực và bán để lấy tiền mua gạo, mắm muối vì lúc này Xã không còn phát gạo nữa. Có lương thực rồi, cha con tôi tiếp tục khai hoang sườn đồi bên kia. Vừa tiến xuống chừng 30 thước, anh Lê Văn Hiệp, phó ban công an xã cùng một số người dân trong Tổ 5 chặn ngang không cho chúng tôi tiến xuống nữa. Y nói cho tôi biết, y đã dành và cắm mốc ranh giới này từ lâu. Tôi nhận thấy từ ranh y đã chiếm trở xuống là phần đất thoải thoải, ít đá, rất tốt cho việc làm rẫy, nhưng đành chịu. Tôi phải ngừng lại ở đó. Đo lại phần đất mà cha con tôi đã khai thác được là 4 mẫu rưỡi, như thế cũng tạm ổn.

Năm 1980, xã Hoà Bình có trường cấp I. Ninh được Phòng Giáo Dục Huyện cho làm giáo viên cấp I. Vợ nó có trình độ lớp 9 nên được tuyển theo học khoá đào tạo giáo viên cấp tốc cấp I. Sau khi mãn khóa, được về dạy cấp I tại trường Hoà Bình. Năm 1983, trường Hoà Bình có cấp II. Ninh có bằng tú tài từ năm 1974 nên được chuyển lên dạy cấp II.

Thời gian này, công ty cao su Hoà Bình được thành lập trong địa phận xã Hoà Bình, đồng thời chợ Hoà Bình cũng được xây dựng quy củ. Dân chúng các nơi từ ngoài Bắc như Hà Nam Ninh, Hà Tĩnh đổ về Hoà Bình mỗi ngày một đông để tìm việc làm tại công ty cao su hoặc khai hoang làm rẫy. Một số người có vốn liếng thì mở quán buôn bán tạp hoá hoặc thu mua nông sản. Một số người vừa khai hoang vừa mua những miếng đất của dân kinh tế cũ làm ăn thất bại phải bán rẻ. Lúc này, những hộ ngoài mặt đường có giá cao hơn và rất dễ bán. Phần đông số người mới đến đều mua được những lô đất có lợi thế về mặt buôn bán sau này. Nói chung, số người từ ngoài Bắc mới đến, phần đông họ cần cù lao động và chịu ăn uống kham khổ nên chỉ trong vài ba mùa thu mua, nhiều gia đình đã có cuộc sống rất khá giả. Ngược lại, hơn phân nửa dân kinh tế mới ở xã Hoà Bình đến từ lúc đầu dần dần bán hết đất đai rồi bỏ về Biên Hoà và Sài Gòn để kiếm việc khác làm ăn.

Gia đình tôi lúc này cũng tương đối dễ chịu, không lo về mặt lương thực bao nhiêu nữa nên tôi cho hai đứa con trai, Khải và Chính, tiếp tục đi học. Con Trang thì được làm chị nuôi, lo việc đi chợ nấu ăn cho các giáo viên độc thân tại trường Hoà Bình. Trung được xã đội cho đi nghĩa vụ quân sự. Nghĩa được Xã cho làm thư ký kế toán cho Hợp Tác Xã của xã Hoà Bình. Tuy đời sống gia đình tôi lúc này tạm ổn định, vấn đề ăn uống cũng chưa được cải thiện cho lắm. Gia đình tôi và dân chúng làm rẫy lúc này hàng ngày còn phải ăn độn khoai mì hoặc bắp, đồ ăn thì thường là rau muống, mắm ruốc. Ít khi mua nổi thịt, cá trừ khi bắt được heo rừng, chồn, chuột, rắn. Sở dĩ phải ăn uống cực khổ như vậy vì đồng tiền làm ra lúc ấy rất khó, còn phải dành dụm để trang trải các việc khác như mua giống má, sửa sang nhà cửa v.v...

Nhờ có công ty cao su Hoà Bình mới được thành lập ở đây nên khu vực xã Hoà Bình ngày càng phát triển. Người các nơi dorr đến ngày càng đông. Trộm cắp thường xảy ra trong nương rẫy nên gia đình nào trồng được nhiều hoa màu như khoai mì, bắp, đậu, mè gần đến ngày thu hoạch, phải làm lều trông coi rất vất vả. Họ tổ chức, hễ ban đêm nghe thấy tiếng động khả nghi thì cùng nhau đánh keng, đánh chiêng hay thùng thiếc và hò hét gây tiếng động để kẻ trộm hay thú rừng kinh hoàng không dám xâm phạm.

Năm 1986, Trung đi nghĩa vụ về phục viên dẫn theo một người vợ gốc Khơme lai Tàu mà nó mới tự cưới được ở xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tên là Rin, con gái ông Poi Nhót. Có lẽ vì nghèo đói quá nên cả hai bên đều chằm ché cho nhau. Nó được xã cấp cho một ngôi nhà cột gỗ, lợp lá kê nằm trong sào đất thổ cư mà người dân hộ ấy đã bỏ đi về thành phố. Nhà này cũng gần khuôn viên gia đình tôi. Ngoài ra, xã còn cấp cho vợ chồng nó hai sào đất để canh tác. Đây cũng là phần đất khai hoang mà người dân đã bỏ đi.

Hiệp, trưởng nam của tôi học cải tạo từ năm 1975 tại Trà Vinh đã được thả vào đầu năm 1981. Trước khi học cải tạo, nó đã kết hôn với Huỳnh Thị Năm, con gái của ông bà Huỳnh Thái Cầm tại xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian cải tạo, nhờ lui tới thăm nuôi dễ dàng, vợ chồng nó sanh được hai đứa con trai. Sau một năm quản chế tại quê vợ, vợ chồng Hiệp về với gia đình tôi tại ấp 5 xã Hoà Bình này. Khi trở về, đứa con trai lớn của nó không chịu đi theo vì quyến luyến bà ngoại, người đã ôm ấp, ẵm bồng nó từ khi mới lọt lòng. Vợ chồng Hiệp đành gọi lại cho cha mẹ vợ và chỉ dẫn theo đứa con trai thứ nhì.

Tôi cho vợ chồng Hiệp một sào thổ cư trong đó có sẵn 1 cái nhà. Phần đất này là của tôi khi từ ấp 2 trở về ấp 5, được xã cấp phát. Ngôi nhà lợp tranh và cột bằng cây rừng cũng còn tốt, vợ chồng nó chỉ sửa sơ lại vách lá buồn nên cũng có chỗ ở ngay. Về phía chân đồi, ven theo bờ suối cạnh rẫy của tôi còn chừng 2 sào chưa khai thác nên tôi cho vợ chồng nó để trồng trọt hoa màu. Nhờ gần suối có nước tưới, và cũng nhờ cả hai đều tháo vát, siêng năng, vợ chồng Hiệp trồng được rau cải bán kiếm tiền chi phí qua ngày.

Dù các con đã hội tụ về với gia đình và đã có đất đai để canh tác, không còn phải bon

chen, tranh dành như trước nhưng tôi vẫn buồn lo không nguôi. Cuộc sống ở vùng Kinh Tế Mới này khắc nghiệt quá. Tất cả đều dựa trên hoa màu mà mùa màng thì hoàn toàn do may rủi. Năm nào mưa sớm, mưa đều hoặc cơn trùng, cầm thú không phá phách thì cũng tạm qua ngày bằng những chén cơm độn thêm mì, bắp! Bởi thế, làm sao tả cho hết những cơ hàn khi bị thất mùa. Đầu tắt mặt tối quanh năm suốt tháng cũng chẳng có ai mua nổi một bộ quần áo dù chỉ để dài nắng dầm mưa làm rầy mà thôi! Một bộ đồ, sáng làm, chiều giặt phơi đêm để mặc hôm sau là chuyện thường. Có chút bắp, mì ăn là may rồi. Kinh tế mới là thế đây.

Trong cảnh thiếu đói ấy, lúc này Cộng Sản lại đẩy lên phong trào trồng cây công nghiệp như tiêu, điều (còn gọi là đào). Hình như đây là một cách làm cho dân quên đi cảnh khốn cùng của mình bằng viễn tượng no ấm còn mờ mịt ở cuối chân trời. Ai cũng ráng trồng cho được càng nhiều càng tốt, xen kẽ trong những luống bắp, hàng mì.

Hằng ngày đi làm cỏ rác và trông coi 4 mẫu đất, những lúc giải lao, tôi ngồi dưới gốc cây đa cổ thụ bên giòng suối nước trong veo chảy ngoằn ngoèo dưới chân đồi rồi nghĩ đến bố mẹ và quê cũ mà lòng nặng trĩu một niềm thương nhớ. Cây đa này tôi không nhớ chặt dù cành lá của nó che rợp mát một phần đất trồng hoa màu vì tôi nhớ làng Ninh Dương ngày trước cũng có một cây đa cổ thụ to lớn như thế này. Mỗi buổi chiều, hàng đàn cò trắng bay về tổ, đậu trắng cả trên các cành lá.

Tháng 10/1988, Nghĩa kết hôn với Nguyễn Thị Lan, con ông bà Nguyễn Văn Ngữ, buôn bán nhỏ tại chợ xã Hoà Bình. Vợ chồng nó được bố mẹ vợ cho ở một phòng phía sau nhà gần hợp tác xã để tiện việc đi làm hàng ngày. Chẳng biết nó làm ăn ra sao mà tháng 2 /1989 có đợt thanh tra tài chính của huyện Xuyên Mộc thì phát hiện có thâm lạm trên 300 ngàn. Sổ kế toán lượm lượm thì do Nghĩa đảm trách. Hỏi về việc thâm lạm này, bà Tư Trọng, chủ nhiệm HTX, nói là không biết chữ nên sự chi thu tiền bạc là do Nghĩa đảm trách. Thành Nghĩa không chứng minh được rõ ràng trong sổ sách, dầu biết rằng số tiền này bị thất thoát là do khi chi thu không ghi chép đầy đủ rồi lâu ngày quên đi, không biết thất thoát vào khoảng nào. Nó nói là mỗi lần chi thu đều được bà Tư Trọng chấp nhận. Do đó, đoàn thanh tra quy trách nhiệm cho Nghĩa phải bồi thường số tiền này. Có ai ngờ được chuyện oan khiên như tôi 19 năm trước, bây giờ lại tái diễn.

Nghĩa về nhà nói lại cho tôi biết vụ này nhưng lúc này gia đình tôi làm sao có được số tiền ấy! Sợ nó bị tù vì không có tiền bồi thường nên tôi rao bán 3 mẫu đất trong số 4 mẫu rưỡi hiện có. Tôi rao bán hơn hai tháng nhưng chẳng có ai mua. Cũng có vài người đến hỏi nhưng họ đều chê là miếng đất nằm trên sườn đồi dốc quá. Thậm chí, tôi rao bán 3 mẫu đất chỉ cần lấy 2 chỉ vàng nhưng cũng chẳng có ai thèm. Tôi đành phải thế chấp 4 mẫu rưỡi đất để được vay ngân hàng tín dụng xã Hoà Bình 300 ngàn, thời hạn 6 tháng, lãi suất 17%. Tôi đưa hết số tiền này cho Nghĩa để nó bồi thường cho HTX.

Tiền lãi suất tôi chỉ trả được 3 tháng. Đến tháng 8/1989, tiền vay và tiền lãi đã lên gần 600 ngàn đồng. Đến lúc này, tôi hết khả năng trả nợ cho ngân hàng. Và càng để lâu số nợ càng lên cao vì lãi suất ngân hàng quá nặng. Suy đi nghĩ lại chẳng còn biết tìm đâu ra tiền, tôi quyết định đi ra Tiên Yên (Quảng Ninh) để nhờ mấy đứa cháu ruột, con anh Phương, mà tôi biết lúc này các cháu làm ăn khá giả nhờ việc buôn bán ở vùng biên giới Trung Quốc. Tôi hoàn toàn tin tưởng thế nào các cháu cũng cứu giúp cho gia đình tôi phen này. Đây cũng là chuyện công bằng vì trước kia tôi là người cứu giúp bố mẹ chúng rồi sau đó, nuôi nấng hai cháu Xuân và Hiền khi bố mẹ các cháu bị thổ phi sát hại và tôi cũng là người dẫn lối đưa đường cho các cháu đến đất Tiên Yên lập nghiệp mới có ngày nay. Không phải tôi kể công mà sự thật là như thế.

Tôi đến Tiên Yên và gặp các cháu Thái, Xuân, My, Lan, kể lễ sự khốn khó của gia đình tôi trên vùng kinh tế cho các cháu nghe và nhờ sự giúp đỡ bằng cách mỗi đứa cho vay không lãi một chỉ vàng để trả nợ cho ngân hàng tín dụng xã Hoà Bình, sau ba năm gia đình tôi sẽ trả lại

cho các cháu. Tôi nói rõ ràng sự thiếu nợ ngân hàng vì lãi suất quá cao, nếu để lâu không trả được, số nợ sẽ tăng lên thì hết khả năng chi trả, lúc đó có thể bị tù và tịch thu gia sản. Tôi định ninh thế nào các cháu cũng cho vay vì nhận thấy mỗi đứa cho mượn một chỉ vàng thì chẳng ảnh hưởng gì đến số vốn buôn bán của họ. Sở dĩ tôi nghĩ như vậy vì trước khi ra Tiên Yên, tôi có đến Phú Nhuận nói cho cháu Hiền biết. Hiền nói, “năm ngoái có về Tiên Yên để thăm các anh chị nên biết lúc này ai cũng có cửa hiệu buôn bán tạp hoá và đều giàu có” nên tôi vững bụng mới đi.

Thật là nhục nhã, khi tôi kể lễ sự khốn đốn của gia đình tôi cho các cháu nghe mà không đứa nào tỏ lòng thương xót giúp đỡ. Đã thế lại bị Thái nói một câu đạo đức giả, nửa thương xót nửa như đũa khoét :

-Chú già rồi còn đi ra đây thế này, nhờ có gì xảy ra thì biết làm sao ?

Tối hôm ấy tôi ngờ ý cho Thái và Xuân biết, sáng mai tôi sẽ xuống Móng Cáy để tìm đến con chị cả tại làng Ninh Dương cầu cứu giúp đỡ. Một lúc sau, Thái, Xuân và My đến, mỗi đứa cho tôi 100 ngàn để làm tiền lộ phí về Sài Gòn. Sáng sớm hôm sau, Thái đưa tôi ra bến xe đò, bảo tôi ngồi lên phía sau và đưa tôi một vé xe về Hòn Gai. Tôi bảo :

-Tao đi Móng Cáy mà !

Nó nói :

-Chú đi Móng Cáy làm gì, cháu đã mua vé cho chú về Hòn Gai. Từ đây, chú mua vé về Hà Nội rồi về Sài Gòn.

Như vậy, tôi mới hiểu. Chúng nó sợ mình về Móng Cáy sẽ bêu riếu, nói xấu nên Thái mới mua vé xe về Hòn Gai cho mình như thế này. Thật là bọn xỏ lá.

Trên đường về Nam, tôi nghĩ số phận mình thật long đong nên gặp đàn cháu vong ơn bội nghĩa đã tìm cách đũa khoét mình đi cho khuất mắt. Bằng chứng là khi mình ngờ ý về Móng Cáy, không một đứa nào ngờ lời mời mình ở lại chơi ít lâu dù chỉ là một câu nói đãi bôi. Số lộ phí mà chúng bố thí cho mình chỉ là một sự bắt đắc dĩ, nếu không có tiền về thì mình cứ lẩn quẩn ở đây chỉ càng thêm gai mắt chúng nó mà thôi.

Một chuyến đi đường xa điều vợ với tất cả sự tin tưởng nơi đàn cháu ruột nhưng kết quả chỉ là một sự tủi nhục làm tôi càng chán nản và mất hết lòng tin về hai chữ đạo lý của đàn cháu bất nhân. Sau 3 ngày 3 đêm đi xe đò mệt nhọc, tôi về đến nhà khoảng 7 giờ chiều. Cơm nước nghỉ ngơi xong, tôi tụ họp vợ con lại và nói cho biết kết quả chuyến đi ra Bắc cầu viện vừa rồi. Như vậy, số tiền nợ của ngân hàng không còn khả năng trả nên tôi quyết định cho gia đình về Biên Hoà để tìm việc khác làm ăn. Còn 4 mẫu ruộng đã thế chấp cho ngân hàng thì để ngân hàng xử lí. Vợ và các con tôi cũng đành nghe theo, chẳng còn cách nào khác.

Vợ chồng thằng Hiệp vì đói khổ quá chịu không nổi đã chạy về lại quê vợ ở Trà Vinh từ năm ngoái.

Trung đang làm xã đội phó kiêm thống kê và Ninh đang là giáo viên cấp II trường Hoà Bình nên hai người này và vợ con đều phải ở lại.

Ngày 18 tháng 5 năm 1990, tôi đưa vợ và 6 đứa con cùng 2 đứa con dâu về Hiệp Hoà. Đây là một cuộc di cư vô cùng thiếu thốn, không giường, không chiếu. Mười người trong gia đình chỉ mang theo một ít quần áo cũ và mùng mền. Về đến Hiệp Hoà, chúng tôi ở tạm tại nhà bố vợ và nhà chú Năm. Ban đêm thì đem mùng mền ra chia nhau trải xuống nền gạch và hàng hiên ngủ đờ. Lúc này bố vợ, dì ghẻ, chú thím 5 đã mất, chỉ còn bà dì ghẻ thứ 3 tính tình bất thường đối xử với gia đình tôi vô cùng cay nghiệt. Bọn thằng Khải, thằng Chính lơ sơ ý một việc gì thì bà ta chửi rửa thậm tệ. Khi nghe bà ta chửi rửa, tôi cảm thấy xấu hổ và nhục nhã vô cùng nhưng chẳng biết làm sao, đành phải nhịn nhục trong cảnh sa cơ thất thế này.

Sự mưu sinh của gia đình tôi từ ngày ở kinh tế mới về, kể ra thật vất vả. Nhờ thời gian này nhà nước đổi mới chính sách và các con tôi dần lớn khôn nên đã kiếm được việc làm tại

các lò gốm, lò gạch vùng Tân Vạn, Hoà An, tỉnh Đồng Nai. Hơn nữa, nhờ có hai nàng dâu, Nguyễn Thị Lan, vợ của Nghĩa, Lê Thị Huệ, vợ của Khải, rất đảm đang và nhân hậu, biết tôn trọng bố mẹ và gia đình nhà chồng. Mặc dầu số vốn rất ít nhưng hai đứa cũng biết tính toán làm ăn, sắm quang gánh, nồi niêu chén đĩa để bán chè cháo, chịu khó thức khuya dậy sớm và lúc nào cũng tỏ ra vui vẻ, hiền hậu nên được bà con bên ngoại và lối xóm thương mến. Gia đình tôi từ đó được tạm ổn phần nào.

Năm 1993, gia đình tôi được các con gom góp đã xây cất được một căn nhà gạch lợp tôn trong miếng đất thổ cư của chú Năm mà người thừa kế là cậu Hai Lớn thương tình tặng cho. Mặc dầu nhà không được rộng rãi cho lắm nhưng chúng tôi thu vén gọn ghẽ cũng tạm có chỗ ở, không phải chịu cảnh chửi rủa của bà dì ghê thứ ba nữa.

Đầu tháng 3 năm 1994, tôi lên xã Hoà Bình để thăm dò tình hình 4 mẫu rưỡi đất đã thế chấp cho ngân hàng tín dụng ra sao. Trung cho biết, ngân hàng đã tịch thu 3 mẫu đất để trừ vào số tiền nợ. Nó xin ngân hàng mua lại 1 mẫu rưỡi trả trước 300 ngàn, còn lại bao nhiêu trả góp hàng tháng và được ngân hàng chấp nhận. Như vậy, nợ nần với ngân hàng coi như xong. Tôi chỉ tiếc công lao động khai hoang của cha con chúng tôi bao nhiêu năm cực khổ mà chẳng đạt được mục đích gì. Ôi! cũng là số phận.

Đời tôi chỉ là một đời lận đận. Hình như chưa bao giờ tôi có được cơ may. Tình cảm cũng như vật chất thì toàn là những thất bại cay đắng và oan uổng. Mà lòng tôi thì luôn luôn thiết tha đối với mọi người nhưng lại ít khi được đền bù.

Bây giờ tôi chỉ còn một sự an ủi là các con và các con dâu của tôi vẫn giữ được nề nếp gia phong, ăn ở hoà thuận, giúp đỡ lẫn nhau và có hiếu thảo với cha mẹ.

Rút cuộc, chỉ còn một chút quà tặng cho tôi là đấy. Nhỏ nhoi nhưng quý giá vô cùng.

Mùa Xuân 2004

Phạm Khải Tri

